

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHỦ ĐỀ 1: NHẬT BẢN VÀ TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Phân tích được bối cảnh nước Nhật trước năm 1868 để dẫn đến cuộc Duy tân Minh Trị.
- + Trình bày được những cải cách quan trọng của Thiên hoàng Minh Trị.
- + Đánh giá được tính chất và ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Trị đối với lịch sử nước Nhật.
- + Hiểu được vì sao gọi Nhật Bản là đế quốc phong kiến quân phiệt.
- + Hiểu được khái niệm “cải cách”, “cách mạng”, “duy tân”, “nửa thuộc địa nửa phong kiến”.
- + Nêu được nét chính về các phong trào đấu tranh chống đế quốc và phong kiến ở Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- + Đánh giá được trách nhiệm của triều đình phong kiến Mãn Thanh trong việc để Trung Quốc rơi vào tay các nước đế quốc.

❖ Kỹ năng

- + Quan sát tranh ảnh, lược đồ lịch sử để trình bày sự kiện và rút ra được nhận xét, đánh giá.
- + So sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Liên hệ tình hình Nhật Bản, Trung Quốc với Việt Nam cùng thời kì.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

NHẬT BẢN CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

1. NHẬT BẢN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

a. Chính trị

- Quyền lực nằm trong tay Sô-gun (tướng quân).
- Chế độ Mạc phủ lâm vào khủng hoảng.
- Các nước tư bản phương Tây dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải “mở cửa”.

b. Kinh tế

- Nông nghiệp: quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu; mất mùa, đói kém liên tiếp,...
- Công - thương nghiệp: mầm mống của kinh tế TBCN phát triển nhanh chóng,...

c. Xã hội

- Chế độ đẳng cấp vẫn được duy trì.
- Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

⇒ Nhật Bản đứng trước 2 lựa chọn:

- Canh tân đất nước, phát triển theo con đường các nước tư bản phương Tây.
- Tiếp tục duy trì chế độ phong kiến → đối mặt nguy cơ bị các nước đế quốc xâm lược.

2. CUỘC DUY TÂN MINH TRỊ

a. Nguyên nhân

- Giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản lâm vào khủng hoảng.
- Sự nhòm ngó, đe dọa xâm lược của các nước thực dân phương Tây.

⇒ Tháng 1/1868, Thiên hoàng Minh Trị tiến hành cải cách, canh tân đất nước.

- Mục đích

- + Đưa Nhật Bản nhanh chóng thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu.
- + Bảo vệ nền độc lập dân tộc.

b. Nội dung chính

- Chính trị: thủ tiêu chế độ Mạc phủ; thành lập chính phủ mới; thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân; ban hành Hiến pháp 1889.
- Kinh tế: thống nhất tiền tệ, thị trường; cho phép mua bán ruộng đất; phát triển kinh tế TBCN ở nông thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ giao thông liên lạc.
- Quân sự: tổ chức, huấn luyện theo kiểu phương Tây; thực hiện nghĩa vụ quân sự; mời chuyên gia quân sự nước ngoài,...
- Giáo dục: chính sách giáo dục bắt buộc; chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật; cử học sinh giỏi đi du học phương Tây.

c. Kết quả

- Nhật thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây.
- Đưa Nhật trở thành nước tư bản đầu tiên ở châu Á.

d. Tính chất

- Mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản nhưng chưa triệt để.

3. NHẬT TIẾN LÊN GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

a. Thời gian:

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

b. Biểu hiện

- Xuất hiện các công ti độc quyền chi phối, lũng đoạn đời sống kinh tế - chính trị.
- Tiến hành chiến tranh xâm lược và bành trướng lãnh thổ.

c. Đặc điểm

- Chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.

TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

1. TRUNG QUỐC BỊ CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC XÂM LƯỢC

a. NGUYÊN NHÂN

- Thế kỉ XVIII - XIX, kinh tế TBCN ở các nước phương Tây phát triển mạnh mẽ, nhu cầu về nguyên liệu, thị trường và nhân công đặt ra cấp thiết → tăng cường việc xâm chiếm thuộc địa.

- Trung Quốc là “miếng mồi ngon” cho các nước đế quốc, vì:

- + Có vị trí chiến lược quan trọng.
- + Giàu tài nguyên, nhân công dồi dào.
- + Thị trường tiêu thụ rộng.

→ Đáp ứng nhu cầu phát triển nền kinh tế TBCN của các nước đế quốc.

- Chế độ phong kiến Mãn Thanh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

b. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC

- Các đế quốc, đứng đầu là Anh, dùng mọi thủ đoạn ép chính quyền Mãn Thanh phải “mở cửa”.
- Anh thực hiện “Chiến tranh thuốc phiện” (tháng 6/1840 - tháng 8/1842), mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc.

→ Thất bại trong chiến tranh thuốc phiện, nhà Thanh phải kí Hiệp ước Nam Kinh.

- Sau thực dân Anh, các nước đế quốc khác đua nhau xâm lược Trung Quốc

- + Đức chiếm Sơn Đông.
- + Anh chiếm châu thổ sông Dương Tử.
- + Pháp chiếm Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông.
- + Nga, Nhật chiếm vùng Đông Bắc.

c. HẬU QUẢ

- Biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.
- Mâu thuẫn giữa nhân dân Trung Quốc với các nước đế quốc sâu sắc → bùng nổ nhiều phong trào đấu tranh.

2. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC (GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

	Thái Bình Thiên Quốc (1851 - 1804)	Duy tân Mậu Tuất (1898)	Nghĩa Hòa đoàn (1900 - 1901)
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn	Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu.	
Địa bàn	Từ Kim Điền (Quảng Tây) lan rộng khắp cả nước.		Từ Sơn Đông lan ra Trực Lệ, Sơn Tây, tấn công sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.
Lực lượng tham gia	Nông dân.	Quan lại, sĩ phu tiến bộ, được vua Quang Tự ủng hộ.	Nông dân.
Kết quả	Triều đình Mãn Thanh cầu kết với các nước đế quốc đàn áp → thất bại.	Bị phái thủ cựu (do Từ Hi Thái hậu cầm đầu) đàn áp → thất bại sau 100 ngày.	Bị liên quân 8 nước tấn công. → thất bại.
Tính chất	Khởi nghĩa nông dân chống đế quốc và phong kiến.	Cải cách theo khuynh hướng dân chủ tư sản.	Khởi nghĩa nông dân chống đế quốc.

3. TÔN TRUNG SƠN VÀ CÁCH MẠNG TÂN HỘI (1911)

a. TÔN TRUNG SƠN VÀ TỔ CHỨC TRUNG QUỐC ĐỒNG MINH HỘI

- Đôi nét về Tôn Trung Sơn

- + Sinh năm 1866 trong một gia đình nông dân ở tỉnh Quảng Đông.
- + Đi nhiều nước trên thế giới, có điều kiện tiếp xúc với tư tưởng dân chủ Âu - Mỹ một cách có hệ thống.
- + Sớm nảy nở tư tưởng cách mạng, lật đổ triều Thanh, xây dựng xã hội mới → trở thành đại diện ưu tú và lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc.



- Tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội

- + Do Tôn Trung Sơn thành lập vào tháng 8/1905.
- + Cương lĩnh chính trị: theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.
- + Mục tiêu: lật đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa; thành lập Dân quốc, thực hiện bình đẳng về ruộng đất.



Hội kì của Đồng minh hội

- + Lực lượng tham gia: trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh.

b. CÁCH MẠNG TÂN HỘI (1911)

- Nguyên nhân

- + Nhân dân Trung Quốc mâu thuẫn với đế quốc, phong kiến.
- + Nhà Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho đế quốc →

bán rẻ quyền lợi dân tộc.

- Lãnh đạo

- + Đồng minh hội do Tôn Trung Sơn đứng đầu.

- Diễn biến chính

- + Khởi nghĩa bùng nổ ở Vũ Xương (10/10/1911), → lan rộng khắp miền Nam, miền Trung.

+ 29/12/1911, Trung Hoa Dân quốc được thành lập, do Tôn Trung Sơn làm Tổng thống lâm thời.

- + Một số lãnh đạo Đồng minh hội thỏa hiệp với nhà Thanh → Viên Thế Khải làm Tổng thống (6/2/1911). Cách mạng chấm dứt.

- Ý nghĩa

- + Chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế.
- + Mở đường cho CNTB phát triển.
- + Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

- Tính chất

- + Cách mạng tư sản không triệt để.

- Hạn chế

- + Không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến.
- + Không đụng chạm đến các đế quốc xâm lược.
- + Chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.



II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Từ thế kỉ XIX, nền nông nghiệp ở Nhật Bản dựa trên cơ sở

- A. quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu.
- B. kinh tế tự cấp, tự túc.
- C. ruộng đất và điền trang.
- D. địa chủ bóc lột nông dân.

Câu 2: Từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868, đặc điểm bao trùm của nền kinh tế Nhật Bản là gì?

- A. Nông nghiệp lạc hậu.
- B. Công nghiệp phát triển.
- C. Thương mại hàng hóa phát triển.
- D. Sản xuất quy mô lớn.

Câu 3: Từ thế kỉ XIX, ở Nhật Bản, hình thức kinh tế nào xuất hiện ngày càng nhiều?

- A. Kinh tế hàng hóa.
- B. Công trường thủ công.
- C. Kinh tế công thương.
- D. Công nghiệp nặng.

Câu 4: Dưới chế độ Mạc phủ, mầm mống kinh tế nào phát triển nhanh chóng?

- A. Phong kiến.
- B. Nông nghiệp.
- C. Tư bản chủ nghĩa.
- D. Công nghiệp.

Câu 5: Ý nào **không** phản ánh đúng nét mới của nền kinh tế Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Công trường thủ công xuất hiện ngày càng nhiều.
- B. Kinh tế hàng hóa phát triển mạnh.
- C. Tư bản nước ngoài đầu tư nhiều ở Nhật Bản.
- D. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

Câu 6: Ý nào **không** phản ánh đúng tình hình kinh tế của Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Nền nông nghiệp vẫn dựa trên quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu.
- B. Công trường thủ công xuất hiện ngày càng nhiều.
- C. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng.
- D. Sản xuất công nghiệp theo dây chuyền chuyên môn hóa.

Câu 7: Từ thế kỉ XIX, tầng lớp nào ở Nhật Bản không có quyền lực về chính trị?

- A. Tư sản công nghiệp
- B. Tư sản mại bản.
- C. Tư sản công thương
- D. Thợ thủ công.

Câu 8: Trong xã hội phong kiến ở Nhật Bản giữa thế kỉ XIX, đối tượng bị bóc lột chủ yếu của chế độ phong kiến là

- A. tư sản.
- B. công nhân.
- C. thợ thủ công.
- D. nông dân.

Câu 9: Nội dung nào là đặc điểm nổi bật của xã hội Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868?

- A. Nhiều đảng phái ra đời.
- B. Tư sản công thương nắm quyền lực kinh tế và chính trị.
- C. Chế độ đẳng cấp vẫn được duy trì.
- D. Nông dân là lực lượng chủ yếu chống chế độ phong kiến.

Câu 10: Từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868, tầng lớp nào trong xã hội Nhật Bản đã dần bị tư sản hóa?

- A. Đại-my-ô (quý tộc phong kiến lớn).
- B. Sa-mu-rai (võ sĩ).
- C. Quý tộc.
- D. Địa chủ vừa và nhỏ.

Câu 11: Phong trào đấu tranh chống Sô-gun diễn ra sôi nổi vào

- A. những năm 60 của thế kỉ XIX.
- B. những năm 70 của thế kỉ XX.
- C. giữa thế kỉ XIX.
- D. đầu thế kỉ XX.

Câu 12: Cuộc cải cách Minh Trị (1868) được gọi là gì?

- A. Cuộc cách mạng Minh Trị.
- B. Cuộc Duy tân Minh Trị.
- C. Cuộc canh tân Minh Trị
- D. Cuộc đổi mới Minh Trị.

Câu 13: Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản diễn ra trong bối cảnh nào?

- A. Chế độ Mạc phủ do Sô-gun (Tướng quân) đứng đầu thực hiện những cải cách quan trọng.
- B. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa được tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ ở Nhật Bản.
- C. Các nước tư bản phương Tây được tự do trao đổi buôn bán hàng hóa ở Nhật.
- D. Xã hội phong kiến Nhật Bản lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

Câu 14: Minh Trị là hiệu của vua

- A. Mút-xu-hi-tô.
- B. Sat-su-ma.
- C. Ko-mây.
- D. Tô-ku-ga-oa.

Câu 15: Nguyên nhân trực tiếp để Thiên hoàng Minh Trị quyết định thực hiện một loạt cải cách là

- A. do đề nghị của các đại thần.
- B. muốn thể hiện quyền lực sau khi lên ngôi.
- C. chế độ Mạc phủ đã sụp đổ.
- D. đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Câu 16: Tháng 1/1868, một sự kiện quan trọng đã diễn ra ở Nhật Bản là

- A. chế độ Mạc phủ sụp đổ.
- B. Thiên hoàng Minh Trị lên ngôi.
- C. Nhật Bản kí hiệp ước mở cửa cho Mĩ vào buôn bán.
- D. Cuộc Duy tân Minh Trị bắt đầu.

Câu 17: Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến, quyền hành thực tế thuộc về:

- A. Thiên hoàng.
- B. Tướng quân (thuộc dòng họ Tô-ku-ga-ôa).
- C. lãnh chúa phong kiến.
- D. giai cấp tư sản.

Câu 18: Cho các sự kiện:

1. Chiến tranh Trung - Nhật bùng nổ và kết thúc.
2. Chiến tranh Nga - Nhật bùng nổ và kết thúc.
3. Chiến tranh Đai Loan và Nhật Bản.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian.

- A. 2 - 3 - 1.
- B. 2 - 1 - 3.
- C. 3 - 2 - 1.
- D. 3 - 1 - 2.

Câu 19: Mục đích chính của Thiên hoàng Minh Trị khi tiến hành các cuộc cải cách là gì?

- A. Đưa Nhật Bản phát triển mạnh như các nước phương Tây.
- B. Đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu.
- C. Biến Nhật Bản thành một cường quốc ở châu Á.
- D. Giúp Nhật Bản thoát khỏi tình trạng bị lệ thuộc vào phương Tây.

Câu 20: Trong cải cách về chính trị của Thiên hoàng Minh Trị, giai cấp nào được đề cao?

- A. Tư sản.
- B. Quý tộc.
- C. Địa chủ.
- D. Quý tộc tư sản hóa.

Câu 21: Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Nhật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã tạo nên sức mạnh trong lĩnh vực nào để giới cầm quyền thi hành chính sách xâm lược và bành trướng?

- A. Quân sự, chính trị.
- B. Kinh tế và quốc phòng.
- C. Kinh tế, chính trị và quân sự.
- D. Quốc phòng và an ninh quốc gia.

Câu 22: Chế độ Mạc phủ ở Nhật lâm vào khủng hoảng, suy yếu vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ XVIII.
- B. Cuối thế kỉ XIX.
- C. Đầu thế kỉ XIX.
- D. Giữa thế kỉ XIX.

Câu 23: Để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng toàn diện của đất nước vào giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản đã

- A. duy trì chế độ phong kiến.
- B. tiến hành những cải cách tiến bộ.
- C. nhờ sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây.
- D. thiết lập chế độ Mạc phủ mới.

Câu 24: Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã sử dụng chính sách hay biện pháp gì để ép Nhật Bản phải “mở cửa”?

- A. Đàm phán ngoại giao.
- B. Áp lực quân sự.
- C. Tấn công xâm lược.
- D. Phá hoại kinh tế.

Câu 25: Ngoài Mĩ, còn những đế quốc nào bắt Nhật kí hiệp ước bất bình đẳng?

- A. Anh, Pháp, Nga, Hà Lan.
- B. Anh, Pháp, Đức, Áo.
- C. Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc.
- D. Anh, Pháp, Nga, Đức.

Câu 26: Người đứng đầu chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản được gọi là

A. Thiên hoàng.

B. Sô - gun (Tướng quân).

C. Nữ hoàng.

D. Vua.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng nhất về tình hình xã hội Nhật Bản giữa thế kỉ XIX?

A. Xã hội ổn định.

B. Tồn tại nhiều mâu thuẫn.

C. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với lãnh chúa phong kiến.

D. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

Câu 28: Những mâu thuẫn gay gắt về kinh tế, chính trị, xã hội ở Nhật Bản vào giữa thế kỉ XIX là do

A. sự tồn tại và kìm hãm của chế độ phong kiến Mạc phủ.

B. áp lực quân sự ép “mở cửa” của các nước phương Tây.

C. sự chống đối của giai cấp tư sản đối với chế độ phong kiến.

D. làn sóng phản đối và đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân.

Câu 29: Ai là người tiến hành cuộc Duy tân ở Nhật?

A. Tướng quân.

B. Thiên hoàng.

C. Tư sản công nghiệp.

D. Quý tộc tư sản hóa.

Câu 30: Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị được tiến hành trên các lĩnh vực nào?

A. Chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao.

B. Chính trị, kinh tế, quân sự, giáo dục.

C. Chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục.

D. Kinh tế, quân sự, giáo dục và ngoại giao.

Câu 31: Trong Hiến pháp mới năm 1889 của Nhật, thể chế mới là

A. cộng hòa.

B. quân chủ chuyên chế.

C. quân chủ lập hiến.

D. liên bang.

Câu 32: Ý nào sau đây **không** phải là chính sách cải cách về kinh tế trong cuộc Duy tân Minh Trị?

A. Thống nhất tiền tệ, thị trường.

B. Xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông liên lạc.

C. Kêu gọi nước ngoài đầu tư vào Nhật Bản.

D. Nhà nước nắm giữ một số công ti độc quyền trọng yếu.

Câu 33: Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX, tình hình Nhật Bản như thế nào?

A. Chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng.

B. Xuất hiện các công ty độc quyền.

C. Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.

D. Phong trào đấu tranh chống chế độ Mạc phủ diễn ra mạnh mẽ.

Câu 34: Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XIX.

B. Giữa thế kỉ XIX.

C. Đầu thế kỉ XX.

D. Đầu thế kỉ XIX.

Câu 35: Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản là một quốc gia

A. phong kiến quân phiệt.

B. công nghiệp phát triển.

C. phong kiến trì trệ, bảo thủ.

D. tư bản chủ nghĩa.

Câu 36: Vì sao cuối thế kỉ XIX, các nước ở châu Á đều bị phương Tây xâm lược, đô hộ nhưng Nhật Bản lại thoát khỏi số phận ấy?

A. Nhật Bản là vùng đất không giàu tài nguyên thiên nhiên.

B. Nhật Bản đã tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị.

C. Nhật Bản là nước thân phương Tây từ lâu.

D. Nhật Bản từ lâu đã là đế quốc.

Câu 37: Lực lượng có đủ khả năng lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế ở Nhật Bản (giữa thế kỉ XIX) là

A. nông dân.

B. tư sản.

C. công nhân.

D. quý tộc.

Câu 38: Vì sao các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải “mở cửa”?

A. Vì chế độ Mạc phủ rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng.

B. Vì Mĩ và phương Tây đang cần thị trường ở Nhật Bản.

C. Vì số phận của Nhật Bản cũng giống như các nước châu Á khác.

D. Vì Nhật Bản không có điều kiện làm cách mạng tư sản.

Câu 39: Cuộc cải cách Minh Trị (1868) không chỉ đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược mà còn

A. đưa Nhật Bản trở thành nước tư bản chủ nghĩa ở châu Á.

B. làm cho nước Nhật ngày càng giàu có.

C. đưa nước Nhật sánh vai cùng các nước phương Tây.

D. đưa nước Nhật trở thành cường quốc trên thế giới.

Câu 40: Để xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hòa nhập với nền kinh tế tư bản phương Tây, cuộc cải cách Minh Trị đã tuyên bố

A. xóa bỏ chế độ phong kiến lạc hậu.

B. thành lập một nhà nước phong kiến mới.

C. thủ tiêu chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới.

D. thủ tiêu chế độ Mạc phủ, thành lập chế độ cộng hòa.

Câu 41: Ý nào **không** phản ánh đúng chính sách cải cách về quân sự trong cuộc Duy tân Minh Trị?

A. Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây.

B. Thực hiện chế độ nghĩa vụ thay thế cho chế độ trưng binh.

C. Mua vũ khí của phương Tây để hiện đại hóa quân đội.

D. Nhà nước nắm giữ ngành đóng tàu, sản xuất vũ khí.

Câu 42: Phong trào đấu tranh chống Sô-gun nổ ra sôi nổi vào những năm 60 của thế kỉ XIX đã làm sụp đổ chế độ Mạc phủ. Đó là

A. nội dung của cải cách Minh Trị.

B. ý nghĩa của cải cách Minh Trị.

C. nguyên nhân của cải cách Minh Trị.

D. mục đích của cải cách Minh Trị.

Câu 43: Cải cách Minh Trị đã mang lại kết quả gì cho Nhật Bản?

A. Trở thành một nước đế quốc.

B. Trở thành nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên ở châu Á.

C. Xóa bỏ chế độ phong kiến.

D. Làm cho nước Nhật giàu có nhanh chóng.

Câu 44: Ý nào thể hiện tính chất tiến bộ của những cải cách do Thiên hoàng Minh Trị khởi xướng?

A. Giải quyết những vấn đề cấp thiết đặt ra với nước Nhật cuối thế kỉ XIX.

B. Tập trung vào vấn đề phát triển đất nước hoàn toàn theo mô hình phương Tây.

C. Tiếp nối những giá trị lâu đời của nước Nhật.

D. Thực hiện quyền dân chủ cho các tầng lớp nhân dân.

Câu 45: Điểm tiến bộ nhất trong cải cách về chính trị ở Nhật Bản năm 1868 là

A. thực hiện chính sách hòa hợp giữa các dân tộc. B. xác định vai trò làm chủ của nhân dân lao động

C. thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân. D. thủ tiêu hoàn toàn chế độ người bóc lột người.

Câu 46: Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa gắn liền với các cuộc chiến tranh xâm lược

A. Đài Loan, Trung Quốc, Pháp.

B. Đài Loan, Nga, Mĩ.

C. Nga, Đức, Trung Quốc.

D. Đài Loan, Trung Quốc, Nga.

Câu 47: Tại sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách?

A. Để duy trì chế độ phong kiến.

B. Để thoát khỏi nước phong kiến lạc hậu.

C. Để tiêu diệt Tướng quân.

D. Để bảo vệ quyền lợi quý tộc phong kiến.

Câu 48: Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản?

A. Có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

B. Đưa Nhật Bản phát triển theo con đường của các nước tư bản phương Tây.

C. Đưa Nhật Bản trở thành một nước đế quốc duy nhất ở châu Á.

D. Xóa bỏ chế độ quân chủ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Câu 49: Yếu tố nào đã đưa đến sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng ở Nhật Bản trong khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX?

A. Quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy.

B. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa.

C. Sự cạnh tranh gay gắt của các công ti tư bản độc quyền.

D. Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 50: Sức mạnh của các công ti độc quyền ở Nhật Bản được thể hiện như thế nào?

A. Có nguồn vốn lớn để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

B. Có khả năng chi phối, lũng đoạn nền kinh tế, chính trị của đất nước.

C. Xuất khẩu tư bản ra nước ngoài để kiếm lời.

D. Chiếm ưu thế cạnh tranh với các công ti độc quyền của nước ngoài.

Câu 51: Chính sách đối ngoại nhất quán của Nhật Bản cuối thế kỉ XIX là

A. hữu nghị và hợp tác.

B. thân thiện và hòa bình.

C. đối đầu và gây chiến tranh.

D. xâm lược và bành trướng.

Câu 52: Yếu tố nào tạo điều kiện cho giới cầm quyền Nhật Bản có thể thực hiện được chính sách đối ngoại cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Thực hiện chính sách ngoại giao thân thiện với phương Tây.

B. Có tiềm lực về kinh tế, chính trị và quân sự.

C. Các công ti độc quyền hậu thuẫn về tài chính.

D. Sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân.

Câu 53: Việc tiến hành một loạt các cuộc chiến tranh xâm lược vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã chứng tỏ

A. Nhật Bản đủ sức cạnh tranh với các cường quốc lớn.

B. Thiên hoàng Minh Trị là một vị tướng cầm quân giỏi.

C. cải cách Minh Trị giành thắng lợi hoàn toàn.

D. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Câu 54: Yếu tố nào chi phối làm cho đế quốc Nhật Bản mang đặc điểm là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt?

A. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì chế độ phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh kinh tế.

B. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh kinh tế.

C. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì chế độ phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh quân sự.

D. Vừa tiến lên tư bản chủ nghĩa, vừa duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, chủ trương xây dựng nước Nhật bằng sức mạnh quân sự.

Câu 55: Các tổ chức nghiệp đoàn ở Nhật Bản được thành lập dựa trên cơ sở nào?

A. Sự phát triển của phong trào công nhân.

B. Sự đấu tranh của nông dân.

C. Sự ủng hộ của tầng lớp trí thức.

D. Sự cho phép của Chính phủ Nhật Bản.

Câu 56: Việc thành lập các tổ chức nghiệp đoàn ở Nhật Bản cuối thế kỉ XIX là kết quả của phong trào

A. nông dân.

B. tiểu tư sản.

C. học sinh, sinh viên.

D. công nhân.

Câu 57: Điểm khác biệt của xã hội phong kiến Nhật Bản so với xã hội phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

A. mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện trong nông nghiệp.

B. mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng.

C. sự tồn tại nhiều thương điểm buôn bán của các nước phương Tây.

D. kinh tế hàng hóa phát triển, công trường thủ công xuất hiện.

Câu 58: Việt Nam có thể học tập bài học kinh nghiệm nào từ cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản để vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

A. Xóa bỏ tư tưởng cũ, học hỏi các thành tựu tiên bộ của thế giới.

B. Dựa vào sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân.

C. Tiếp nhận, học hỏi cái tiên bộ của thế giới, thay đổi cái cũ cho phù hợp với điều kiện hiện nay của đất nước.

D. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.

Câu 59: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Nhật là gì?

A. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.

B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.

C. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.

D. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.

Câu 60: Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong cải cách của Minh Trị trên lĩnh vực quân sự?

A. Công nghiệp đóng tàu chiến lược được chú trọng phát triển.

B. Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây.

C. Chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ ngũ binh ư nông.

D. Tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài.

Câu 61: Tháng 1/1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiên bộ nhằm

- A. đưa Nhật Bản ngang tầm với Tây Âu.
B. xóa bỏ toàn bộ chế độ phong kiến lâu đời ở Nhật Bản.
C. tạo điều kiện cho kinh tế Nhật Bản phát triển.
D. đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu.
- Câu 62:** Duy tân Minh Trị mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản không triệt để, vì
A. giai cấp tư sản chưa thật sự nắm quyền. B. nông dân không được phép mua bán ruộng đất
C. quyền lực nằm trong tay quý tộc và tư sản. D. chưa xóa bỏ những bất bình đẳng với đế quốc.
- Câu 63:** Cuộc cải cách Minh Trị (1868) ở Nhật Bản được đánh giá là
A. một cuộc cải cách lớn nhất ở Nhật Bản. B. một cuộc cách mạng tư sản.
C. một cuộc cách mạng cung đình. D. một cuộc canh tân đất nước.
- Câu 64:** Thế kỉ XIX trong lịch sử Nhật Bản và các nước châu Á được gọi là
A. thế kỉ phi thực dân hóa. B. thế kỉ thực dân hóa.
C. thế kỉ xâm lược. D. thế kỉ đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Câu 65:** Ý nào sau đây **không** phải là nội dung của cuộc Duy tân Minh Trị?
A. Thủ tiêu chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới.
B. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân.
C. Cử những học sinh giỏi đi học ở phương Tây.
D. Xóa bỏ chế độ nô lệ vì nợ.
- Câu 66:** Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt, vì
A. tiến lên chủ nghĩa tư bản nhưng giai cấp phong kiến vẫn còn nắm chính quyền.
B. tầng lớp Samurai có ưu thế chính trị và chủ trương xây dựng Nhật Bản bằng sức mạnh quân sự.
C. tiến lên chủ nghĩa tư bản nhưng quyền lực vẫn do tầng lớp quý tộc tư sản hóa nắm.
D. tầng lớp quý tộc Samurai có quyền lực tuyệt đối trong bộ máy nhà nước.
- Câu 67:** Từ giữa thế kỉ XIX, Trung Quốc dưới sự cai trị của triều đình
A. Minh. B. Mãn Thanh. C. Đường. D. Tống.
- Câu 68:** Ngày 1/1/1851 nổ ra cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu ở Trung Quốc?
A. Hồng Tú Toàn. B. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.
C. Thái bình Thiên quốc. D. Nghĩa Hòa đoàn.
- Câu 69:** Cuộc chiến tranh thuốc phiện do thực dân Anh gây ra ở Trung Quốc vào thời gian nào?
A. Từ tháng 6/1840 đến tháng 7/1842. B. Từ tháng 8/1840 đến tháng 6/1842.
C. Từ tháng 6/1840 đến tháng 8/1842. D. Từ tháng 6/1840 đến tháng 6/1842.
- Câu 70:** Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc do ai lãnh đạo?
A. Khang Hữu Vi. B. Tôn Trung Sơn. C. Lương Khải Siêu. D. Hồng Tú Toàn.
- Câu 71:** Ngày 19/7/1864 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Trung Quốc?
A. Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc bị thất bại.
B. Cuộc vận động Duy Tân của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.
C. Từ Hi Thái Hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự.
D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân chống đế quốc diễn ra ở miền Bắc Trung Quốc.
- Câu 72:** Đến cuối thế kỉ XIX, Đức xâm chiếm vùng nào ở Trung Quốc?

A. Vùng Sơn Đông. B. Vùng châu thổ sông Dương Tử.

C. Vùng Đông Bắc. D. Thành phố Bắc Kinh.

Câu 73: Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc kéo dài bao nhiêu năm?

A. 20 năm. B. 14 năm. C. 15 năm. D. 24 năm.

Câu 74: Hiệp ước Nam Kinh (1842) mà chính quyền Mãn Thanh kí với thực dân Anh đã đưa đến hậu quả gì ở Trung Quốc?

A. Biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa của thực dân Anh.

B. Mở đầu cho quá trình biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa.

C. Biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa của thực dân Anh và các nước phương Tây.

D. Biến Trung Quốc thành một nước phụ thuộc Anh.

Câu 75: Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc nổ ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 1/1/1851, ở Quảng Tây (Trung Quốc).

B. Ngày 11/1/1851, ở Quảng Đông (Trung Quốc).

C. Ngày 11/1/1851, ở Thiên Kinh (Trung Quốc).

D. Ngày 1/1/1851, ở Thiên Kinh (Trung Quốc).

Câu 76: Ai là người ủng hộ cuộc vận động Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc?

A. Hồng Tú Toàn. B. Tôn Trung Sơn. C. Vua Quang Tự. D. Từ Hi Thái Hậu.

Câu 77: Phong trào Nghĩa Hòa đoàn bùng nổ ở vùng nào của Trung Quốc?

A. Sơn Đông. B. Nam Kinh. C. Sơn Tây. D. Bắc Kinh.

Câu 78: Mục tiêu đấu tranh của phong trào Nghĩa Hòa đoàn ở Trung Quốc là

A. chống triều đình phong kiến Mãn Thanh.

B. chống sự xâm lược của các nước đế quốc.

C. chống lại Từ Hi Thái Hậu vì ra lệnh bắt vua Quang Tự.

D. chống lại các thế lực phong kiến cát cứ ở Trung Quốc.

Câu 79: Giai cấp tư sản Trung Quốc đã ra đời và lớn mạnh lên vào thời gian nào?

A. Ra đời vào cuối thế kỉ XVIII và lớn mạnh vào đầu thế kỉ XIX.

B. Ra đời vào cuối thế kỉ XIX và lớn mạnh vào đầu thế kỉ XX.

C. Ra đời vào đầu thế kỉ XX và lớn mạnh vào giữa thế kỉ XX.

D. Ra đời vào giữa thế kỉ XX và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XX.

Câu 80: Khi giai cấp tư sản ở Trung Quốc ra đời và lớn mạnh lên, họ bị chèn ép bởi thế lực nào?

A. Chế độ phong kiến Mãn Thanh.

B. Quý tộc mới và triều đình phong kiến Mãn Thanh.

C. Tư bản nước ngoài và triều đình phong kiến Mãn Thanh.

D. Tư bản nước ngoài.

Câu 81: Ai là người lãnh đạo của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc?

A. Khang Hữu Vi. B. Mao Trạch Đông. C. Lương Khải Siêu. D. Tôn Trung Sơn.

Câu 82: Học thuyết Tam dân ở Trung Quốc nêu rõ điều gì?

A. “Đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền”.

B. “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”.

C. “Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình”.

D. “Dân tộc độc lập, dân quyền hạnh phúc, dân sinh tự do”.

Câu 83: Trung Quốc Đồng minh hội ra đời vào thời gian nào?

A. Tháng 8/1905.

B. Tháng 9/1905.

C. Tháng 10/1905.

D. Tháng 11/1905.

Câu 84: Chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời vào năm 1905 có tên gọi là

A. Đảng Dân chủ tư sản Trung Quốc.

B. Đảng Dân chủ tư sản kiểu mới ở Trung Quốc.

C. Trung Quốc Đồng minh hội.

D. Trung Quốc Liên minh hội.

Câu 85: Cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã thực hiện những nhiệm vụ gì?

A. Lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

B. Lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

C. Đánh đuổi đế quốc xâm lược.

D. Lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, giải quyết ruộng đất cho nông dân.

Câu 86: Cách mạng Tân Hợi năm 1911 được đánh giá là một cuộc cách mạng

A. dân chủ tư sản.

B. dân chủ tư sản kiểu mới.

C. vô sản.

D. dân chủ tư sản chưa triệt để.

Câu 87: Hạn chế của cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 là

A. chưa đánh đuổi đế quốc xâm lược.

B. chưa thủ tiêu hoàn toàn chế độ phong kiến, chưa đánh đuổi đế quốc xâm lược, chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

C. chưa tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

D. chưa thủ tiêu hoàn toàn chế độ phong kiến, chưa đánh đuổi đế quốc xâm lược, giai cấp tư sản chưa thật sự nắm quyền.

Câu 88: Ý nghĩa cơ bản nhất của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc là

A. cuộc cách mạng tư sản đầu tiên nổ ra ở Trung Quốc.

B. cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, lập chế độ cộng hòa.

C. mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.

D. ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

Câu 89: Điểm nào dưới đây là ý cơ bản nhất để chứng tỏ Cách mạng Tân Hợi (1911) là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

A. Không nêu vấn đề đánh đổ đế quốc và không tích cực chống phong kiến.

B. Chưa đụng chạm đến giai cấp địa chủ phong kiến.

C. Không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. Không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn của một xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 90: Từ thế kỉ XVIII, nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc đứng trước nguy cơ trở thành

A. “sân sau” của các đế quốc.

B. “ván bài” trao đổi giữa các đế quốc.

C. “quân cờ” cho các đế quốc điều khiển.

- D.** “miếng mồi ngon” cho các đế quốc xâm xé, phân chia.
- Câu 91:** Yếu tố nào giúp các đế quốc xâm xé được Trung Quốc?
- A.** Phong trào bãi công của công nhân lan rộng khắp cả nước.
 - B.** Phong trào nông dân chống phong kiến bùng nổ.
 - C.** Thái độ thỏa hiệp của triều đình Mãn Thanh.
 - D.** Thái độ thỏa hiệp của giai cấp tư sản.
- Câu 92:** Phong trào đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân Trung Quốc bắt đầu từ
- A.** đầu thế kỉ XIX.
 - B.** giữa thế kỉ XIX.
 - C.** cuối thế kỉ XIX.
 - D.** đầu thế kỉ XX.
- Câu 93:** Chiến tranh thuốc phiện 1840 - 1842 là cuộc chiến tranh giữa
- A.** Anh và Pháp.
 - B.** Đức và Trung Quốc.
 - C.** Anh và Trung Quốc.
 - D.** Pháp và Trung Quốc.
- Câu 94:** Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên Quốc là
- A.** xây dựng được chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh).
 - B.** Buộc các đế quốc phải thu hẹp vùng chiếm đóng.
 - C.** Mở rộng căn cứ khởi nghĩa ra khắp cả nước.
 - D.** Xóa bỏ sự tồn tại của chế độ phong kiến.
- Câu 95:** Chính sách tiến bộ nhất của chính quyền Trung ương Thiên Kinh (Nam Kinh) là
- A.** thực hiện các quyền tự do dân chủ.
 - B.** xóa bỏ mọi loại thuế khóa cho nhân dân.
 - C.** xóa bỏ sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến.
 - D.** thực hiện chính sách bình quân ruộng đất, bình quyền nam nữ.
- Câu 96:** Mục đích chính của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là
- A.** đưa Trung Quốc phát triển, thoát khỏi tình trạng bị các đế quốc xâm xé.
 - B.** thực hiện những cải cách tiến bộ để cải thiện đời sống nhân dân.
 - C.** đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc ở châu Á.
 - D.** khẳng định vai trò của quan lại, sĩ phu tiến bộ.
- Câu 97:** Cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc phát triển chủ yếu trong lực lượng nào?
- A.** Đồng đảo nhân dân.
 - B.** Tầng lớp công nhân.
 - C.** Giai cấp địa chủ phong kiến.
 - D.** Tầng lớp quan lại, sĩ phu có tư tưởng tiên tiến.
- Câu 98:** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự thất bại nhanh chóng của cuộc vận động Duy tân ở Trung Quốc là
- A.** không dựa vào nhân dân.
 - B.** chưa được chuẩn bị kĩ về mọi mặt.
 - C.** sự chống đối, đàn áp của phái thủ cựu do Từ Hi Thái Hậu đứng đầu.
 - D.** những người lãnh đạo chưa có kinh nghiệm.
- Câu 99:** Phong trào Nghĩa Hòa đoàn nhằm mục tiêu
- A.** tấn công sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.
 - B.** tấn công trụ sở của chính quyền phong kiến Mãn Thanh.
 - C.** tấn công tô giới của các đế quốc tại Trung Quốc.
 - D.** đánh đuổi đế quốc khỏi Trung Quốc.

Câu 100: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến thất bại của phong trào Nghĩa Hòa đoàn là

- A. bị liên quân 8 nước đàn áp.
- B. không nhận được sự ủng hộ của nhân dân.
- C. bị triều đình Mãn Thanh bắt tay với các đế quốc cùng đàn áp.
- D. thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí.

Câu 101: Nội dung chính của Điều ước Tân Sửu (1901) là

- A. nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước chiếm đóng Bắc Kinh.
- B. trả lại cho nhà Thanh một số vùng đất và các đế quốc được phép chiếm đóng Bắc Kinh.
- C. nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và mở cửa tự do cho người nước ngoài vào Trung Quốc buôn bán.
- D. nhà Thanh phải trả tiền bồi thường chiến tranh và cắt đất cho các đế quốc thiết lập vùng tô giới.

Câu 102: Điều ước Tân Sửu (1901) đánh dấu

- A. Trung Quốc bị biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
- B. các đế quốc đã chia sẻ xong “cái bánh ngọt” Trung Quốc.
- C. Trung Quốc trở thành thuộc địa của các nước phương Tây.
- D. triều đình Mãn Thanh đầu hàng hoàn toàn, nhà nước phong kiến Trung Quốc sụp đổ.

Câu 103: Đầu thế kỉ XX, phong trào cách mạng ở Trung Quốc phát triển theo khuynh hướng nào?

- A. Vô sản.
- B. Phong kiến.
- C. Tự do dân chủ.
- D. Dân chủ tư sản.

Câu 104: Trung Quốc Đồng minh hội là chính đảng của

- A. giai cấp vô sản Trung Quốc.
- B. giai cấp nông dân Trung Quốc.
- C. giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc.
- D. liên minh giữa tư sản và vô sản Trung Quốc.

Câu 105: Lực lượng tham gia Trung Quốc Đồng minh hội là

- A. trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh, đại biểu công nông.
- B. nông dân, trí thức tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh.
- C. công nhân, trí thức tư sản, đại chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh.
- D. công nhân, nông dân, trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh.

Câu 106: Để trao quyền kinh doanh đường sắt cho các đế quốc, chính quyền Mãn Thanh đã làm gì?

- A. Xây dựng mạng lưới đường sắt đến các thành phố lớn ở Trung Quốc.
- B. Trao quyền kinh doanh đường sắt cho các công ti nước ngoài.
- C. Ra sắc lệnh “Quốc hữu hóa đường sắt”.
- D. Quyết định thực hiện công nghiệp hóa đất nước.

Câu 107: Ý nào **không** thể hiện đúng mục tiêu hoạt động của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội?

- A. Đánh đổ Mãn Thanh.
- B. Thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.
- C. Tấn công tô giới của các đế quốc tại Trung Quốc.
- D. Khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc.

Câu 108: Cuộc khởi nghĩa do Trung Quốc Đồng minh hội phát động diễn ra đầu tiên ở đâu?

A. Nam Kinh.

B. Vũ Xương.

C. Vũ Hán.

D. Bắc Kinh.

Câu 109: Trung Quốc Đồng minh hội chủ trương đưa cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường nào?

A. Dân chủ tư sản.

B. Đấu tranh ôn hòa.

C. Cách mạng vô sản.

D. Đấu tranh bạo động.

Câu 110: Thành quả lớn nhất của Cách mạng Tân Hợi là

A. thành lập Trung Hoa Dân quốc.

B. buộc các đế quốc phải xóa bỏ hiệp ước bất bình đẳng đã kí.

C. công nhận quyền bình đẳng và quyền tự do cho mọi công dân.

D. đem lại ruộng đất cho dân cày nghèo.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tình hình Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868 có những điểm gì nổi bật?

Câu 2: Trình bày nội dung cơ bản của cuộc Cải cách Minh Trị năm 1868.

Câu 3: Lập bảng thống kê về những chính sách của Minh Trị theo các nội dung sau:

Chính sách	Nội dung	Ý nghĩa
về chính trị		
về kinh tế		
về quân sự		
về giáo dục		

Câu 4: Hãy trình bày hoàn cảnh và tác động của cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản.

Câu 5: Trong cải cách của Minh Trị, nội dung nào được đánh giá là nhân tố “chìa khóa” để đưa nước Nhật phát triển?

Câu 6: Vì sao cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản?

Câu 7: Hãy lập bảng thống kê về cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản theo các ý sau đây. Tại sao cuộc cải cách này thành công?

1. Nhiệm vụ	
2. Mục tiêu	
3. Lãnh đạo	
4. Hình thức	
5. Phương hướng	

Câu 8: Ghi sự kiện nổi bật của lịch sử Nhật Bản vào thời gian cho sẵn ở bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện
Những năm 60 của thế kỉ XIX	
Tháng 1 - 1868	
Sau những năm 1894 - 1895	
Năm 1874	
Năm 1904 - 1905	

Năm 1901	
----------	--

Câu 9: Những sự kiện nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa?

Câu 10: Vì sao cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, các nước phương Tây tiến hành xâm lược Trung Quốc? Tiến trình của sự xâm lược đó như thế nào?

Câu 11: Tại sao gọi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh vào Trung Quốc là chiến tranh thuốc phiện?

Câu 12: Lập bảng tóm tắt về cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc.

	Nội dung
1. Lãnh đạo	
2. Thời gian và địa điểm	
3. Kết quả	

Câu 13: Nêu những nét chính về phong trào Nghĩa Hòa đoàn ở Trung Quốc.

Câu 14: Hãy trình bày nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa cuộc khởi nghĩa nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 - 1864).

Câu 15: Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hòa đoàn có ý nghĩa lịch sử gì? Vì sao các phong trào đó thất bại?

Câu 16: Lập bảng thống kê về phong trào Duy tân ở Trung Quốc:

1. Nguyên nhân	
2. Lãnh đạo	
3. Tóm tắt diễn biến	
4. Tính chất	

Câu 17: Hãy trình bày hoàn cảnh, cương lĩnh, mục tiêu của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội. Sự ra đời của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội có tác động như thế nào?

Câu 18: Trình bày diễn biến, tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.

Câu 19: Nêu kết quả của Cách mạng Tân Hợi. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

Câu 20: Theo em, chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội có những tiến bộ và hạn chế gì?

Câu 21: Nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - A	3 - B	4 - C	5 - C	6 - D	7 - C	8 - D	9 - C	10 - B
11 - A	12 - B	13 - D	14 - D	15 - C	16 - D	17 - B	18 - D	19 - B	20 - D
21 - C	22 - D	23 - B	24 - B	25 - D	26 - B	27 - B	28 - A	29 - B	30 - B
31 - C	32 - C	33 - A	34 - C	35 - C	36 - B	37 - B	38 - B	39 - A	40 - C
41 - C	42 - C	43 - B	44 - A	45 - C	46 - D	47 - B	48 - D	49 - B	50 - B

51 - D	52 - B	53 - D	54 - D	55 - A	56 - D	57 - B	58 - C	59 - D	60 - C
61 - D	62 - A	63 - B	64 - B	65 - D	66 - B	67 - B	68 - C	69 - C	70 - D
71 - A	72 - A	73 - B	74 - B	75 - A	76 - C	77 - A	78 - B	79 - B	80 - C
81 - D	82 - B	83 - A	84 - C	85 - A	86 - A	87 - B	88 - B	89 - A	90 - D
91 - C	92 - B	93 - C	94 - A	95 - D	96 - A	97 - D	98 - A	99 - A	100 - D
101 - A	102 - A	103 - D	104 - C	105 - A	106 - C	107 - C	108 - B	109 - A	110 - A

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tình hình Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868 có những điểm gì nổi bật?

Đến nửa đầu thế kỉ XIX, chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản, đứng đầu là tướng quân (Sô-gun) đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng:

- Về kinh tế:

+ Trong nông nghiệp, nông dân không có ruộng đất, các lãnh chúa phong kiến phát canh thu tô. Địa chủ bóc lột nhân dân rất nặng nề.

+ Thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ ở nhiều lãnh địa phía Tây Nam. Song, tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan đã ảnh hưởng đến sự phát triển công thương nghiệp.

- Về xã hội:

+ Chính phủ Sô-gun vẫn duy trì chế độ đẳng cấp: Tầng lớp Dai-my-ô là những quý tộc phong kiến lớn quản lý các vùng lãnh địa trong nước. Họ có quyền lực tuyệt đối trong các lãnh địa của họ. Tầng lớp võ sĩ không có ruộng đất, chỉ phục vụ cho các Dai-my-ô.

+ Do bị áp bức bóc lột nặng nề nên nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, thị dân liên tiếp nổi dậy chống phong kiến.

- Về chính trị:

+ Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là quốc gia phong kiến. Nhà vua được tôn là Thiên hoàng, có vị trí tối cao nhưng quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân (thuộc dòng họ Tô-ku-ga-ô) đóng ở phủ chúa - Mạc phủ.

+ Giữa lúc mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc phủ khủng hoảng nghiêm trọng thì các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải “mở cửa”.

Như vậy, đến nửa đầu thế kỉ XIX, Nhật Bản đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, đứng trước sự lựa chọn: tiếp tục con đường trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâm xé; hoặc canh tân, cải cách xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hòa nhập với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Trình bày nội dung cơ bản của cuộc Cải cách Minh Trị năm 1868.

- Về chính trị: xóa bỏ tình trạng cát cứ, tổ chức chính phủ theo mô hình phương Tây; ban hành Hiến pháp (1889).

- Về kinh tế: chính phủ thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ và thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, xây dựng cơ sở hạ tầng,...

- Về quân sự: quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra chính phủ còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài...
- Về giáo dục: chính phủ thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây.
- Kết quả: Cải cách Minh Trị đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược. Nhật Bản trở thành nước tư bản chủ nghĩa ở châu Á.

Câu 3. Lập bảng thống kê về những chính sách của Minh Trị theo các nội dung sau:

Chính sách	Nội dung	Ý nghĩa
Về chính trị	Xóa bỏ tình trạng cát cứ, tổ chức chính phủ theo mô hình phương Tây, ban hành Hiến pháp năm 1889.	- Tạo nên sự thống nhất thị trường ở Nhật, giúp Nhật Bản có điều kiện phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. - Nâng cao sức mạnh của đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.
Về kinh tế	Chính phủ thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ và thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc...	
Về quân sự	Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra, chính phủ còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài...	
Về giáo dục	Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây...	

Câu 4. Hãy trình bày hoàn cảnh và tác động của cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản.

- Hoàn cảnh: những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ kí với nước ngoài làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ; phong trào đấu tranh chống Sô-gun diễn ra sôi nổi vào những năm 60 của thế kỉ XIX làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.
- Tác động:
 - + Xóa bỏ những rào cản của chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Nhật Bản.
 - + Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
 - + Cổ vũ phong trào đấu tranh chống lại đế quốc phương Tây của nhân dân châu Á.

Câu 5. Trong cải cách của Minh Trị, nội dung nào được đánh giá là nhân tố “chìa khóa” để đưa nước Nhật phát triển?

Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868 là một cuộc cải cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quân sự và cải cách về giáo dục. Trong các lĩnh vực đó, cải cách về giáo dục được đánh giá là cải cách mang tính chất “chìa khóa”, bởi vì:

- Cải cách giáo dục làm thay đổi chất lượng nguồn nhân lực, giúp Nhật Bản phát huy nhân tố con người cho sự phát triển của đất nước: học hỏi, chiếm lĩnh khoa học - kỹ thuật phương Tây,...
- Tri thức tiên tiến học hỏi được sẽ đưa Nhật Bản từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước tư bản hùng mạnh, sau đó trở thành một nước đế quốc ở châu Á.

Câu 6. Vì sao cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản?

- Cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 đã tạo ra cơ sở cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
 - Sau cuộc cải cách, giai cấp tư sản công thương hình thành và lớn mạnh, kinh tế hàng hóa phát triển.
 - Sau cải cách, Minh Trị đã đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng tập trung công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng, nhiều công ti độc quyền được thành lập.
- Cuộc cải cách Minh Trị đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Nhật → có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

Câu 7. Hãy lập bảng thống kê về cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản theo các ý sau đây. Tại sao cuộc cải cách này thành công?

Nhiệm vụ	Xóa bỏ những rào cản của chế độ phong kiến, ngăn chặn sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây, đưa đất nước tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.
Mục tiêu	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
Lãnh đạo	Thiên hoàng Minh Trị với chỗ dựa là tầng lớp Samurai tư sản hóa.
Hình thức	Cải cách đất nước “từ trên xuống”.
Phương hướng	Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Nguyên nhân thành công của cải cách Minh Trị:

- Những chính sách cải cách tiến bộ, toàn diện đã đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với xu thế của thế giới.
- Khi thực hiện cải cách có sự đồng thuận từ trên xuống dưới: nhà vua đã nắm được thực quyền, quyết tâm cải cách, được sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân, đặc biệt là bộ phận Samurai tư sản hóa là chỗ dựa.
- Tiến hành trong bối cảnh nền độc lập, chủ quyền của đất nước chưa bị xâm phạm (mới chỉ kí một số hiệp ước “mở cửa”) nên có điều kiện tập trung mọi nguồn lực để cải cách.

Câu 8. Ghi sự kiện nổi bật của lịch sử Nhật Bản vào thời gian cho sẵn ở bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện
Những năm 60 của thế kỉ XIX	Chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản sụp đổ.
Tháng 1/1868	Thiên Hoàng Minh Trị lên ngôi, thực hiện cuộc cải cách nhằm đưa nước Nhật thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu.

Sau những năm 1894 - 1895	Chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở Nhật Bản.
Năm 1874	Nhật gây chiến tranh với Đài Loan.
Năm 1904 - 1905	Cuộc chiến tranh Nga - Nhật. Nhật giành được thắng lợi.
Năm 1901	Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Ca-tai-a-ma Xen.

Câu 9. Những sự kiện nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa?

- Sau chiến tranh Trung Nhật (1894 - 1895), kinh tế Nhật phát triển mạnh mẽ. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện như Mít-xuri, Mít-su-bi-si... giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật.
- Đầu thế kỉ XX, Nhật thi hành chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905), Nhật thắng Nga. Năm 1914, Nhật dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành đế quốc hùng mạnh nhất ở châu Á.
- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự bản cùng hóa của nhân dân lao động.
- Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.

Câu 10. Vì sao cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, các nước phương Tây tiến hành xâm lược Trung Quốc? Tiến trình của sự xâm lược đó như thế nào?

- Nguyên nhân:
 - + Trung Quốc là một nước rộng lớn và đông dân nhất châu Á, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
 - + Từ giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến ở Trung Quốc lâm vào khủng hoảng, suy thoái.
- Từ thế kỉ XVIII và nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành “miếng mồi” cho các đế quốc xâm xé.
- Tiến trình xâm lược:
 - + Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Anh, tìm mọi cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải “mở cửa”, đòi tự do buôn bán thuốc phiện - món hàng mang lợi nhuận lớn cho bọn tư bản.
 - + Viện cớ chính quyền Mãn Thanh tịch thu và đốt thuốc phiện của các tàu buôn, thực dân Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Cuộc chiến tranh thuốc phiện đã bắt đầu từ tháng 6 - 1840 và kết thúc vào tháng 8/1842. Chính quyền Mãn Thanh phải kí Hiệp ước Nam Kinh, chấp nhận các điều khoản theo yêu cầu của thực dân Anh → mốc mở đầu biến Trung Quốc trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
 - + Sau Chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâm xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức đã chiếm vùng Sơn Đông; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông; Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc...
 - + Năm 1901, nhà Mãn Thanh kí với các nước đế quốc Điều ước Tân Sửu. Sự kiện này đánh dấu Trung Quốc thực sự trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 11. Tại sao gọi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh vào Trung Quốc là chiến tranh thuốc phiện?

- Để tiến hành xâm lược Trung Quốc, thực dân Anh đã đòi chính quyền Mãn Thanh phải “mở cửa”, đòi tự do buôn bán thuốc phiện - món hàng mang nhiều lợi nhuận cho giới tư bản.
- Nạn thuốc phiện vào Trung Quốc đã phá hoại đời sống xã hội một cách trầm trọng. Nhân dân Trung Quốc hết sức bất bình và kiên quyết chống tệ nạn thuốc phiện đang hủy hoại đời sống của họ.
- Trước tình hình đó, Lâm Tắc Từ đã dựa vào nhân dân yêu cầu thương nhân Anh phải nộp hết thuốc phiện đã mang vào Trung Quốc và không bao giờ được chở thuốc phiện vào Trung Quốc. Với thái độ kiên quyết của Lâm Tắc Từ và quần chúng nhân dân, thương nhân Anh buộc phải đem nộp toàn bộ thuốc phiện để thiêu hủy.
- Không chịu mất nguồn lợi lớn đó, thực dân Anh và bọn quan lại Mãn Thanh cấu kết với nhau. Chính phủ Anh lấy vấn đề thuốc phiện làm cái cớ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.
- Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Anh gây ra từ tháng 6/1840 và kết thúc vào tháng 8/1842, gọi là Chiến tranh thuốc phiện.

Câu 12. Lập bảng tóm tắt về cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc.

	Nội dung
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn.
Thời gian và địa điểm	Bùng nổ ngày 1/1/1851 ở Kim Điền - Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước.
Kết quả	- Đã xây dựng được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ. - Ngày 19/7/1864, khởi nghĩa thất bại.

Câu 13. Nêu những nét chính về phong trào Nghĩa Hòa đoàn ở Trung Quốc.

- Thời gian: 1898 - 1901.
- Địa bàn: bùng nổ ở Sơn Đông, sau đó lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây (miền Bắc Trung Quốc).
- Mục tiêu: chống các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc (tấn công các đại sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh).
- Lực lượng tham gia: nông dân.
- Kết quả: liên quân 8 nước đế quốc đàn áp phong trào → Nghĩa Hòa đoàn thất bại do thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí.
- Sau phong trào, nhà Mãn Thanh kí với các nước đế quốc Điều ước Tân Sửu (1901) → Trung Quốc đã thực sự trở thành nước thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 14. Hãy trình bày nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa cuộc khởi nghĩa nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 - 1864)

- Nguyên nhân: Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của triều đình Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX, nhân dân Trung Quốc tiếp tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân, phong kiến, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc.

- Diễn biến: Dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, phong trào nổ ra ngày 1-1-1851 ở Kim Điền - Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước. Đây là một phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm, từ năm 1851 đến năm 1864, đã xây dựng được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiên bộ.

- Ý nghĩa:

+ Là phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, thể hiện khả năng và sức mạnh to lớn của người nông dân trong sự nghiệp cải biến xã hội.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng được đề ra.

+ Góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Câu 15. Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hòa đoàn có ý nghĩa lịch sử gì? Vì sao các phong trào đó thất bại?

- Ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần và ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Trung Quốc trước sự xâm lược của đế quốc và thái độ thỏa hiệp của triều đình phong kiến Mãn Thanh.

+ Các phong trào Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hòa đoàn góp phần làm lung lay nền tảng của chế độ phong kiến, mở đường cho tư tưởng tiên bộ xâm nhập vào Trung Quốc.

+ Các phong trào đã tạo tiền đề để cách mạng Trung Quốc bước vào giai đoạn mới, đó là giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản sau này.

- Nguyên nhân thất bại:

+ Các phong trào diễn ra trong thời điểm đất nước Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược.

+ Thế lực của giai cấp tư sản còn non yếu, trong khi thế lực của phong kiến còn mạnh lại cấu kết với đế quốc.

+ Còn nhiều hạn chế trong mục tiêu, đường lối đấu tranh; thiếu sự liên kết thống nhất,...

Câu 16. Lập bảng thống kê về phong trào Duy tân (1898) ở Trung Quốc:

Nguyên nhân	- Cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc tăng cường xâm lược Trung Quốc. - Ảnh hưởng từ cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản (cuối thế kỉ XIX). - Một số người tiên bộ thuộc giai cấp phong kiến Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách để hòng cứu vãn tình thế.
Lãnh đạo	Hai sĩ phu yêu nước tiên bộ: Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu; có sự đồng tình và ủng hộ của vua Quang Tự.
Tóm tắt diễn biến	- Vận động cải cách theo hướng tư bản chủ nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa - giáo dục. - Phong trào hoạt động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến mà không đi sâu vào quần chúng nhân dân lao động, không dựa vào lực

	lượng nhân dân. Vì vậy, cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến, do Từ Hi Thái Hậu cầm đầu. - Ngày 21/9/1898, khi phong trào Duy tân mới diễn ra hơn 100 ngày, Từ Hi Thái Hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự, tịch thu ấn tín; bắt và xử tử những người lãnh đạo phái Duy tân.
Tính chất	- Phong trào yêu nước có xu hướng tư sản.

Câu 17. Hãy trình bày hoàn cảnh, cương lĩnh, mục tiêu của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội. Sự ra đời của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội có tác động như thế nào?

- Hoàn cảnh:

+ Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời và ngày càng lớn mạnh.

+ Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, thống nhất lực lượng thành một chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc.

- Cương lĩnh chính trị: Dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”.

- Mục tiêu: Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.

- Tác dụng: Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Câu 18. Trình bày diễn biến, tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.

- Diễn biến:

+ Ngày 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh “Quốc hữu hóa đường sắt”, thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này gây nên một làn sóng căm phẫn công khai trong quần chúng nhân dân và trong tầng lớp tư sản, trở thành ngòi pháo mìn đầu cho cách mạng.

+ Ngày 10/10/1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương, cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng và lan rộng ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung Trung Quốc.

+ Ngày 29/12/1911, Quốc dân đại hội (gồm đại biểu các tỉnh nổi ra cách mạng) họp ở Nam Kinh, bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống, đứng đầu Chính phủ lâm thời. Tại đại hội này, Hiến pháp lâm thời được thông qua, công nhận sự bình đẳng và quyền tự do dân chủ của mọi công dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân đã được ghi trong Cương lĩnh của Đồng minh hội.

+ Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số phần tử lãnh đạo Đồng minh hội đã lo sợ, tìm cách hạn chế sự phát triển của phong trào, thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Kết quả là vua Thanh phải

thoái vị, nhưng Viên Thế Khải - một đại thần của triều đình Mãn Thanh lên làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn buộc phải từ chức (tháng 2/1912). Trên thực tế, cách mạng đến đây chấm dứt. Các thế lực phong kiến quân phiệt lên nắm chính quyền.

- Tính chất: Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để.

- Ý nghĩa lịch sử:

+ lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song, Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 19. Nêu kết quả của Cách mạng Tân Hợi. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- Kết quả:

+ Lật đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc.

+ Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.

+ Thành quả của cách mạng rơi vào tay lực lượng phong kiến quân phiệt.

- Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng tư sản chưa triệt để vì:

+ Là cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo, nhằm mục tiêu xóa bỏ chế độ phong kiến Mãn Thanh, thành lập chế độ cộng hòa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển → Cách mạng Tân Hợi mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản.

+ Cách mạng Tân Hợi không triệt để, còn tồn tại nhiều hạn chế: không thực sự thủ tiêu giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến quyền lợi của các nước đế quốc; không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân; những tàn dư của chế độ phong kiến vẫn còn tồn tại nặng nề; thành quả của cách mạng rơi vào tay các thế lực phong kiến quân phiệt.

Câu 20. Theo em, chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội có những tiến bộ và hạn chế gì?

- Chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn gồm bốn mục tiêu: đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, chia mặng đất cho dân cày.

- Những điểm tiến bộ: đã nêu được mục tiêu: lật đổ chính quyền Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân quốc, giải quyết vấn đề ruộng đất → phản ánh khát vọng của người nông dân dưới chế độ phong kiến lạc hậu.

- Những điểm hạn chế: chưa thể hiện tính chất triệt để của cách mạng, chưa nêu được kẻ thù của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc và toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến → chưa xác định đúng kẻ thù dân tộc.

Câu 21. Nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

- Ngay từ nửa sau thế kỉ XIX, phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Ngoài những phong trào theo khuynh hướng phong kiến đã bắt đầu xuất hiện những cuộc đấu tranh theo xu hướng mới (tư sản). Trong khi triều đình phong kiến Mãn Thanh nhu nhược, bảo thủ, từng bước nhượng bộ các đế quốc thì nhân dân Trung Quốc liên tục đấu tranh chống xâm lược, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, cuộc vận động Duy tân và phong trào Nghĩa Hòa đoàn.
- Đầu thế kỉ XX, phong trào tiếp tục phát triển, giai cấp tư sản đã bước lên vũ đài chính trị, nắm lấy vai trò lãnh đạo cách mạng. Tiêu biểu là cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911.

CHỦ ĐỀ 2: ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Biết và hiểu được những nét chính về tình hình Ấn Độ ở nửa sau thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX:
 - Tình hình kinh tế, xã hội.
 - Sự ra đời, hoạt động và vai trò của Đảng Quốc Đại trong phong trào dân tộc 1885 - 1908.
- + Biết và hiểu được những nét chính về các nước Đông Nam Á ở thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX:
 - Quá trình bị chủ nghĩa thực dân xâm lược, thống trị.
 - Phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia; cải cách ở Xiêm.
- + Rút ra được đặc điểm và ý nghĩa của các sự kiện tiêu biểu trong phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân Ấn Độ và một số nước Đông Nam Á.

❖ Kỹ năng

- + Quan sát tranh ảnh, lược đồ lịch sử để trình bày sự kiện và rút ra được nhận xét, đánh giá.
- + So sánh được những nét tương đồng và khác biệt trong lịch sử các dân tộc châu Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- + Liên hệ lịch sử các nước trong khu vực đến lịch sử Việt Nam cùng thời kì.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. ẤN ĐỘ GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

a. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

- Ấn Độ bị xâm lược

- + Đầu thế kỉ XVII, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng → các nước phương Tây đua nhau xâm lược.
- + Giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh hoàn thành việc xâm lược Ấn Độ.

- Chính sách cai trị của Anh

- + Kinh tế: vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công trên quy mô lớn.
- + Chính trị - xã hội:
 - Nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ.
 - Thực hiện chính sách chia để trị.

⇒ ♦ Nhân dân cực khổ.

- ♦ Mâu thuẫn dân tộc, giai cấp gay gắt.
- ♦ Xã hội có sự phân hóa, xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới...

b. ĐẢNG QUỐC ĐẠI

- Sự ra đời, hoạt động

- + Do tư sản dân tộc và trí thức Ấn Độ thành lập năm 1885.
- + Trong 20 năm đầu (1885 - 1905): chủ trương đấu tranh ôn hòa, đòi chính phủ Anh tiến hành cải cách.
- + Chính sách hai mặt của Anh và thái độ thỏa hiệp của một số người lãnh đạo → nội bộ Đảng phân hóa.
 - Phái ôn hòa: chủ trương đấu tranh hòa bình.
 - Phái cấp tiến: chủ trương đấu tranh bằng bạo lực.

- Nhận xét

- + Đảng Quốc đại ra đời → đánh dấu giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.
- + Các hoạt động đấu tranh của Đảng → góp phần thức tỉnh, cổ vũ nhân dân Ấn Độ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.
- + Phái cấp tiến lãnh đạo cao trào dân tộc 1905 - 1908.

c. PHONG TRÀO DÂN TỘC 1905 - 1908

- Bối cảnh lịch sử

- + Nền thống trị của thực dân Anh → mâu thuẫn dân tộc, giai cấp ngày càng gay gắt.
- + Năm 1905, Anh thực hiện đạo luật chia đôi xứ Ben-gan (trên cơ sở tôn giáo) → gây bất bình trong nhân dân Ấn Độ.

- Diễn biến chính

- + Năm 1905, phong trào đấu tranh chống đạo luật chia cắt Ben-gan.
- + Năm 1908, các cuộc đấu tranh đòi thả Ti-lắc.

- Kết quả

- + Thực dân Anh buộc phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.
- + Chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hóa trong nội bộ Đảng Quốc Đại làm cho phong trào tạm ngừng.

- Nhận xét

- + Mang đậm ý thức dân tộc; thu hút đông đảo nhân dân tham gia.
- + Đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ.
- + Hòa chung vào trào lưu dân tộc dân chủ châu Á đầu thế kỉ XX.

ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

1. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC CỦA THỰC DÂN PHƯƠNG TÂY

a. Bối cảnh lịch sử

- Các nước phương Tây chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa → đẩy mạnh việc bành trướng, xâm lược thuộc địa.
- Đông Nam Á là khu vực rộng lớn, giàu tài nguyên, có vị trí chiến lược nhưng chế độ phong kiến các nước đang khủng hoảng trầm trọng.

b. Quá trình xâm lược

- Thời gian

- + Quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây vào Đông Nam Á diễn ra trong các thế kỉ XV - XX (tùy điều kiện cụ thể của từng quốc gia).

- Phương thức

- + Sử dụng sức mạnh quân sự kết hợp với các thủ đoạn chính trị - ngoại giao thâm độc.

- Kết quả

- + Hầu hết các nước trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
 - Ba nước Đông Dương: thuộc địa của Pháp.
 - Miến Điện, Mã Lai: thuộc địa của Anh.
 - In-đô-nê-xi-a: thuộc địa của Hà Lan.
 - Phi-líp-pin: thuộc địa của Tây Ban Nha (sau đó là Mỹ).
- + Xiêm giữ được độc lập tương đối về chính trị.

2. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á

a. PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN LÀO, CAM-PU-CHIA

- Nguyên nhân: ách cai trị hà khắc, tàn bạo của thực dân Pháp → mâu thuẫn dân tộc, giai cấp ngày càng gay gắt.
- Phong trào đấu tranh tiêu biểu:
 - + Cam-pu-chia: khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 - 1892),...

- + Lào: khởi nghĩa Pha-ca-đuốc (1901 - 1903); của Ong Kẹo và Com-ma-đam (1901 - 1937),...
- Kết quả: thất bại.
- Nhận xét:
 - + Diễn ra liên tục, sôi nổi, vì độc lập dân tộc.
 - + Hình thức chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.
 - + Thu hút đông đảo nhân dân tham gia.
 - + Thất bại do mang tính tự phát; thiếu đường lối đúng, tổ chức mạnh.
- b. CẢI CÁCH Ở XIÊM (DƯỚI THỜI VUA RA-MA IV, RA-MA V)
 - Nguyên nhân: sự nhòm ngó, đe dọa của thực dân phương Tây → đe dọa nền độc lập dân tộc của Xiêm; bị lệ thuộc vào cả Anh và Pháp.
 - Chính sách cải cách:
 - + Kinh tế:
 - Xóa bỏ chế độ nô lệ vì nợ, giảm thuế ruộng...
 - Khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, mở hiệu buôn, ngân hàng...
 - + Chính trị - xã hội: cải cách hành chính, quân sự, giáo dục... theo khuôn mẫu phương Tây.
 - + Đối ngoại: thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo.
 - Kết quả, ý nghĩa:
 - + Đưa đất nước phát triển theo hướng TBCN.
 - + Là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập một cách tương đối về chính trị.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đến giữa thế kỉ XIX, Ấn Độ trở thành thuộc địa của thực dân

- A. Anh. B. Pháp. C. Bồ Đào Nha. D. Tây Ban Nha.

Câu 2: Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân nào hoàn thành việc xâm chiếm In-đô-nê-xi-a?

- A. Hà Lan. B. Pháp. C. Bồ Đào Nha. D. Tây Ban Nha.

Câu 3: Cuối thế kỉ XIX, đế quốc nào đã gạt bỏ ảnh hưởng của Tây Ban Nha và biến Phi-lip-pin thành thuộc địa?

- A. Hà Lan. B. Pháp. C. Mỹ. D. Tây Ban Nha.

Câu 4: Cuối thế kỉ XIX, Pháp đã hoàn thành việc xâm lược quốc gia nào sau đây?

- A. Miến Điện. B. Mã Lai. C. Phi-lip-pin. D. Lào.

Câu 5: Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập dân tộc là

- A. Miến Điện. B. Mã Lai. C. Xiêm. D. Bru-nây.

Câu 6: Quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á bị chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm chiếm là

- A. Phi-lip-pin. B. Mi-an-ma. C. In-đô-nê-xi-a. D. Bru-nây.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** đúng về chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX?

- A. Xóa bỏ chế độ đẳng cấp. B. Mua chuộc giai cấp phong kiến bản xứ.
C. Chia rẽ chủng tộc, tôn giáo. D. Ra sức vơ vét, bóc lột tài nguyên.

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** đúng về chính sách cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ?

- A. Duy trì chế độ đẳng cấp. B. Mua chuộc giai cấp phong kiến bản xứ.
C. Thiết lập chính quyền tự trị của người bản xứ. D. Vơ vét, bóc lột tài nguyên.

Câu 9: Đảng Quốc Đại (thành lập năm 1885) là chính đảng đại diện cho giai cấp nào ở Ấn Độ?

- A. Công nhân. B. Nông dân. C. Địa chủ. D. Tư sản.

Câu 10: Chủ trương của Đảng Quốc Đại Ấn Độ trong những năm 1885 - 1905 là

- A. lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, xây dựng quốc gia độc lập.
B. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đòi quyền tự trị.
C. đấu tranh ôn hòa, đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách.
D. tập hợp nhân dân nổi dậy đấu tranh vũ trang, đòi quyền tự trị.

Câu 11: Cơ sở cho sự ra đời của Đảng Quốc Đại ở Ấn Độ vào cuối thế kỉ XIX là

- A. ý thức chính trị của tư sản Ấn Độ ngày càng phát triển.
B. sự hình thành của tầng lớp thương nhân Ấn Độ.
C. chính phủ Anh chấp nhận trao quyền tự trị cho Ấn Độ.
D. công nhân Ấn Độ đã trưởng thành về ý thức chính trị.

Câu 12: Sự ra đời Đảng Quốc Đại (năm 1885)

- A. diễn ra đồng thời với sự ra đời của chính đảng vô sản ở Ấn Độ.
B. đánh dấu giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.
C. đã mở đầu cao trào đấu tranh vũ trang đòi độc lập ở Ấn Độ.
D. đánh dấu giai cấp công nhân Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

Câu 13: Phái cấp tiến trong Đảng Quốc Đại Ấn Độ do Ti-lắc đứng đầu có chủ trương

- A. đấu tranh ôn hòa đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách.
B. lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, giành độc lập dân tộc.
C. đấu tranh ôn hòa, đòi quyền tự trị cho Ấn Độ.
D. thỏa hiệp với thực dân Anh cùng cai trị Ấn Độ.

Câu 14: Sự kiện nào là nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ cao trào dân tộc 1905 - 1908 ở Ấn Độ?

- A. Đảng Quốc dân đại hội (gọi tắt là Đảng Quốc đại) thành lập.
B. Chính phủ Anh ban hành đạo luật chia cắt Ben-gan.
C. Cuộc tổng bãi công 6 ngày của hàng vạn công nhân Bom-bay.
D. Nữ hoàng Anh tuyên bố đồng thời là nữ hoàng Ấn Độ.

Câu 15: Cao trào đấu tranh trong những năm 1905 - 1908 của nhân dân Ấn Độ đã

- A. buộc thực dân Anh phải công nhận nền độc lập của Ấn Độ.
B. xóa bỏ hoàn toàn sự phân biệt về đẳng cấp ở Ấn Độ.
C. xóa bỏ hoàn toàn sự cách biệt về tôn giáo ở Ấn Độ.
D. buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.

Câu 16: Nhận xét nào đúng về tính chất của cao trào đấu tranh 1905 - 1908 của nhân dân Ấn Độ?

- A. Chỉ có tính dân tộc. B. Không có tính cách mạng,

C. Có tính dân tộc sâu sắc.

D. Chỉ có tính dân chủ.

Câu 17: Ở Ấn Độ, phong trào dân tộc 1905 - 1908 có điểm khác biệt nào sau đây so với phong trào yêu nước giai đoạn trước?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ.

B. Diễn ra trên quy mô rộng lớn và thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

C. Do giai cấp phong kiến lãnh đạo, đấu tranh vì quyền lợi giai cấp

D. Do một bộ phận của giai cấp tư sản lãnh đạo, đấu tranh vì độc lập dân tộc.

Câu 18: Từ giữa thế kỉ XIX, các nước thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước Đông Nam Á trong bối cảnh

A. Các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á đang lâm vào khủng hoảng.

B. Các nước châu Âu và Bắc Mỹ bắt đầu tiến hành cách mạng tư sản.

C. Ấn Độ, Trung Quốc đã cải cách thành công và giữ được độc lập dân tộc.

D. Các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á đang phát triển thịnh đạt.

Câu 20: Trước khi bị Pháp xâm chiếm, Lào và Cam-pu-chia bị lệ thuộc vào nước nào?

A. Anh.

B. Mĩ.

C. Xiêm.

D. Miến Điện.

Câu 21: Cuộc khởi nghĩa nào của nhân dân Cam-pu-chia có sự liên kết của nghĩa quân Trương Quyền ở Việt Nam?

A. Khởi nghĩa của A-cha Xoa.

B. Khởi nghĩa của Pu-côm-bô.

C. Khởi nghĩa của Si-vô-tha.

D. Khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc.

Câu 22: Cuộc khởi nghĩa nào của nhân dân Lào kéo dài hơn 30 năm?

A. Khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam.

B. Khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc.

C. Khởi nghĩa của Si-vô-tha.

D. Khởi nghĩa của A-cha Xoa.

Câu 23: Nhận xét nào **không** đúng về phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang là chủ yếu.

B. Vẫn còn mang tính lẻ tẻ, tự phát,

C. Đã có một tổ chức thống nhất lãnh đạo.

D. Thể hiện tinh thần đoàn kết của ba dân tộc Đông Dương.

Câu 24: Một trong những biện pháp cải cách của vua Xiêm Ra-ma V là

A. cải cách hành chính theo khuôn mẫu các nước phương Tây.

B. nhà nước nắm độc quyền đối với tất cả các ngành kinh tế.

C. xóa bỏ hoàn toàn thuế ruộng đất đối với nông dân.

D. ban hành hiến pháp mới quy định chế độ cộng hòa.

Câu 25: Nội dung nào **không** phản ánh đúng những chính sách cải cách của vua Xiêm Ra-ma V vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Xóa bỏ chế độ nô lệ vì nợ; giảm nhẹ thuế ruộng cho nông dân.

B. Lập Hội đồng Chính phủ thay thế cho bộ máy hành pháp của triều đình.

C. Nhà nước nắm độc quyền, chi phối mọi mặt đời sống kinh tế.

D. Khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp.

Câu 26: Các biện pháp cải cách của vua Ra-ma V ở Xiêm được thực hiện trong bối cảnh

- A. thực dân Pháp đang tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Xiêm.
- B. đất nước đứng trước sự đe dọa xâm nhập của chủ nghĩa thực dân.
- C. Xiêm đã trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
- D. các nước khác ở châu Á đã trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

Câu 27: Các biện pháp cải cách của vua Ra-ma V ở Xiêm có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Gạt bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Anh đối với Xiêm.
- B. Gạt bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Pháp đối với Xiêm.
- C. Đưa đất nước trở thành một cường quốc tư bản chủ nghĩa.
- D. Đưa đất nước phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Câu 28: Chính sách ngoại giao của vua Ra-ma V ở Xiêm có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Đưa Xiêm trở thành nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập.
- B. Đưa đất nước trở thành một đế quốc tư bản chủ nghĩa hùng mạnh.
- C. Gạt bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Pháp đối với Xiêm.
- D. Gạt bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Anh đối với Xiêm.

Câu 29: Cuộc cải cách ở Xiêm và Duy tân Mậu Tuất ở Trung Quốc có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân tăng cường xâm lược thuộc địa.
- B. Được tiến hành "từ dưới lên", dựa vào quần chúng nhân dân.
- C. Được thực hiện thành công, góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc.
- D. Góp phần đưa đất nước trở thành cường quốc tư bản chủ nghĩa.

Câu 30: Nội dung nào sau đây **không** đúng về phong trào dân tộc 1905 - 1908 ở Ấn Độ?

- A. Thực hiện mục tiêu đấu tranh vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ.
- B. Thể hiện sự thức tỉnh về ý thức dân tộc của nhân dân Ấn Độ.
- C. Do bộ phận cấp tiến trong giai cấp tư sản Ấn Độ lãnh đạo.
- D. Đánh dấu giai cấp tư sản Ấn Độ ra đời và bước lên vũ đài chính trị.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tóm tắt những nét lớn về chính sách thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX và rút ra hệ quả của những chính sách đó.

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

Giá trị lương thực xuất khẩu và số người chết đói ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX:

Giá trị lương thực xuất khẩu		Số người chết đói ở Ấn Độ	
Năm	Số lượng (lívơ)	Năm	Số lượng (người)
1849	858 000	1825 - 1850	400 000
1858	3 800 000	1850 - 1875	5000 000
1901	9 300 000	1875 - 1900	15 000 000

Phân tích bảng số liệu để rút ra nhận xét và giải thích.

Câu 3: Khái quát sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại Ấn Độ trong những năm 1885 - 1908. Đánh giá vai trò của Đảng Quốc đại trong phong trào dân tộc Ấn Độ thời kỳ này.

Câu 4: Trình bày bối cảnh lịch sử và diễn biến chính của phong trào dân tộc 1905 - 1908 ở Ấn Độ. Rút ra nhận xét về tính chất, đặc điểm và ý nghĩa của phong trào đó.

Câu 5: Vì sao từ giữa thế kỉ XIX chủ nghĩa thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước Đông Nam Á? Yêu cầu lịch sử đặt ra cho các nước Đông Nam Á lúc bấy giờ là gì?

Câu 6:

a) Lập bảng hệ thống kiến thức về quá trình xâm lược Đông Nam Á của chủ nghĩa thực dân theo các tiêu chí sau: tên quốc gia Đông Nam Á, nước thực dân xâm lược, xâm chiếm; năm mất độc lập.

b) Qua bảng hệ thống kiến thức đã lập, nhận xét về tình hình các nước Đông Nam Á thế kỉ XX.

Câu 7:

a) Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: thời gian, tên cuộc khởi nghĩa, địa bàn, kết quả.

b) Rút ra nhận xét về phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Câu 8: Tóm tắt nội dung cải cách Ra-ma V ở Xiêm và rút ra ý nghĩa của những cải cách đó. Liên hệ tình hình Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX.

Câu 9: Vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây?

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - A	3 - C	4 - D	5 - C	6 - A	7 - A	8 - C	9 - D	10 - C
11 - A	12 - B	13 - B	14 - B	15 - D	16 - C	17 - D	18 - A	19 - C	20 - D
21 - B	22 - A	23 - C	24 - A	25 - C	26 - B	27 - D	28 - A	29 - A	30 - D

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tóm tắt những nét lớn về chính sách thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX và rút ra hệ quả của những chính sách đó.

* Chính sách: Thế kỉ XVII, chế độ phong kiến Ấn Độ lâm vào khủng hoảng, suy yếu; bị thực dân phương Tây đua nhau xâm lược. Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ.

+ Về kinh tế: ra sức khai thác, bóc lột trên quy mô lớn; Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của thực dân Anh, là nguồn cung cấp nguyên liệu, lương thực khổng lồ cho chính quốc.

+ Về chính trị - xã hội: Một mặt, chính phủ Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ; mặt khác, thực hiện chính sách chia để trị: mua chuộc giai cấp phong kiến bản xứ; khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội.

* Hệ quả:

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng kiệt quệ, lương thực cạn kiệt, nạn đói liên tiếp xảy ra. Mâu thuẫn dân tộc, giai cấp phát triển gay gắt làm bùng nổ các cuộc đấu tranh chống thực dân Anh.

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập làm cho nền kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến. Các giai cấp, tầng lớp mới ra đời là điều kiện bên trong cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau: Giá trị lương thực xuất khẩu và số người chết đói ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX:

Giá trị lương thực xuất khẩu		Số người chết đói ở Ấn Độ	
Năm	Số Sượng (Sivro)	Năm	Số lượng (người)
1849	858 000	1825 - 1850	400 000
1858	3 800 000	1850 - 1875	5000 000
1901	9 300 000	1875 - 1900	15 000 000

Phân tích bảng số liệu để rút ra nhận xét và giải thích.

* Phân tích bảng số liệu:

Dựa vào bảng số liệu trên, có thể thấy:

- Giá trị lương thực xuất khẩu từ Ấn Độ sang Anh từ Ấn Độ sang Anh từ 1849 - 1901 tăng nhanh và liên tục: năm 1858 đạt 3,8 triệu livrơ, tăng 4,4 lần so với năm 1849; năm 1901 đạt 9,3 triệu livrơ, tăng 2,4 lần so với năm 1858 và 10,8 lần so với năm 1849.

- Số người chết đói ở Ấn Độ không ngừng tăng nhanh: trong 25 năm 1850 - 1875 có 5 triệu người chết đói, tăng 12,5 lần so với 25 năm đầu thế kỉ XIX (1825 - 1850). Trong 25 năm cuối thế kỉ XIX, số người chết đói lên đến 15 triệu người, tăng so với hai giai đoạn trước lần lượt là 3 lần và 37,5 lần.

- Như vậy, giá trị lương thực xuất khẩu từ Ấn Độ sang Anh trong thế kỉ XIX tăng nhanh và tỉ lệ thuận với số người chết đói ở Ấn Độ trong thời kì này.

* Giải thích:

- Giá trị xuất khẩu lương thực từ Ấn Độ sang Anh tăng nhanh do thực dân Anh thực hiện chính sách khai thác bóc lột Ấn Độ trên quy mô lớn, trong đó chú trọng việc vơ vét nguyên liệu và lương thực phục vụ cho chính quốc. Từ giữa thế kỉ XIX, Ấn Độ trở thành nguồn cung cấp nguyên liệu, lương thực ngày càng lớn và quan trọng nhất của thực dân Anh.

- Do chính sách khai thác, vơ vét tàn bạo của thực dân Anh, nhân dân lao động Ấn Độ ngày càng bần cùng. Đặc biệt, chính quyền thực dân thực hiện chính sách cướp ruộng đất lập đồn điền làm phần lớn nông dân mất đất, phá sản. Trong khi đó, nguồn lương thực phải cung cấp cho chính phủ Anh không ngừng tăng. Chính vì thế đã dẫn đến nạn chết đói hàng loạt ở Ấn Độ.

Câu 3. Khái quát sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại Ấn Độ trong những năm 1885 - 1908. Đánh giá vai trò của Đảng Quốc đại trong phong trào dân tộc Ấn Độ thời kì này.

* Sự ra đời:

+ Chính sách khai thác bóc lột của thực dân Anh làm cho nền kinh tế - xã hội Ấn Độ có nhiều chuyển biến. Nửa sau thế kỉ XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức dân tộc Ấn Độ ra đời, phát triển và ngày càng trưởng thành về ý thức dân tộc.

+ 1885, Đảng Quốc Đại thành lập, đánh dấu một thời kì mới - thời kì giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

* Hoạt động (trong những năm 1885 - 1908):

+ 20 năm đầu: chủ trương đấu tranh ôn hòa đòi chính phủ Anh tiến hành cải cách.

+ Dần phân hóa thành hai phái: phái ôn hòa có thái độ thỏa hiệp với thực dân Anh và phái dân chủ cấp tiến (cực đoan). Phái cấp tiến do Ti-lắc đứng đầu, chủ trương phát động nhân dân kiên quyết đấu tranh lật đổ ách thống trị của Anh, giành độc lập dân tộc.

+ Phái cấp tiến của Đảng Quốc Đại lãnh đạo cao trào đấu tranh 1905 - 1908 ở Ấn Độ, buộc thực dân Anh thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan...

* Đánh giá vai trò:

+ Là chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ, sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại đánh dấu sự trưởng thành từng bước về ý thức chính trị của giai cấp tư sản Ấn Độ, đưa phong trào dân tộc Ấn Độ đi theo một khuynh hướng mới.

+ Bộ phận cấp tiến trong Đảng Quốc đại đóng vai trò lãnh đạo cao trào dân tộc 1905 - 1908, có tác dụng thức tỉnh và cổ vũ mạnh mẽ tinh thần dân tộc của nhân dân Ấn Độ, tập hợp đông đảo quần chúng yêu nước, tạo điều kiện cho sự phát triển của phong trào dân tộc trong những giai đoạn tiếp theo; góp phần thức tỉnh các dân tộc bị áp bức ở châu Á.

+ Đảng Quốc đại trong thời kì đầu thành lập vẫn còn nhiều hạn chế, nội bộ bị chia rẽ, chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh thống nhất... nên chưa có khả năng tập hợp toàn thể nhân dân Ấn Độ vào một mặt trận thống nhất.

Câu 4. Trình bày bối cảnh lịch sử và diễn biến chính của phong trào dân tộc 1905 - 1908 ở Ấn Độ. Rút ra nhận xét về tính chất, đặc điểm và ý nghĩa của phong trào đó.

* Bối cảnh lịch sử:

- Nền thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ làm cho mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng trở nên gay gắt.

- Năm 1885, Đảng Quốc Đại - chính đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ thành lập, đưa giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị. Phái dân chủ cấp tiến trong Đảng, do Ti-lắc đứng đầu, chủ trương phát động nhân dân đấu tranh lật đổ ách thống trị của Anh, giành độc lập dân tộc.

- Năm 1905, thực dân Anh thực hiện đạo luật chia đôi xứ Ben-gan trên cơ sở tôn giáo. Đạo luật đó gây bất bình trong nhân dân, châm ngòi cho một cao trào đấu tranh mới ở Ấn Độ.

* Diễn biến chính:

+ Để phản đối đạo luật chia cắt Ben-gan, ngày 16-10-1905, hơn 10 vạn nhân dân Ấn Độ kéo đến bờ sông Hằng làm lễ tuyên thệ tỏ rõ ý chí đoàn kết, thống nhất với khẩu hiệu “Ấn Độ của người Ấn Độ”.

+ Tháng 6/1908, thực dân Anh bắt và kết án Ti-lắc 6 năm tù. Phản đối bản án, hàng vạn công nhân ở Bom bay tổng bãi công chính trị trong 6 ngày, xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu...Cuộc đấu tranh lan rộng ra các thành phố. Thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.

+ Năm 1908, chính sách chia rẽ của thực dân Anh và sự phân hóa trong Đảng Quốc đại làm cho phong trào tạm ngừng.

* Nhận xét:

- Tính chất: là phong trào cách mạng mang tính dân tộc đậm nét và tính quần chúng rộng rãi.

- Đặc điểm: là phong trào dân tộc do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo; thu hút đông đảo nhân dân tham gia, lần đầu tiên công nhân tham gia vào phong trào dân tộc; diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú và quyết liệt.

- Ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí chống ngoại xâm bất khuất của nhân dân Ấn Độ

+ Đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ, hòa chung vào trào lưu dân tộc dân chủ của nhiều nước châu Á trong những năm đầu thế kỉ XX.

Câu 5. Vì sao từ giữa thế kỉ XIX chủ nghĩa thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước Đông Nam Á? Yêu cầu lịch sử đặt ra cho các nước Đông Nam Á lúc bấy giờ là gì?

* Nguyên nhân thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước Đông Nam Á từ giữa thế kỉ XIX:

- Từ giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, nhu cầu về nguyên liệu, nhân công, thị trường đặt ra ngày càng cấp thiết. Do đó, các nước tư bản phương Tây chạy đua sang phương Đông (trong đó có khu vực Đông Nam Á) để xâm lược thuộc địa.

- Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn, giàu tài nguyên, đông dân, có vị trí chiến lược quan trọng. Từ nửa sau thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến các nước khu vực này đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Lợi dụng cơ hội đó, chủ nghĩa thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược và xâm chiếm...

* Yêu cầu lịch sử đặt ra:

Nhanh chóng tiến hành duy tân, cải cách toàn diện để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, lạc hậu và phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Từ đó, có đủ thế và lực để đương đầu với sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Câu 6.

a) Lập bảng hệ thống kiến thức về quá trình xâm lược Đông Nam Á của chủ nghĩa thực dân theo các tiêu chí sau: tên quốc gia Đông Nam Á, nước thực dân xâm lược, xâm chiếm; năm mất độc lập.

b) Qua bảng hệ thống kiến thức đã lập, nhận xét về tình hình các nước Đông Nam Á thế kỉ XX.

a) Bảng hệ thống kiến thức:

Tên nước Đông Nam Á	Thực dân xâm lược	Thời gian hoàn thành xâm lược
In-đô-nê-xi-a	Hà Lan	Giữa thế kỉ XIX
Phi-líp-pin	Tây Ban Nha, Mỹ	- Giữa thế kỉ XVI, Tây Ban Nha xâm lược và đô hộ. - Đầu thế kỉ XX, trở thành thuộc địa của Mỹ.
Miến Điện	Anh	Năm 1885, trở thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.
Mã Lai	Anh	Đầu thế kỉ XX.
Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia	Pháp	Cuối thế kỉ XIX.
Bru-nây	Anh	
Đông Ti-mo	Bồ Đào Nha	
Xiêm	Anh - Pháp tranh chấp	Giữ được độc lập

b) Nhận xét:

- Đều đứng trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa thực dân.

- Chịu sự xâm nhập, xâm lược của các thực dân khác nhau.

- Hầu hết các nước đều mất độc lập dân tộc (trừ Xiêm).

Câu 7.

a) Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: thời gian, tên cuộc khởi nghĩa, địa bàn, kết quả.

b) Rút ra nhận xét về phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

a) Bảng hệ thống kiến thức: Phong trào chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX

Tên phong trào khởi nghĩa	Thời gian	Địa bàn hoạt động	Kết quả
---------------------------	-----------	-------------------	---------

- Khởi nghĩa Si-vô-tha	1861 - 1892	- Tấn công U-đông và Phnôm Pênh.	- Thất bại
- Khởi nghĩa A-cha Xoa	1863 - 1866	- Các tỉnh giáp biên giới Việt Nam nhân dân Châu Đốc (Hà Tiên) ủng hộ A-cha-xoa chống Pháp.	- Thất bại
- Khởi nghĩa Pu-côm-bô	1866 - 1867	- Lập căn cứ ở Tây Ninh (Việt Nam) sau đó tấn công về Cam-pu-chia kiểm soát Pa-man tấn công U-đông	- Thất bại

Phong trào chống Pháp của nhân dân Lào đầu thế kỉ XX

Tên khởi nghĩa	Thời gian	Địa bàn hoạt động	Kết quả
Khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc	1901 - 1903	- Xa-va-na-khet, Đường 9, Biên giới Việt - Lào.	- Thất bại
Khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam	1901 - 1937	- Cao nguyên Bô-lô-ven.	- Thất bại
Khởi nghĩa của Chậu Pa-chay	1918 - 1922	- Bắc Lào, Tây Bắc Việt Nam.	- Thất bại

b) Nhận xét:

- + Diễn ra liên tục, sôi nổi, có quy mô rộng khắp, vì mục tiêu độc lập dân tộc.
- + Hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.
- + Thể hiện tinh thần yêu nước và đoàn kết của nhân dân các dân tộc Đông Dương chống kẻ thù chung.
- + Các cuộc đấu tranh đều thất bại do mang tính tự phát, thiếu đường lối đúng và thiếu tổ chức mạnh.

Câu 8. Tóm tắt nội dung cải cách Ra-ma V ở Xiêm và rút ra ý nghĩa của những cải cách đó.

- Từ giữa thế kỉ XIX, nền độc lập của Xiêm bị đe dọa bởi sự xâm nhập của Anh và Pháp. Vua Ra-ma IV, đặc biệt là Ra-ma V (Chu-la-long-con, ở ngôi từ 1868 - 1910) đã thực hiện nhiều chính sách cải cách:

- + Kinh tế: khuyến khích nông nghiệp phát triển: xóa bỏ chế độ nô lệ vì nợ, giảm thuế ruộng...; khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng...
- + Chính trị - xã hội: cải cách bộ máy hành chính, quân đội, giáo dục... theo khuôn mẫu phương Tây. Thành lập Hội đồng nhà nước hoạt động gần như nghị viện, bộ máy hành pháp triều đình thay bằng Hội đồng chính phủ có 12 Bộ trưởng. Quân đội được trang bị và huấn luyện theo phương pháp hiện đại...
- + Đối ngoại: thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo (lợi dụng vị trí nước “đệm” giữa Anh và Pháp, cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc (vốn là lãnh thổ của Lào, Cam-pu-chia, Miến Điện) để giữ gìn chủ quyền.

- Ý nghĩa:

- + Đưa đất nước phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa và giữ được độc lập, mặc dù bị lệ thuộc nhiều vào Anh và Pháp về kinh tế, chính trị.
- + Là nước duy nhất ở Đông Nam Á không mất độc lập trước sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân.

Câu 9. Vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây?

* Trước nguy cơ xâm lược, xâm chiếm của chủ nghĩa thực dân phương Tây, hầu hết các nước Đông Nam Á vẫn duy trì chính sách lạc hậu, “đóng cửa” với phương Tây... khiến cho chế độ phong kiến càng lún sâu

vào khủng hoảng, thế và lực của đất nước suy yếu. Do đó, từng bước bị xâm lược và trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

* Các vua Xiêm nhận thức đúng yêu cầu thực tiễn, kịp thời cải cách, mở cửa để phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền:

- Những chính sách cải cách của các vua Xiêm, đặc biệt là của Ra-ma V đã đưa Xiêm dần thoát khỏi tình trạng lạc hậu và phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Từ đó, củng cố sức mạnh của đất nước trước nguy cơ bị xâm phạm chủ quyền.

+ Kinh tế: khuyến khích nông nghiệp phát triển: xóa bỏ chế độ nô lệ vì nợ, giảm thuế ruộng...; khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng...

+ Chính trị - xã hội: cải cách bộ máy hành chính, quân đội, giáo dục... theo khuôn mẫu phương Tây. Thành lập Hội đồng nhà nước hoạt động gần như nghị viện, bộ máy hành pháp triều đình thay bằng Hội đồng chính phủ có 12 Bộ trưởng. Quân đội được trang bị và huấn luyện theo phương pháp hiện đại...

- Đặc biệt, chính sách ngoại giao khôn khéo, mềm dẻo của Ra-ma IV, Ra-ma V trực tiếp giúp Xiêm giữ gìn chủ quyền dân tộc: chủ động “mở cửa” với các nước phương Tây; Lợi dụng vị trí “nước đệm” giữa hai nước Anh - Pháp, cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc (vốn là lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào và Mã Lai).

→ Xiêm là nước duy nhất trong khu vực Đông Nam Á giữ được độc lập, mặc dù chịu lệ thuộc nhất định về kinh tế, chính trị vào Anh và Pháp.

CHỦ ĐỀ 3: CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được quá trình xâm lược châu Phi và khu vực Mĩ Latinh của các nước thực dân đế quốc.
- + Trình bày được nét chính trong chính sách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- + Hiểu rõ những đặc điểm trong phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

❖ Kỹ năng

- + Sử dụng lược đồ để xác định vị trí địa lí của các nước bị xâm lược và quá trình xâm lược của các nước thực dân, đế quốc tại châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- + So sánh để chỉ ra được điểm giống và khác nhau của tình hình châu Phi và khu vực Mĩ Latinh cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. CHÂU PHI

- Lục địa lớn, giàu tài nguyên thiên nhiên.
- Là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại.
- Trình độ phát triển thấp hơn so với các châu lục khác.
- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước đã bị thực dân phương Tây nô dịch → phong trào đấu tranh giành độc lập diễn ra sôi nổi.



a. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC

- Cuối thế kỉ XIX, khi kênh đào Xuy-ê được hoàn thành → các nước phương Tây đua nhau xâm xé châu Phi.
- Đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở châu Phi cơ bản hoàn thành.



Tranh biếm họa thể hiện tham vọng bành trướng thuộc địa theo hướng Bắc - Nam của thực dân Anh tại châu Phi

b. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

- Nguyên nhân: ách nô dịch tàn bạo của thực dân phương Tây → mâu thuẫn dân tộc sâu sắc.
- Các cuộc đấu tranh tiêu biểu:
 - + Khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đe ở An-giê-ri (1830 - 1847).
 - + Khởi nghĩa của Mu-ha-mét Át-mét ở Xu Đăng (1882 - 1898).
 - + Cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a.
- Kết quả: hầu hết đều thất bại (ngoại trừ Ê-ti-ô-pi-a và Li-bê-ri-a).
- Nguyên nhân thất bại: trình độ tổ chức thấp, lực lượng chênh lệch.



Đại tá Át-mét A-ra-bi (Ái Cập), lãnh đạo của tổ chức "Ái cập trẻ"



Khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đe ở An-giê-ri

2. KHU VỰC MĨ LATINH

- Gồm một phần Bắc Mỹ, toàn bộ Trung Mỹ, Nam Mỹ và các quần đảo trên biển Ca-ri-bê.
- Sau khi giành được độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha → nhân dân Mỹ Latinh tiếp tục đấu tranh chống chính sách bành trướng của Mỹ.



a. ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

- Thế kỉ XVI, XVII, đa số các nước Mỹ Latinh lần lượt bị biến thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

- Chế độ nô dịch tàn bạo của thực dân → phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ Latinh diễn ra sôi nổi.
- Đầu thế kỉ XIX, hầu hết các nước Mỹ Latinh thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

b. CHÍNH SÁCH BÀNH TRƯỚNG CỦA MỸ ĐỐI VỚI MỸ LATINH

- Âm mưu
 - + Biến Mỹ Latinh trở thành “sân sau”.
- Thủ đoạn
 - + Dùng sức mạnh chính trị, ngoại giao để khống chế các nước Mỹ Latinh.
 - Đưa ra Học thuyết Môn-rô (1823).
 - Thành lập tổ chức Liên Mỹ.
 - Chính sách “Cái gậy lớn”, “Ngoại giao Đô-la”.
 - + Dùng sức mạnh quân sự để xâm chiếm đất đai (xâm lược Đominicana (1905), Mêhicô (1914 - 1916),...).

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Các nước thực dân châu Âu đẩy mạnh xâm lược châu Phi vì lục địa này có

- A. trình độ phát triển cao.
- B. vị trí địa lí thuận lợi.
- C. cư dân đông đúc.
- D. lục địa lớn, giàu tài nguyên.

Câu 2: Những năm 70, 80 thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi sau sự kiện nào dưới đây?

- A. kênh đào Xuy-ê hoàn thành.
- B. kênh đào Pa-na-ma hoàn thành.
- C. kênh đào Am-ster-đam hoàn thành.
- D. kênh đào stóc-hôm hoàn thành.

Câu 3: Việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở châu Phi căn bản hoàn thành vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ XX.
- B. Cuối thế kỉ XIX.
- C. Giữa thế kỉ XIX.
- D. Giữa thế kỉ XX.

Câu 4: Ai Cập bị biến thành thuộc địa của nước thực dân nào sau đây?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Bỉ.

Câu 5: Nước thực dân nào chiếm được thuộc địa nhiều nhất ở châu Phi?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Bồ Đào Nha.
- D. Tây Ban Nha.

Câu 6: Phong trào đấu tranh ở châu Phi nổ ra mạnh mẽ đầu tiên ở khu vực nào?

- A. Nam Phi.
- B. Trung Phi.
- C. Đông Phi.
- D. Bắc Phi.

Câu 7: Nước thực dân nào chiếm được nhiều thuộc địa ở châu Phi chỉ sau thực dân Anh?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Bỉ.

Câu 8: Nước nào vẫn bảo vệ được nền độc lập của mình trước sự xâm lược của các nước thực dân phương Tây?

- A. Ai Cập.
- B. An-giê-ri.
- C. Xu-đăng.
- D. Ê-ti-ô-pi-a.

Câu 9: Nói đến khu vực Mỹ Latinh là chỉ khu vực nào sau đây?

- A. Toàn bộ châu Mỹ.
- B. Khu vực Bắc Mỹ và Trung Mỹ.
- C. Khu vực Nam Mỹ và Trung Mỹ.
- D. Một phần Bắc Mỹ, toàn bộ Trung Mỹ và Nam Mỹ.

Câu 10: Hầu hết các nước Mỹ Latinh đều trở thành thuộc địa của các nước thực dân nào?

A. Anh, Pháp.

B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

C. Anh, Đức.

D. Mĩ, Pháp.

Câu 11: Thế kỉ XV, nước nào đi đầu trong việc xâm chiếm các nước ở khu vực Mĩ Latinh?

A. Mĩ.

B. Anh.

C. Pháp.

D. Tây Ban Nha.

Câu 12: Nước cộng hòa da đen đầu tiên được thành lập ở Mĩ Latinh là

A. Cu-ba.

B. Ha-i-ti.

C. Bra-xin.

D. Cô-lôm-bia.

Câu 13: Sau khi giành được độc lập từ tay Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, các nước Mĩ Latinh tiếp tục phải đương đầu với chính sách bành trướng của nước nào?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Đức.

D. Mĩ.

Câu 14: Khẩu hiệu “Châu Mĩ là của người châu Mĩ” nhằm độc chiếm khu vực Mĩ Latinh giàu có là của nước nào?

A. Ac-hen-ti-na.

B. Ca-na-đa.

C. Bra-xin.

D. Mĩ.

Câu 15: Chính sách “Cái gậy lớn”, “Ngoại giao đồng đôla” nhằm khống chế khu vực Mĩ Latinh là của nước nào?

A. Ac-hen-ti-na.

B. Ca-na-đa.

C. Bra-xin.

D. Mĩ.

Câu 16: Mục tiêu bao trùm của Mĩ đối với khu vực Mĩ Latinh là gì?

A. Tạo ra một liên minh hợp tác cùng phát triển.

B. Hỗ trợ các nước Mĩ Latinh xây dựng phát triển kinh tế.

C. Biến các nước Mĩ Latinh thành đồng minh của Mĩ.

D. Biến các nước Mĩ Latinh thành sân sau của Mĩ.

Câu 17: Nước khởi đầu cho phong trào giải phóng dân tộc, thành lập chế độ cộng hòa ở Mĩ Latinh là

A. Hai-i-ti.

B. Cu-ba.

C. Chi-lê.

D. Bra-xin.

Câu 18: Nguyên nhân quyết định nhất thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nhân dân châu Phi vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì?

A. Các nước thực dân thực hiện chính sách chia để trị.

B. Chế độ hà khắc của chủ nghĩa thực dân.

C. Các nước thực dân xâm xé châu Phi.

D. Các nước thực dân bóc lột sức lao động nặng nề.

Câu 19: Nguyên nhân quyết định nhất dẫn đến phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi thất bại là

A. vũ khí còn lạc hậu, thô sơ.

B. trình độ thấp, lực lượng chênh lệch.

C. các phong trào diễn ra lẻ tẻ.

D. quân sự các nước thực dân quá mạnh.

Câu 20: Tại sao phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi lại được mở đầu từ khu vực Bắc Phi

A. Khu vực này có trình độ phát triển hơn các khu vực khác.

B. Chủ nghĩa thực dân ở đây yếu hơn nơi khác.

C. Do tinh thần yêu nước ở khu vực này cao hơn nơi khác.

D. Khu vực này bị bóc lột nặng nề hơn nơi khác.

Câu 21: Mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là mâu thuẫn giữa

- A. các nước thực dân.
- B. nông dân với thực dân.
- C. nhân dân châu Phi với thực dân.
- D. tư sản bản địa với thực dân.

Câu 22: Nguyên nhân quyết định nhất dẫn đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Mĩ Latinh bùng nổ là do

- A. chủ nghĩa thực dân cai trị phản động, gây ra nhiều tội ác.
- B. các nước thực dân vơ vét tài nguyên kiệt quệ.
- C. các nước thực dân bóc lột sức lao động nặng nề.
- D. các nước thực dân đua nhau xâm xé.

Câu 23: Mục đích của học thuyết Môn-rô “Châu Mĩ của người Châu Mĩ” là

- A. bành trướng thế lực của Mĩ ở khu vực Mĩ Latinh.
- B. chủ trương xây dựng một khu vực châu Mĩ độc lập, tự chủ, phát triển.
- C. hỗ trợ chiến đấu của các nước châu Mĩ chống lại sự áp đặt của các nước tư bản phương Tây.
- D. khẳng định vai trò của Mĩ trong việc kiến thiết lại châu Mĩ sau những thế kỉ bị thực dân Tây Ban Nha cai trị.

Câu 24: Điểm giống nhau cơ bản trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mĩ Latinh là

- A. diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt.
- B. diễn ra lẻ tẻ, rời rạc.
- C. phong trào đấu tranh đều thất bại.
- D. được sự giúp đỡ từ các nước bên ngoài.

Câu 25: Điểm khác nhau cơ bản trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Mĩ Latinh với các nước châu Phi là

- A. phong trào đấu tranh có đường lối chủ trương rõ ràng hơn.
- B. phong trào đấu tranh nổ ra mạnh mẽ, quyết liệt hơn.
- C. phong trào đấu tranh nổ ra có sự liên kết chặt chẽ với thế giới.
- D. các nước Mĩ Latinh sớm giành được độc lập từ chủ nghĩa thực dân.

Câu 26: Đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh trong thế kỉ XIX là

- A. giành được thắng lợi, một loạt nước cộng hòa đã ra đời trong những năm 20 của thế kỉ XIX.
- B. toàn bộ Mĩ Latinh được giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.
- C. phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh chủ yếu do giai cấp quý tộc phong kiến lãnh đạo.
- D. một số nước như Cu Ba, quần đảo Ăng-ti, Guy-a-na đã giành được độc lập.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao các nước thực dân châu Âu lại đẩy mạnh xâm lược châu Phi vào nửa sau thế kỉ XIX? Kết quả của quá trình xâm lược đó.

Câu 2: Những nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? Tóm lược những nét chính phong trào đấu tranh đó?

Câu 3: Hãy cho biết kết quả phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi? Theo em tại sao lại dẫn đến kết quả đó? Qua đó em hãy rút ra bài học cho phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi giai đoạn sau.

Câu 4: Tại sao từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, Mĩ lại đẩy mạnh bành trướng ở khu vực Mĩ Latinh? Cho biết những chính sách mà Mĩ đã triển khai thực hiện để độc chiếm khu vực này?

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - D	2 - A	3 - A	4 - A	5 - A	6 - D	7 - B	8 - D	9 - D	10 - B
11 - D	12 - B	13 - D	14 - D	15 - D	16 - D	17 - A	18 - B	19 - B	20 - A
21 - C	22 - A	23 - A	24 - A	25 - D	26 - A				

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tại sao các nước thực dân châu Âu lại đẩy mạnh xâm lược châu Phi vào nửa sau thế kỉ XIX? Kết quả của quá trình xâm lược đó.

- Giữa thế kỉ XIX, các nước thực dân châu Âu đẩy mạnh quá trình đi xâm lược thuộc địa.
- Châu Phi là một lục địa lớn, giàu tài nguyên, có trình độ phát triển thấp.
- Những năm 70 của thế kỉ XIX, sau khi kênh đào Xuy-ê được hoàn thành, các nước thực dân châu Âu đẩy mạnh xâm lược châu Phi.
- Mở đầu là cuộc xâm lược của thực dân Anh đối với Ai Cập, sau đó, các thực dân khác tranh nhau xâm xé châu Phi.
- Kết quả: đến đầu thế kỉ XX, quá trình xâm lược của thực dân ở châu Phi đã hoàn thành, hầu hết các nước châu Phi đều bị biến thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

Câu 2. Những nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? Tóm lược những nét chính phong trào đấu tranh đó?

Nguyên nhân:

- Chủ nghĩa thực dân châu Âu xâm lược và đặt ách cai trị ở các nước châu Phi
- Chế độ cai trị hà khắc của các nước thực dân đã làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhân dân các nước châu Phi.

Những nét chính:

- Phong trào đấu tranh mở đầu và phát triển nhất là ở Bắc Phi, tiêu biểu là phong trào đấu tranh của nhân dân các nước An-giê-ri, Ai Cập, Xu-đăng.
- Có hai quốc gia đã bảo vệ được nền độc lập của mình là Ê-ti-ô-pi-a và Li-bê-ri-a.
- Phong trào diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu nước, song có trình độ tổ chức thấp, lực lượng chênh lệch nên bị thực dân đàn áp.

Câu 3. Hãy cho biết kết quả phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi? Theo em tại sao lại dẫn đến kết quả đó? Qua đó em hãy rút ra bài học cho phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi giai đoạn sau.

- Các cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi cuối cùng đã bị các nước thực dân châu Âu dập tắt. Chỉ có hai nước châu Phi giữ được độc lập là Ê-ti-ô-pi-a và Li-bê-ri-a.
- Nguyên nhân: do trình độ tổ chức thấp, lực lượng chênh lệch.
- Bài học kinh nghiệm: cần có sự chuẩn bị chu đáo, có tổ chức lãnh đạo và có đường lối đấu tranh đúng đắn, phù hợp cho các cuộc đấu tranh ở các giai đoạn sau.

Câu 4. Tại sao từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, Mĩ lại đẩy mạnh bành trướng ở khu vực Mĩ Latinh? Cho biết những chính sách mà Mĩ đã triển khai thực hiện để độc chiếm khu vực này?

- Mĩ đẩy mạnh chính sách bành trướng đối với khu vực Mĩ Latinh từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX vì:

+ Chủ nghĩa tư bản Mĩ đang chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa → nhu cầu về nguyên liệu, thị trường, nhân công tăng vọt → giới cầm quyền ở Mĩ đẩy mạnh chính sách bành trướng, xâm lược thuộc địa.

+ Khu vực Mĩ Latinh có vị trí quan trọng, nằm ở phía Nam nước Mĩ, giàu tài nguyên. Đầu thế kỉ XIX, các nước này đã cơ bản thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha, đang bước vào quá trình xây dựng đất nước trong điều kiện khó khăn. → Lợi dụng cơ hội đó, Mĩ đẩy mạnh bành trướng bằng nhiều thủ đoạn khác nhau để độc chiếm khu vực này, biến các nước Mĩ Latinh trở thành “sân sau”, khống chế toàn bộ châu Mĩ.

- Để thực hiện âm mưu đó, Mĩ đã đưa ra các chính sách:

+ Triển khai Học thuyết Môn-rô: châu Mĩ của người châu Mĩ (1823).

+ Gây chiến tranh với Tây Ban Nha để chiếm Cu-ba và Pu-éc-tô-ri-cô (1898).

+ Thành lập tổ chức: Liên minh các dân tộc châu Mĩ.

+ Chính sách: “Cái gậy lớn” và “ngoại giao đôla” (đầu thế kỉ XX) để khống chế, chi phối một số nước Mĩ Latinh, như: Pa-na-ma,...

→ Đầu thế kỉ XX, Mĩ Latinh đã trở thành "sân sau" của đế quốc Mĩ.

CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 -1918)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Phân tích được nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).
- + Nêu được những mốc chính trong diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).
- + Phân tích được tính chất và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).
- + Phân biệt được những khái niệm “chiến tranh đế quốc”, “chiến tranh cách mạng”, “chiến tranh chính nghĩa”, “chiến tranh phi nghĩa”.

❖ Kỹ năng

- + Sử dụng lược đồ, bản đồ để tường thuật diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).
- + Phân tích, đánh giá tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1814 - 1918)

1. NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ

a. NGUYÊN NHÂN SÂU XA

- Sự phát triển không đều của các đế quốc → làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng giữa các đế quốc.
- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về thị trường và thuộc địa sâu sắc → các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều nơi.

b. NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP

- Hai khối quân sự đối lập: phe Liên minh và phe Hiệp ước được thành lập → chạy đua vũ trang, tích cực chuẩn bị chiến tranh.
- Ngày 28/6/1914, Thái tử Áo - Hung bị ám sát tại Xéc-bi → phe Liên minh chớp cơ hội này để phát động chiến tranh.

2. DIỄN BIẾN CHÍNH

		MẶT TRẬN PHÍA ĐÔNG	MẶT TRẬN PHÍA TÂY
GIAI ĐOẠN 1 (1914 - 1918)	Năm 1914	- Tháng 8/1914, Đức tràn vào Bỉ, đánh sang Pháp → Pa-ri bị uy hiếp.	- Nga tấn công Đông Phổ → Đức phải điều bớt quân từ mặt trận phía Tây sang → Pháp được cứu nguy.
	Năm 1915	- Đức và Áo - Hung dồn lực tấn công Nga → hai bên cầm cự trên chiến tuyến 1200 km.	
	Năm 1916		- Đức chuyển mục tiêu hoạt động về phía Tây, tấn công pháo đài Véc-đơng (Pháp). → Không hạ được Véc-đơng.
		- Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo - Hung chuyển sang thế phòng ngự.	
GIAI ĐOẠN 2 (1917 - 1918)	Năm 1917	- Ngày 2/4/1917, Mỹ tuyên chiến với Đức, tham gia vào chiến tranh cùng phe Hiệp ước. - Chiến sự diễn ra trên cả hai mặt trận Đông và Tây Âu → hai bên ở vào thế cầm cự.	
	Năm 1917	- Chính phủ Nga Xô viết (thành lập sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười) kí với Đức Hòa ước Brét Litốp → Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc.	- Đức tiếp tục tấn công Pháp. - Tháng 7/1918, Mỹ đổ bộ vào châu Âu, Anh và Pháp phản công → đồng minh của Đức đầu

			hàng. - Ngày 11/11/1918, chính phủ Đức đầu hàng → Chiến tranh kết thúc.
--	--	--	--

3. KẾT CỤC, TÍNH CHẤT

a. Kết cục:

- Hơn 10 triệu người chết, 20 triệu người bị thương,...
- Chiến tranh kết thúc → tình hình thế giới biến đổi căn bản.

b. Hậu quả

- Chiến tranh để quốc phi nghĩa.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Yếu tố nào đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các đế quốc vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Sự phát triển không đều về kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản.
- B. Tiềm lực quân sự của các nước tư bản phương Tây.
- C. Hệ thống thuộc địa không đồng đều.
- D. Việc sở hữu các loại vũ khí có tính sát thương cao.

Câu 2: Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX các nước đế quốc “trẻ” được hình thành, bao gồm

- A. Anh, Pháp, Đức.
- B. Mĩ, Đức, Nhật.
- C. Mĩ, Nga, Pháp.
- D. Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 3: Mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc “già” và các nước đế quốc “trẻ” cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX chủ yếu vì

- A. vấn đề sở hữu vũ khí và phương tiện chiến tranh mới.
- B. mâu thuẫn trong chính sách đối ngoại.
- C. chiến lược phát triển kinh tế.
- D. vấn đề thuộc địa.

Câu 4: Giới cầm quyền nước nào đã từng than vãn về sự chậm trễ của kẻ “đến bàn tiệc muộn”?

- A. Mĩ.
- B. Nhật.
- C. Đức.
- D. Pháp.

Câu 5: Đế quốc nào được so sánh là “con hổ đói đến bàn tiệc muộn”?

- A. Anh.
- B. Mĩ.
- C. Nhật.
- D. Đức.

Câu 6: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thuộc địa.
- B. Thái tử Áo - Hung bị ám sát.
- C. Đức tuyên chiến với Nga.
- D. Anh tuyên chiến với Đức, Áo.

Câu 7: Chủ trương của giới cầm quyền Đức trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là

- A. liên minh với các nước đế quốc.
- B. chủ động đàm phán với các nước đế quốc
- C. gây chiến với các nước láng giềng.
- D. tiến hành các cuộc chiến tranh nhằm giành giật thuộc địa, chia lại thị trường.

Câu 8: Dấu hiệu nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quan hệ quốc tế giữa các đế quốc ở châu Âu ngày càng căng thẳng?

- A. Sự tập trung lực lượng quân sự ở biên giới giữa các nước.
- B. Sự hình thành các khối, các liên minh kinh tế.
- C. Sự hình thành các khối, các liên minh quân sự.
- D. Sự hình thành các khối, các liên minh chính trị.

Câu 9: Mở đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức dự định đánh bại nước nào một cách chớp nhoáng?

- A. Nga.
- B. Bỉ.
- C. Pháp.
- D. Anh.

Câu 10: Đức là kẻ hung hãn nhất trong cuộc đua giành thuộc địa cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX vì

- A. có tiềm lực kinh tế, quân sự nhưng lại ít thị trường, thuộc địa.
- B. có nền kinh tế phát triển mạnh nhất châu Âu.
- C. giới quân phiệt Đức tự tin có thể chiến thắng các đế quốc khác.
- D. có lực lượng quân đội hùng hậu mạnh, được huấn luyện đầy đủ.

Câu 11: Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha.
2. Chiến tranh Trung - Nhật.
3. Chiến tranh Anh - Bô-ơ.
4. Chiến tranh Nga - Nhật.

- A. 1 - 2 - 3 - 4.
- B. 2 - 1 - 3 - 4.
- C. 3 - 2 - 1 - 4.
- D. 1 - 4 - 2 - 3.

Câu 12: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội.
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.
- C. Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa.
- D. Thái tử Áo - Hung bị một người yêu nước Xéc-bi ám sát.

Câu 13: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội.
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân ở các nước tư bản.
- C. Thái tử Áo - Hung bị một người Xéc-bi ám sát.
- D. Mâu thuẫn giữa tư sản với giai cấp phong kiến.

Câu 14: Những nước nào tham gia phe Hiệp ước?

- A. Anh - Pháp - Nga.
- B. Anh - Đức - Italia.
- C. Mĩ - Đức - Nga.
- D. Anh - Pháp - Mĩ.

Câu 15: Ý nào **không** phản ánh đúng mục đích thành lập của hai khối quân sự đối đầu nhau (phe Liên minh và Hiệp ước) đầu thế kỉ XX?

- A. Để tăng cường chạy đua vũ trang.
- B. Để lôi kéo đồng minh.

- C. Giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế đang bao trùm thế giới tư bản.
D. Ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau.
- Câu 16:** Đức sử dụng chiến lược nào trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất?
A. Đánh chớp nhoáng. B. Đánh cầm cự.
C. Vừa đánh vừa đàm. D. Đánh lâu dài.
- Câu 17:** Mục đích chính của Đức khi tấn công vào các nước thuộc phe Hiệp ước là
A. phô trương sức mạnh của Đức.
B. thăm dò sức mạnh của các nước thuộc phe Hiệp ước.
C. thăm dò thái độ của đồng minh các nước thuộc phe Hiệp ước.
D. thăm dò thái độ của các nước thuộc phe Hiệp ước.
- Câu 18:** Trận Véc-đoong ở Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?
A. Từ tháng 4 đến tháng 12/1916. B. Từ năm 1914 đến năm 1916.
C. Từ tháng 3 đến tháng 12/1916. D. Từ tháng 2 đến tháng 12/1916.
- Câu 19:** Tháng 11/1917 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nga?
A. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi.
B. Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc.
C. Nga đánh bại cuộc tấn công của Đức trên lãnh thổ của mình.
D. Nga kí với Đức Hòa ước Bret Litốp.
- Câu 20:** Trong nửa đầu năm 1918, Đức tranh thủ thời cơ nào đã liên tiếp mở bốn đợt tấn công lớn trên mặt trận Pháp?
A. Nga rút khỏi chiến tranh. B. Mỹ chưa đưa quân sang châu Âu.
C. Mỹ thay Anh đứng đầu phe Hiệp ước. D. Pháp bị phe Hiệp ước cô lập.
- Câu 21:** Mở đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây để
A. dự định nhanh chóng đánh bại Ba Lan, rồi quay sang tấn công Nga.
B. dự định nhanh chóng đánh bại Pháp, rồi quay sang tấn công Nga.
C. dự định nhanh chóng đánh bại Bỉ, rồi quay sang tấn công Nga.
D. dự định nhanh chóng đánh bại Anh, rồi quay sang tấn công Nga.
- Câu 22:** Sự kiện nào đánh dấu kết thúc giai đoạn 1 của Chiến tranh thế giới thứ nhất?
A. Chiến dịch tấn công Véc-đoong của Đức thất bại (12/1916).
B. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ (9/1914).
C. Quân Đức - Áo - Hung tấn công Nga (1915).
D. Cả hai bên đưa vào cuộc chiến những phương tiện chiến tranh mới (1915).
- Câu 23:** Chiến trường chính của Chiến tranh thế giới thứ nhất ở
A. châu Á - Thái Bình Dương. B. châu Âu và châu Á.
C. châu Âu. D. toàn thế giới.
- Câu 24:** Đức đã làm gì để cắt đứt đường tiếp tế trên biển của phe Hiệp ước?
A. Sử dụng máy bay trinh sát và ném bom. B. Ném bom và thả hơi độc.
C. Sử dụng tàu ngầm. D. Mai phục và tiêu diệt.
- Câu 25:** Phe Liên minh Đức - Áo - Hung đánh mất quyền chủ động, lâm vào thế bị động trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất từ thời điểm nào?

A. Đầu năm 1915. B. Cuối năm 1915. C. Đầu năm 1916. D. Cuối năm 1916.

Câu 26: Mỹ giữ thái độ “trung lập” trong giai đoạn đầu của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất vì

- A. sợ quân Đức tấn công.
- B. chưa đủ tiềm lực để tham chiến.
- C. không muốn bị tổn thất.
- D. muốn lợi dụng chiến tranh để bán vũ khí cho cả hai phe.

Câu 27: Một trong các sự kiện nào dưới đây thể hiện Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc?

- A. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển.
- B. Nhật bị thua đau ở châu Á.
- C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Nga.
- D. Sự thất bại của đế quốc Đức ở nước Pháp.

Câu 28: Cho các sự kiện:

1. Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi.
2. Thái tử Áo - Hung bị một người Xéc-bi ám sát.
3. Ngày 4/8, Anh tuyên chiến với Đức.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian.

- A. 2, 3, 1. B. 2, 1, 3. C. 3, 2, 1. D. 3, 1, 2.

Câu 29: Năm 1916, thấy không tiêu diệt được quân Nga, Đức đã làm gì?

- A. Chuyển trọng tâm hoạt động về mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Véc-đoong.
- B. Rút quân về phòng thủ ở Béc-lin.
- C. Tiếp tục mở nhiều cuộc tấn công vào lãnh thổ Nga.
- D. Lôi kéo các đồng minh khác để tấn công Nga.

Câu 30: Quân Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận nhờ lý do nào trong các ý dưới đây?

- A. Quân Đức bị thua đau ở mặt trận phía Tây.
- B. Quân Đức bị tổn thất nặng nề ở mặt trận phía Đông.
- C. Mỹ đổ bộ vào châu Âu và trực tiếp tham chiến.
- D. Quân Anh, Pháp đã làm chủ mặt trận phía Tây.

Câu 31: Giới cầm quyền Đức đã vạch ra kế hoạch tiến hành cuộc chiến tranh nhằm

- A. giành lại quyền thống trị thế giới.
- B. giành giật lại thuộc địa, chia lại thị trường.
- C. buộc các đế quốc già phải chia bớt thuộc địa.
- D. làm bá chủ thế giới.

Câu 32: Từ những năm 80 của thế kỉ XIX, giới cầm quyền Đức đã vạch ra kế hoạch chiến tranh nhằm chiếm hầu hết

- A. lãnh thổ châu Âu.
- B. lãnh thổ châu Âu và vượn ra các thuộc địa của Anh, Pháp ở châu Phi và châu Á.
- C. châu Phi và châu Á.
- D. vùng Ban-căng để uy hiếp phía tây nam nước Nga.

Câu 33: Sự kiện nào đánh dấu sự thất bại của kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Đức trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Quân Nga tấn công vào Đông Phổ, buộc Đức phải điều quân từ mặt trận phía Tây về chống lại quân Nga.
- B. Quân Đức tấn công Bỉ, chặn con đường ra biển, không cho quân Anh sang tiếp viện.
- C. Quân Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông, cùng quân Áo - Hung tấn công Nga quyết liệt.
- D. Quân Pháp phản công giành thắng lợi trên sông Mác-nơ, quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu.

Câu 34: Phe Liên minh được thành lập vào năm nào?

- A. Năm 1882.
- B. Năm 1883.
- C. Năm 1884.
- D. Năm 1885.

Câu 35: Nhờ đâu mà quân Pháp có điều kiện phản công quân Đức cứu nguy cho Pa-ri?

- A. Quân Anh tấn công quân Đức ở mặt trận phía Đông.
- B. Quân Nga tấn công quân Đức ở mặt trận phía Tây.
- C. Quân Anh chặn đường biển không cho quân Đức tăng viện binh chiếm Pa-ri.
- D. Quân đội Pháp dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân phản công quân Đức.

Câu 36: Đến năm 1917, yếu tố nào tác động để Mỹ quyết định đứng về phe Hiệp ước trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ phát triển mạnh.
- B. Các nước Đức - Áo - Hung đã suy yếu.
- C. Phong trào cách mạng ở các nước đang cao.
- D. Có đủ khả năng chi phối phe Hiệp ước.

Câu 37: Mỹ chính thức tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất với việc

- A. tuyên chiến với Pháp.
- B. kí Hiệp ước liên minh với Đức.
- C. tuyên chiến với Đức.
- D. tuyên chiến với Anh.

Câu 38: Tháng 2/1917, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích ở Nga nêu khẩu hiệu gì?

- A. “Biến chiến tranh đế quốc thành phong trào cách mạng”.
- B. “Biến chiến tranh đế quốc thành cách mạng vô sản”.
- C. “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”.
- D. “Biến chiến tranh đế quốc thành chiến tranh giải phóng dân tộc”.

Câu 39: Chiến tranh đế quốc lan rộng thành chiến tranh thế giới khi

- A. Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi.
- B. Đức tuyên chiến với Nga, Pháp; Anh tuyên chiến với Đức.
- C. Thái tử Áo - Hung bị ám sát tại Bô-xni-a.
- D. Đức tấn công Bỉ.

Câu 40: Mỹ đã lấy cớ gì để tuyên chiến với Đức, bước vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Tàu ngầm Đức tấn công vào tàu buôn của Mỹ.
- B. Tàu ngầm Đức gây cho Anh nhiều thiệt hại.
- C. Tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do thương mại trên biển.
- D. Tàu ngầm Đức tấn công phe Hiệp ước.

Câu 41: Nội dung nào chi phối giai đoạn 2 của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga.

- B. Đức dồn lực lượng, quay lại đánh Nga và loại I-ta-li-a ra khỏi vòng chiến.
C. Tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do trên biển, tấn công phe Hiệp ước.
D. Mỹ tuyên chiến với Đức, chính thức tham chiến và đứng về phe Hiệp ước.
- Câu 42:** Ngày 3/10/1918 diễn ra sự kiện lịch sử gì?
A. Đức liên tiếp bị thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ.
B. Các nước đồng minh của Đức đã đầu hàng.
C. Một chính phủ mới của Đức được thành lập.
D. Cuộc cách mạng ở Đức bùng nổ.
- Câu 43:** Ngày 3/3/1918, Hòa ước Bret Li-tốp được kí kết giữa
A. Anh và Pháp. B. Nga và Pháp. C. Nga và Đức. D. Đức và Mỹ.
- Câu 44:** Nội dung chủ yếu của Hòa ước Bret Li-tốp là
A. Hai nước hòa giải để tập trung vào công cuộc kiến thiết đất nước.
B. Phá vỡ tuyến phòng thủ của Đức ở biên giới hai nước.
C. Nước Nga rút ra khỏi chiến tranh để quốc.
D. Hai bên bắt tay cùng nhau chống đế quốc.
- Câu 45:** Vì sao đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX có sự xuất hiện các đế quốc “già” và đế quốc “trẻ”?
A. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước tư bản chủ nghĩa.
B. Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản.
C. Sự tranh chấp thị trường và thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Các nước đế quốc tiến hành cách mạng công nghiệp, đạt sự tăng trưởng mạnh.
- Câu 46:** Trong các đấu tranh giành thuộc địa, đế quốc Đức tỏ ra hung hãn nhất vì
A. sản xuất được nhiều hàng hóa nhưng không có thị trường tiêu thụ.
B. có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa.
C. muốn thực hiện chính sách làm bá chủ thế giới.
D. có ít thuộc địa nên phải đòi cho bằng được.
- Câu 47:** Cho đến cuối năm 1916, cục diện hai phe trong Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?
A. Phe Hiệp ước chiếm ưu thế trên chiến trường.
B. Cả hai phe chuyển sang thế cầm cự.
C. Phe Liên minh chiếm ưu thế trên thị trường.
D. Nước Nga đang chiếm ưu thế trên chiến trường.
- Câu 48:** Cuối tháng 9/1918, quân Đức ở vào tình thế như thế nào?
A. Liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ.
B. Rút khỏi lãnh thổ Pháp và Bungari.
C. Rút khỏi lãnh thổ Pháp và Ba Lan.
D. Liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Thổ Nhĩ Kỳ.
- Câu 49:** Trước nguy cơ thất bại, chính phủ mới thành lập ở Đức đã làm gì?
A. Kí hiệp ước với Mỹ thừa nhận thất bại. B. Chấp nhận bồi thường cho Mỹ.
C. Bắt tay liên minh với Mỹ. D. Đề nghị thương lượng với Mỹ.
- Câu 50:** Sự kiện nào đã diễn ra ở Đức ngày 9/11/1918?

A. Cách mạng bùng nổ, Hoàng đế Vinhem II bỏ chạy sang Hà Lan.

B. Chính phủ mới được thành lập.

C. Đức kí hiệp ước thừa nhận thất bại với Mỹ.

D. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện.

Câu 51: Sự kiện nào đã diễn ra ở Đức ngày 11/11/1918?

A. Cách mạng bùng nổ.

B. Chính phủ mới được thành lập.

C. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện.

D. Hoàng đế Vinhem II bỏ chạy sang Hà Lan.

Câu 52: Ý nào **không phải** là hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Khoảng 1,5 tỉ người bị lôi cuốn vào vòng khói lửa.

B. 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương.

C. Nền kinh tế các nước châu Âu trở nên kiệt quệ vì chiến tranh.

D. Cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công, chặt đứt khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 53: Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến lớn của cục diện chính trị thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. chính phủ mới được thành lập ở Đức.

B. Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện.

C. cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước Xô viết được thành lập.

D. cách mạng bùng nổ mạnh mẽ ở Đức.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy trình bày nguyên nhân sâu xa của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2: Nêu những diễn biến chính trong giai đoạn một của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3: Nêu những diễn biến chính trong giai đoạn hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 4: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) để lại hậu quả gì cho nhân loại?

Câu 5: Quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào?

Câu 6: Sự hình thành hai khối quân sự trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ như thế nào? Từ đó rút ra nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 7: Lập bảng thống kê những diễn biến chính trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Hậu quả của nó.

Câu 8: Hãy ghi sự kiện phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây:

Thời gian	Sự kiện
Tháng 2/1917	
Ngày 2/4/1917	
Tháng 11/1917	
Ngày 3/3/1918	
Tháng 7/1918	
Cuối tháng 9/1918	
Ngày 11/11/1918	

Câu 9: Nêu kết cục và tính chất của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 10: Nêu diễn biến chính trong giai đoạn thứ hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao Mĩ tham gia chiến tranh muộn?

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - B	3 - D	4 - C	5 - D	6 - B	7 - D	8 - C	9 - C	10 - A
11 - B	12 - C	13 - C	14 - A	15 - C	16 - A	17 - D	18 - D	19 - A	20 - B
21 - B	22 - A	23 - C	24 - C	25 - D	26 - D	27 - D	28 - B	29 - A	30 - C
31 - B	32 - B	33 - D	34 - A	35 - B	36 - C	37 - C	38 - C	39 - B	40 - C
41 - D	42 - C	43 - C	44 - C	45 - B	46 - B	47 - B	48 - A	49 - D	50 - A

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày nguyên nhân sâu xa của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Do sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

+ Các “đế quốc già” (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mệnh mông.

+ Các “đế quốc trẻ” (Mĩ, Đức, Nhật) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa.

→ Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng trở nên gay gắt. Từ những năm 80 của thế kỉ XIX, hình thành phe Liên minh gồm Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a và phe Hiệp ước gồm Anh, Pháp, Nga.

- Trong cuộc chạy đua thuộc địa, Đức là đế quốc hung hãn nhất, thái độ và hành động của Đức làm tình hình châu Âu thêm căng thẳng.

Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, ở châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, mà trước tiên là giữa đế quốc Anh và đế quốc Đức, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.

Câu 2. Nêu những diễn biến chính trong giai đoạn một của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Ngày 28/7/1914, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 1/8/1914, Đức tuyên chiến với Nga, ngày 3/8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4/8, Anh tuyên chiến với Đức.

- Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây và ngay trong đêm 3/8/1914 đã tràn vào Bỉ - một nước trung lập, rồi đánh thọc sang Pháp. Đức chặn cả con đường ra biển không cho quân Anh sang tiếp viện. Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt.

- Năm 1915, Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông cùng quân Áo - Hung tấn công Nga quyết liệt, định đè bẹp Nga. Chế độ Nga hoàng bị khủng hoảng nghiêm trọng nhưng Đức không đạt được mục đích loại Nga ra khỏi chiến tranh.

- Cuối năm 1915, hai bên cùng bước vào thế cầm cự trên một mặt trận dài 1.200 km, từ sông Đơ-ni-ép đến vịnh Ri-ga.

- Vào năm 1916, thấy không tiêu diệt được quân Nga, Đức chuyển trọng tâm hoạt động về mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Véc-đoong. Chiến sự ở đây diễn ra hết sức quyết liệt, kéo dài từ tháng 2 đến tháng 12/1916, làm gần 70 vạn người chết và bị thương. Quân Đức vẫn không hạ nổi thành Véc-đoong.
- Chiến cuộc năm 1916 không đem lại ưu thế cho bên nào mà vẫn duy trì thế cầm cự. Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo từ thế chủ động đã chuyển sang phòng ngự ở hai mặt trận.

Câu 3. Nêu những diễn biến chính trong giai đoạn 2 của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Tháng 2/1917, nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, với khẩu hiệu “Đả đảo chiến tranh”, “Đả đảo Nga hoàng”, “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”, đã tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng Chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.
- Lúc này, Đức muốn cắt đứt đường tiếp tế trên biển của phe Hiệp ước liền sử dụng phương tiện mới là tàu ngầm. Ban đầu, cuộc “Chiến tranh tàu ngầm” gây cho Anh nhiều thiệt hại. Viện có tàu ngầm Đức tấn công cả tàu buôn cập bến các nước phe Hiệp ước, Mỹ nhảy vào vòng chiến.
- Ngày 2/4/1917, Mỹ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mỹ có lợi hơn cho phe Anh - Pháp - Nga.
- Tháng 11/1917, nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vich đứng lên làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi.
- Ngày 3/3/1918, nhà nước Xô viết kí với Đức Hòa ước Bret Li-tốp. Nước Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc.
- Đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mỹ chưa sang đến châu Âu, quân Đức mở liên tiếp bốn đợt tấn công với quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri.
- Tháng 7/1918, 65 vạn quân Mỹ đổ bộ vào châu Âu cùng nhiều vũ khí, đạn dược. Mỹ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mỹ trở thành người đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh.
- Từ cuối tháng 10/1918, quân Đức liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng: Bun-ga-ri (29/9), Thổ Nhĩ Kỳ (30/10), Áo - Hung (2/11).

Câu 4. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) để lại hậu quả gì cho nhân loại?

- Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) gây nên những thảm họa hết sức nặng nề đối với nhân loại:
 - + Khoảng 1.500 triệu người dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa.
 - + 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương.
 - + Nền kinh tế châu Âu bị kiệt quệ.
- Tương quan so sánh lực lượng giữa các nước tư bản thay đổi: các nước châu Âu trở thành con nợ của Mỹ; riêng Mỹ được hưởng lợi trong chiến tranh nhờ bán vũ khí, đất nước không bị bom đạn tàn phá, thu nhập quốc doanh tăng lên; Nhật Bản nâng cao vị thế ở châu Á - Thái Bình Dương.
- Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô viết, đánh dấu bước chuyển biến lớn trong cục diện chính trị thế giới.

Câu 5. Quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào?

- Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.
- Các “đế quốc già” (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mênh mông, các “đế quốc trẻ” (Mĩ, Đức, Nhật) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa.
- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, ngay từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các cuộc chiến tranh giành thuộc địa đã nổ ra ở nhiều nơi.
- Trong cuộc đua giành giật thuộc địa, đế quốc Đức là kẻ hung hăng nhất vì Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa. Thái độ của Đức đã làm quan hệ quốc tế ở châu Âu ngày càng căng thẳng, đặc biệt là quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.

Câu 6. Sự hình thành hai khối quân sự trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ như thế nào? Từ đó rút ra nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* Sự hình thành hai khối quân sự:

- Năm 1882, Đức cùng Áo-Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là phe Liên minh. Sau này, I-ta-li-a rời khỏi liên minh, chống lại Đức.
- Đối phó với âm mưu của Đức, Anh - Pháp - Nga tuy có tranh chấp về thuộc địa nhưng phải nhân nhượng lẫn nhau, kí những bản hiệp ước tay đôi: Pháp - Nga (1890), Anh - Pháp (1904), Anh - Nga (1907), hình thành phe Hiệp ước.
- Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, châu Âu hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau: phe Liên minh (1882) gồm Đức, Áo-Hung, I-ta-li-a mâu thuẫn với phe Hiệp ước (1890 - 1907) gồm Anh, Pháp, Nga.

* Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh:

- Sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là sự tranh chấp thuộc địa của các nước đế quốc Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a và Anh, Pháp, Nga dẫn đến sự hình thành 2 khối đế quốc đối lập nhau ở châu Âu cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
- Cả hai tập đoàn đều ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau, điên cuồng chạy đua vũ trang. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, trước tiên là giữa đế quốc Anh và đế quốc Đức là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.
- Tình hình căng thẳng ở Ban-căng từ năm 1912 đến năm 1913 tạo cơ hội cho chiến tranh bùng nổ.

Câu 7. Lập bảng thống kê những diễn biến chính trong giai đoạn đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Hậu quả của nó.

Thời gian	Chiến sự	Kết quả
Năm 1914	- Ở phía Tây, ngay trong đêm 3/8/1914, Đức đã tràn vào Bỉ, rồi đánh thọc sang Pháp. - Cùng lúc ở phía Đông, Nga tấn công Đông Phổ.	- Đức chiếm được Bỉ và một phần nước Pháp, uy hiếp thủ đô Pa-ri. - Cứu nguy cho Pa-ri.
Năm 1915	Đức, Áo - Hung dốc toàn lực tấn công Nga.	Hai bên ở thế cầm cự trên một mặt trận dài

		1.200 km.
Năm 1916	Đức chuyển mục tiêu về phía Tây, tấn công pháo đài Véc-đoong.	Đức không hạ được Véc-đoong, hai bên bị thiệt hại nặng.

- Hậu quả:

- + Tình trạng khốn cùng của nhân dân lao động tăng lên không ngừng.
- + Đói, rét, bệnh tật và những tai họa do chiến tranh đem đến ngày càng nhiều.
- + Mâu thuẫn xã hội trong các nước tham chiến trở nên vô cùng gay gắt.
- + Gần 6 triệu người chết và hơn 10 triệu người bị thương.
- + Phong trào công nhân, phong trào quần chúng phản đối chiến tranh phát triển nhanh chóng.

Câu 8. Hãy ghi sự kiện phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây:

Thời gian	Sự kiện
Tháng 2/1917	Cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng Chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.
Ngày 2/4/1917	Mĩ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mỹ có lợi hơn cho phe Anh - Pháp - Nga.
Tháng 11/1917	Nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vich đứng lên làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Ngày 3/3/1918	Nhà nước Xô viết buộc phải kí với Đức Hòa ước Bret Li-tốp. Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.
Tháng 7/1918	65 vạn quân Mỹ đổ bộ vào châu Âu, Mỹ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mỹ trở thành nước đứng đầu phe Hiệp ước, thay Anh.
Cuối tháng 9/1918	Quân Đức liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng.
Ngày 11/11/1918	Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc bằng sự thất bại của phe Liên minh.

Câu 9. Nêu kết cục và tính chất của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* Kết cục:

- Tổn thất về sức người và của: Khoảng 1.500 triệu người dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa, 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương, nền kinh tế châu Âu bị kiệt quệ.
- Mỹ được hưởng nhiều lợi, nhiều nước tư bản đế quốc trở thành con nợ của Mỹ.
- Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô viết đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.

* Tính chất:

- Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa các nước đế quốc, chỉ đem lại lợi nhuận cho giai cấp tư sản cầm quyền.
- Là cuộc chiến tranh xâm lược nhằm cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của đối phương.

- Là cuộc chiến tranh phi nghĩa đối với cả hai phe tham chiến.

Câu 10. Nêu diễn biến chính trong giai đoạn thứ hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao Mỹ tham gia chiến tranh muộn?

* Diễn biến chính trong giai đoạn thứ hai (1917- 1918):

- Tháng 2/1917, cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

- Lúc này, Đức gây ra cuộc “chiến tranh tàu ngầm” gây cho Anh nhiều thiệt hại. Viện cố tàu ngầm Đức tấn công cả tàu buôn cập bến các nước phe Hiệp ước, Mỹ nhảy vào vòng chiến.

- Ngày 2/4/1917, Mỹ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mỹ có lợi hơn cho phe Hiệp ước.

- Tháng 11/1917, nhân dân Nga tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Nhà nước Xô viết ra đời. Để đối phó với các thế lực đế quốc đang bao vây, nhà nước Xô viết đã buộc phải kí với Đức Hòa ước Bret Li-tốp (ngày 3/3/1918). Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.

- Đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mỹ chưa sang đến châu Âu, quân Đức mở liên tiếp bốn đợt tấn công quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri.

- Tháng 7/1918, 65 vạn quân Mỹ đổ bộ vào châu Âu, Mỹ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mỹ trở thành nước đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh. Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận.

- Từ cuối tháng 9/1918, quân Đức liên tiếp bị thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng: Bun-ga-ri (29/9), Thổ Nhĩ Kỳ (30/10), Áo - Hung (2/11/1918).

- Ngày 11/11/1918, Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc bằng sự thất bại của phe Liên minh.

* Mỹ tham gia chiến tranh muộn vì:

- Lúc đầu, Mỹ giữ thái độ trung lập, nhưng khi các nước tham chiến suy yếu và phong trào cách mạng nổ ra ở nhiều nước, Mỹ quyết định tham gia vào chiến tranh nhằm thu lợi nhuận và ngăn chặn phong trào cách mạng lan rộng. Trên cơ sở đó, Mỹ sẽ vươn lên đứng đầu thế giới.

- Mỹ bí mật bán vũ khí cho các nước tham chiến để thu lợi nhuận.

CHỦ ĐỀ 5: NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Biết được một số thành tựu tiêu biểu của văn hóa thế giới thời cận đại.
- + Hiểu được những nét khái quát về điều kiện lịch sử và đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu văn hóa thế giới thời cận đại.
- + Liên hệ được sự phát triển và đóng góp của văn hóa Việt Nam trong dòng chảy lịch sử văn hóa thế giới.

❖ Kỹ năng

- + Quan sát tranh, ảnh; tìm hiểu các loại tư liệu lịch sử, văn học và nghệ thuật...
- + Xác lập được mối liên hệ giữa tình hình kinh tế - xã hội với sự phát triển của văn học, nghệ thuật, tư tưởng.
- + Vận dụng kiến thức liên môn trong học tập lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

a. VĂN HÓA BUỔI ĐẦU THỜI CẬN ĐẠI

- Bối cảnh lịch sử

- + Cách mạng tư sản bùng nổ và giành được thắng lợi ở một số nước Âu - Mỹ.
- + Cuộc đấu tranh chống phong kiến diễn ra trên mọi lĩnh vực.
- + Tiền đề từ phong trào Văn hóa Phục hưng.

- Thành tựu tiêu biểu

- + Văn học: xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn với nhiều kiệt tác văn học.

Nhà văn	Tác phẩm
Coóc-nây	Lơ-xít,...
Mô-li-e	Trường giả học làm sang,...
La-phông-ten	Con cáo và chùm nho,...
Tào Tuyết Cần	Hồng lâu mộng,...

- + Âm nhạc: các sáng tác của Bét-tô-ven, Mô-da...
- + Hội họa: tác phẩm của Rem-bran...
- + Tư tưởng: Trào lưu Triết học Ánh sáng (đại diện là Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô); nhóm Bách

khoa toàn thư...

- Ý nghĩa

- + Phản ánh hiện thực xã hội; mang giá trị nhân văn sâu sắc.
- + Góp phần thúc đẩy sự bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản.
- + Góp phần hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản.
- + Thúc đẩy văn hóa thế giới phát triển.

b. VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

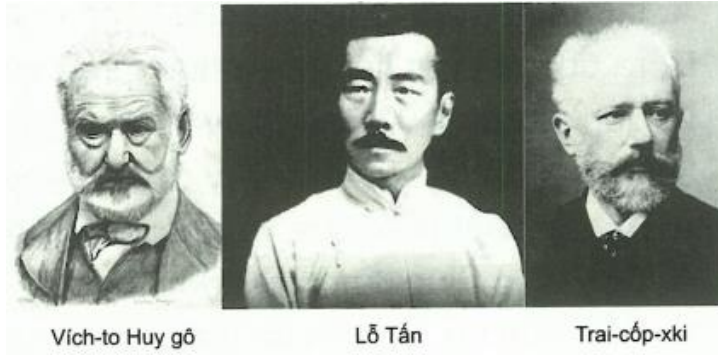
- Bối cảnh lịch sử

+ CNTB được xác lập trên phạm vi thế giới và dần chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa → các nước tư bản đẩy mạnh tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa.

- + Trong thời đại TBCN, sự giao lưu văn hóa Đông - Tây diễn ra mạnh mẽ.

- Thành tựu tiêu biểu

- + Văn học: xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ lớn với nhiều kiệt tác văn học.
- + Phương Tây: Vích-to Huy gô; Lép Tôn-xtôi, Mác-Tuên,...
- + Phương Đông: Lỗ Tấn, Hô-xê Mác-ti; Hô-xê Ri-đan; Ta-go; Nguyễn Du,...
- + Kiến trúc, điêu khắc: cung điện Véc-xai, bảo tàng Lu-vrơ; các bảo tàng ở Anh, Đức...
- + Hội họa: Van Gốc, Pi-cát-xô, Phu-gi-ta,...
- + Âm nhạc: Trai-cốp-xki, Sô-panh..



- Ý nghĩa

- + Phản ánh toàn diện hiện thực xã hội; mang giá trị nhân đạo sâu sắc.
- + Góp phần cổ vũ, thúc đẩy cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân loại.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Biến động lịch sử nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại (thế kỉ XVI - XVIII)?

- A. Các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên bùng nổ và giành thắng lợi.
- B. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- C. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ và lan rộng.
- D. Chế độ phong kiến Tây Âu bước vào giai đoạn phát triển thịnh đạt.

Câu 2: Một trong những tiền đề của sự phát triển của văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại là

- A. hoạt động thương mại quốc tế bắt đầu hình thành và mở rộng.
- B. các hoạt động giao lưu văn hóa Đông - Tây bắt đầu xuất hiện.
- C. những thành tựu rực rỡ của phong trào Văn hóa Phục hưng thời hậu kỳ trung đại.
- D. sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Câu 3: Nhà soạn nhạc người Áo có cống hiến to lớn cho nghệ thuật hợp xướng là

- A. Mô-da.
- B. Bét-thô-ven.
- C. Sô-panh.
- D. Trai-cốp-xki.

Câu 4: La-phông-ten là nhà ngụ ngôn cổ điển nổi tiếng của nước nào?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Nga.

Câu 5: Danh nhân nào sau đây là đại biểu xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp?

- A. Mô-li-e.
- B. La-phông-ten.
- C. Cooc-nây.
- D. Vích-to Huy-gô.

Câu 6: Nhà soạn nhạc người Đức với những sáng tác thấm đượm tinh thần dân chủ, cách mạng là

- A. Mô-da.
- B. Trai-cốp-xki.
- C. Bét-tô-ven.
- D. Pi-cát-xô.

Câu 7: Nhà thơ nổi tiếng của nước Nga buổi đầu thời cận đại là

- A. Pu-skin.
- B. Vích-to Huy-gô.
- C. Ra-bin-đra-nát Ta-go.
- D. Lép Tôn-xtôi.

Câu 8: Danh họa người Hà Lan với nhiều tác phẩm chân dung, phong cảnh nổi tiếng vào buổi đầu thời cận đại là

- A. Lê-vi-tan.
- B. Pi-cát-xô.
- C. Van Gốc.
- D. Rem-bran.

Câu 9: Trào lưu Triết học Ánh sáng thế kỉ XVII - XVIII đã

- A. tạo ra tiền đề tư tưởng cho cách mạng tư sản Pháp.
- B. ra đời từ thực tiễn của phong trào công nhân Pháp.
- C. góp phần cổ vũ, thúc đẩy cách mạng tư sản Anh.
- D. góp phần cổ vũ, thúc đẩy cách mạng tư sản Hà Lan.

Câu 10: Sự phát triển của văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại có tác động nào sau đây?

- A. Trực tiếp thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- B. Dẫn đến sự ra đời của giai cấp tư sản.
- C. Tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến.
- D. Góp phần củng cố hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

Câu 11: Một trong những tác động của sự phát triển văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại là

- A. góp phần củng cố hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.
- B. góp phần hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản.

- C. xóa bỏ hoàn toàn hệ tư tưởng phong kiến trên thế giới.
D. trực tiếp thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- Câu 12:** Sự phát triển văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại có tác động nào sau đây?
A. Góp phần củng cố hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.
B. Xóa bỏ hoàn toàn hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu, lỗi thời.
C. Góp phần quan trọng vào thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản.
D. Trực tiếp thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- Câu 13:** Văn học, nghệ thuật thế giới từ giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX phát triển trong bối cảnh
A. chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới.
B. chế độ phong kiến bắt đầu suy yếu, khủng hoảng.
C. giai cấp tư sản mới ra đời, chưa có địa vị chính trị.
D. sự giao lưu văn hóa Đông - Tây bắt đầu xuất hiện.
- Câu 14:** Biến động lịch sử nào sau đây có tác động to lớn đến sự phát triển văn học, nghệ thuật thế giới đầu thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?
A. Các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên bùng nổ ở châu Âu.
B. Các thương nhân phương Tây bắt đầu xâm nhập thị trường phương Đông.
C. Chế độ phong kiến có dấu hiệu suy yếu, khủng hoảng.
D. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- Câu 15:** Sự phát triển của văn học thế giới từ đầu thế kỉ XIX - đến đầu thế kỉ XX chịu tác động bởi nhiều yếu tố, ngoại trừ
A. sự bóc lột của giai cấp tư sản với người lao động trong nước.
B. sự khôi phục ảnh hưởng của lực lượng phong kiến và Giáo hội Ki-tô.
C. cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở chính quốc và thuộc địa.
D. hoạt động xâm lược thuộc địa của các nước thực dân.
- Câu 16:** Nhà soạn nhạc nổi tiếng với các tác phẩm: “Hồ thiên nga”, “Người đẹp ngủ trong rừng” là
A. Mô-da. B. Bét- tô-ven. C. Trai- cốp- xki. D. Sô- panh.
- Câu 17:** Những tác phẩm của nhà văn nào được Lê-nin đánh giá là “tấm gương phản chiếu cách mạng Nga”?
A. Lép-tôn-xtôi. B. Vích-to Huy-gô. C. Lỗ Tấn. D. Mác-tuên.
- Câu 18:** Nhà văn nào nổi tiếng với những tác phẩm gắn liền với cuộc sống của nhân dân lao động Mĩ thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?
A. Lép-tôn-xtôi. B. Vích-to Huy-gô. C. Ban-dắc. D. Mác-tuên.
- Câu 19:** Nhà văn nào **không** đại diện cho tiếng nói của các dân tộc bị áp bức?
A. Hô-xê Ri-đan. B. Lỗ Tấn. C. Hô-xê Mác-ti. D. Mác-tuên.
- Câu 20:** Nhà văn Pháp nổi tiếng với tác phẩm “Những người khốn khổ” là
A. Lép-tôn-xtôi. B. Vích-to Huy-gô. C. Lỗ Tấn. D. Mác-tuên.
- Câu 21:** Văn học các nước phương Đông cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX phản ánh mâu thuẫn chủ yếu nào trong xã hội thuộc địa?
A. Mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản.
B. Mâu thuẫn giữa nông dân và tư sản thuộc địa.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với chính quốc.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân và tiểu tư sản.

Câu 22: Một trong những tác phẩm nổi tiếng của Lép Tôn-xtôi là

A. “Những người khốn khổ”.

B. “Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-o”.

C. “Chiến tranh và hòa bình”.

D. “Người I-nô-xăng đi du lịch”.

Câu 23: Nhà văn hóa lớn người Ấn Độ đạt giải Nô ben năm 1913 là

A. Mác-tuên.

B. Ta-go.

C. Hô-xê Ri-đan.

D. Hô-xê Mác-ti.

Câu 24: Nhà văn nổi tiếng với các tác phẩm phản ánh ý chí độc lập và tự do của nhân dân Cu-ba là

A. Mác-tuên.

B. Ta-go.

C. Hô-xê Ri-đan.

D. Hô-xê Mác-ti.

Câu 25: “AQ chính truyện” là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn nào?

A. Hô-xê Mác-ti.

B. Lỗ Tấn.

C. Hô-xê Ri-đan.

D. Tào Tuyết Cần.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Khái quát bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại. Sự phát triển của văn hóa thế giới thời kỳ này có ý nghĩa gì?

Câu 2: Lập bảng thống kê những thành tựu tiêu biểu về văn học, nghệ thuật thế giới đầu thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Bối cảnh lịch sử các nước phương Đông và phương Tây có tác động như thế nào đến văn học thời kỳ này?

Câu 3: Tóm tắt bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của văn học, nghệ thuật thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Văn hóa Việt Nam thế kỉ XIX có những đóng góp tiêu biểu nào cho kho tàng văn hóa nhân loại?

Câu 4: Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn học, nghệ thuật thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX và rút ra nhận xét.

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - C	3 - A	4 - B	5 - C	6 - C	7 - A	8 - D	9 - A	10 - C
11 - B	12 - C	13 - A	14 - D	15 - B	16 - C	17 - A	18 - D	19 - D	20 - B
21 - C	22 - C	23 - B	24 - D	25 - B					

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Khái quát bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của văn hóa thế giới buổi đầu thời cận đại. Sự phát triển của văn hóa thế giới thời kỳ này có ý nghĩa gì?

* Bối cảnh lịch sử:

- Các cuộc cách mạng tư sản bùng nổ và từng bước giành được thắng lợi ở một số nước Âu - Mỹ: Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI, Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ thế kỉ XVIII... Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ tạo điều kiện cho văn hóa phát triển.

- Giai cấp tư sản phát động cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến lỗi thời diễn ra trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa - tư tưởng.

- Hiện thực xã hội sống động trong thời đại đan xen giữa cái cũ và cái mới, lạc hậu và tiến bộ... với nhiều mâu thuẫn là chất liệu, cảm hứng cho văn học nghệ thuật.

- Những thành tựu rực rỡ của Phong trào văn hóa Phục hưng thời hậu kỳ trung đại tạo tiền đề cho văn hóa châu Âu tiếp tục phát triển.

* Thành tựu tiêu biểu:

- Văn học: Cooc-nây (1606 - 1684) - đại diện tiêu biểu của nền bi kịch cổ điển Pháp; La Phông-ten (1621 - 1695) - nhà thơ ngụ ngôn Pháp; Mô-li-e (1622 - 1673) - người mở đầu cho nền hài kịch cổ điển Pháp; Tào Tuyết Cần (1716 - 1763) - nhà tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc; nhà thơ, nhà soạn kịch Nhật Bản Chi-ka- mát-xư Môn-đa-ê-môn (1653 - 1725)...

- Âm nhạc: Bét-tô-ven là nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức với nhiều bản giao hưởng nổi tiếng, Mô-da - thiên tài âm nhạc người Áo có công hiến to lớn cho nghệ thuật hợp xướng...

- Hội họa: nhà hội họa Hà Lan Rem-bran (1606 -1669) với nhiều bức tranh chân dung, phong cảnh vẽ bằng sơn dầu, khắc trên kim loại...

- Tư tưởng: Trào lưu Triết học Ánh sáng (đại diện là Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô) nở rộ, là cơ sở tư tưởng cho Cách mạng tư sản Pháp; nhóm Bách khoa toàn thư ra đời...

* Ý nghĩa:

- Phản ánh hiện thực xã hội và có giá trị nhân văn sâu sắc.

- Góp phần tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến, thúc đẩy thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản.

- Góp phần hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản.

- Làm phong phú, giàu có thêm kho tàng văn hóa nhân loại, tạo điều kiện cho văn hóa thế giới tiếp tục phát triển rực rỡ.

Câu 2. Lập bảng thống kê những thành tựu tiêu biểu về văn học, nghệ thuật thế giới đầu thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Bối cảnh lịch sử các nước phương Đông và phương Tây có tác động như thế nào đến văn học thời kì này?

* Bảng thống kê:

Lĩnh vực	Khu vực	Thành tựu tiêu biểu
Văn học	Phương Tây	- Vích-to Huy-gô (Pháp): tiểu thuyết Những người khốn khổ... - Lép Tôn-xtôi (Nga): tiểu thuyết Chiến tranh và hòa bình, An-na Ka-rê-ni-na... - Mác-Tuên (Mĩ): tiểu thuyết Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ, Những người I-nô-xăng đi du lịch... - Ban-dắc (Pháp): bộ tiểu thuyết Tấn trò đời...
	Phương Đông	- Lỗ Tấn (Trung Quốc): A.Q. Chính chuyện, Nhật kí người điên, Thuốc... - Hô-xê Mác-ti (Cu-ba). - Hô-xê Ri-đan (Phi-lip-pin), tác phẩm Đứng động vào tôi. - Ta-go (Ấn Độ): tập Thơ Dâng đạt giải Nô-bel năm 1913... - Nguyễn Du (Việt Nam): tác phẩm Truyện Kiều...
Nghệ thuật		- Kiến trúc, điêu khắc: cung điện Véc-xai, bảo tàng Lu-vơ (Pháp), tượng Nữ thần Tự do (Mĩ)...

		- Hội họa: Van-gốc (Hà Lan), Pi-cát-xô (Tây Ban Nha), Lê-vi-tan (Nga), Phu-gi-ta (Nhật Bản)... - Âm nhạc: Trai-cốp-xki (Nga), Sô-panh (Ba Lan),... - ...
--	--	--

* Tác động của bối cảnh lịch sử đến sự phát triển văn học phương Đông và phương Tây:

- Đầu thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới và chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.

+ Ở phương Tây: giai cấp tư sản nắm quyền thống trị, tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, những mặt trái trong lòng xã hội tư bản ngày càng lộ rõ. Đời sống nhân dân lao động khổ nhọc.

→ Các tác phẩm văn học phản ánh toàn diện hiện thực xã hội đương thời; thể hiện tình yêu thương đối với những người nghèo khổ, thể hiện khát vọng giải phóng con người. → Hiện thực xã hội nhiều chuyển biến phức tạp là nguồn chất liệu và cảm hứng cho văn học, hàng loạt kiệt tác ra đời mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

+ Ở phương Đông: chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, các nước phương Đông từng bước bị chủ nghĩa thực dân xâm lược và xâm chiếm, mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng gay gắt. Phong trào chống chế độ thực dân, phong kiến ở các nước bùng nổ và phát triển.

→ Các tác phẩm văn học phản ánh sinh động cuộc sống của nhân dân dưới chế độ thực dân phong kiến; thể hiện ý thức dân tộc và tinh thần đấu tranh vì độc lập, dân chủ. Văn học trở thành vũ khí tinh thần cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. → Sự truyền bá của văn hóa - tư tưởng phương Tây vào các nước phương Đông có tác động tích cực làm cho văn học phương Đông có những tiến bộ rõ rệt về đề tài, hình thức, nghệ thuật phản ánh...

Câu 3. Tóm tắt bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của văn học, nghệ thuật thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Văn hóa Việt Nam thế kỉ XIX có những đóng góp tiêu biểu nào cho kho tàng văn hóa nhân loại?

* Bối cảnh lịch sử:

- Thời kì từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến trên phạm vi thế giới và chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới và chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, các nước tư bản đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.

+ Ở phương Tây, giai cấp tư sản nắm quyền thống trị, tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, đời sống nhân dân lao động khổ nhọc.

+ Ở phương Đông, chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, các nước phương Đông từng bước bị chủ nghĩa thực dân xâm lược và xâm chiếm, mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng gay gắt.

- Sự xác lập và thống trị của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới thúc đẩy mạnh mẽ sự giao lưu văn hóa Đông - Tây.

* Thành tựu tiêu biểu:

- Văn học:

+ Văn học phương Tây tiếp tục phát triển và đạt nhiều thành tựu rực rỡ. Văn học thời kì này phản ánh toàn diện bức tranh xã hội tư bản đương thời, mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Các tác giả và tác phẩm tiêu biểu là: Vích-to Huy gô (Pháp) với tác phẩm Những người khốn khổ; Lép Tôn-xtôi (Nga)

với các tác phẩm Chiến tranh và hòa bình, An-na Ka-rê-ni-na...; Mác Tuên (Mĩ) với tác phẩm Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ, Những người I-nô-xăng đi du lịch...

+ Văn học phương Đông có sự tiến bộ rõ rệt, tập trung phản ánh cuộc sống của nhân dân dưới chế độ thực dân, phong kiến; thể hiện ý thức dân tộc và cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do. Các tác giả và tác phẩm tiêu biểu là: Lỗ Tấn (Trung Quốc) với các tác phẩm A.Q. Chính chuyện, Nhật kí người điên, Thuốc...; Hô-xê Mác-ti - nhà văn Cu-ba; Hô-xê Ri-đan - nhà văn, nhà thơ Phi-lip-pin; Ta-go (Ấn Độ) với tập Thơ Dâng đạt giải Nô-ben năm 1913; Nguyễn Du (Việt Nam) với tác phẩm Truyện Kiều...

- Về Nghệ thuật:

+ Kiến trúc, điêu khắc: rất phát triển, tiêu biểu là cung điện Véc-xai, bảo tàng Lu-vơ (Pháp); tháp Ép-Phen (Pháp), tượng Nữ thần Tự do (Mĩ)...

+ Hội họa: là thời kì nở rộ của các trường phái hội họa, xuất hiện nhiều họa sĩ danh tiếng với các tác phẩm có giá trị vĩnh cửu: Van Gốc (Hà Lan), Phu-gi-ta (Nhật Bản), Pi-cat-xô (Tây Ban Nha), Lê-vin-tan (Nga)...

+ Âm nhạc, nổi bật là Trai-cốp-xki (Nga) - một trong những điển hình của âm nhạc hiện thực thế giới thời bấy giờ. Tác phẩm nổi tiếng của ông: Con đầm pích, Hồ thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng...

* Đóng góp của Việt Nam:

- Đại thi hào Nguyễn Du với kiệt tác thơ Nôm Truyện Kiều. Nguyễn Du đã được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.

- Một số thành tựu văn hóa của Việt Nam trong thế kỉ XIX đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới: Quần thể di tích cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, Mộc bản triều Nguyễn.

Câu 4. Nêu những thành tựu tiêu biểu của văn học, nghệ thuật thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX và rút ra nhận xét.

* Thành tựu tiêu biểu:

- Văn học:

+ Văn học phương Tây tiếp tục phát triển và đạt nhiều thành tựu. Văn học thời kì này phản ánh toàn diện bức tranh xã hội tư bản đương thời, mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Các tác giả và tác phẩm tiêu biểu là: Vích-to Huy-gô (Pháp) với tác phẩm Những người khốn khổ; Lép Tôn-xtôi (Nga) với các tác phẩm Chiến tranh và hòa bình, An-na Ka-rê-ni-na...; Mác Tuên (Mĩ) với tác phẩm Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ, Những người I-nô-xăng đi du lịch...

+ Văn học phương Đông có sự tiến bộ rõ rệt, tập trung phản ánh cuộc sống của nhân dân dưới chế độ thực dân, phong kiến; thể hiện ý thức dân tộc và cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do. Các tác giả và tác phẩm tiêu biểu là: Lỗ Tấn (Trung Quốc) với các tác phẩm A.Q. Chính chuyện, Nhật kí người điên, Thuốc...; Hô-xê Mác-ti - nhà văn Cu-ba; Hô-xê Ri-đan - nhà văn, nhà thơ Phi-lip-pin; Ta-go (Ấn Độ) với tập Thơ Dâng đạt giải Nô-bel năm 1913; Nguyễn Du (Việt Nam) với tác phẩm Truyện Kiều...

- Về Nghệ thuật:

+ Kiến trúc, điêu khắc: rất phát triển, tiêu biểu là cung điện Véc-xai, bảo tàng Lu-vơ (Pháp); tháp Ép-Phen (Pháp), tượng Nữ thần Tự do (Mĩ)...

+ Hội họa: là thời kì nở rộ của các trường phái hội họa, xuất hiện nhiều họa sĩ danh tiếng với các tác phẩm có giá trị vĩnh cửu: Van Gốc (Hà Lan), Phu-gi-ta (Nhật Bản), Pi-cat-xô (Tây Ban Nha), Lê-vin-tan (Nga)...

+ Âm nhạc, nổi bật là Trai-cốp-xki (Nga) - một trong những điển hình của âm nhạc hiện thực thế giới thời bấy giờ. Tác phẩm nổi tiếng của ông: Con đầm pích, Hồ thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng...

* Nhận xét:

- Phát triển mạnh mẽ ở cả các nước phương Đông và phương Tây.
- Phản ánh toàn diện hiện thực xã hội và mang giá trị nhân đạo sâu sắc.
- Góp phần cổ vũ, thúc đẩy cuộc đấu tranh vì độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân loại.
- Đạt nhiều thành tựu rực rỡ và toàn diện, là những di sản quý báu và có giá trị vĩnh cửu của văn hóa nhân loại.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nước Nga đầu thế kỉ XX. Qua đó thấy được sự xuất hiện tình thế cách mạng ở Nga năm 1917.
- + Trình bày được diễn biến chính của cuộc Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- + Hiểu được tính chất của hai cuộc cách mạng ở Nga năm 1917.
Giải thích được tại sao năm 1917, ở Nga diễn ra hai cuộc cách mạng.
Chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai cuộc cách mạng đó.
- + Hiểu được ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga và ảnh hưởng của cuộc cách mạng này đối với lịch sử nhân loại.

❖ Kỹ năng

- + Tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức lịch sử.
- + So sánh hai cuộc cách mạng ở Nga năm 1917 để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai cuộc cách mạng đó.
- + Phân tích đặc điểm của hai cuộc cách mạng ở Nga năm 1917, qua đó giải thích được khái niệm: cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, cách mạng vô sản.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CÁCH MẠNG Ở NGÀ NĂM 1917

1. Cách mạng tháng Hai

- Nguyên nhân:
 - + Chính trị:
 - Đầu thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế.
 - Nga hoàng đẩy nhân dân vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây hậu quả nghiêm trọng.
 - + Kinh tế: lạc hậu, công nghiệp, nông nghiệp đình đốn.
 - + Xã hội:
 - Đời sống nhân dân cực khổ.
 - Phong trào phản đối chiến tranh khắp nơi.
- Mâu thuẫn giữa nhân dân Nga với Nga hoàng gay gắt → cách mạng bùng nổ.
- Mục tiêu:
 - + lật đổ chế độ phong kiến Nga hoàng.
 - + Chống chiến tranh đế quốc.
- Lãnh đạo: Giai cấp vô sản thông qua đội tiên phong là Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lênin.
- Động lực: Công nhân, nông dân, binh lính.
- Diễn biến chính:
 - + Ngày 23/2/1917, cách mạng bùng nổ với cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pê-tơ-rô-grát.
 - + Phong trào chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.
- Kết quả:
 - + Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế.
 - + Thành lập Chính phủ lâm thời của tư sản và các Xô viết của công - nông - binh lính.
- Tính chất: Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (lần hai).
- Ý nghĩa:
 - + Tạo điều kiện để đưa nước Nga phát triển.
 - + Là bước quá độ cho sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa (Cách mạng tháng Mười).

2. Cách mạng tháng Mười

- Nguyên nhân:
 - + Nga tồn tại 2 chính quyền song song, đại diện cho những lợi ích khác nhau: Chính phủ lâm thời (tư sản); chính quyền Xô viết (vô sản).
 - + Chính phủ tư sản lâm thời không đáp ứng quyền lợi của nhân dân; tiếp tục đẩy nhân dân tham gia chiến tranh thế giới.
- Lênin và Đảng Bôn-sê-vích xác định chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa (qua Luận cương tháng Tư).

-
- + Tháng 10/1917, Lênin về nước trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
 - Mục tiêu:
 - + Lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, địa chủ.
 - + Tạo điều kiện đưa nước Nga đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
 - Lãnh đạo: Giai cấp vô sản thông qua đội tiên phong là Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lênin.
 - Động lực: Công nhân, nông dân, binh lính.
 - Diễn biến chính:
 - + Đêm 24/10/1917, bắt đầu khởi nghĩa.
 - + Đêm 25/10, tấn công cung điện Mùa Đông, bắt giữ các bộ trưởng của Chính phủ tư sản.
→ khởi nghĩa Pê-tơ-rô-grát giành thắng lợi.
 - + Ngày 3/11/1918, chính quyền Xô viết giành thắng lợi trên khắp nước Nga.
 - Kết quả:
 - + Lật đổ chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.
 - + Thành lập chính quyền Xô viết do Lênin đứng đầu.
 - Tính chất: Cách mạng xã hội chủ nghĩa (cách mạng vô sản).
 - Ý nghĩa:
 - + Đập tan ách áp bức, bóc lột của phong kiến, tư sản, giải phóng nhân dân lao động.
 - + Làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.
 - + Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng thế giới.
 - + Mở đầu thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong các tiền đề sau đây, tiền đề nào quan trọng nhất dẫn đến cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Nga năm 1917.

- A. Chủ nghĩa đế quốc là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ cho CNXH.
- B. Nước Nga là nơi tập trung cao độ các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc.
- C. Đầu năm 1917, nước Nga trở thành khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới.
- D. Giai cấp vô sản Nga có lý luận và đường lối cách mạng đúng đắn.

Câu 2: Sau cách mạng 1905 - 1907, nước Nga theo thể chế chính trị nào?

- A. Xã hội chủ nghĩa. B. Dân chủ đại nghị. C. Quân chủ chuyên chế. D. Quân chủ lập hiến.

Câu 3: Thái độ của Nga hoàng đối với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918 như thế nào?

- A. Đứng ngoài cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc.
- C. Tham chiến một cách có điều kiện.
- D. Tham gia cuộc chiến tranh khi thấy lợi nhuận.

Câu 4: Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến ở Nga đã tác động đến nền kinh tế như thế nào?

- A. Bước đầu tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.
- B. Tạo điều kiện cho kinh tế phát triển mạnh mẽ.
- C. Kìm hãm nặng nề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- D. Làm cho nền kinh tế khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.

Câu 5: Trước phong trào đấu tranh của nhân dân, thái độ của Nga hoàng như thế nào?

- A. Bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa.
- B. Đàn áp, dập tắt được phong trào của nhân dân.
- C. Nhờ sự giúp đỡ của các đế quốc khác.
- D. Bỏ chạy ra nước ngoài.

Câu 6: Tính chất của cuộc cách mạng tháng Hai ở Nga là

- A. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ. B. cách mạng vô sản.
- C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. D. cách mạng văn hóa.

Câu 7: Đỉnh cao của hình thức đấu tranh trong cuộc Cách mạng tháng Hai ở Nga 1917 là gì?

- A. Khởi nghĩa từng phần.
- B. Biểu tình thị uy.
- C. Chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.
- D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 8: Tình trạng chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai là

- A. hai chính quyền song song tồn tại B. quân đội cũ nổi dậy chống phá.
- C. các nước đế quốc can thiệp vào nước Nga. D. chính phủ tư sản bị lật đổ.

Câu 9: Thể chế chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai 1917 là

A. quân chủ chuyên chế.

B. cộng hòa.

C. quân chủ lập hiến.

D. xã hội chủ nghĩa.

Câu 10: Luận cương tháng Tư của Lê-nin đã chỉ ra mục tiêu và đường lối của Cách mạng tháng Mười là chuyển từ

A. cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

B. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

C. đấu tranh chính trị sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

D. cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.

Câu 11: Tính chất của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga 1917 là

A. cách mạng tư sản kiểu cũ.

B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

D. cách mạng tư sản điển hình.

Câu 12: Sự kiện mở đầu cho cuộc cách mạng tháng Hai 1917 là

A. Cuộc biểu tình của nữ công nhân Pê-tơ-rô-grát.

B. Các Xô viết được thành lập.

C. Cuộc tấn công vào Cung điện Mùa Đông.

D. Lê-nin về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Câu 13: Thái độ của nhân dân trước việc Nga hoàng đẩy nước Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc?

A. Đồng tình ủng hộ.

B. Bất lực trước tình hình đó.

C. Nổi dậy đấu tranh đòi lật đổ chế độ Nga hoàng.

D. Bỏ chạy ra nước ngoài.

Câu 14: Điều **không** phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga 1917?

A. Mở ra kỉ nguyên mới và làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.

B. Đưa nhân dân lao động đứng lên làm chủ đất nước.

C. Làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.

D. Đưa tới sự ra đời của nhà nước tư sản đầu tiên trên thế giới.

Câu 15: Mục tiêu trong Luận cương tháng Tư của Lê-nin là gì?

A. Chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

B. Chuyển từ chế độ phong kiến sang cách mạng dân chủ tư sản.

C. Duy trì chế độ lâm thời của giai cấp tư sản.

D. Tạo điều kiện cho giai cấp tư sản phát triển.

Câu 16: Cách mạng tháng Mười Nga (1917) đặt dưới sự lãnh đạo của

A. Các-mác

B. Ăng-ghe-n.

C. X-ta-lin.

D. Lê-nin.

Câu 17: Đây là ý nghĩa của Luận cương tháng Tư do Lê-nin soạn thảo?

A. Giác ngộ cách mạng cho đông đảo quần chúng nhân dân.

B. Trang bị vũ khí tư tưởng cho mọi giai cấp, tầng lớp.

C. Chỉ rõ mục tiêu, đường lối chuyển sang cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

D. Cổ vũ quần chúng tích cực đứng dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Câu 18: “Hồi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Nguyễn Ái Quốc rút ra chân lý đó dưới sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng nào sau đây?

A. Cách mạng Trung Hoa.

B. Cách mạng tư sản Pháp.

C. Cách mạng tháng Mười Nga.

D. Cách mạng tháng Hai ở Nga.

Câu 19: Trên tờ báo sự thật, số ra ngày 27/1/1924, Nguyễn Ái Quốc có viết: Khi còn sống, Người là cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày này, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Nguyễn Ái Quốc đang nói về ai?

A. Phi-den Cat-xơ-rô. B. Mao Trạch Đông.

C. Lê-nin.

D. Các-mác.

➤ **CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Câu 1: Trình bày tình hình nước Nga trước cách mạng.

Câu 2: Nhiệm vụ chủ yếu của cuộc cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là gì? Sau cách mạng tháng Hai, tình hình nước Nga có gì đặc biệt? Nhiệm vụ mới đặt ra cho cách mạng Nga sau cách mạng tháng Hai?

Câu 3: Vì sao năm 1917, nước Nga diễn ra hai cuộc cách mạng?

Câu 4: Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 5: So sánh điểm giống và khác nhau giữa Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười ở Nga năm 1917.

III. ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - C	2 - C	3 - B	4 - C	5 - A	6 - C	7 - C	8 - A	9 - C	10 - A
11 - B	12 - A	13 - C	14 - D	15 - A	16 - D	17 - C	18 - C	19 - C	

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày tình hình nước Nga trước cách mạng.

- Kinh tế: công - nông nghiệp suy sụp, đình đốn do chính sách lạc hậu của chế độ Nga hoàng và hậu quả của việc Nga hoàng đẩy nước Nga vào Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Chính trị: chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng khủng hoảng, không đủ sức thống trị.
- Xã hội: đời sống các tầng lớp nhân dân Nga đều khó khăn. Nước Nga là nơi tập trung cao độ các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc: mâu thuẫn giai cấp (vô sản - tư sản; nông dân - địa chủ phong kiến); mâu thuẫn dân tộc (hơn 100 dân tộc trong đế quốc Nga - chế độ phong kiến Nga hoàng); mâu thuẫn giữa đế quốc Nga với các đế quốc khác.

→ Đầu năm 1917, tình thế cách mạng đã xuất hiện ở Nga.

Câu 2: Nhiệm vụ chủ yếu của cuộc cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là gì? Sau cách mạng tháng Hai, tình hình nước Nga có gì đặc biệt? Nhiệm vụ mới đặt ra cho cách mạng Nga sau cách mạng tháng Hai?

- Đầu năm 1917, nước Nga vẫn là nước quân chủ chuyên chế. Chế độ phong kiến lạc hậu, khủng hoảng → nhiệm vụ đặt ra cho cuộc cách mạng Nga là lật đổ chế độ phong kiến lỗi thời.
- Sau cách mạng tháng Hai năm 1917, ở Nga xuất hiện cục diện 2 chính quyền song song tồn tại:
 - + Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.
 - + Các Xô viết đại biểu của công nhân, nông dân, binh lính.
- Hai chính quyền đại diện cho 2 chế độ xã hội đối lập nhau nên không thể cùng tồn tại lâu dài.
- Nhiệm vụ mới đặt ra cho nước Nga là lật đổ chính phủ lâm thời tư sản, giành chính quyền về tay nhân dân.

Câu 3: Vì sao năm 1917, nước Nga diễn ra hai cuộc cách mạng?

- Tình hình nước Nga đầu năm 1917 đặt nước Nga tiến đến một cuộc cách mạng tư sản nhằm lật đổ chế độ phong kiến: Cách mạng tháng Hai năm 1917.
- Cuộc Cách mạng tháng hai (1917) đã lật đổ chế độ Nga hoàng nhưng những mâu thuẫn chồng chéo trong lòng xã hội nước Nga vẫn chưa được giải quyết.
- Sau cách mạng tháng Hai, hai chính quyền song song tồn tại đại diện cho lợi ích của các giai cấp đối lập nên không thể tồn tại lâu dài. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm Cách mạng vô sản, lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời: Luận cương tháng Tư (1917).

- Trải qua 8 tháng đấu tranh hòa bình nhưng giai cấp tư sản không chịu từ bỏ quyền lực của mình, mặt khác lực lượng quần chúng đông đảo đủ sức lật đổ giai cấp tư sản. Chính vì vậy, Đảng Bôn-sê-vích đã chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền làm cuộc Cách mạng thứ Hai - Cách mạng tháng Mười.

Câu 4: Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga.

** Đối với nước Nga:*

- Cách mạng tháng Mười mở ra một kỉ nguyên mới và làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu con người ở Nga.
- Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi mọi gông xiềng nô lệ, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.
- Một chế độ xã hội mới được thiết lập: chế độ XHCN.

** Đối với thế giới:* Cách mạng tháng Mười có ảnh hưởng mạnh mẽ tới tiến trình lịch sử và cục diện thế giới:

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa Xô viết đầu tiên trên thế giới đã làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống hoàn chỉnh bao trùm thế giới.
- Thức tỉnh, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới, mở ra con đường mới cho các dân tộc bị áp bức: con đường cách mạng vô sản.

Câu 5: So sánh điểm giống và khác nhau giữa Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười ở Nga.

	Cách mạng tháng Hai	Cách mạng tháng Mười
Mục tiêu	Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, thiết lập nền cộng hòa.	Lật đổ chính phủ lâm thời tư sản, đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền.
Kẻ thù	Chế độ phong kiến.	Chính phủ lâm thời tư sản.
Lực lượng	Quần chúng nhân dân lao động, nông cốt là công - nông.	Quần chúng nhân dân lao động, nông cốt là công - nông.
Lãnh đạo	Đảng Bôn-sê-vích Nga - chính đảng của giai cấp vô sản.	Đảng Bôn-sê-vích Nga - chính đảng của giai cấp vô sản.
Kết quả	- Chế độ phong kiến bị lật đổ, Nga trở thành nước cộng hòa. - Xuất hiện cục diện hai chính quyền song song tồn tại.	Chính phủ lâm thời tư sản bị lật đổ, chính quyền vô sản được thiết lập.
Tính chất	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.	Cách mạng vô sản (cách mạng xã hội chủ nghĩa).

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)
CHỦ ĐỀ 2: LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- + Trình bày được hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của Chính sách kinh tế mới (NEP).
Phân tích được tác dụng của Chính sách kinh tế mới (NEP) đối với nước Nga Xô viết.
- + Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong những năm 1925 - 1941.
- + Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH (1921 - 1941).

❖ **Kĩ năng**

- + Sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử; khai thác thông tin, xử lí số liệu,...
- + Tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức lịch sử.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI (1921 - 1925)

Chính sách kinh tế mới là sự chuyển đổi nền kinh tế do nhà nước độc quyền sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do nhà nước kiểm soát.

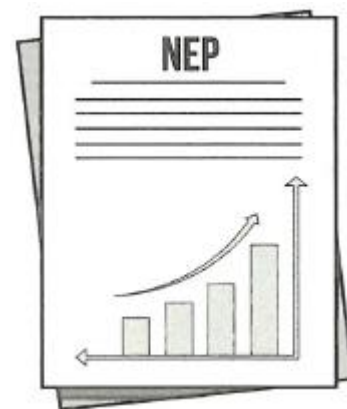
1. Bối cảnh

- Sau 7 năm chiến tranh liên miên, nền kinh tế quốc dân của nước Nga bị tàn phá nghiêm trọng.
- Các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, kích động nhân dân nổi dậy chống chính quyền.
- Chính sách Cộng sản thời chiến kìm hãm nền kinh tế, khiến nhân dân bất bình.

Nước Nga Xô viết lâm vào khủng hoảng → Tháng 3/1921 Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) do Lênin đề xướng.

2. Nội dung

- Nông nghiệp: thay chế độ trưng thu lương thực bằng thu thuế lương thực.
- Công nghiệp:
 - + Khôi phục các ngành công nghiệp nặng.
 - + Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.
 - + Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư tại Nga.
 - + Chấn chỉnh tổ chức sản xuất; cải tiến chế độ lương.
- Thương nghiệp - tiền tệ: cho phép tự do buôn bán; phát hành đồng rúp mới.



3. Ý nghĩa

- Hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế → Nhân dân Xô viết vượt qua khó khăn.
- Là bài học đối với công cuộc xây dựng CNXH ở một số nước và Việt Nam.

SỰ THÀNH LẬP LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

- Yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước → các dân tộc trên lãnh thổ Xô viết cần liên minh chặt chẽ với nhau.
- Tháng 12/1922, Đại hội Xô viết toàn Nga đã tuyên bố thành lập Liên Bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô).
- Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các dân tộc trên lãnh thổ.
- Tăng cường sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 - 1941)

1. Hoàn cảnh

- Kinh tế:
 - + Liên Xô vẫn là nước nông nghiệp lạc hậu (nông nghiệp chiếm 2/3 thu nhập quốc dân).
 - + Kinh tế bị cấm vận, các thiết bị kĩ thuật lệ thuộc nước ngoài.
- Chính trị, xã hội:
 - + Đời sống nhân dân Liên Xô tuy đã được cải thiện, song còn nhiều khó khăn.
 - + Bị các nước đế quốc, tư bản phương Tây bao vây, cô lập và cấm vận.
 - + Để bắt kịp với trình độ phát triển của các nước phương Tây và giữ vững chế độ xã hội mới, nhân dân Liên Xô bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH.

2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Mục tiêu: Đưa Liên Xô trở thành nước công nghiệp có những ngành công nghiệp chủ chốt.
- Biện pháp:
 - + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng: công nghiệp năng lượng, chế tạo máy móc,...
 - + Thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội (1928 - 1932); (1933 - 1937); (1937 - 1941).
- Thành tựu tiêu biểu:
 - + Kinh tế:
 - Năm 1937, công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân. → Trở thành cường quốc công nghiệp XHCN.
 - Nông nghiệp: 93% số nông hộ và hơn 90% diện tích canh tác đã được tập thể hóa, cơ giới hóa.
 - + Xã hội: Cơ cấu giai cấp thay đổi, chỉ còn giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức XHCN.
 - + Văn hóa, giáo dục: Thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước.
 - + Quân sự: Xây dựng được lực lượng vũ trang hùng hậu để bảo vệ Tổ quốc.
 - + Ngoại giao: Từng bước xác lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á, châu Âu. → Khẳng định uy tín của Liên Xô trên trường quốc tế; từng bước phá vỡ chính sách bao vây cô lập của các nước đế quốc.

3. Ý nghĩa

- Liên Xô đã bước đầu xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật cho CNXH.
- Tăng cường tiềm lực đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.
- Góp phần giúp đỡ sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khó khăn lớn nhất của nước Nga Xô viết từ năm 1918 đến năm 1920 là gì?

- A. Phản động trong nước ngóc đầu dậy chống chính quyền cách mạng.
- B. 14 nước đế quốc cấu kết với bọn phản động trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga.
- C. Chính quyền Xô viết mới thành lập, còn quá non trẻ.
- D. Nền kinh tế bị kiệt quệ do chiến tranh tàn phá.

Câu 2: Ý nào **không** phản ánh đúng tình hình nước Nga Xô viết khi bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước?

- A. Tình hình chính trị không ổn định.
- B. Các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn.
- C. Chính quyền Xô viết nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của nước ngoài.
- D. Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng.

Câu 3: Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919, nước Nga thực hiện chính sách gì?

- A. Chính sách kinh tế mới.
- B. Chính sách quốc phòng toàn dân.
- C. Chính sách cộng sản thời chiến.
- D. Chính sách tổng động viên.

Câu 4: Người đề xướng Chính sách kinh tế mới là

- A. X-ta-lin.
- B. Khor-rút-xốp.
- C. Đê-mi-tơ-rốp.
- D. Lê-nin.

Câu 5: “NEP” là cụm từ viết tắt của

- A. Chính sách cộng sản thời chiến.
- B. Chính sách kinh tế mới.
- C. Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết.
- D. Các kế hoạch 5 năm của Liên Xô từ năm 1925 đến năm 1941.

Câu 6: Trong Chính sách kinh tế mới, ngành kinh tế nào ở Nga chưa được chú trọng thực hiện cải cách?

- A. Thương nghiệp và tiền tệ.
- B. Công nghiệp.
- C. Du lịch.
- D. Nông nghiệp.

Câu 7: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô được tiến hành trong khoảng thời gian nào?

- A. 1933 - 1937.
- B. 1927 - 1931.
- C. 1928 - 1932.
- D. 1926 - 1930.

Câu 8: Nhiệm vụ cơ bản của Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô trong lĩnh vực nông nghiệp là gì?

- A. Biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp.
- B. Thực hiện công nghiệp hóa trong nông nghiệp.
- C. Tiến hành tập thể hóa nông nghiệp.
- D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 9: Trong nông nghiệp, Chính sách kinh tế mới đề ra chủ trương gì?

- A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.
- B. Thay thế thuế lương thực từ nộp bằng hiện vật sang nộp bằng tiền.
- C. Nhà nước trưng thu toàn bộ phần lương thực thừa của nông dân.

D. Nông dân phải bán một phần số lương thực dư thừa cho Nhà nước.

Câu 10: Chính sách kinh tế mới **không** đề ra chủ trương nào trong lĩnh vực công nghiệp?

A. Nhà nước khôi phục phát triển công nghiệp nặng.

B. Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga.

C. Thành lập Ban quản lý dự án các khu công nghiệp nặng.

D. Cho phép tư nhân lập xí nghiệp nhỏ có sự kiểm soát của Nhà nước.

Câu 11: Trong thương nghiệp và tiền tệ, Chính sách kinh tế mới không đề cập đến vấn đề nào?

A. Cho phép mở lại các chợ.

B. Đánh thuế lưu thông hàng hóa.

C. Cho phép tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi.

D. Khôi phục, đẩy mạnh mối quan hệ trao đổi giữa thành thị và nông thôn.

Câu 12: Ý nào phản ánh đúng nhất về kết quả thực hiện Chính sách kinh tế mới ở nước Nga?

A. Một số ngành kinh tế có bước phát triển mạnh.

B. Sự phát triển giữa các ngành kinh tế không đồng đều.

C. Nền kinh tế quốc dân của nước Nga Xô viết đã có những chuyển biến rõ rệt.

D. Chỉ tập trung vào phát triển vào một số ngành kinh tế.

Câu 13: Thực chất của Chính sách kinh tế mới là

A. nhà nước nắm độc quyền mọi mặt và quản lý các ngành kinh tế.

B. coi trọng, bảo vệ quyền lợi, giúp đỡ để các tập đoàn tư bản lớn phục hồi và phát triển sản xuất.

C. kịp thời chuyển đổi, quy hoạch lại các nhà máy, xí nghiệp nhỏ để tập trung cho sản xuất lớn.

D. chuyển từ nền kinh tế do nhà nước nắm độc quyền sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước.

Câu 14: Liên Xô bước vào thời kì chiến tranh chống phát xít Đức vào thời gian nào?

A. Tháng 5/1942.

B. Tháng 6/1941.

C. Tháng 5/1941.

D. Tháng 6/1942.

Câu 15: Mỹ đã công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô vào năm nào?

A. 1922.

B. 1925.

C. 1933.

D. 1934.

Câu 16: Với Chính sách kinh tế mới, nhân dân Xô viết đã hoàn thành

A. mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. kế hoạch sản xuất.

C. công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

D. công cuộc khôi phục kinh tế.

Câu 17: Ý nghĩa lớn nhất đối với Nga khi thực hiện thành công Chính sách kinh tế mới là gì?

A. Nước Nga đã chiến thắng các thế lực thù địch trong nước, bảo vệ được thành quả cách mạng.

B. Nước Nga đã chiến thắng các thế lực thù địch từ bên ngoài bao vây, phá hoại thành quả cách mạng.

C. Nhân dân Xô viết vượt qua mọi khó khăn, phấn khởi sản xuất, hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

D. Nước Nga phục hồi các công ti tư bản và giải quyết được quyền lợi cơ bản cho các tầng lớp nhân dân.

Câu 18: Từ Chính sách kinh tế mới ở Nga, bài học kinh nghiệm nào mà Việt Nam có thể học tập cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

A. Chỉ tập trung phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn.

B. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng.

C. Quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn, tổng công ti lớn.

D. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước.

Câu 19: Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 4/1922.

B. Tháng 12/1925.

C. Tháng 12/1922.

D. Tháng 12/1924.

Câu 20: Chủ trương của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết là

A. bình đẳng về mọi mặt và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. tự nguyện gia nhập, không miễn cưỡng.

C. cưỡng bức các dân tộc gia nhập Liên bang.

D. hợp tác xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 21: Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang diễn ra cuối tháng 12 đã tuyên bố thành lập

A. Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô).

B. Liên bang Nga.

C. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

Câu 22: Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập dựa trên yêu cầu nào?

A. Sự giúp đỡ từ bên ngoài.

B. Hợp tác kinh tế giữa các dân tộc trên đất nước Nga.

C. Tự nguyện, tự quyết của các dân tộc.

D. Tự liên minh chặt chẽ giữa các dân tộc trên lãnh thổ Xô viết nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt.

Câu 23: Yếu tố nào **không** phải là nguyên tắc tồn tại của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết?

A. Sự bình đẳng về mọi mặt.

B. Quyền tự quyết của các dân tộc.

C. Xây dựng liên minh mạnh, mở rộng quan hệ với bên ngoài.

D. Sự giúp đỡ lẫn nhau vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 24: Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung của Chính sách kinh tế mới?

A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế cố định.

B. Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

C. Nhà nước tập trung khôi phục công nghiệp nặng.

D. Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

Câu 25: Bốn nước đầu tiên trong Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết là

A. Nga, U-crai-na, Lít-va và Bê-la-rút-xi-a.

B. Nga, U-crai-na, É-t-xô-ni-a và Lít-va.

C. Nga, U-crai-na, Bê-la-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

D. Nga, U-crai-na, Lít-va và Ngoại Cáp-ca-dơ.

Câu 26: Nhiệm vụ trọng tâm trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là

A. hợp tác hóa nông nghiệp.

B. công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

C. phát triển các ngành công nghiệp du lịch và dịch vụ.

D. đẩy mạnh quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 27: Chính sách kinh tế mới ở Liên Xô ra đời khi nước Nga Xô viết

A. bị các liên quân 14 nước đế quốc tấn công.

B. đã hoàn thành cải cách ruộng đất.

C. bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

D. bước vào thời kì ổn định về kinh tế, chính trị.

Câu 28: Chính sách kinh tế mới là sự chuyển đổi kịp thời, đầy sáng tạo từ nền kinh tế nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang một nền kinh tế

A. tập trung quan liêu bao cấp.

B. nhà nước chỉ nắm các mạch máu kinh tế.

C. nhiều thành phần nhưng vẫn đặt dưới sự kiểm soát của pháp luật.

D. nhiều thành phần nhưng vẫn đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Câu 29: Trong thời kì thực hiện công nghiệp hóa, ngành công nghiệp nào **chưa** được Chính phủ Liên Xô chú trọng đầu tư phát triển?

A. Công nghiệp đầu tư quốc phòng.

B. Công nghiệp hàng không - vũ trụ.

C. Công nghiệp chế tạo máy, nông cụ.

D. Công nghiệp năng lượng (điện, dầu mỏ,...), khai khoáng.

Câu 30: Nhiều kế hoạch dài hạn 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội được tiến hành trong giai đoạn 1928 - 1941 ở Liên Xô là do

A. đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa.

B. ý muốn của những người lãnh đạo đất nước.

C. yêu cầu cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân.

D. muốn nhanh chóng trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới.

Câu 31: Ý nào **không phải** là đặc điểm nổi bật của nền kinh tế nông nghiệp Liên Xô trong những năm 1921 - 1941?

A. Nông nghiệp tập thể hóa.

B. Nông nghiệp được cơ giới hóa.

C. Nông nghiệp có quy mô sản xuất lớn.

D. Tiến hành “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

Câu 32: Ý nào **không phải** là thành tựu mà Liên Xô đạt được về văn hóa - giáo dục trong những năm 1921 - 1941?

A. Thanh toán nạn mù chữ.

B. Xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất.

C. Thành lập những trường đại học lớn hàng đầu thế giới.

D. Hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học và tiếp tục thực hiện đối với Trung học cơ sở.

Câu 33: Thành tựu lớn nhất mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1921 - đến năm 1941 là

A. hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.

B. đã xóa nạn mù chữ cho trên 60 triệu người dân.

C. đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng tăng lên.

D. trở thành nước công nghiệp đứng đầu châu Âu, đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ).

Câu 34: Một trong những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô trong những năm 1921 - 1941 là chưa thực hiện tốt nguyên tắc

- A. bình đẳng trong phân phối sản phẩm.
- B. tập trung trong công nghiệp hóa.
- C. dân chủ trong đời sống nhân dân.
- D. tự nguyện trong tập thể hóa nông nghiệp.

Câu 35: Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết đã thiết lập quan hệ ngoại giao với

- A. một số nước châu Phi.
- B. một số nước ở châu Đại Dương.
- C. một số nước ở khu vực Mỹ Latinh.
- D. một số nước láng giềng châu Á và châu Âu.

Câu 36: Ý nào **không** phản ánh đúng đường lối đối ngoại của Liên Xô trong những năm 1921 - 1941?

- A. Thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn.
- B. Kiên trì, bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế.
- C. Từng bước phá vỡ chính sách bao vây về nền kinh tế của các nước đế quốc.
- D. Từng bước phá vỡ chính sách cô lập về ngoại giao của các nước đế quốc.

Câu 37: Trong những năm 1922 - 1925, những cường quốc tư bản nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô?

- A. Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha.
- B. Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật Bản.
- C. Đức, Anh, Bồ Đào Nha.
- D. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia.

Câu 38: Năm 1925, Liên Xô đã đạt được thành tựu nổi bật trong lĩnh vực đối ngoại là

- A. hơn 20 quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- B. Ấn Độ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- C. Triều Tiên công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- D. Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật Bản đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Câu 39: Năm 1933, thành tựu đối ngoại nổi bật mà Liên Xô đạt được là

- A. Trung Quốc công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- B. Mông Cổ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- C. Iran công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- D. Mỹ công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

Câu 40: Việc nhiều nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô chứng tỏ điều gì?

- A. Liên Xô có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh.
- B. Liên Xô có khả năng ngoại giao chỉ phối các nước.
- C. Uy tín ngày càng cao của Liên Xô trên trường quốc tế.
- D. Các nước buộc phải thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy nêu nội dung và ý nghĩa của Chính sách kinh tế mới.

Câu 2: Việc thành lập Liên bang Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết thực hiện chính sách ngoại giao như thế nào?

Câu 4: Khi bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước, nước Nga Xô viết gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, chính trị?

Câu 5: Chính sách kinh tế mới tác động đến nền kinh tế nước Nga như thế nào?

Câu 6: Hãy nêu những thành tựu trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô (1928 - 1932). Nêu nhận xét về thành tựu của Liên Xô trong lĩnh vực công nghiệp.

Câu 7: Trình bày những biến đổi về mọi mặt của Liên Xô sau hai kế hoạch 5 năm đầu tiên.

Câu 8: Vai trò của V.I. Lê-nin trong công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh.

Câu 9: Lập bảng so sánh Chính sách cộng sản thời chiến và Chính sách kinh tế mới theo mẫu dưới đây. Nêu nhận xét về Chính sách kinh tế mới.

Tiêu chí	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh		
Nội dung		
Tác dụng		

Câu 10: Vì sao thực hiện Chính sách kinh tế mới lại bắt đầu từ nông nghiệp?

III. ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - B	2 - C	3 - A	4 - D	5 - B	6 - C	7 - C	8 - B	9 - A	10 - C
11 - B	12 - C	13 - D	14 - B	15 - C	16 - D	17 - C	18 - D	19 - C	20 - A
21 - A	22 - D	23 - C	24 - D	25 - C	26 - B	27 - C	28 - D	29 - B	30 - A
31 - D	32 - C	33 - D	34 - D	35 - D	36 - A	37 - B	38 - A	39 - D	40 - C

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy nêu nội dung và ý nghĩa của Chính sách kinh tế mới.

Tháng 3/1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới do Lê-nin đề xướng.

- *Nội dung:*

+ Trong nông nghiệp: thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực; nông dân được tự do bán lương thực thừa ra thị trường.

+ Trong công nghiệp: cho phép tư nhân thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp nhỏ dưới 20 công nhân; khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga; nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

+ Trong thương nghiệp: tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi; đẩy mạnh mối liên hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn; năm 1924, nhà nước phát hành đồng rúp mới.

- *Ý nghĩa:*

+ Giải quyết khó khăn cho nhân dân; đưa nước Nga Xô viết (từ tháng 12/1922 là Liên Xô) vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị.

+ Động viên nhân dân Xô viết phấn khởi sản xuất và hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

+ Là sự chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát, điều tiết của nhà nước.

+ Chính sách kinh tế mới mang ý nghĩa quốc tế sâu sắc với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Câu 2: Việc thành lập Liên bang Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

- Là sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sức mạnh của nhà nước Xô viết ngày càng được tăng cường.

- Khẳng định tính đúng đắn trong chính sách dân tộc của Lê-nin, nhất là sự cần thiết phải đoàn kết các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Liên Xô.

- Góp phần chống lại sự chia rẽ dân tộc của các thế lực phản động trong và ngoài nước.

Câu 3: Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết thực hiện chính sách ngoại giao như thế nào?

- Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết từng bước xác lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á và châu Âu.

-
- Tuy nhiên, tồn tại trong vòng vây thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới, Liên Xô đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế, từng bước phá vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc: tới năm 1925, thiết lập quan hệ với 25 quốc gia; năm 1933, thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ.

Câu 4: Khi bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước, nước Nga Xô viết gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, chính trị?

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn:
 - + Gánh chịu hậu quả nặng nề do 4 năm chiến tranh đế quốc và 3 năm nội chiến.
 - + Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng với tổng thiệt hại lên đến 39 tỉ rúp.
- Bên cạnh khó khăn về kinh tế là những thách thức nghiêm trọng về chính trị:
 - + Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.
 - + Tình trạng đói kém làm phân tán và suy giảm tinh thần đội ngũ công nhân.
 - + Nông dân bất bình với chính sách trưng thu lương thực thừa.
- Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - chính trị, đe dọa sự tồn tại của chính quyền Xô viết.

Câu 5: Chính sách kinh tế mới tác động đến nền kinh tế nước Nga như thế nào?

- Chính sách kinh tế mới xác định những biện pháp đúng đắn, thiết thực thúc đẩy kinh tế nước Nga phát triển. Đặc biệt là, việc thực hiện chính sách thu thuế cố định thay cho trưng thu lương thực thừa có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, nông dân yên tâm sản xuất hơn.
- Với việc chuyển nền kinh tế nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự kiểm soát của Nhà nước, đáp ứng và giải quyết được những yêu cầu của nền kinh tế đất nước trong khi chính sách Cộng sản thời chiến không còn phù hợp.
- Thực hiện Chính sách kinh tế mới góp phần thúc đẩy nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp phát triển nhanh chóng.
- Thực hiện Chính sách kinh tế mới làm cho đời sống nhân dân được nâng cao, đưa đất nước vượt qua những khó khăn to lớn về kinh tế, chính trị, góp phần hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
- Chính sách kinh tế mới thực sự là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, sáng tạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích.

Câu 6: Hãy nêu những thành tựu trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô (1928 - 1932). Nêu nhận xét về thành tựu của Liên Xô trong lĩnh vực công nghiệp.

** Những thành tựu:*

- Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 - 1937) đều được hoàn thành trước hạn. Qua hai kế hoạch 5 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều thành tựu to lớn:

+ Đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản lượng quốc dân.

+ Trong nông nghiệp, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đưa 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác được tập thể hóa.

+ Về văn hóa - giáo dục, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố.

- Cùng với những biến đổi về kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội cũng thay đổi. Các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

- Từ năm 1937, nhân dân Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba, nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạm thời bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức tháng 6/1941.

** Nhận xét:*

- Từ những thành tựu đạt được trong lĩnh vực công nghiệp cho thấy nhà nước Liên Xô có những chủ trương đúng đắn trong việc phát triển kinh tế, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là ưu tiên phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng.

- Cũng qua đó thể hiện sự cần cù, sáng tạo của nhân dân lao động ở Liên Xô trong việc thực hiện chủ trương công nghiệp hóa đất nước.

Câu 7: Trình bày những biến đổi về mọi mặt của Liên Xô sau hai kế hoạch 5 năm đầu tiên.

- Về kinh tế:

+ Công nghiệp: Công cuộc công nghiệp hóa ngày càng được mở rộng, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một nước công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.

+ Nông nghiệp: 90% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác đã được đưa vào nền nông nghiệp tập thể hóa, với quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất kỹ thuật được cơ giới hóa.

- Về chính trị - xã hội: giữ vững và bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Mười, làm cho nhà nước Liên Xô phát triển ổn định.

- Về văn hóa - giáo dục: thanh toán được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất.

- Những thành tựu trên góp phần khẳng định sự tồn tại vững chắc của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

Câu 8: Vai trò của V.I. Lê-nin trong công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh.

- Sau chiến tranh, nước Nga Xô viết gặp nhiều khó khăn, để khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, Lê-nin đã đề ra Chính sách kinh tế mới. Nhờ chính sách này, nước Nga vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị.
- Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc phải liên minh chặt chẽ với nhau nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt. Chính Lê-nin là người chỉ đạo trực tiếp Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang và tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô).
- Sau khi thành lập Liên bang Xô viết, Lê-nin còn chỉ đạo các nước cộng hòa phải thực hiện quyền bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Nhờ những công lao to lớn của Lê-nin cùng với sự nỗ lực của các nước cộng hòa mà Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 9: Lập bảng so sánh Chính sách cộng sản thời chiến và Chính sách kinh tế mới theo mẫu dưới đây. Nêu nhận xét về Chính sách kinh tế mới.

Tiêu chí	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh	Từ 1918 - 1920, tiến hành chiến tranh cách mạng chống thù trong giặc ngoài.	Từ 1921 - 1925, đất nước bước vào thời kì hòa bình, xây dựng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hết sức khó khăn.
Nội dung	- Trưng thu lương thực thừa. - Quốc hữu hóa toàn bộ xí nghiệp. - Nhà nước nắm độc quyền về quản lí, phân phối lương thực, thực phẩm. - Thi hành chế độ lao động bắt buộc.	- Bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, thay bằng thuế lương thực. - Tự do buôn bán, mở lại các chợ. - Cho phép tư nhân mở các xí nghiệp nhỏ. - Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.
Tác dụng	- Tập trung toàn bộ sức người, sức của để chống thù trong giặc ngoài. - Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Mười.	- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. - Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* *Nhận xét:* Việc thực hiện Chính sách kinh tế mới là hết sức phù hợp, cần thiết để Liên Xô vượt qua những khó khăn, thử thách, tạo đà vững bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bôn-sê-vích đứng đầu là Lê-nin.

Câu 10: Vì sao thực hiện Chính sách kinh tế mới lại bắt đầu từ nông nghiệp?

Việc thực hiện Chính sách kinh tế ở nước Nga Xô viết được bắt đầu từ nông nghiệp, vì:

-
- Đối với nước Nga lúc này, để thoát ra khỏi khủng hoảng, nông nghiệp là khâu cơ bản, từ đó có thể kéo theo toàn bộ dây chuyền của cuộc phát triển lực lượng sản xuất. Bởi nước Nga vẫn là nước nông nghiệp, nông dân là lực lượng chủ yếu.
 - Việc nông dân được tự do bán lương thực ra thị trường sau khi nộp đủ thuế sẽ làm cho họ phấn khởi sản xuất, nâng cao năng suất lao động, sản xuất nông nghiệp phục hồi nhanh chóng.
 - Trên cơ sở được cung cấp lương thực và nguyên liệu từ nông nghiệp, sản xuất công nghiệp được phục hồi và phát triển.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

CHỦ ĐỀ 3: TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được những nét chính về quá trình thiết lập và hiểu được bản chất của trật tự thế giới mới theo hệ thống Vecxai - Oasinhton.
Đánh giá được tác động của sự thiết lập trật tự đó đối với cục diện chính trị châu Âu và thế giới.
- + Hiểu được nguyên nhân cơ bản và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.
- + Tóm tắt được những nét chính về tình hình Đức, Mĩ, Nhật trong những năm khủng hoảng kinh tế và lối thoát của các nước ra khỏi khủng hoảng.
- + Hiểu được bản chất của chủ nghĩa phát xít và hình thành khái niệm “chủ nghĩa phát xít”.

❖ Kỹ năng

- + Quan sát, khai thác bản đồ, tranh ảnh để nhận xét, đánh giá.
- + Phân tích, xử lý số liệu trong các biểu đồ, bảng thống kê để giải thích một số vấn đề lịch sử.
- + So sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa để nắm được bản chất sự kiện, hiện tượng lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

1. Thiết lập trật tự thế giới mới theo hệ thống Vécxai - Oasinhton

- Quá trình thiết lập:

+ Được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

+ Thông qua thỏa thuận của các cường quốc thắng trận tại Hội nghị Vécxai (1919 - 1920) và Oasinhton (1920 - 1921).

- Đặc điểm:

+ Phản ánh tương quan lực lượng mới giữa các nước tư bản.

+ Là sự xác lập ách nô dịch của các nước tư bản thắng trận đối với các nước tư bản bại trận và các dân tộc thuộc địa.

+ Thành lập Hội Quốc liên làm công cụ duy trì trật tự thế giới.

+ Chứa đựng nhiều mâu thuẫn:

- Giữa các nước tư bản thắng trận với nước tư bản bại trận.

- Giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc xâm lược.

- Giữa các nước tư bản thắng trận với nhau.

→ Nền hòa bình do trật tự mới tạo ra chỉ tạm thời, mong manh.

- Hệ quả:

+ Làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa.

+ Góp phần làm cho bản đồ chính trị châu Âu thay đổi căn bản.

- Đế quốc Áo - Hung tan rã, nhiều quốc gia mới ra đời.

- Nhiều nước thay đổi về lãnh thổ, biên giới...

2. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933)

- Nguyên nhân: các nước tư bản sản xuất ồ ạt, chạy đua theo lợi nhuận trong khi đời sống của người lao động không được cải thiện. → Cung vượt quá cầu, hàng hóa ế thừa → khủng hoảng thừa.

- Phạm vi, quy mô:

+ Ngày 29/10/1929, bùng nổ tại Mỹ trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng → lan sang các lĩnh vực khác.

+ Từ Mỹ lan ra toàn bộ thế giới tư bản.

- Hậu quả:

+ Tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản.

+ Đẩy nhân dân lao động lâm vào cảnh nghèo đói.

Phong trào đấu tranh của quần chúng dâng cao.

+ Quan hệ quốc tế chuyển biến phức tạp:

- Hai khối đế quốc đối lập nhau hình thành.

- Nguyên cơ chiến tranh thế giới mới đến gần.

NƯỚC ĐỨC TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

1. Tình hình nước Đức những năm 1929 - 1933

- Chịu tác động nặng nề từ khủng hoảng 1929 - 1933:

+ Kinh tế: Sản xuất công nghiệp giảm mạnh, nhiều nhà máy, xí nghiệp đóng cửa.

+ Xã hội: Hàng triệu người thất nghiệp, phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao.

+ Chính trị: Khủng hoảng chính trị trầm trọng.

- Đảng Quốc xã lên cầm quyền:

+ Tháng 1/1933, Hit-le (thủ lĩnh Đảng Quốc xã) lên cầm quyền. Chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức. → Mở ra thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

+ Nguyên nhân:

- Giai cấp tư sản Đức không đủ sức mạnh để duy trì nền cộng hòa tư sản.

- Đảng Quốc xã ra sức tuyên truyền, kích động tư tưởng phục thù, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng.

- Giới đại tư bản tài chính ủng hộ lực lượng phát xít.

- Đảng Xã hội từ chối hợp tác với Đảng Cộng sản trong đấu tranh chống phát xít.

- Truyền thống quân phiệt ở Đức.



Cuộc biểu tình của nhân dân lao động



Hit-le lên làm Thủ tướng Đức



Thủ tướng Hit-le trong buổi diễn thuyết, kích động tư tưởng phục thù cho nước Đức
Nguồn ảnh: Internet

2. Chính sách của chính phủ Hit-le trong những năm 1933 - 1939

- Chính trị:

+ Công khai khủng bố các đảng phái tiến bộ, đặt Đảng Cộng sản ngoài vòng pháp luật.

+ Thủ tiêu nền cộng hòa Vai-ma.

+ Thiết lập nền chuyên chính độc tài do Hit-le làm thủ lĩnh tối cao.

- Kinh tế:

+ Tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.

+ Lập Tổng hội đồng kinh tế để điều hành hoạt động của nền kinh tế quốc dân.

- Đối ngoại:

+ Rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

+ Tổng động viên, xây dựng quân đội thường trực.

+ Triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

- Những chính sách hiếu chiến và phản động trên tất cả các mặt, thể hiện bản chất của chủ nghĩa phát xít.

- Mục đích: đưa Đức ra khỏi khủng hoảng kinh tế, chuẩn bị chiến tranh xâm lược để chia lại thị trường thế giới.

- Hệ quả: Đức trở thành một trại lính khổng lồ, lò lửa chiến tranh xâm lược ở châu Âu và thế giới.

NƯỚC MỸ TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

1. Khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933

- Nguyên nhân bùng nổ:

+ Sản xuất ồ ạt, chạy đua theo lợi nhuận, theo chủ nghĩa tự do thái quá.

+ Đời sống của người lao động chưa được cải thiện tương ứng với sự phát triển của nền sản xuất.

+ Ngày 29/10/1929, cuộc khủng hoảng bùng nổ, bắt đầu từ lĩnh vực tài chính - ngân hàng lan sang các ngành kinh tế khác.

+ Khủng hoảng lên tới đỉnh điểm vào năm 1932.

- Hậu quả:

+ Chấm dứt thời kì phát triển hoàng kim của nền kinh tế Mỹ.

+ Tàn phá nặng nề tất cả các ngành kinh tế của Mỹ.

+ Hàng triệu người thất nghiệp, làn sóng đấu tranh của quần chúng lên cao → đe dọa sự tồn tại của nền cộng hòa tư sản.

- Biện pháp giải quyết - thực hiện “Chính sách mới”:

+ Là một hệ thống các biện pháp nhằm tăng cường vai trò của Nhà nước trong đời sống kinh tế, đưa Mỹ thoát khỏi khủng hoảng.

+ Gồm các đạo luật: Ngân hàng, phục hưng công nghiệp; cứu tế xã hội; điều chỉnh nông nghiệp,...

+ Kết quả:

- Phục hồi, phát triển sản xuất.

- Xoa dịu mâu thuẫn giai cấp.

- củng cố và duy trì nền cộng hòa tư sản.



Bức tranh đương thời về Chính sách mới (Người khổng lồ tượng trưng cho Nhà nước)

2. Chính sách ngoại giao 1933 - 1939

- Đối với các nước Mỹ Latinh: Thực hiện chính sách “láng giềng thân thiện”. → Xoa dịu cuộc đấu tranh chống Mỹ, củng cố vị thế của Mỹ ở Mỹ Latinh.

- Thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô nhưng không từ bỏ lập trường chống cộng sản.

- Đối với các vấn đề quốc tế: Thực hiện chính sách “trung lập” → Tạo điều kiện cho các lực lượng phát xít (Đức,..) tự do hành động.



Quốc hội Mỹ thông qua đạo luật “trung lập”

NHẬT BẢN TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

1. Tác động từ cuộc khủng hoảng 1929 - 1933

- Kinh tế: Sản xuất bị giảm sút trầm trọng, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Xã hội:
 - + Hàng triệu người thất nghiệp, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.
 - + Các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động diễn ra sôi nổi.



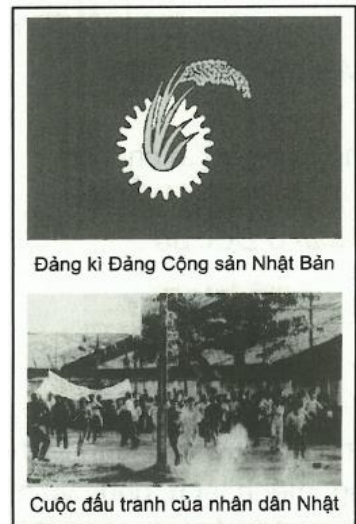
2. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước

- Mục đích: Khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế, giành giật và bành trướng thuộc địa.
- Đặc điểm:
 - + Kéo dài trong suốt thập niên 30 do những bất đồng trong nội bộ giới cầm quyền.
 - + Quân sự hóa đất nước: thủ tiêu tự do dân chủ, đàn áp nhân dân.
 - + Gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài (xâm lược Trung Quốc làm bàn đạp tấn công châu Á).
- Hệ quả: Nhật Bản thực sự trở thành lò lửa chiến tranh ở Châu Á và trên thế giới.



3. Nhân dân Nhật đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt

- Thời gian: Diễn ra sôi nổi trong suốt những năm 30 của thế kỉ XX.
- Lãnh đạo: Đảng Cộng sản Nhật Bản.
- Lực lượng: Đông đảo các tầng lớp nhân dân Nhật Bản.
- Hình thức: Phong phú, đa dạng: biểu tình, bãi công, thành lập Mặt trận nhân dân,...
- Kết quả: Bị giới cầm quyền đàn áp dã man.
- Ý nghĩa: Làm chậm quá trình quân phiệt hóa bộ máy Nhà nước ở Nhật.



II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trật tự thế giới được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất còn được gọi là

- A. trật tự hai cực Ianta.
- B. trật tự đa cực.
- C. hệ thống Vécxai - Oasinhton.
- D. trật tự đơn cực.

Câu 2: Nhận xét nào đúng về tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đến nước Đức?

- A. Tác động mạnh nhất đến nền nông nghiệp Đức.
- B. Giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế nước Đức.
- C. Làm cho chế độ quân chủ lập hiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- D. Thúc đẩy cuộc cải cách xã hội nhằm củng cố nền cộng hòa Vai-ma.

Câu 3: Ngành kinh tế phát triển mạnh nhất ở Đức trong những năm 1933 - 1939 là

- A. công nghiệp quân sự.
- B. công nghiệp giao thông vận tải.
- C. công nghiệp nhẹ.
- D. nông nghiệp.

Câu 4: Nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên vào tháng 10/1933 nhằm

- A. tập trung khôi phục và phát triển kinh tế.
- B. tự do hành động, chuẩn bị cho chiến tranh.
- C. cải thiện quan hệ với Liên Xô.
- D. tập trung cải cách nền chính trị - xã hội.

Câu 5: Để thiết lập nền chuyên chính độc tài, chính phủ Hít-le đã làm gì?

- A. Ám sát tổng thống Hin-đen-bua để lên cầm quyền.
- B. Rút ra khỏi Hội Quốc liên để tự do chuẩn bị cho chiến tranh.
- C. Hạn chế sản xuất công nghiệp nhẹ, chủ yếu phát triển công nghiệp nặng.
- D. Công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản.

Câu 6: Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), giới cầm quyền Đức đã

- A. ban hành các quyền tự do dân chủ rộng rãi trong xã hội.
- B. tập trung khôi phục sản xuất theo hướng tự do hóa nền kinh tế.
- C. thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít rộng rãi.
- D. phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài khủng bố công khai.

Câu 7: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Đức là

- A. chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- B. chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.
- C. chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.
- D. chủ nghĩa thực dân mới.

Câu 8: Nguyên nhân cơ bản nào khiến quá trình phát xít hóa bộ máy chính quyền ở Đức diễn ra nhanh chóng?

- A. Đảng Cộng sản từ chối hợp tác với Đảng Xã hội để thành lập Mặt trận nhân dân.
- B. Do ở Đức đã có sẵn bộ máy nhà nước chuyên chế.
- C. Các thế lực phát xít đẩy mạnh tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng.
- D. Giai cấp vô sản trong nước ủng hộ chủ nghĩa phát xít.

Câu 9: Trước nguy cơ phát xít hóa bộ máy chính quyền, Đảng Cộng sản ở Đức đã

- A. vận động thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.
- B. từ chối hợp tác với Đảng xã hội dân chủ.

C. nhanh chóng thỏa hiệp với Đảng Quốc xã.

D. tiến hành đảo chính, lật đổ nền cộng hòa Vai-ma.

Câu 10: Trong những năm 1933 - 1939, chính quyền phát xít tiến hành tổ chức nền kinh tế theo hướng

A. tự do hóa nền kinh tế.

B. tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.

C. tập trung phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng.

D. tập trung phát triển nông nghiệp.

Câu 11: Nội dung nào **không** phải là chính sách của chính quyền phát xít của Hít- le trong những năm 1933 -1939?

A. Tiếp tục củng cố nền cộng hòa Vai ma.

B. Thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ.

C. Tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.

D. Tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh.

Câu 12: “Ngày thứ ba đen tối” (29/10/1929) trong lịch sử nước Mĩ gắn với sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ.

B. Chính phủ Mĩ thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình của nhân dân lao động.

C. Khủng hoảng kinh tế lên đến đỉnh điểm.

D. Các cuộc biểu tình của công nhân đạt đến con số kỉ lục trong lịch sử nước Mĩ.

Câu 13: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 diễn ra đầu tiên ở quốc gia nào?

A. Mĩ.

B. Anh.

C. Pháp.

D. Đức.

Câu 14: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Mĩ bắt đầu từ lĩnh vực nào?

A. Tài chính ngân hàng.

B. Nông nghiệp.

C. Công nghiệp.

D. Thương nghiệp.

Câu 15: Chính sách đối ngoại của Mĩ với khu vực Mĩ Latinh trong những năm 1929 - 1939 là

A. “Cây gậy và củ cà rốt”.

B. “Chính sách láng giềng thân thiện”.

C. “Ngoại giao đồng đô-la”.

D. “Cam kết và mở rộng”.

Câu 16: Nội dung nào **không phải** là nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Mĩ?

A. Giai cấp tư sản sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận.

B. Hàng hóa dư thừa, cung vượt quá cầu.

C. Sức mua của nhân dân giảm sút.

D. Giá dầu trên thị trường thế giới tăng vọt.

Câu 17: Số người thất nghiệp ở Mĩ lên tới mức cao nhất trong những năm 1932 - 1933 là do

A. khủng hoảng kinh tế bắt đầu lan sang lĩnh vực công nghiệp.

B. khủng hoảng kinh tế bắt đầu lan sang lĩnh vực nông nghiệp.

C. khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 lên tới đỉnh điểm.

D. sự sụt giảm nghiêm trọng của thị trường chứng khoán.

Câu 18: Hậu quả về mặt xã hội của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đối với nước Mĩ là

A. phong trào đấu tranh của nhân dân lan rộng.

B. nền cộng hòa tư sản từng bước sụp đổ.

C. chấm dứt thời kì hoàng kim của nền kinh tế Mỹ.

D. chủ nghĩa phát xít từng bước lên cầm quyền.

Câu 19: Mỹ thực hiện “Chính sách láng giềng thân thiện” với các nước Mỹ Latinh nhằm mục đích

A. hình thành liên minh chống Liên Xô.

B. củng cố địa vị của Mỹ ở khu vực này.

C. thiết lập trở lại nền thống trị thực dân mới.

D. hình thành liên minh chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 20: Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô (tháng 11/1933) nhằm

A. mở rộng, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

B. hình thành liên minh chống phát xít.

C. tăng cường can thiệp quân sự vào châu Âu.

D. từ bỏ lập trường chống cộng sản.

Câu 21: Đạo luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong các đạo luật giải quyết khủng hoảng kinh tế của Mỹ?

A. Đạo luật về ngân hàng.

B. Đạo luật phục hưng công nghiệp.

C. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp.

D. Đạo luật phát triển thương nghiệp.

Câu 22: Ý nghĩa của “Chính sách mới” do Tổng thống Rudoven đề ra đối với nền kinh tế Mỹ là

A. đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

B. đưa nước Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới.

C. củng cố nền cộng hòa tư sản.

D. xoa dịu mâu thuẫn xã hội.

Câu 23: Bản chất của “Chính sách mới” do Tổng thống Mỹ Rudoven đề ra là nhà nước

A. nói lỏng độc quyền đối với nền kinh tế.

B. nắm độc quyền đối với toàn bộ nền kinh tế.

C. thả nổi nền kinh tế cho thị trường điều tiết.

D. tăng cường vai trò điều tiết nền kinh tế.

Câu 24: Đặc điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 là

A. khủng hoảng thừa.

B. khủng hoảng thiếu.

C. khủng hoảng lương thực.

D. khủng hoảng năng lượng.

Câu 25: Chính sách trung lập của Mỹ đối với các xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế trong những năm 30 thế kỉ XX?

A. Góp phần cô lập các nước phát xít, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới.

B. Làm gia tăng tình trạng đối đầu hai cực, hai phe trên thế giới.

C. Tạo điều kiện để chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây chiến tranh thế giới.

D. Thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác giữa hai khối đế quốc.

Câu 26: Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Mỹ đã thực hiện chính sách gì?

A. Giữ vai trò trung lập trước các xung đột quân sự bên ngoài nước Mỹ.

B. Liên kết chặt chẽ với Liên Xô để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh.

C. Chủ động gây chiến để giành giật thuộc địa với Đức.

D. Tăng cường can thiệp vào các xung đột quân sự ở châu Âu.

Câu 27: Vai trò của Nhà nước Mỹ trong việc thực hiện Chính sách mới của Tổng thống Ru-dơ-ven?

A. Nhà nước tăng cường vai trò điều tiết đối với nền kinh tế.

B. Nhà nước nắm độc quyền toàn bộ các ngành kinh tế.

C. Nhà nước để cho thị trường tự do điều chỉnh nền kinh tế.

D. Nhà nước chỉ kiểm soát một số ngành công nghiệp nặng then chốt.

Câu 28: Một trong những đặc điểm của quá trình phát xít hóa ở Nhật Bản là

- A. diễn ra thông qua việc chuyển đổi từ chế độ dân chủ đại nghị sang độc tài phát xít.
- B. kết hợp quân phiệt hóa bộ máy nhà nước sẵn có với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.
- C. diễn ra nhanh chóng do sự thống nhất cao độ trong nội bộ giới cầm quyền.
- D. gắn liền với các cuộc chiến tranh loại bỏ ảnh hưởng của Mĩ ở khu vực Đông Nam Á.

Câu 29: Để vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, giới cầm quyền Nhật Bản đã chủ trương

- A. quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược bành trướng ra bên ngoài.
- B. chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ độc tài phát xít.
- C. cải cách kinh tế - xã hội, mở rộng các quyền tự do dân chủ.
- D. thiết lập nền dân chủ đại nghị để xoa dịu mâu thuẫn xã hội.

Câu 30: Quá trình phát xít hóa chính quyền ở Nhật Bản kéo dài suốt những năm 30 của thế kỉ XX do

- A. giới quân phiệt Nhật không đủ mạnh.
- B. không nhận được sự ủng hộ của các thế lực phát xít bên ngoài.
- C. mâu thuẫn nội bộ và phong trào đấu tranh của nhân dân.
- D. thực quyền của Thiên hoàng bị giảm sút.

Câu 31: Nhật Bản lựa chọn giải pháp quân phiệt hóa bộ máy nhà nước để thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 do nhiều nguyên nhân, ngoại trừ việc

- A. Nhật Bản có quá ít thuộc địa, thiếu nguyên liệu và thị trường.
- B. tâm lý bất mãn với hệ thống hòa ước Vécxai- Oa-sinh-tơn.
- C. ảnh hưởng của chủ nghĩa quân phiệt trong lịch sử.
- D. ngăn chặn âm mưu lấn chiếm tô giới của Anh, Pháp ở Trung Quốc.

Câu 32: Lực lượng chính trị nào giữ vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản trong những năm 30 của thế kỉ XX?

- A. Đảng Dân chủ Tự do.
- B. Đảng Xã hội.
- C. Đảng Cộng sản.
- D. Đảng Dân chủ.

Câu 33: Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản có tác động như thế nào đối với quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật?

- A. Khiến lực lượng quân phiệt suy yếu căn bản.
- B. Làm phá sản quá trình quân phiệt hóa.
- C. Làm quá trình quân phiệt hóa kéo dài.
- D. Buộc giới cầm quyền thi hành nhiều cải cách.

Câu 34: Điểm khác trong chính sách đối ngoại của Mĩ so với Nhật Bản trong những năm 1929 - 1939 là

- A. trung lập trước các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ.
- B. tiến hành xâm lược vùng Đông Bắc Trung Quốc.
- C. chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.
- D. theo đuổi lập trường chống Liên Xô.

Câu 35: Điểm khác trong quá trình phát xít hóa bộ máy nhà nước ở Đức so với Nhật Bản là

- A. diễn ra sự chuyển giao quyền lực từ giai cấp tư sản sang thế lực phát xít.
- B. tiến hành đồng thời với các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa.
- C. diễn ra thông qua các cuộc cải cách về chính trị, kinh tế, xã hội.
- D. kéo dài trong suốt thập niên 30 của thế kỉ XX.

Câu 36: Lĩnh vực nào chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933 ở Nhật Bản?

- A. Tài chính ngân hàng. B. Nông nghiệp.
C. Công nghiệp. D. Thương nghiệp.

Câu 37: Đối tượng xâm lược chủ yếu của Nhật Bản trong những năm 30 thế kỉ XX là

- A. Trung Quốc. B. Việt Nam. C. Phi-lip-pin. D. Triều Tiên.

Câu 38: Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản trong những năm 30 thế kỉ XX đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Dân chủ Tự do. B. Đảng Cộng sản.
C. Đảng Công nhân Xã hội. D. Đảng Xã hội Dân chủ.

Câu 39: Lò lửa chiến tranh ở châu Á trong những năm 30 thế kỉ XX là

- A. Trung Quốc. B. Nhật Bản. C. Triều Tiên. D. Xiêm.

Câu 40: Nông nghiệp là lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Nhật Bản vì ngành này

- A. chịu lệ thuộc vào thị trường bên ngoài.
B. là ngành kinh tế phát triển nhất ở Nhật.
C. thu hút phần lớn lực lượng lao động trong nước.
D. chưa được áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày nét chính về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. Rút ra nhận xét về hậu quả của cuộc khủng hoảng đối với các nước tư bản.

Câu 2: Trong những năm 1933 - 1939, Chính phủ Hit-le đã thực hiện chính sách kinh tế, chính trị và đối ngoại như thế nào? Đánh giá hậu quả của việc thực hiện những chính sách đó.

Câu 3: Đánh giá về nền hoà bình do Hội nghị Véc-xai và Oasinhton đem lại, Nguyên soái Phéc-đi-năng Phốc - nguyên Tổng tư lệnh quân đội Đồng minh ở châu Âu đã nói: “Đây không phải là hoà bình. Đây là một cuộc hưu chiến trong 20 năm”. Chứng minh câu nói trên.

Câu 4: Vận dụng kiến thức về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Mĩ để giải thích biểu đồ tỉ lệ người thất nghiệp và biểu đồ thu nhập quốc dân ở nước này (SGK Lịch sử 11, trang 71 - 72) trong thập niên 20, 30 thế kỉ XX.

THAM KHẢO 2 ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT SỐ 3 VÀ 4, TRANG 131-134

3 ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ, TRANG 143 -150

III. ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - C	2 - B	3 - A	4 - B	5 - D	6 - D	7 - C	8 - C	9 - A	10 - B
11 - A	12 - A	13 - A	14 - A	15 - B	16 - D	17 - C	18 - A	19 - B	20 - A
21 - B	22 - A	23 - D	24 - A	25 - C	26 - C	27 - A	28 - B	29 - A	30 - C
31 - C	32 - C	33 - C	34 - A	35 - A	36 - B	37 - A	38 - B	39 - B	40 - A

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày nét chính về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. Rút ra nhận xét về hậu quả của cuộc khủng hoảng đối với các nước tư bản.

** Nét chính về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933:*

- Nguyên nhân: sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận, không tương xứng với việc cải thiện đời sống cho người lao động, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế (khủng hoảng thừa).
- Diễn biến: 10/1929, cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở Mỹ, sau đó nhanh chóng lan ra toàn bộ thế giới tư bản, gây ra những hậu quả nghiêm trọng.
- Giải pháp: Các nước tư bản đều ra sức tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng và duy trì nền thống trị của giai cấp tư sản.

+ Mỹ, Anh, Pháp đã tiến hành về những cải cách về kinh tế - xã hội.

+ Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản lại tìm kiếm lối thoát bằng những hình thức thống trị mới với việc thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chế khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

** Nhận xét về hậu quả của cuộc khủng hoảng đối với các nước tư bản:*

- Hậu quả trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội: tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản, mâu thuẫn xã hội gay gắt, đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản,...
- Sự thay đổi trong quan hệ quốc tế: mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng gay gắt, hai khối đế quốc đối lập được hình thành → nguy cơ dẫn đến một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Câu 2: Trong những năm 1933 - 1939, Chính phủ Hit-le đã thực hiện chính sách kinh tế, chính trị và đối ngoại như thế nào? Đánh giá hậu quả của việc thực hiện những chính sách đó.

** Chính sách kinh tế, chính trị và đối ngoại Chính phủ Hit-le đã thực hiện trong những năm 1933-1939:*

Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hítle đã thiết lập nền chuyên chế độc tài khủng bố công khai với chính sách đối nội cực kỳ phản động và đối ngoại hiếu chiến xâm lược.

- Về chính trị: Chính phủ Hítle công khai đàn áp, truy nã các đảng phái dân chủ, tiến bộ, trước hết đối với Đảng Cộng sản Đức, tuyên bố huỷ bỏ Hiến pháp Vaima.

- Về kinh tế: đẩy mạnh việc quân sự hoá nền kinh tế nhằm phục vụ các yêu cầu chiến tranh xâm lược. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp của Đức tăng 28% so với trước khủng hoảng và đứng đầu châu Âu tư bản về số lượng thép và điện.

- Về đối ngoại: chính quyền Hítler ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chuẩn bị chiến tranh, nhất là từ năm 1935 khi ban hành lệnh tổng động viên, thành lập quân đội thường trực và triển khai các hoạt động xâm lược ở châu Âu.

** Đánh giá hậu quả của việc thực hiện những chính sách trên:*

- Thiết lập chế độ độc tài phát xít, phản động, hiếu chiến.

- Biến nước Đức thành lò lửa chiến tranh ở châu Âu. Đức đã trở thành một xưởng đúc súng, một trại lính khổng lồ và đặt nhân loại trước nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Câu 3: Đánh giá về nền hoà bình do Hội nghị Véc-xai và Oasinhton đem lại, Nguyên soái Phéc-đi-năng Phốc - nguyên Tổng tư lệnh quân đội Đồng minh ở châu Âu đã nói: “Đây không phải là hoà bình. Đây là một cuộc hưu chiến trong 20 năm”. Chứng minh câu nói trên.

** Nền hòa bình do trật tự Vécxai - Oasinhton mang lại chỉ là tạm thời, mong manh:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước tư bản thắng trận (Anh, Pháp, Mĩ) tổ chức hội nghị Vécxai (1919 - 1920) và Oasinhton (1921 - 1922) để kí các hòa ước và hiệp ước phân chia quyền lợi → một trật tự thế giới mới được thiết lập, thường gọi là hệ thống Vécxai - Oasinhton.

- Với hệ thống Vécxai - Oasinhton các nước thắng trận giành được nhiều quyền lợi về kinh tế và áp đặt, nô dịch các nước bại trận. → Chứa đựng nhiều mâu thuẫn, nền hòa bình tạm thời, mong manh.

** Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 dẫn đến nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới:*

- 1929, khủng hoảng kinh tế bùng nổ, lan rộng, kéo dài → hậu quả nặng nề → đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản → các nước tư bản xem xét lại con đường phát triển của mình, đi theo những lối thoát khác nhau:

+ Anh, Pháp, Mĩ: cải cách kinh tế, thỏa mãn với hệ thống Vécxai - Oasinhton => muốn duy trì trật tự thế giới có lợi cho mình.

+ Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản: phát xít hóa bộ máy nhà nước, ra sức chạy đua vũ trang để gây chiến tranh chia lại thế giới.

→ Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập và cuộc chạy đua vũ trang giữa 2 khối đã báo hiệu nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới. → Như vậy, nền hòa bình thế giới từ 1919 đến 1939 chỉ là tạm thời. Thực chất “đây không phải là hoà bình, đây là một cuộc hưu chiến trong 20 năm”.

Câu 4: Vận dụng kiến thức về cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Mĩ để giải thích biểu đồ tỉ lệ người thất nghiệp và biểu đồ thu nhập quốc dân ở nước này (SGK Lịch sử 11, trang 71 - 72) trong thập niên 20, 30 thế kỉ XX.

** Tỉ lệ người thất nghiệp:*

- Từ 1920 đến 1929: số người thất nghiệp giảm do đây là thời kì hoàng kim của nền kinh tế Mĩ, sản

xuất phát triển mạnh.

- Từ 1929 đến 1933: tỉ lệ người thất nghiệp lên đến mức cao nhất (năm 1932: gần 13 triệu người) do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và năm 1932 là năm khủng hoảng trầm trọng nhất ở Mỹ.

- Từ sau 1933: tỉ lệ thất nghiệp giảm do tác động của “Chính sách mới”...

* *Biểu đồ thu nhập quốc dân:*

- Từ 1929 đến 1933: thu nhập quốc dân của Mỹ giảm mạnh (50%) do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933.

- Từ sau 1934: thu nhập quốc dân có bước tăng trưởng mạnh mẽ do tác động của “Chính sách mới”...

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

CHỦ ĐỀ 4: CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1917 - 1939)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được những nét chính về phong trào Ngũ tứ và sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- + Trình bày được những nét chính về phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1939.
- + Trình bày được những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
- + So sánh, phân tích để rút ra được những bước phát triển mới của phong trào cách mạng các nước (giữa hai cuộc chiến tranh thế giới) so với trước.

❖ Kỹ năng

- + Quan sát lược đồ, tranh ảnh lịch sử, phân tích tư liệu.
- + So sánh, phân tích để rút ra đặc điểm, ý nghĩa của sự kiện, vấn đề lịch sử.
- + Hệ thống hóa, khái quát hóa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Xác lập mối liên hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

PHONG TRÀO NGŨ TỬ VÀ SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

1. Phong trào Ngũ Tử (1919)

- Nguyên nhân:

- + Mâu thuẫn giữa nhân dân Trung Quốc với đế quốc, phong kiến ngày càng gay gắt.
- + Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) ảnh hưởng sâu sắc đến cách mạng Trung Quốc.
- + Các nước đế quốc âm mưu chia cắt Trung Quốc.

- Diễn biến chính:

+ 4/5/1919 học sinh, sinh viên ở Bắc Kinh biểu tình, phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc → bị đàn áp → bùng nổ phong trào đấu tranh.

+ Phong trào lan rộng ra cả nước, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là công nhân.



- Ý nghĩa:

- + Mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc.
- + Đánh dấu thời kì giai cấp công nhân Trung Quốc bước lên vũ đài chính trị.
- + Đánh dấu bước chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ → cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- + Thúc đẩy mạnh mẽ sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Trung Quốc.

2. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (1920)

- Sự thành lập:

- + Sau phong trào Ngũ tử, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng.
- + Với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản nhiều nhóm cộng sản được thành lập. → Tháng 7 -1921 Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

- Ý nghĩa:

- + Bước ngoặt của cách mạng Trung Quốc.
- + Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.



PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ẤN ĐỘ (1918 - 1939)

1. Bối cảnh lịch sử

- Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Anh tăng cường bóc lột nhân dân Ấn Độ → mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt.
- Các nước tư bản châu Âu (trong đó có Anh) lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
 - + Hậu quả nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ nhất để lại nặng nề.
 - + Tình hình chính trị - xã hội không ổn định.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng thế giới dâng cao.
 - + Cao trào cách mạng ở các nước tư bản Âu - Mỹ (1918 - 1923).
 - + Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.

2. Lãnh đạo

- Đảng Quốc đại (đứng đầu) là M. Gan-đi.

3. Hình thức, phương pháp

- Đấu tranh hòa bình (bất bạo động, bất hợp tác).
- Hình thức phong phú: biểu tình, bãi công, bãi khóa, tẩy chay hàng Anh...



M. Gan-đi (1869 - 1948)

4. Lực lượng tham gia

- Đồng đảo các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên...

5. Khuynh hướng đấu tranh mới

- Khuynh hướng vô sản: Tháng 12/1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập → góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng.



Hành trình dài 300 km của M. Gan-đi để phản đối chính sách độc quyền muối của thực dân Anh đã lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia.

PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1939

1. Khái quát chung

- Bối cảnh quốc tế:
 - + Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước tư bản châu Âu lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
 - + Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) → tác động lớn tới tình hình thế giới.
 - + Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh.
- Bối cảnh khu vực:
 - + Các nước đế quốc đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa → tình hình kinh tế - xã hội các nước Đông Nam Á chuyển biến, phân hóa sâu sắc...
 - + Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc xâm lược ngày càng sâu sắc.
- Phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á:
 - + Phong trào dân tộc tự sản:
 - Mục tiêu độc lập dân tộc được xác định rõ ràng: đòi tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị...
 - Một số chính đảng tự sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng lớn: Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, Phong trào Tha-kin ở Miến Điện...
 - + Phong trào vô sản:
 - Một số đảng cộng sản được thành lập: Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (1920), các Đảng Cộng sản ra đời ở Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-líp-pin (1930),...
 - Đảng Cộng sản tổ chức, lãnh đạo một số phong trào đấu tranh quyết liệt: Khởi nghĩa vũ trang ở In-đô-nê-xi-a (1926 - 1927). Phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam.

2. Phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Campuchia

- Những năm 20 của thế kỉ XX:
 - + Ở Lào:
 - Khởi nghĩa ở Ong Kẹo và Com-ma-đam (1901 - 1937)
 - Khởi nghĩa của Chậu Pa-chay (1918 - 1922).
 - + Ở Campuchia: Phong trào chống thuế, chống bắt phu (1925 - 1926)
 - + Diễn ra sôi nổi, quyết liệt và rộng khắp.
 - + Phân tán, tự phát nên đều thất bại.
- Những năm 30 của thế kỉ XX:
 - + Năm 1930 Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, những cơ sở bí mật đầu tiên được gây dựng ở Lào và Cam-pu-chia.
 - + Trong những năm 1936 - 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển mạnh.
 - + Phát triển lên tự giác từ năm 1930.
 - + Khôi liên minh chiến đấu của ba dân tộc ngày càng củng cố dưới sự lãnh đạo của một tổ chức chung.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phong trào Ngũ tứ (1919) ở Trung Quốc bùng nổ bằng cuộc đấu tranh của lực lượng xã hội nào sau đây?

- A. Học sinh, sinh viên. B. Công nhân. C. Nông dân. D. Tư sản dân tộc.

Câu 2: Trong Phong trào Ngũ tứ (1919), giai cấp nào đã bước lên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập?

- A. Tư sản. B. Nông dân. C. Công nhân. D. Địa chủ.

Câu 3: Sự kiện nào sau đây có tác động sâu sắc đến sự phát triển của phong trào cách mạng Trung Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đảng Cộng sản Pháp được thành lập. B. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi.
C. Trung Quốc Đồng minh hội ra đời. D. Đảng Quốc Đại Ấn Độ được thành lập.

Câu 4: Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

- A. cuộc vận động Duy tân Mậu Tuất. B. Phong trào Nghĩa Hòa Đoàn.
C. Cách mạng Tân Hợi. D. Phong trào Ngũ tứ.

Câu 5: Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tác động của Phong trào Ngũ tứ (1919)?

- A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc hoàn thành.
B. Đánh dấu sự thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng vô sản ở Trung Quốc.
C. Đưa cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kỳ đấu tranh chống phong kiến.
D. Thúc đẩy mạnh mẽ việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Trung Quốc.

Câu 6: Phong trào Ngũ tứ (1919) có ý nghĩa

- A. đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc hoàn thành.
B. đưa cách mạng Trung Quốc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. góp phần chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Trung Quốc.
D. xác lập vai trò lãnh đạo duy nhất của công nhân đối với cách mạng Trung Quốc.

Câu 7: Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc là

- A. giai cấp công nhân Trung Quốc ngày càng trưởng thành.
B. sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản.
D. phong trào cách mạng trong nước phát triển rộng khắp.

Câu 8: Nhận xét nào sau đây là đúng về tác động của Phong trào Ngũ tứ (1919)?

- A. Mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc.
B. Đánh dấu sự thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng tư sản ở Trung Quốc.
C. Đưa cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kỳ đấu tranh chống phong kiến.
D. Đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc hoàn thành.

Câu 9: Nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Chính sách bóc lột, áp bức tàn bạo của thực dân Anh.
B. Chính phủ Anh ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan.

C. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Ấn Độ.

D. Sự ra đời của Đảng Quốc Đại Ấn Độ.

Câu 10: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng Quốc đại do M. Gan-đi đứng đầu có chủ trương đấu tranh là

A. kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đòi độc lập.

B. bất bạo động, bất hợp tác đối với thực dân Anh.

C. tập hợp nhân dân khởi nghĩa vũ trang lật đổ chính quyền thực dân.

D. kết hợp bạo động và cải cách để đòi độc lập.

Câu 11: Hình thức, biện pháp đấu tranh nào sau đây **không** phù hợp với chủ trương của Đảng Quốc đại và M.Gan-đi?

A. Tẩy chay hàng hóa Anh.

B. Biểu tình hòa bình.

C. Bãi thị, bãi khóa.

D. Khởi nghĩa vũ trang.

Câu 12: Nét mới của phong trào dân tộc Ấn Độ trong những năm 1918 - 1929 so với những năm đầu thế kỉ XX là

A. thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

B. có hình thức đấu tranh phong phú.

C. có sự ra đời của một chính đảng vô sản.

D. diễn ra trên quy mô rộng khắp.

Câu 13: Lãnh tụ của phong trào dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1939 là

A. Ti-lắc

B. M. Gan-đi

C. J. Nê-ru

D. R. Ta-go

Câu 14: Nhận định nào đúng về sự chuyển biến của công nhân các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. phát triển nhanh về số lượng, trở thành một tầng lớp.

B. vươn lên nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở tất cả các nước.

C. ngày càng trưởng thành và bắt đầu bước lên vũ đài chính trị.

D. bắt đầu tham gia vào các cuộc đấu tranh chống thực dân.

Câu 15: Chính sách khai thác, bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến hệ quả nào sau đây?

A. Nền kinh tế thuộc địa phát triển cân đối và đồng bộ giữa các ngành.

B. Phương thức sản xuất tư bản tiếp tục được du nhập.

C. Công nghiệp thuộc địa phát triển, đủ sức cạnh tranh với chính quốc.

D. Quan hệ bóc lột phong kiến bị xóa bỏ hoàn toàn.

Câu 16: Chính sách khai thác, bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến hệ quả nào sau đây?

A. Công nghiệp thuộc địa phát triển, đủ sức cạnh tranh với chính quốc.

B. Quan hệ bóc lột phong kiến bị xóa bỏ hoàn toàn.

C. Sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc.

D. Nền kinh tế thuộc địa phát triển cân đối và đồng bộ giữa các ngành.

Câu 17: Nội dung nào sau đây **không** đúng về bối cảnh bùng nổ của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 giành thắng lợi.

B. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước tư bản.

C. Phong trào chống chủ nghĩa thực dân lan rộng ở các nước thuộc địa.

D. Chủ nghĩa đế quốc suy yếu, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt.

Câu 18: Chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng rãi ở Miến Điện sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Đảng Dân tộc. B. Quốc dân Đảng. C. Phong trào Thakhin. D. Đảng Cộng hòa.

Câu 19: Chính đảng vô sản ra đời sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Cộng sản Mã Lai. D. Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.

Câu 20: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Đông Nam Á tổ chức các cuộc đấu tranh đòi tự do kinh doanh, đòi tự chủ về chính trị?

A. Tư sản. B. Công nhân. C. Địa chủ. D. Nông dân.

Câu 21: Phong trào dân tộc ở các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có điểm mới nào sau đây?

A. Khuynh hướng vô sản xuất hiện. B. Khuynh hướng tư sản xuất hiện.
C. Khuynh hướng vô sản hoàn toàn thắng thế. D. Khuynh hướng tư sản hoàn toàn thắng thế.

Câu 22: Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng sự chuyển biến của công nhân các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Phát triển nhanh về số lượng, trở thành một tầng lớp.
B. Vươn lên nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở tất cả các nước.
C. Ngày càng trưởng thành, trở thành một lực lượng chính trị độc lập.
D. Bắt đầu tham gia vào các cuộc đấu tranh chống thực dân.

Câu 23: Đặc điểm nổi bật của phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á trong những năm 20 của thế kỉ XX là

A. hai khuynh hướng tư sản và vô sản song song tồn tại.
B. khuynh hướng tư sản hoàn toàn thắng thế.
C. khuynh hướng vô sản hoàn toàn thắng thế.
D. không còn những cuộc đấu tranh tự phát và phân tán.

Câu 24: Một trong những biểu hiện chứng tỏ bước tiến của phong trào dân tộc tư sản ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. một tổ chức đoàn kết các chính đảng tư sản trong khu vực ra đời.
B. một số nước trong khu vực đã giành được độc lập dân tộc.
C. giai cấp tư sản vươn lên nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở tất cả các nước.
D. một số chính đảng của giai cấp tư sản thành lập và có ảnh hưởng sâu rộng.

Câu 25: Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Lào kéo dài hơn 30 năm là

A. Khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đan. B. Khởi nghĩa của Chậu Pa-chay.
C. Khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc. D. Khởi nghĩa của A-cha Xoa.

Câu 26: Phong trào đấu tranh chống Pháp tiêu biểu của nhân dân Cam-pu-chia trong những năm 1925 - 1926 là

A. phong trào chống phát xít, chống chiến tranh. B. khởi nghĩa của A-cha Xoa.
C. khởi nghĩa của Pu-côm-bô. D. phong trào chống thuế, chống bắt phu.

Câu 27: Lực lượng chủ yếu trong phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia những năm 20 của thế kỉ XX là

- A. công dân. B. tư sản. C. nông nhân. D. tiểu tư sản.

Câu 28: Trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 -1939), Đảng Cộng sản Đông Dương tập hợp nhân dân tham gia đấu tranh

- A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc.
B. đánh đổ đế quốc Pháp và phát xít Nhật, giành độc lập dân tộc.
C. chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.
D. chống phong kiến, đòi ruộng đất cho nông dân.

➤ **CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Câu 1: Tóm tắt nguyên nhân bùng nổ, diễn biến và ý nghĩa của Phong trào Ngũ tứ (1919) ở Trung Quốc. Chỉ ra điểm mới của Phong trào Ngũ tứ so với các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX ở nước này.

Câu 2: Tóm tắt bối cảnh thành lập và ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921).

Câu 3: Lập bảng so sánh phong trào cách mạng ở Ấn Độ và Trung Quốc giữa hai cuộc chiến tranh thế giới theo các tiêu chí sau: lãnh đạo, khuynh hướng chính trị, phương pháp đấu tranh, lực lượng tham gia.

Tiêu chí	Phong trào cách mạng ở Ấn Độ	Phong trào cách mạng ở Trung Quốc
Lãnh đạo		
Khuynh hướng		
Phương pháp đấu tranh		
Lực lượng tham gia		

Câu 4: Khái quát những nét chính về phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1939. Vì sao đường lối bất bạo động, bất hợp tác của M.Gan-đi và Đảng Quốc đại được đông đảo nhân dân Ấn Độ hưởng ứng?

Câu 5: Nêu những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Rút ra tác động của những chuyển biến đó đến phong trào dân tộc Đông Nam Á thời kỳ này.

Câu 6: Tóm tắt điều kiện lịch sử và những bước phát triển mới của phong trào dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Câu 7: Tóm tắt các giai đoạn phát triển của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và Cam-pu-chia trong những năm 1918 - 1939 và rút ra nhận xét.

Câu 8: Liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân các nước Đông Dương trong những năm 1918 - 1939 được thể hiện qua những sự kiện nào? Cơ sở của mỗi liên minh đó.

III. ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - C	3 - B	4 - D	5 - D	6 - C	7 - C	8 - A	9 - A	10 - B
11 - D	12 - C	13 - B	14 - C	15 - B	16 - C	17 - D	18 - C	19 - A	20 - A
21 - A	22 - C	23 - A	24 - D	25 - A	26 - D	27 - C	28 - C		

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tóm tắt nguyên nhân bùng nổ, diễn biến và ý nghĩa của Phong trào Ngũ tứ (1919) ở Trung Quốc. Chỉ ra điểm mới của Phong trào Ngũ tứ so với các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX ở Trung Quốc.

* *Tóm tắt về phong trào Ngũ tứ*

- *Nguyên nhân bùng nổ:*

+ Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước đế quốc tiếp tục âm mưu xâm lược Trung Quốc. Mâu thuẫn giữa nhân dân Trung Quốc với các thế lực đế quốc và tay sai phát triển gay gắt.

+ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 giành thắng lợi đã cổ vũ, thúc đẩy mạnh mẽ cách mạng Trung Quốc.

- *Diễn biến chính:*

+ Ngày 4/5/1919 học sinh, sinh viên yêu nước Bắc Kinh biểu tình nhằm phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.

+ Phong trào nhanh chóng lan rộng khắp 22 tỉnh và 150 thành phố, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia đặc biệt là công nhân.

- *Ý nghĩa:*

+ Mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc.

+ Đánh dấu thời kì giai cấp công nhân Trung Quốc bước lên vũ đài chính trị.

+ Đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

+ Thúc đẩy mạnh mẽ sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Trung Quốc.

* *Điểm mới của phong trào Ngũ tứ:*

- Mục tiêu đấu tranh triệt để: chống đế quốc, chống phong kiến; trong đó tập trung vào vấn đề dân tộc.

- Mang tính chất quần chúng rộng lớn, công nhân đóng vai trò nòng cốt.

- Mở ra giai đoạn mới của cách mạng Trung Quốc: từ cách mạng chủ tư sản kiểu cũ chuyển sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Câu 2: Tóm tắt bối cảnh thành lập và ý nghĩa của sự ra đời Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921).

* *Bối cảnh thành lập:*

+ Sau phong trào Ngũ tứ, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng vào Trung Quốc thúc đẩy phong trào công nhân phát triển nhanh chóng.

+ Năm 1920, với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, nhiều nhóm cộng sản được thành lập.

+ Tháng 7/1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

* *Ý nghĩa:*

- Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Trung Quốc.

- Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng. → Bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.

Câu 3: Lập bảng so sánh phong trào cách mạng ở Ấn Độ và Trung Quốc giữa hai cuộc chiến tranh thế giới theo các tiêu chí sau: lãnh đạo, khuynh hướng chính trị, phương pháp đấu tranh, lực lượng tham gia.

Tiêu chí	Phong trào cách mạng ở Ấn Độ (1918-1939)	Phong trào cách mạng ở Trung Quốc (1918-1939)
Lãnh đạo	Đảng Quốc đại - chính đảng của giai cấp tư sản, đứng đầu là Gan-đi	Có sự đấu tranh và hợp tác giữa Quốc dân đảng (của giai cấp tư sản) Đảng Cộng sản Trung Quốc (của giai cấp vô sản).
Khuynh hướng	Khuynh hướng tư sản chiếm ưu thế so với khuynh hướng vô sản.	Hai khuynh hướng tư sản và vô sản song song tồn tại, đấu tranh lẫn nhau.
Phương pháp đấu tranh	Phong phú, mang tính hòa bình, bất bạo động, bất hợp tác: biểu tình hòa bình, bãi công, bãi khóa, tẩy chay hàng Anh...	Đấu tranh chính trị (phong trào Ngũ tứ), đấu tranh vũ trang (chiến tranh Bắc phạt, nội chiến...)
Lực lượng tham gia	Công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, tư sản...	Công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, tư sản...

Câu 4: Khái quát những nét chính về phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1939. Vì sao đường lối bất bạo động, bất hợp tác của M.Gan-đi và Đảng Quốc đại được đông đảo nhân dân Ấn Độ hưởng ứng?

* *Khái quát nét chính về phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1939:*

- Bối cảnh lịch sử:

+ Chính sách vơ vét, bóc lột của thực dân Anh trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đẩy nhân dân Ấn Độ vào cảnh sống cùng cực, mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt.

+ Sau Chiến tranh, phong trào cách mạng bùng nổ ở nhiều nước.

→ Làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ.

- Lãnh đạo: Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gan-đi; chủ trương đấu tranh bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng bạo lực.

- Hình thức, phương pháp đấu tranh: phong phú, mang tính chất hòa bình như biểu tình, bãi công, bãi khóa, tẩy chay hàng Anh, không nộp thuế (phong trào bất bạo động, bất hợp tác).

- Lực lượng tham gia: lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia: công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên...

- Tháng 12/1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng.

* *Đường lối của M. Gan-đi và Đảng Quốc Đại được đông đảo nhân dân Ấn Độ hưởng ứng vì:*

- Phù hợp với điều kiện lịch sử, dân tộc và tôn giáo ở Ấn Độ: *“Trong một xã hội mà sự phân chia đẳng cấp và tôn giáo cùng với ách thống trị thực dân đã làm mờ đi những mâu thuẫn về giai cấp thì đường lối của Gandi đã được chấp nhận”*.

- Giai cấp tư sản Ấn Độ trưởng thành sớm (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX), sớm nắm lấy ngọn cờ dân tộc và ngày càng có sức ảnh hưởng sâu rộng. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ - Đảng Quốc Đại đề ra được đường lối và phương pháp đấu tranh rõ ràng, ra sức kêu gọi hòa hợp và đoàn kết dân tộc nên đã thu hút đông đảo các lực lượng dân tộc.

Câu 5: Nêu những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Rút ra tác động của những chuyển biến đó đến phong trào dân tộc Đông Nam Á thời kỳ này.

* *Chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất:* Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc đẩy mạnh khai thác và bóc lột thuộc địa làm cho tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á có nhiều chuyển biến:

- Kinh tế: bị lôi cuốn vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa với tư cách là thị trường tiêu thụ hàng hóa và là nơi cung cấp nguyên liệu cho các nước chính quốc.

- Chính trị: bị chính quyền thực dân khống chế, kiểm soát.

- Xã hội: sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc, các lực lượng xã hội mới (tư sản, công nhân, tiểu tư sản) phát triển nhanh về số lượng và ý thức giai cấp.

* *Tác động:*

- Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc; trong đó chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc, làm bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á ngay sau Chiến tranh.

- Sự ra đời và phát triển của các lực lượng xã hội mới tạo ra điều kiện bên trong cho phong trào giải phóng dân tộc theo những khuynh hướng mới: tư sản, vô sản.

→ Phong trào dân tộc Đông Nam Á có những bước phát triển mới so với giai đoạn trước.

Câu 6: Tóm tắt điều kiện lịch sử và những bước phát triển mới của phong trào dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

* *Điều kiện lịch sử:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc đẩy mạnh khai thác và bóc lột thuộc địa làm cho tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các nước Đông Nam Á có nhiều chuyển biến.

+ Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc; trong đó chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc, làm bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á ngay sau Chiến tranh.

+ Các lực lượng xã hội mới ngày càng phát triển về số lượng và ý thức giai cấp tạo ra điều kiện bên trong cho phong trào giải phóng dân tộc theo những khuynh hướng mới.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới sau Chiến tranh tác động mạnh mẽ đến phong trào giải phóng dân tộc Đông Nam Á thời kỳ này.

* *Bước phát triển mới:*

- Phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt:

+ Mục tiêu độc lập dân tộc được xác định rõ ràng: đòi tự do kinh doanh, đòi tự chủ về chính trị, đòi dùng tiếng mẹ đẻ trong nhà trường.

+ Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng lớn: Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, Phong trào Thakin ở Miến Điện...

- Xuất hiện khuynh hướng mới trong phong trào dân tộc: khuynh hướng vô sản.

+ Một số Đảng cộng sản được thành lập: Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (1920), các Đảng Cộng sản ra đời ở Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-líp-pin trong năm 1930.

+ Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo một số phong trào đấu tranh quyết liệt: cuộc khởi nghĩa vũ trang ở In-đô-nê-xi-a (1926 - 1927), phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam (1930 - 1931)...

Câu 7: Tóm tắt các giai đoạn phát triển của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và Cam-pu-chia trong những năm 1918 - 1939 và rút ra nhận xét.

- Trong những năm 20 của thế kỉ XX: Chính sách khai thác và bóc lột nặng nề của thực dân Pháp đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các nước Đông Dương.

+ Ở Lào: khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam kéo dài hơn 30 năm (1901 -1937); khởi nghĩa của Chậu Pa-chay (1918 - 1922) có liên hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước ở Tây Bắc Việt Nam.

+ Ở Cam-pu-chia: phong trào chống thuế, chống bắt phu bùng lên mạnh mẽ trong những năm 1925 - 1926 rồi phát triển thành các cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp.

→ Nhận xét: phát triển mạnh mẽ, rộng khắp nhưng mang tính tự phát, phân tán nên đều thất bại.

- Trong những năm 30 của thế kỉ XX:

+ Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời mở ra thời kì mới cho phong trào cách mạng ở Đông Dương, những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng đã được gây dựng ở Lào và Cam-pu-chia.

+ Trong những năm 1936 -1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển mạnh, thu hút đông đảo nhân dân Đông Dương tham gia, đã tăng cường ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong quần chúng.

→ Nhận xét: phát triển theo một đường lối thống nhất: con đường cách mạng vô sản. Có một chính Đảng vô sản chung lãnh đạo, mỗi liên minh chiến đấu chống Pháp của các dân tộc Đông Dương ngày càng được củng cố.

Câu 8: Liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân các nước Đông Dương trong những năm 1918 - 1939 được thể hiện qua những sự kiện nào? Cơ sở của mỗi liên minh đó.

* *Biểu hiện của mỗi liên minh chiến đấu:*

- Khởi nghĩa của Chậu Pa-chay (1918-1922) có liên hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước ở Tây Bắc Việt Nam.

- Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời mở ra thời kì mới cho phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng đã được gây dựng ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam là phong trào đầu tiên do Đảng lãnh đạo kể từ

khi ra đời.

- Trong những năm 1936 - 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển mạnh, thu hút đông đảo nhân dân các dân tộc Đông Dương tham gia, đã tăng cường ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong quần chúng.

* *Cơ sở:*

- Ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, nhiều khu vực có biên giới tiếp giáp, có mối quan hệ gần gũi và nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa.

- Ba dân tộc Đông Dương đều bị thực dân Pháp thống trị, bóc lột từ cuối thế kỉ XIX. Lật đổ đế quốc Pháp, giành độc lập tự do là nguyện vọng chung của nhân dân ba nước. Từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Đông Dương đã đoàn kết chống kẻ thù chung: khởi nghĩa của Trương Quyền và Pucôm-bô, khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc...

- Từ năm 1930, cách mạng ba nước đặt dưới sự lãnh đạo của một chính đảng cách mạng: Đảng Cộng sản Đông Dương làm cho mối quan hệ liên minh càng bền chặt, phát triển.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)
CHỦ ĐỀ 5: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- + Phân tích được những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai, tính chất của chiến tranh thay đổi qua các giai đoạn khác nhau.
- + Trình bày được diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Phân tích được kết cục của chiến tranh, hậu quả của nó đối với lịch sử thế giới.
- + Hiểu được tính chất phi nghĩa của chiến tranh đế quốc và bản chất hiếu chiến, tàn bạo của chủ nghĩa phát xít.
- + Đánh giá được vai trò của Liên Xô, các nước Đồng minh Mĩ, Anh và nhân dân tiên bộ thế giới trong đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- + Rút ra được những bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

❖ **Kỹ năng**

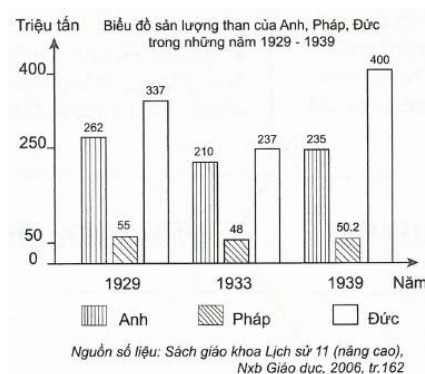
- + Quan sát, khai thác, sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử,...
- + Phân tích, đánh giá rút ra bản chất của các sự kiện lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Nguyên nhân sâu xa

- Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong những năm 1918 - 1939.
- Thay đổi so sánh tương quan lực lượng giữa các nước tư bản.
- Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa.



2. Nguyên nhân trực tiếp

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 → chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện, lên cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản → ráo riết chạy đua vũ trang, gây chiến tranh xâm lược.
 - + Nhật Bản xâm lược Trung Quốc.
 - + Italia xâm lược Ê-ti-ô-pi-a.
 - + Đức can thiệp vào Tây Ban Nha, xé bỏ Hòa ước Véc xai, hướng tới thành lập nước “Đại Đức”.
 - Thái độ dung dưỡng, thỏa hiệp của Anh, Pháp, Mỹ với các lực lượng phát xít.
 - + Mỹ theo “chủ nghĩa biệt lập” ở Tây bán cầu, không can dự vào các vấn đề xảy ra bên ngoài châu Mỹ.
 - + Anh, Pháp thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít, đẩy chiến tranh về phía Liên Xô, đỉnh cao là tại Hội nghị Myních (9/1938).
 - Tạo điều kiện cho các lực lượng phát xít tự do hành động.
 - ⇒ - Ngày 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan
 - Ngày 3/9/1939, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức.
- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.



Tranh biếm họa: các chính khách châu Âu nhượng bộ Hitler



Hội nghị Myních (9/1938)

DIỄN BIẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Tháng 9/1939

- Đức tấn công Ba Lan. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức → Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.



Đức chiếm Ba Lan

2. Tháng 9/1939 - tháng 5/1941

- Đức tấn công và thôn tính phần lớn châu Âu.
- Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc, Đông Nam Á.
- Italia xâm lược Ai Cập.



Quân Đức tiến vào Pa-ri (Pháp)

3. Tháng 6/1941

- Đức tấn công Liên Xô. Tính chất của chiến tranh thay đổi.

4. Tháng 12/1941

- Nhật Bản tấn công Mỹ tại Trân Châu cảng.
- Mỹ tham chiến, chống lại phe phát xít.

5. Tháng 1/1942

- Mặt trận Đồng minh chống phát xít được hình thành, với sự tham gia của 26 nước, nòng cốt là nước Mỹ, Anh, Liên Xô.

6. Tháng 2/1943

- Chiến thắng Xtalingrát của Liên Xô.
- Tạo ra bước ngoặt chiến tranh.
- Phe Đồng minh chuyển sang đồng loạt tấn công trên khắp các mặt trận.



Quân đội Mỹ chiến đấu tại Bắc Phi

7. Tháng 5/1943

- Quân Đồng minh quét sạch quân Đức, I-ta-li-a khỏi Châu Phi.
- Chiến sự ở Châu Phi chấm dứt.



Quân đội Italia đầu hàng

8. Tháng 3/1945

- Italia đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.

9. Tháng 5/1945

- Đức đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
- Chiến sự ở Châu Âu chấm dứt.



Đức kí văn kiện đầu hàng

10. Tháng 8/1945

- Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.
- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.



Nhật Bản kí văn kiện đầu hàng

KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít

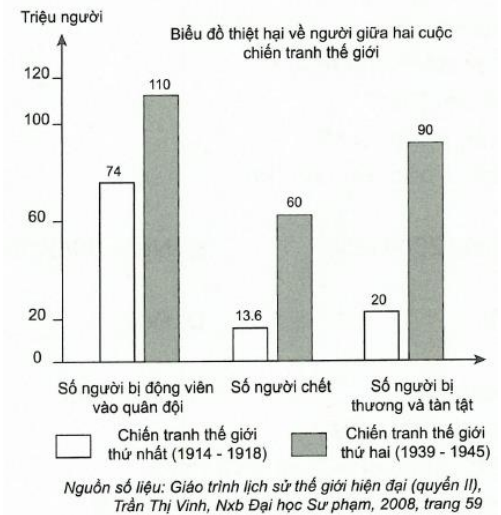
- Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới, trong đó Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột.

2. Để lại những hậu quả nặng nề cho nhân loại

- Hơn 70 quốc gia với 1.7 tỉ người đã bị lôi cuốn vào vòng chiến.
- Khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương, thiệt hại vật chất khoảng 4000 tỉ đô-la.

3. Chiến tranh kết thúc đưa đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới

- Hình thành trật tự thế giới mới (trật tự hai cực Ianta) do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.
- Hệ thống XHCN được hình thành, không ngừng mở rộng về không gian địa lí.
- Thế và lực trong hệ thống TBCN thay đổi.
- Phong trào đấu tranh giành độc lập phát triển mạnh mẽ.
- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ trong Chiến tranh thế giới thứ hai (bắt đầu từ Mĩ) không ngừng phát triển, đưa đến nhiều tiến bộ vượt bậc.



II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Từ khi Hòa ước Véc-xai được kí kết đến khi bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai là bao nhiêu năm?

- A. 18 năm. B. 19 năm. C. 20 năm. D. 21 năm.

Câu 2: Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, các nước phát xít Đức, Italia và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành liên minh phát xít, được gọi là

- A. ba lò lửa chiến tranh. B. mối đe dọa chiến tranh của trục phát xít.
C. trục Beclin - Rôma - Tôkiô D. trục phát xít Đức - Italia và Nhật Bản.

Câu 3: Năm 1937 diễn ra sự kiện lịch sử gì có liên quan đến Đức, Italia và Nhật Bản?

- A. Trục Beclin - Rôma - Tôkiô được thành lập.
B. Nhật Bản mở rộng chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương.
C. Đức mở rộng chiến tranh ở châu Âu.
D. Đức, Italia và Nhật Bản rút ra khỏi Hội Quốc liên.

Câu 4: Vì sao năm 1933, Đức và Nhật đã rút ra khỏi Hội Quốc liên?

- A. Tránh đối đầu với Liên Xô, Anh, Mĩ. B. Để không bị ràng buộc bởi Liên Xô, Anh, Mĩ.
C. Để chuẩn bị gây chiến tranh thế giới. D. Tự do đe dọa hòa bình, an ninh thế giới.

Câu 5: Những năm 1940 - 1941, Hít-le đã khôn khéo lôi kéo được các nước nào ở Đông Âu gia nhập Hiệp ước Tam cường?

- A. Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri. B. Ru-ma-ni, An-ba-ni, Tiệp Khắc.
C. Ru-ma-ni, Ba Lan, Tiệp Khắc. D. Ru-ma-ni, Ba Lan, An-ba-ni.

Câu 6: Chiến tranh thế giới lần thứ hai chính thức bùng nổ gắn với sự kiện nào?

- A. Đức đánh chiếm Pháp. B. Đức đánh chiếm Tiệp Khắc.
C. Đức đánh chiếm Ba Lan. D. Đức đánh chiếm Anh.

Câu 7: Sau khi Đức đánh Ba Lan, những nước nào tuyên chiến với Đức?

- A. Anh và Pháp. B. Anh, Pháp và Mĩ.
C. Liên Xô, Anh, Pháp và Mĩ. D. Anh, Pháp, Ba Lan, Mĩ.

Câu 8: Hội nghị Muya-ních được triệu tập vào thời gian nào?

- A. Ngày 29/9/1938. B. Ngày 28/9/1938. C. Ngày 20/9/1938. D. Ngày 30/9/1938.

Câu 9: Nước nào không tham gia Hội nghị Muya-ních?

- A. Anh. B. Pháp. C. Mĩ D. Đức.

Câu 10: Hít-le gây ra vụ Xuy-đét để thôn tính nước nào?

- A. Ba Lan. B. Tiệp Khắc. C. Italia. D. U-crai-na.

Câu 11: Vấn đề Xuy-đét ở Tiệp Khắc đã dẫn đến sự tranh chấp gay gắt giữa

- A. Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô, Anh và Pháp. B. Đức, Mĩ, Liên Xô, Anh và Pháp.
C. Đức, Italia, Nhật, Anh và Pháp. D. Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô, Anh và Mĩ.

Câu 12: Để thành lập Nhà nước “Đại Đức”, trước hết Hít-le quyết định sáp nhập nước nào vào nước Đức?

- A. Tiệp Khắc. B. Ba Lan. C. An-ba-ni. D. Áo.
- Câu 13:** Chiến lược “chiến tranh chớp nhoáng” của Đức bị thất bại bởi chiến thắng nào của Liên Xô?
- A. Xta-lin-grat. B. Mát -xcơ-va. C. Lê-nin-grat. D. Cuốc-xcơ.
- Câu 14:** Trận Trân châu Cảng (12/1941) mở đầu cuộc chiến tranh
- A. Thái Bình Dương. B. Đại Tây Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Bắc Băng Dương.
- Câu 15:** Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực nào?
- A. Tây Thái Bình Dương. B. Tây Nam Á.
C. Đông Nam Á. D. Bắc Á.
- Câu 16:** Trước các cuộc chiến tranh xâm lược của liên minh phát xít, thái độ của Mỹ như thế nào?
- A. Không tham gia Hội Quốc liên và không can thiệp vào các sự kiện ở bên ngoài châu Mỹ.
B. Rất lo sợ chủ nghĩa phát xít, đồng thời vẫn thù ghét chủ nghĩa cộng sản.
C. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, nên đã chủ trương đoàn kết với các nước tư bản chống phát xít.
D. Hợp tác với Anh, Pháp chống lại liên minh phát xít.
- Câu 17:** Đức mở cuộc tấn công “chớp nhoáng” vào lãnh thổ Liên Xô vào thời gian nào?
- A. Ngày 22/4/1941. B. Ngày 22/6/1941. C. Ngày 28/4/1941. D. Ngày 30/6/1941.
- Câu 18:** Lý do khách quan làm cho nước Đức không thể thực hiện được kế hoạch đổ bộ vào Anh năm 1940 là
- A. quân đội Đức đã suy yếu do đánh chiếm nhiều nước ở châu Âu.
B. Anh có ưu thế về không quân và hải quân.
C. Liên Xô đã tuyên chiến với Đức ở mặt trận phía đông.
D. Hoa Kỳ bắt đầu viện trợ cho Anh.
- Câu 19:** Hạm đội của nước nào bị thiệt hại nặng nề nhất ở Trân Châu cảng?
- A. Anh. B. Pháp. C. Nhật. D. Mỹ.
- Câu 20:** Hiệp ước Tam cường được kí kết vào thời gian nào?
- A. Tháng 8/1940. B. Tháng 9/1940. C. Tháng 8/1941. D. Tháng 9/1941.
- Câu 21:** Hiệp ước Tam cường được kí kết ở thành phố nào?
- A. Rô-ma. B. Giơ-ne-vơ. C. Tô-ki-ô. D. Béc-lin.
- Câu 22:** Trong những năm 30 của thế kỉ XX, phe “Trục” được hình thành gồm các nước
- A. Đức, Liên Xô, Anh. B. Đức, Italia, Nhật Bản. C. Italia, Hunggari, Áo. D. Mỹ, Liên Xô, Anh.
- Câu 23:** Bản chất sự liên kết các nước trong phe “Trục” là gì?
- A. Liên minh các nước thực dân. B. Liên minh các nước tư bản dân chủ.
C. Liên minh các nước phát xít. D. Liên minh các nước thuộc địa.
- Câu 24:** Hoạt động chủ yếu của các nước trong phe “Trục” là
- A. mở rộng các hoạt động kinh tế, thương mại.
B. đấu tranh cho phong trào hòa bình.
C. phát xít hóa tất cả các thuộc địa.
D. tăng cường hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

Câu 25: Thái độ nhượng bộ phát xít của chính phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ là do

- A. sợ các nước phát xít tấn công nước mình và muốn liên minh với phe phát xít.
- B. lo sợ trước sự lớn mạnh của Liên Xô và muốn tấn công Liên Xô.
- C. thù ghét chủ nghĩa cộng sản nên muốn đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.
- D. cần thời gian để chuẩn bị chiến đấu chống cả chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít.

Câu 26: Với chính sách nhượng bộ của Anh và Pháp tại Hội nghị Mui-ních đã có tác động đến Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. cứu được tình thế hòa bình ở châu Âu.
- B. đề bệp âm mưu mở rộng chiến tranh của phát xít.
- C. hạn chế quá trình dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. khuyến khích các nước phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.

Câu 27: Đạo luật trung lập (8/1935) của Chính phủ Mĩ đã thể hiện chính sách

- A. không can thiệp vào tình hình các nước phát xít.
- B. không can thiệp vào các sự kiện ở châu Âu.
- C. không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ.
- D. không can thiệp vào cuộc chiến giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít.

Câu 28: Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

- A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức.
- B. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ.
- C. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít.
- D. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Câu 29: Tại Hội nghị Mui-ních (Đức), Anh và Pháp đã có động thái như thế nào?

- A. Kêu gọi đoàn kết chống lại chủ nghĩa phát xít, kiên quyết bảo vệ vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc.
- B. Tiếp tục nhân nhượng Đức, trao cho Đức vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc.
- C. Cắt một phần lãnh thổ của hai nước cho Đức để Đức tấn công Liên Xô.
- D. Quyết định liên kết với Liên Xô chống lại Đức và Italia.

Câu 30: Để bảo vệ quyền lợi quốc gia trong tình thế bị cô lập, Chính phủ Liên Xô đã

- A. kí Hiệp ước Xô - Đức không xâm lược lẫn nhau.
- B. chủ trương liên kết với Anh, Pháp để chống chủ nghĩa phát xít.
- C. đứng về phía các nước Ê-ti-ô-pi-a, nhân dân Tây Ban Nha, Trung Quốc chống xâm lược.
- D. đưa quân giúp Tiệp Khắc chống cuộc xâm lược của Đức.

Câu 31: Tại sao Đức kí Hiệp ước Xô - Đức không xâm phạm lẫn nhau với Liên Xô?

- A. Đức nhận thấy không đánh thắng nổi Liên Xô.
- B. Đức sợ bị liên quân Anh - Pháp tấn công sau lưng khi đang đánh Liên Xô.
- C. Đề phòng chiến tranh bùng nổ phải chống lại cả ba cường quốc trên hai mặt trận.
- D. Liên Xô không phải là mục tiêu tiến công của Đức.

Câu 32: Tháng 6/1940, tại Pháp diễn ra sự kiện mà có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Việt Nam là

- A. Đức chiếm đóng 3/4 lãnh thổ nước Pháp.
B. Lực lượng kháng chiến Pháp hình thành.
C. Chính phủ tự trị thành lập do Pê-tanh đứng đầu làm tay sai cho phát xít Đức.
D. Đức tấn công và chiếm 3/4 lãnh thổ nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng và làm tay sai cho Đức.
- Câu 33:** Tháng 6/1941, phát xít Đức quyết định tấn công Liên Xô vì
A. hiệp ước Xô - Đức không xâm lược lẫn nhau hết hiệu lực.
B. Anh, Pháp và hầu hết châu Âu đã đầu hàng.
C. quân Đức đã thống trị phần lớn châu Âu, có đủ điều kiện tấn công Liên Xô.
D. thực hiện cam kết với Anh, Pháp về việc tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản.
- Câu 34:** Trận đánh có ý nghĩa bước ngoặt của Hồng quân Liên Xô chuyển từ phòng thủ sang tấn công là
A. trận Mát-xcơ-va. B. trận Cuốc-xcơ. C. trận X-ta-lin-grát. D. trận công phá Béc-lin.
- Câu 35:** Sự kiện buộc Mỹ phải chấm dứt chính sách trung lập và tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. phát xít Đức tấn công Liên Xô.
B. liên quân Anh - Mỹ giành thắng lợi ở En Alamen.
C. chiến thắng của Hồng quân Liên Xô ở xtalingrát.
D. Nhật Bản bất ngờ tập kích căn cứ của Mỹ ở Trân Châu cảng.
- Câu 36:** Liên minh chống phát xít hình thành năm 1942 thường được gọi là gì?
A. Phe Trục. B. Khối Đồng minh. C. Phe Liên minh. D. Phe Hiệp ước.
- Câu 37:** Nguyên nhân nào thúc đẩy các quốc gia trên thế giới hình thành liên minh chống phát xít?
A. Do uy tín của Liên Xô đã tập hợp được các nước khác.
B. Do hành động xâm lược, bành trướng của phe phát xít khiến thế giới lo ngại.
C. Do Anh, Mỹ đều thua nhiều trận trên chiến trường.
D. Do nhân dân các nước trên thế giới đoàn kết.
- Câu 38:** Văn kiện quốc tế đánh dấu sự cam kết của 26 quốc gia cùng nhau chống chủ nghĩa phát xít vào năm 1942 tại Oasinhtơn là
A. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. B. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.
C. Tuyên ngôn Hòa bình. D. Tuyên ngôn Liên hợp quốc.
- Câu 39:** Trong quá trình đẩy lùi quân phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô đã giải phóng được những khu vực nào?
A. Đông Âu. B. Tây Âu. C. Nam Âu. D. Bắc Âu.
- Câu 40:** Liên quân Mỹ - Anh và quân Đồng minh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng
A. cuộc tấn công vòng cung Cuốc-xcơ (Liên Xô).
B. cuộc tấn công quân Nhật Bản ở Gua-đan-ca-nan trên Thái Bình Dương.
C. cuộc đổ bộ Noóc-măng-đi (Pháp).
D. cuộc đổ bộ đánh chiếm đảo Xi-xi-li-a (Italia).
- Câu 41:** Sự kiện nước Đức kí văn bản đầu hàng không điều kiện ngày 9/5/1945 có ý nghĩa gì?
A. Liên Xô đã giành thắng lợi hoàn toàn. B. Chiến tranh chấm dứt hoàn toàn ở châu Âu.
C. Chiến tranh chấm dứt hoàn toàn trên thế giới. D. Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt hoàn toàn.

Câu 42: Ngày 9/5/1945 đã đi vào lịch sử thế giới là ngày

- A. thế giới chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
- B. chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. hình thành trật tự thế giới mới.
- D. giải phóng châu Âu.

Câu 43: Ngày 15/8/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì đối với phát xít ở châu Á - Thái Bình Dương?

- A. Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- B. Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông của Nhật.
- C. Nhật Bản chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- D. Quân Đồng minh truy kích phát xít Nhật.

Câu 44: Nhật Bản đầu hàng **không** phải vì lí do nào sau đây?

- A. Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki.
- B. Liên Xô đánh bại đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở Mãn Châu.
- C. Chính phủ Nhật Bản hoảng sợ, nhân dân và binh lính Nhật muốn đầu hàng.
- D. Các nước đồng minh gửi Tuyên cáo Potsdam yêu cầu Nhật Bản đầu hàng.

Câu 45: Việc Nhật Bản đầu hàng không điều kiện có ý nghĩa như thế nào?

- A. Quân Nhật chính thức ngừng chiến đấu trên các mặt trận.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc trên toàn thế giới.
- C. Các nước thuộc địa của Nhật được giải phóng.
- D. Khẳng định sức mạnh của Liên Xô và Mĩ.

Câu 46: Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với

- A. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân.
- B. sự thắng lợi của nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới.
- C. sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.
- D. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản.

Câu 47: Nội dung nào **không** phải là hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Khởi đầu của chiến tranh nguyên tử.
- B. Thế giới có nhiều thay đổi căn bản.
- C. Khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế.
- D. Nhiều thành phố, làng mạc bị phá hủy.

Câu 48: Lực lượng nào là trụ cột trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít?

- A. Nhân dân lao động ở các nước phát xít.
- B. Nhân dân và Hồng quân Liên Xô.
- C. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
- D. Nhân dân các nước thuộc địa.

Câu 49: Hội nghị I-an-ta do Liên Xô, Anh, Mĩ triệu tập khi

- A. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn sắp kết thúc.
- C. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ.
- D. phát xít Đức và Nhật bị Đồng minh đánh bại.

Câu 50: Cục diện Chiến tranh thế giới thứ hai thay đổi khi

- A. phát xít Đức bị Đồng minh đánh bại ở Béc - lin.
- B. Anh, Mỹ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu.
- C. phát xít Đức mở cuộc tấn công chớp nhoáng vào lãnh thổ Liên Xô.
- D. phát xít Nhật bị đánh bại ở châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 51: Ngày 15/8/1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có tác động đến Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam như thế nào?

- A. Tạo ra thời cơ để Cách mạng tháng Tám đánh bại chế độ phong kiến Bảo Đại.
- B. Tạo ra tình thế mới để Việt Nam đứng lên chống Nhật.
- C. Tạo điều kiện cho Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- D. Tạo ra thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.

Câu 52: Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), phe phát xít bị đánh bại sớm nhất tại mặt trận

- A. Xô-Đức.
- B. Tây Âu.
- C. Bắc Phi.
- D. châu Á -Thái Bình Dương.

Câu 53: Từ ngày 6/6/1944, quân đội Đức Quốc xã phải chiến đấu cùng một lúc trên hai mặt trận, đó là

- A. phía Tây chống Liên Xô, phía Đông chống Anh - Mỹ.
- B. phía Đông chống Liên Xô, phía Tây chống Anh - Mỹ.
- C. phía Đông chống Liên Xô, phía Tây chống Anh - Pháp.
- D. phía Đông chống các nước Đông Âu, phía Tây chống các nước Anh - Pháp - Mỹ.

Câu 54: Cho các sự kiện:

1. Quân Đức đánh thắng vào nước Pháp.
2. Quân đội Đức tấn công Ba Lan.
3. Hiệp ước Tam cường được kí kết tại Béc-lin.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian:

- A. 2-1-3.
- B. 2-3-1.
- C. 3-1-2.
- D. 3-2-1.

Câu 55: Lực lượng giữ vai trò trụ cột trong Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Liên Xô, Mỹ, Anh.
- B. Liên Xô, Pháp, Anh.
- C. Đức, Italia và Nhật Bản.
- D. Mỹ, Pháp, Anh.

Câu 56: Nhật Bản tuyên bố thành lập “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á” với khẩu hiệu

- A. “phòng thủ chung châu Á”.
- B. “châu Á của người châu Á”.
- C. “châu Á của người Nhật Bản”.
- D. “Nhật Bản hợp tác toàn diện với châu Á”.

Câu 57: Cuộc tấn công của quân Đồng minh vào sào huyệt Béc-lin diễn ra khi

- A. phát xít Đức đang tấn công Liên Xô.
- B. phát xít Đức phải kéo quân về cố thủ ở Béc-lin
- C. phát xít Nhật đang đánh chiếm các nước Đông Nam Á.
- D. phát xít Đức đang đánh chiếm các nước Đông Âu.

Câu 58: Năm 1942, đế quốc Nhật Bản đã thống trị các vùng nào ở châu Á - Thái Bình Dương?

- A. Đông Á, Tây Á và Tây Thái Bình Dương.
- B. Đông Á, Nam Á và Nam Thái Bình Dương.
- C. Tây Á, Đông Á và Bắc Thái Bình Dương.
- D. Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

Câu 59: Ngày 1/1/1942, tại Oasinhton diễn ra sự kiện gì?

- A. Liên Xô, Mĩ, Pháp kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.
- B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp kí Hiệp ước phòng thủ chung châu Âu và Bắc Mĩ.
- C. Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít
- D. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc kí Hiệp ước bảo vệ hòa bình an ninh thế giới.

Câu 60: Trận Trân Châu cảng (12/1941) mở đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương giữa các nước

- A. Nhật Bản với Mĩ.
- B. Nhật Bản với Mĩ - Pháp.
- C. Nhật Bản với Mĩ - Anh - Pháp.
- D. Nhật Bản với Mĩ - Anh.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu những nét chính về con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2: Cuộc tấn công phe Trục phát xít đối với Ba Lan và các nước châu Âu từ tháng 9/1939 đến năm 1941 diễn ra như thế nào?

Câu 3: Cuộc tấn công “chớp nhoáng” của quân đội Đức vào lãnh thổ Liên Xô diễn ra như thế nào?

Câu 4: Nêu quá trình phản công của quân Đồng minh đối với quân phát xít từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944.

Câu 5: Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 6: Những hoạt động chuẩn bị chiến tranh của phát xít Đức, Italia và Nhật Bản.

Câu 7: Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1939 đến mùa hè 1941.

Câu 8: Hãy trình bày quá trình tấn công và thất bại của phát xít Đức ở mặt trận Liên Xô và mặt trận châu Âu.

Câu 9: Trình bày diễn biến chính và ý nghĩa của trận phản công của Hồng quân Liên Xô tại Xta-lin-grát.

Câu 10: Phát xít Nhật gây chiến và bị thất bại ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương như thế nào?

Câu 11: Nêu những sự kiện chính về cuộc phản công của quân Đồng minh trên các mặt trận (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944).

Câu 12: Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

Câu 13: Hãy trình bày quá trình hình thành và củng cố liên minh phát xít. Ba nước Đức, Italia và Nhật Bản đã phân chia phạm vi thống trị trên thế giới như thế nào?

Câu 14: Tại sao Nhật Bản khai chiến với Mĩ-Anh ở Thái Bình Dương? Hãy tường thuật việc khai chiến, quá trình xâm lược và bành trướng của Nhật trên lục địa châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 15: Tại sao ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau?

Câu 16: Cuộc phản công của quân Đồng minh trong giai đoạn cuối của chiến tranh (từ tháng 6/1944 đến tháng 8/1945) để đánh bại Nhật Bản diễn ra như thế nào?

THAM KHẢO ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT SỐ 1, TRANG 151 - 153

III. ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - C	2 - C	3 - A	4 - C	5 - A	6 - C	7 - A	8 - A	9 - C	10 - B
11 - A	12 - D	13 - B	14 - A	15 - C	16 - A	17 - B	18 - D	19 - D	20 - B
21 - D	22 - B	23 - C	24 - D	25 - C	26 - D	27 - C	28 - D	29 - B	30 - A
31 - C	32 - D	33 - C	34 - C	35 - D	36 - B	37 - B	38 - D	39 - A	40 - C
41 - B	42 - D	43 - C	44 - C	45 - B	46 - D	47 - A	48 - C	49 - B	50 - C
51 - D	52 - C	53 - B	54 - A	55 - A	56 - B	57 - B	58 - D	59 - C	60 - D

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu những nét chính về con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Những năm 30 của thế kỉ XIX, các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Béc-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.
- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình.
- Trước hết, Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.
- Ngày 29/9/1938, Hội nghị Mui-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, theo đó, Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu. Đại biểu Tiệp Khắc được mời đến Mui-ních chỉ để tiếp nhận và thi hành Hiệp định.
- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (tháng 3/1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Câu 2: Cuộc tấn công phe Trục phát xít đối với Ba Lan và các nước châu Âu từ tháng 9/1939 đến năm 1941 diễn ra như thế nào?

- Rạng sáng ngày 1/9/1939, quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” và chiếm được Ba Lan sau gần 1 tháng.
- Tháng 4/1940, Đức tấn công sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu.
- Tháng 6/1940, Đức đánh chiếm nước Pháp, Pa-ri bị bỏ ngỏ.
- Tháng 7/1940, Đức thực hiện kế hoạch đánh Anh nhưng không thực hiện được.
- Tháng 9/1940, Hiệp ước Tam cường Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin quy định nếu một trong ba nước bị đối phương tấn công thì hai nước kia phải trợ giúp và công khai về phân chia

thế giới: Đức, I-ta-li-a ở châu Âu, Nhật ở Viễn Đông.

- Tháng 10/1940, Hít-le chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam Âu. Đến mùa hè năm 1941, phe phát xít đã thống trị phần lớn châu Âu.

Câu 3: Cuộc tấn công “chớp nhoáng” của quân đội Đức vào lãnh thổ Liên Xô diễn ra như thế nào?

- Ngày 22/6/1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô bất chấp Hiệp định Xô - Đức. Đức sử dụng chiến thuật “Chiến tranh chớp nhoáng” đánh vào Liên Xô theo ba hướng: Đạo quân phía Bắc đánh vào Lê-nin-grát; Đạo quân trung tâm tiến vào ngoại vi thủ đô Mát-xcơ-va; Đạo quân phía Nam chiếm Ki-ép và phần lớn U-crai-na.

- Quân đội và nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12/1941, Hồng quân Liên Xô do tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ thủ đô. Chiến thắng Mát-xcơ-va đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Hít-le.

- Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, quân Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía Nam nhằm đánh chiếm xta-lin-grát. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn 2 tháng nhưng quân Đức không thể chiếm được thành phố này.

Câu 4: Nêu quá trình phản công của quân Đồng minh đối với quân phát xít từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944.

- Ở mặt trận Xô - Đức, trận phản công tại Xta-lin-grat (từ tháng 11/1942 đến tháng 2/1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới. Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người cho Thống chế Pao-lút chỉ huy. Bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Trận Cuốc-xơ (5/7 đến 23/8/1943), Hồng quân Liên Xô đã loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân Đức. Đến tháng 6/1944, giải phóng phần lớn lãnh thổ Liên Xô.

- Ở mặt trận Bắc Phi, quân Anh, Mỹ phối hợp quét sạch quân Đức khỏi lục địa châu Phi.

- Ở I-ta-li-a, quân Đồng minh chiếm đảo Xi-xi-li-a (tháng 7/1943). Chính phủ phát xít I-ta-li-a bị lật đổ, phải kí kết đầu hàng Đồng minh (3/9/1943).

- Ở Thái Bình Dương, Mỹ đánh bại Nhật ở trận Gu-a-đan-ca-nan (từ 8/1942 đến 1/1943) và lần lượt đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

Câu 5: Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Do quy luật phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa: Anh, Pháp, Mỹ phát triển tư bản chủ nghĩa sớm nên chiếm được nhiều thị trường và thuộc địa. Còn Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản phát triển muộn nhưng tốc độ nhanh có ít hoặc không có thị trường ở các nước thuộc địa, do các nước phát triển sớm chiếm hầu hết.

+ Chính sự phát triển không đồng đều đó làm cho so sánh lực lượng trong thế giới tư bản chủ nghĩa thay đổi về căn bản. Việc phân chia thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất thông qua hòa ước Vécxai - Oasinhton không còn phù hợp. Từ đó dẫn đến hình thành hai khối đế quốc đối địch nhau.

- *Nguyên nhân trực tiếp:*

+ Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản giải quyết khủng hoảng bằng cách phát xít hóa bộ máy nhà nước, đi đến gây chiến tranh thế giới.

+ Thủ phạm gây chiến chính là phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Song chính sách hai mặt của các cường quốc Tây Âu đã tạo điều kiện cho phát xít gây Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 6: Những hoạt động chuẩn bị chiến tranh của phát xít Đức, Italia và Nhật Bản.

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Béc-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược.

- Trước hết, Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.

- Ngày 29/9/1938, Hội nghị Mui-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu. Đại biểu Tiệp Khắc được mời đến Mui-ních chỉ để tiếp nhận và thi hành Hiệp định.

- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (tháng 3/1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Câu 7: Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1939 đến mùa hè 1941.

- Rạng sáng ngày 1/9/1939, quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” và chiếm được Ba Lan sau gần 1 tháng.

- Liên quân Anh - Pháp dàn trận dọc biên giới phía tây nước Đức, nhưng không tấn công Đức.

- Liên Xô tiến hành một số hoạt động công sự và chính trị để giành lại lãnh thổ cũ của Nga.

- Tháng 4/1940, quân Đức chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu như Đan Mạch, Na-uy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua và đánh thẳng vào nước Pháp.

- Tháng 9/1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, thừa nhận sự thống trị của Đức và I-ta-li-a ở châu Âu.

Từ tháng 10/1940, Hít-le chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu. Các nước Ru-ma-

ni, Hung-ga-ry, Bun-ga-ru trở thành chư hầu của Đức và bị quân Đức chính đáng. Bằng vũ lực, quân Đức và I-ta-li-a thôn tính Nam Tư và Hi-lạp. Đến mùa hè năm 1941, phe phát xít đã thống trị phần lớn châu Âu.

Câu 8: Hãy trình bày quá trình tấn công và thất bại của phát xít Đức ở mặt trận Liên Xô và mặt trận châu Âu.

** Mặt trận Liên Xô:*

- Ngày 22/6/1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, bất chấp Hiệp định Xô - Đức. Đức sử dụng chiến thuật “Chiến tranh chớp nhoáng” đánh vào Liên Xô theo ba hướng: Đạo quân phía Bắc đánh vào Lê-nin-grat; Đạo quân trung tâm tiến vào ngoại vi Thủ đô Mát-xcơ-va; Đạo quân phía nam chiếm Ki-ép và phần lớn U-crai-na.

- Quân đội và nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12/1941, Hồng quân Liên Xô do tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ thủ đô. Chiến thắng Mát-Xcơ-va đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh chớp nhoáng” của Hít-le.

- Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, quân Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía nam nhằm đánh chiếm xta-lin-grat. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn 2 tháng nhưng quân Đức không thể chiếm được thành phố này.

- Từ tháng 11/1942 đến tháng 2/1943, diễn ra trận phản công tại xta-lin-grat của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới. Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy. Bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

** Mặt trận châu Âu:*

- Từ ngày 6/6/1944, liên quân Mĩ - Anh đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) của Đồng minh, mở “Mặt trận thứ hai” ở Tây Âu.

- Quân đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

- Sau khi đẩy lùi quân đội Đức ra khỏi lãnh thổ, từ tháng 7/1944 đến tháng 10/1944, Hồng quân Liên Xô tiến quân vào Đông Âu, giúp nhân dân Đông Âu tiêu diệt phát xít Đức, giải phóng hàng loạt các nước Đông Âu.

- Từ tháng 1/1945, Hồng quân Liên Xô cũng bắt đầu cuộc tấn công nước Đức ở mặt trận phía đông.

- Tháng 2/1945, ở mặt trận phía tây, Mĩ-Anh và các nước Đồng minh khác vượt sông Ranh tràn vào nước Đức.

- Từ 16/4 đến 2/5/1945, Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của quân phát xít Đức. Ngày 9/5/1945, Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

Câu 9: Trình bày diễn biến chính và ý nghĩa của trận phản công của Hồng quân Liên Xô tại Xta-lin-grát.

- Diễn biến:

- + Trận phản công tại Xta-lin-grat (từ tháng 11/1942 đến tháng 2/1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới.
- + Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy.
- + Từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Ý nghĩa:

- + Trận Xta-lin-grat là một trong những trận đánh lớn, tiêu biểu nhất về nghệ thuật quân sự, có ý nghĩa xoay chuyển toàn cuộc chiến, giáng một đòn quyết liệt vào tinh thần chiến đấu của quân Đức.
- + Thắng lợi trong trận Xta-lin-grat đã chứng tỏ sức mạnh vật chất và tinh thần của Hồng quân Liên Xô trong sự nghiệp chiến đấu chống chiến tranh phát xít, bảo vệ Tổ quốc.
- + Thắng lợi này đã đánh dấu bước ngoặt của Chiến tranh thế giới thứ hai: Quân Đức từ chỗ tấn công chuyển sang thế phòng ngự. Liên Xô và các nước Đồng minh từ chỗ phòng ngự chuyển sang thế phản công và tiến công trên khắp các mặt trận.

Câu 10: Phát xít Nhật gây chiến và bị thất bại ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương như thế nào?

- Ngày 7/12/1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mỹ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mỹ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mỹ - Anh.
- Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á: Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.
- Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tới đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.
- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mỹ - Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miền Điện và quần đảo Phi-lip-pin. Quân Mỹ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.
- Ngày 6/8/1945, Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8/8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu. Ngày 9/8, Mỹ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15/8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 11: Nêu những sự kiện chính về cuộc phản công của quân Đồng minh trên các mặt trận (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944).

Mặt trận	Thời gian	Chiến sự
Xô - Đức	- Tháng 11/1942 đến tháng 2/1943 - Ngày 5/7/1943 đến 23/8/1943 - Tháng 6/1944	- Trận phản công thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở Xta-lin-grat. Liên Xô và Đồng minh chuyển sang thế phản công đồng loạt trên khắp các mặt trận. - Tại Cuốc-xơ, Hồng quân Liên Xô đánh tan 30 sư đoàn của Đức, loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân của Đức. - Hồng quân Liên Xô đã giải phóng phần lớn lãnh thổ Liên Xô.
Bắc Phi	- Tháng 3 đến tháng 5/1943	- Quét sạch liên quân Đức - I-ta-li-a khỏi lục địa châu Phi. - Quân Mỹ-Anh tấn công vào miền Nam I-ta-li-a và truy kích quân Đức về phía Bắc, chiếm đảo Xi-xi-li-a, tiến vào thủ đô Rô-ma, buộc chính phủ I-ta-li-a đầu hàng.
Thái Bình Dương	Tháng 8/1942 đến tháng 1/1943	Liên quân Anh - Mỹ đánh Nhật ở Gu-a-đan-ca-nan giành thắng lợi đã tạo ra bước ngoặt cho chiến tranh ở Thái Bình Dương.

Câu 12: Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

- Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây bao thương đau, tang tóc cho nhân loại, vì vậy bài học rút ra từ cuộc chiến tranh này là phải bảo vệ nền hòa bình, an ninh cho nhân loại.
- Ngày nay, những cuộc xung đột vẫn thường xuyên xảy ra ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Nhân loại phải chung tay đấu tranh chống tư tưởng gây chiến, chống các thế lực bạo loạn đang có mưu đồ dùng chiến tranh để giải quyết các mâu thuẫn, các xung đột.
- Cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân là trách nhiệm chung của toàn nhân loại, phải ra sức giải quyết các cuộc xung đột bằng con đường hòa bình.
- Tổ chức quốc tế có vai trò duy trì hòa bình thế giới phải phát huy vai trò của mình trong việc bảo vệ hòa bình, giải quyết xung đột khu vực; các quốc gia trên thế giới phải phối hợp hành động, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh nổ ra.

Câu 13: Hãy trình bày quá trình hình thành và củng cố liên minh phát xít. Ba nước Đức, Italia và Nhật Bản đã phân chia phạm vi thống trị trên thế giới như thế nào?

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Béc-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới. Sự hình thành phe Trục phát xít vào năm 1937 chỉ là sự liên minh vì mục đích chung.
- Tháng 9/1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, phân chia phạm vi thống trị của Đức, I-ta-li-a ở châu Âu, của Nhật Bản ở Viễn Đông. Hiệp ước Tam cường năm 1940 đã phân chia cụ thể phạm vi thống trị của ba nước, vạch

rõ nghĩa vụ trợ giúp lẫn nhau giữa ba nước phát xít.

Câu 14: Tại sao Nhật Bản khai chiến với Mĩ-Anh ở Thái Bình Dương? Hãy tường thuật việc khai chiến, quá trình xâm lược và bành trướng của Nhật trên lược đồ châu Á - Thái Bình Dương.

- Nguyên nhân: để thực hiện việc bành trướng ở châu Á - Thái Bình Dương, mục tiêu chiến lược của Nhật Bản là chiếm vùng Đông Nam Á. Với mục tiêu này, Nhật Bản sẽ phải đối đầu với Mĩ -Anh và các cường quốc phương Tây; khi Nhật Bản nhảy vào Đông Dương (tháng 9/1940), quan hệ Nhật - Mĩ trở nên căng thẳng đến mức không giải quyết được trên bàn hội nghị, mà phải dùng chiến tranh; Nhật Bản hiểu rằng sức mạnh chủ yếu của Mĩ dựa vào hạm đội Thái Bình Dương đóng tại Trân Châu Cảng. Do đó, nước này muốn nhanh chóng đánh bại Mĩ thì phải bí mật, bất ngờ tiêu diệt hạm đội Mĩ ở Trân Châu Cảng.

- Tường thuật:

+ Ngày 7/12/1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ -Anh.

+ Ngày 1/1/1942, Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.

+ Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm nhiều nơi ở khu vực Đông Nam Á.

+ Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tối đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

Câu 15: Tại sao ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau?

- Ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau vì:

+ Trước chiến tranh, Mĩ và Anh có mâu thuẫn với Liên Xô. Khi chiến tranh mới bắt đầu bùng nổ, Mĩ, Anh muốn hướng cuộc tấn công của chủ nghĩa phát xít vào lãnh thổ Liên Xô.

+ Riêng Mĩ, trước chiến tranh, Mĩ không muốn tham chiến ngay từ đầu, vì Mĩ muốn thực hiện chủ trương “Tọa sơn quan hổ đấu”.

+ Khi chiến tranh bùng nổ và đến giai đoạn quyết liệt, Đức mở các cuộc tấn công vào các nước Đông, Nam, Tây Âu chạm đến quyền lợi của Anh, Pháp. Đặc biệt là khi Nhật bành trướng ở Thái Bình Dương, khai chiến với Mĩ, Anh. Nhật đánh Mĩ ở Trân Châu Cảng buộc Mĩ phải tuyên chiến với Nhật. Mĩ chấm dứt chính sách biệt lập để tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Khi Hồng quân Liên Xô lần lượt đánh bại phát xít Đức ở Mặt trận Liên Xô, sau đó giúp các nước Đông Âu đánh bại chủ nghĩa phát xít, lúc này ưu thế thuộc về phe Đồng minh đã thúc đẩy Mĩ, Anh liên kết với nhau để chống phát xít mạnh hơn nữa.

Câu 16: Cuộc phản công của quân Đồng minh trong giai đoạn cuối của chiến tranh (từ tháng 6/1944 đến tháng 8/1945) để đánh bại Nhật Bản diễn ra như thế nào?

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mỹ - Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-lip-pin. Quân Mỹ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.

- Ngày 6/8/1945, Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8/8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông ở Mãn Châu. Ngày 9/8, Mỹ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15/8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)
CHỦ ĐỀ 1: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM
TỪ 1958 - 1884

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- + Phân tích được ý đồ xâm lược Việt Nam của các nước phương Tây.
- + Trình bày được những nét lớn về quá trình Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).
- + Phân tích, nhận xét được nguyên nhân và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp.

❖ **Kĩ năng**

- + Phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá sự kiện, vấn đề lịch sử.
- + Nhận thức các sự kiện lịch sử, phân biệt các khái niệm: chính nghĩa, phi nghĩa, chủ quan, khách quan, bản chất, hiện tượng, nguyên nhân, duyên cớ...
- + Sử dụng lược đồ, tranh ảnh lịch sử, tư liệu gốc,... để nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ XIX (TRƯỚC KHI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC)

Đất nước Việt nam là quốc gia độc lập, có chủ quyền.

Đồng thời giai đoạn này chế độ phong kiến khủng hoảng. Biểu hiện:

* Kinh tế sa sút, lạc hậu:

- Nông nghiệp mất mùa, đói kém.

- Công thương nghiệp đình đốn.

* Quân sự lạc hậu.

* Chính sách đối ngoại có sai lầm:

- Thực hiện “bế quan toả cảng”.

- Thần phục nhà Thanh.

- Cấm đạo, xua đuổi giáo sĩ,...

* Nhân tài vật lực cạn kiệt → khó khăn khi đương đầu với kẻ thù xâm lược.

* Rạn nứt khối đoàn kết dân tộc.

VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – 1884)

1. Nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam

- Nhu cầu của CNTB Pháp về thị trường, nguyên liệu, nhân công → tiến hành chiến tranh xâm lược (nguyên nhân sâu sa).

- Thực dân Pháp có nhiều lợi thế trong việc xâm chiếm Việt Nam thông qua đội ngũ gián điệp đội lớp thương nhân, giáo sĩ.

- Pháp lấy cớ triều Nguyễn cấm đạo, giết đạo để tấn công Việt Nam.

- Việt Nam có:

+ Vị trí địa lí chiến lược quan trọng.

+ Giàu tài nguyên.

+ Nhân công dồi dào.

+ Thị trường tiêu thụ rộng.

→ Đáp ứng nhu cầu của tư bản Pháp.

- Chế độ phong kiến ở Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.

→ Sức nước, sức dân suy kiệt.

2. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Chiến trường	Hành động xâm lược của Pháp	Việt Nam kháng chiến chống Pháp	Kết quả
Đà Nẵng (9/1858 – 2/1859)	* 31/08/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. * 1/9/1858: Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam.	Thái độ, hành động của triều đình: * Cử Nguyễn Tri Phương làm chỉ huy mặt trận Đà Nẵng, tổ chức nhân thực hiện “vườn không nhà trống”. Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Sát cánh cùng triều đình kháng chiến.	* Quân Pháp bị cầm chân tại chỗ trên bán đảo Sơn Trà suốt 5 tháng. → Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh bước đầu phá sản.
Gia Định (1859 – 1860)	* Tháng 2/1859, Pháp chuyển hướng đánh sang chiếm Gia Định → vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân.  Pháp đánh chiếm thành Gia Định * Đầu năm 1860, Pháp đưa quân sang Trung Quốc → lực lượng ở Gia Định chỉ còn khoảng 1000 tên, rải trên chiến tuyến 10 Km.	Thái độ, hành động của triều đình: * Quân triều đình chống trả yếu ớt, nhanh chóng đầu hàng. * Nguyễn Tri Phương cho xây dựng hệ thống phòng ngự.  Xây dựng Đại đồn Chí Hòa Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Chủ động chống trả quyết liệt ngay khi quân Pháp đến Gia Định.	* Gia Định bị Pháp chiếm đóng, song phải chuyển sang thực hiện kế hoạch “chinh phục từng góit nhỏ” → kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh: phá sản. * Cơ hội phản công quân Pháp bị bỏ lỡ.
Đông Nam Kỳ (1861 – 1862)	* 2/1861, Pháp tấn công và chiếm được Đại đồn Chí Hoà. * Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Đông Nam Kỳ (Định Tường, Biên Hoà và thành Vĩnh Long.  Pháp tấn công Đại đồn Chí Hòa	Thái độ, hành động của triều đình: * Ngày 5/6/1862, triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp bản Hiệp ước Nhâm Tuất. - Nhượng hẳn cho pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đảo Côn Lôn. - Mở cửa ba biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp, Tây Ban Nha tự do buôn bán. - Bồi thường 20 triệu quan chiến phí...	* Thực dân Pháp làm chủ được các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và Vĩnh Long. * Hiệp ước Nhâm Tuất đã mở đầu quá trình đầu hàng

		Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Diễn ra sôi nổi, quyết liệt. * Tiêu biểu là vụ đốt cháy tàu Hi Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ.	của triều Nguyễn.
Đông Nam Kỳ sau năm 1862	* Pháp tạm dừng quá trình mở rộng xâm lược Việt Nam để bình định các vùng đất đã chiếm được.	Thái độ, hành động của triều đình: * Ra lệnh giải tán các đội nghĩa binh chống Pháp.	* Pháp đã củng cố được nền thống trị ở Đông Nam Kỳ.
		Thái độ, hành động của triều đình: * Cuộc đấu tranh chống Pháp vẫn diễn ra quyết liệt, dưới nhiều hình thức.	* Các cuộc đấu tranh của nhân dân đều bị đàn áp.
Tây Nam Kỳ (1867)	* Lấy cớ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1862, ngày 20/6/1867, quân Pháp đã kéo đến thành Vĩnh Long yêu cầu nộp thành.	Cuộc kháng chiến của nhân dân: Phan Thanh Giản giao nộp Vĩnh Long và yêu cầu quan quân tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo.	* Ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay thực dân Pháp.
		Thái độ, hành động của triều đình: * Một số sĩ phu ra Bình Thuận để mưu cuộc kháng chiến lâu dài. * Đấu tranh vũ trang quyết liệt: Trương Quyền; Phan Tôn, Phan Liêm; Nguyễn Trung Trực; Nguyễn Hữu Huân.	* Cuộc đấu tranh của nhân dân đều thất bại.
Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873 – 1874)	* Lấy cớ giải quyết vụ Duy-puy, đầu tháng 11/1873 Pháp đưa quân ra Bắc. * 20/11/1873, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Kỳ.  Pháp tấn công thành Hà Nội (1873)	Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Quan quân thành Hà Nội chống cự quyết liệt. * Sau chiến thắng Cầu Giấy (12/1873) nhà Nguyễn chủ trương thương thuyết, kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874). - Pháp sẽ rút khỏi Bắc Kỳ, nhưng triều Nguyễn phải thừa nhận chủ quyền của Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ, cam kết mở cửa Thị Nại, Ninh Hải, tỉnh lỵ Hà Nội sông Hồng cho Pháp vào buôn bán... - Ngoại giao của Việt Nam lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của nước	* Hiệp ước Giáp Tuất đã làm mất đi một phần quan trọng chủ quyền, ngoại giao và thương mại của Việt Nam. * Pháp tuy phải rút quân khỏi Bắc Kỳ nhưng vẫn điều kiện xây dựng cơ sở để thực hiện các bước xâm lược về sau.

		Pháp.	
		Thái độ, hành động của triều đình: * Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc. * Trận đánh tiêu biểu: trận Cầu Giấy (12/1873) tạo ra cơ hội để triều đình phản công nhưng đã bị lợi dụng.	
Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 – 1883)	* Lấy cớ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1874 → đầu tháng 4/1882, Pháp đưa quân ra Bắc. * 25/4/1882, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng Bắc Kỳ.  Pháp tấn công thành Hà Nội (1883)	Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Quan quân thành Hà Nội chiến đấu anh dũng. * Triều Nguyễn cầu cứu nhà Thanh, ảo tưởng về việc thương thuyết với Pháp.	* Pháp chiếm được các tỉnh Bắc Kỳ. * Chính phủ Pháp khẩn trương gửi viện binh, chuẩn bị mở cuộc tấn công quyết định vào Huế.
		Thái độ, hành động của triều đình: * Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc. * Tiêu biểu: trận Cầu Giấy (5/1883). 	
Huế (1883 – 1884)	* Tháng 8/1883, Pháp tấn công và chiếm được cửa Thuận An. * Tháng 12/1883, Pháp tổ chức các cuộc hành quân để đẩy lui quân Thanh về nước, đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam → buộc nhà Nguyễn kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).	Cuộc kháng chiến của nhân dân: * Kí với Pháp bản Hiệp ước Hác-măng (1883) chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp đối với Việt Nam. * Kí với Pháp Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).  Lễ kí Hiệp ước Hác-măng (1883)	* Thực dân Pháp cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam. * Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.
		Thái độ, hành động của triều đình: * Tiếp tục đứng lên đấu tranh bất chấp lệnh bãi binh của triều đình.	

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Anh hùng dân tộc nào được nhân dân suy tôn là Bình Tây đại nguyên soái?

- A. Trương Quyền B. Nguyễn Trung Trực C. Trương Định. D. Đới Cẩn.

Câu 2: Với Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), triều đình nhà Nguyễn đã nhượng cho Pháp những vùng đất nào?

- A. Ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn.
B. Ba tỉnh An Giang, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn.
C. Ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Vĩnh Long và đảo Côn Lôn.
D. Ba tỉnh Biên Hoà, Hà Tiên, Định Tường và đảo Côn Lôn.

Câu 3: Lựa chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống trong đoạn trích sau đây:

“Sau nhiều lần đưa quân tới khiêu khích, chiều (1) liên quân (2) với khoảng 3000 binh lính và sĩ quan, bố trí trên 14 chiến thuyền, kéo tới dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.

Âm mưu của Pháp là chiếm Đà Nẵng làm căn cứ, rồi tấn công ra (3) nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.”

(SGK Lịch sử 11 Ban cơ bản, tr 108, NXB Giáo dục, 2009)

Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống

- A. 31/8/1858, (2) Anh – Pháp, (3) Hà Nội.
B. 31/8/1858, (2) Anh – Pháp, (3) Huế.
C. 31/8/1858, (2) Anh – Tây Ban Nha, (3) Huế.
D. 31/8/1858, (2) Anh – Pháp, (3) Gia Định.

Câu 4: Ba tỉnh miền Tây Nam kỳ bị thực dân Pháp chiếm vào năm 1867 là

- A. Hà Tiên, Vĩnh Long, Kiên Giang. B. Vĩnh Long, Định Tường, An Giang.
C. Hà Tiên, An Giang, Cần Thơ. D. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Câu 5: Sau khi bị thất bại trong kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” ở Gia Định năm 1859, thực dân Pháp chuyển sang lối đánh nào?

- A. “Đánh chắc, tiến chắc”. B. “Chinh phục từng góí nhỏ”.
C. “Đánh lâu dài”. D. “Chinh phục từng địa phương”.

Câu 6: Sự kiện nào đánh dấu mốc quân Pháp xâm lược Việt Nam?

- A. Ngày 17/2/1859, Pháp chiếm thành Gia Định
B. Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862) được ký kết.
C. Chiều 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.
D. Sáng 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.

Câu 7: Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”. Đó là câu nói của ai?

- A. Trương Quyền. B. Nguyễn Hữu Huân. C. Trương Định. D. Nguyễn Trung Trực.

Câu 8: Nơi đầu tiên liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược nước ta là

- A. Hà Nội. B. Bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng).
C. Gia Định. D. Huế.

Câu 9: Lựa chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống trong đoạn trích sau đây:

“Vào giữa thế kỉ XIX trước khi bị (1) xâm lược. Việt Nam là một (2)..... có chủ quyền đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa. Tuy nhiên ở giai đoạn này chế độ phong kiến Việt Nam đang có những biểu hiện (3) suy yếu nghiêm trọng”

(SGK Lịch sử 11 Ban cơ bản, tr 106, NXB Giáo dục, 2009)

- A. (1) thực dân Pháp, (2) bị đô hộ, (3) khủng hoảng.
- B. (1) thực dân Pháp, (2) quốc gia độc lập, (3) khủng hoảng.
- C. (1) thực dân Pháp, (2) quốc gia độc lập, (3) thịnh vượng.
- D. (1) thực dân Anh, (2) quốc gia độc lập, (3) khủng hoảng.

Câu 10: Nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến việc 6 tỉnh Nam Kỳ rơi vào thực dân Pháp?

- A. Lực lượng Pháp mạnh vũ khí hiện đại.
- B. Nhà Nguyễn bạc nhược mang nặng tư tưởng chủ hoà, thất bại.
- C. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân không quyết liệt.
- D. Nhà Thanh giúp Pháp ngăn cản cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Câu 11: Nội dung nào **không** nằm trong Hiệp ước Nhâm Tuất 1862?

- A. Pháp được nhà Nguyễn nhượng hẳn cho ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.
- B. Nhà Nguyễn chấp nhận bồi thường 280 vạn lạng bạc cho Pháp.
- C. Thành Vĩnh Long được chính thức trả lại cho triều đình Huế.
- D. Triều đình Huế đã cho các nước Anh – Pháp – Tây Ban Nha được tự do buôn bán ở nước ta.

Câu 12: Sau thất bại ở Đà Nẵng, thực dân Pháp có âm mưu gì?

- A. Cổ thủ chờ viện binh.
- B. Đánh thẳng kinh thành Huế.
- C. Nhờ Anh giúp đỡ đánh tiếp.
- D. Kéo quân vào đánh Gia Định.

Câu 13: Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ sau Hiệp ước 1862 là

- A. khởi nghĩa Trương Định.
- B. khởi nghĩa Phan Tôn, Phan Liêm.
- C. khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực.
- D. khởi nghĩa Trương Quyền.

Câu 14: Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sau Hiệp ước Nhâm Tuất 1862 lại khó khăn hơn thời kì trước?

- A. Triều đình nhà Nguyễn đàn áp cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- B. Do thực dân Pháp tiến hành bắt bớ, giết hại những người lãnh đạo kháng chiến.
- C. Nhà Nguyễn đã thỏa hiệp với Pháp, bỏ rơi cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- D. Thực dân Pháp đã xâm chiếm xong Lào và Cam-pu-chia nên có điều kiện tập trung lực lượng đàn áp cuộc kháng chiến.

Câu 15: Mục đích thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là gì?

- A. Để truyền đạo.
- B. Khai hoá văn minh.
- C. Giúp Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn.
- D. Tìm kiếm thuộc địa, mở rộng thị trường.

Câu 16: Vì sao nhà Nguyễn không kiên quyết chống Pháp mà luôn thỏa hiệp bằng việc kí kết các điều ước?

- A. Nhà Nguyễn muốn phát triển theo con đường TBCN.
- B. Nhà Nguyễn sợ mất quyền lợi dân tộc.

- C. Nhà Nguyễn nhận ra Pháp đang “khai hoá văn minh” cho Việt Nam.
D. Nhà Nguyễn hoang mang, dao động, sợ mất quyền lợi giai cấp.
- Câu 17:** Vào giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam trong tình trạng như thế nào?
A. Khủng hoảng, suy yếu. B. Tình hình ổn định.
C. Kinh tế kém phát triển. D. Phát triển nhanh chóng.
- Câu 18:** Đến giữa thế kỉ XIX, tính chất xã hội Việt Nam là
A. thuộc địa B. phong kiến độc lập.
C. nửa thuộc địa. D. nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
- Câu 19:** Nội dung nào không phản ánh đúng nguyên nhân Pháp chọn Đà Nẵng làm điểm tấn công đầu tiên khi xâm lược Việt Nam.
A. Là nơi có nhiều cảng nước sâu, tàu thuyền dễ dàng qua lại.
B. Gần kinh thành Huế, sau khi chiếm được Đà Nẵng có thể làm bàn đạp tấn công ra Huế.
C. Là nơi tập trung nhiều giáo dân, nhiều giáo sĩ phương Tây.
D. Là vựa lúa của Việt Nam, chiếm được Đà Nẵng sẽ cắt đứt được con đường tiếp tế của nhà Nguyễn.
- Câu 20:** Đặt điểm nổi bật nhất trong phong trào kháng chiến của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là gì?
A. Phong trào do nông dân khởi xướng và lãnh đạo.
B. Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.
C. Phong trào đã lôi cuốn nhiều văn thân, sĩ phu tham gia.
D. Phong trào kết hợp giữa chống ngoại xâm với chống phong kiến tay sai.
- Câu 21:** Điểm giống nhau về tình hình Việt Nam và Nhật Bản giữa thế kỉ XIX là
A. chế độ phong kiến đang phát triển.
B. bị các nước đế quốc xâm xé, thống trị.
C. chế độ phong kiến lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc.
D. mầm móng kinh tế tư bản chủ nghĩa xâm nhập mạnh mẽ vào các ngành kinh tế.
- Câu 22:** Khi Pháp đánh vào Đà Nẵng (1858) thái độ của triều đình nhà Nguyễn như thế nào?
A. Tổ ra run sợ, chấp nhận buông vũ khí.
B. Tổ chức đánh Pháp nhưng thiếu kiên quyết.
C. Cùng với nhân dân đứng lên chống Pháp đến cùng.
D. Thoả hiệp với Pháp để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.
- Câu 23:** Nhận xét nào đúng về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta vào năm 1858?
A. Nhân dân ta đầu hàng Pháp.
B. Nhân dân ta chần chừ, do dự.
C. Nhân dân ta đánh Pháp nhưng thiếu kiên quyết.
D. Nhân dân ta anh dũng chống trả quân xâm lược.
- Câu 24:** Nhận xét nào đúng về tình hình quân đội Việt Nam dưới triều Nguyễn?
A. Yếu kém nhất khu vực Đông Nam Á.
B. Đã đóng những chiếc tàu lớn và trang bị vũ khí hiện đại.

C. Trang bị, phương tiện kĩ thuật còn rất lạc hậu.

D. Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây.

Câu 25: Nhận xét nào là đúng về xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn?

A. Xã hội phát triển.

B. Xã hội tương đối ổn định.

C. Xã hội đang trên đà phát triển.

D. Mâu thuẫn gay gắt, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.

Câu 26: Thực dân Pháp lấy cớ gì để đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)?

A. Giải quyết vụ Đuý Puy.

B. Khai thác tài nguyên khoáng sản.

C. Lôi kéo một số tín đồ Công giáo làm lạc.

D. Nhà Nguyễn không thi hành Hiệp ước 1862.

Câu 27: Tướng chỉ huy quân đội Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất là

A. Ri-vi-e.

B. Gác-ni-ê.

C. Na-po-lê-ông.

D. Cuốc-bê.

Câu 28: Tổng đốc thành Hà Nội lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất là ai?

A. Hoàng Diệu.

B. Nguyễn Lâm.

C. Nguyễn Tri Phương.

D. Nguyễn Trung Trực.

Câu 29: Địa danh nào ở Hà Nội đã diễn ra cuộc chiến đấu giữa 100 binh lính triều đình với thực dân Pháp năm 1873?

A. Cầu Giấy.

B. Ô Thanh Hà.

C. Cửa Bắc.

D. Cửa Nam.

Câu 30: Ngày 21/12/1873 gắn liền với chiến thắng nào của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp?

A. Chiến thắng ở Nam Định.

B. Chiến thắng tại Ô Quan Chưởng.

C. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất.

D. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai.

Câu 31: Thái độ của nhà Nguyễn sau khi Pháp chiếm được cửa biển Thuận An (Huế) là

A. quyết tâm khôi phục lại lực lượng.

B. hoang mang, bối rối.

C. kí hiệp ước đầu hàng.

D. lãnh đạo nhân dân chống Pháp quyết liệt.

Câu 32: Hiệp ước nào đánh dấu nhà Nguyễn đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp?

A. Nhâm Tuất.

B. Giáp Tuất.

C. Hác – măng.

D. Patonốt.

Câu 33: Phong trào kháng chiến của nhân dân ta diễn ra như thế nào sau khi Pháp chiếm được thành Hà Nội (1873)?

A. Hợp tác với Pháp.

B. Hoạt động cầm chừng.

C. Tạm thời dừng hoạt động.

D. Phong trào vẫn diễn ra quyết liệt.

Câu 34: Hiệp ước nào mà triều đình nhà Nguyễn chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc Pháp?

A. Nhâm Tuất.

B. Giáp Tuất.

C. Hác – măng.

D. Patonốt.

Câu 35: Nhân vật lịch sử nào gắn với chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất và lần thứ hai?

A. Nguyễn Tri Phương, Lưu Vĩnh Phúc.

B. Hoàng Tá Viêm và Lưu Vĩnh Phúc.

C. Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Tri Phương.

D. Hoàng Diệu và Hoàng Tá Viêm.

Câu 36: Vì sao thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)?

A. Lấy cớ giải quyết vụ Đuý-puy.

B. Nhà Nguyễn không thi hành Hiệp ước Nhâm Tuất.

- C. Nhằm mở rộng thị trường và khai thác nguyên nhiên liệu.
- D. Do nhà Nguyễn không đồng ý cho Pháp buôn bán ở sông Hồng.

Câu 37: Nội dung nào **không** phản ánh đúng những hành động của Đuy-puy ở Bắc Kỳ?

- A. Đóng quân trên bờ sông Hồng.
- B. Cướp thuyền gạo của triều đình, bắt lính đem xuống tàu.
- C. Tự tiện cho tàu theo sông Hồng lên Vân Nam buôn bán.
- D. Gửi tối hậu thư cho Nguyễn Tri Phương yêu cầu phải nộp thành.

Câu 38: Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng những hành động của thực dân Pháp khi đưa quân ra Hà Nội lần thứ nhất?

- A. Giở trò khiêu khích.
- B. Thương lượng với ta.
- C. Tuyên bố mở cửa sông Hồng.
- D. Gửi tối hậu thư yêu cầu nộp thành.

Câu 39: Trước những hành động xâm lược của thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX, triều đình nhà Nguyễn có động thái như thế nào?

- A. Từ phản ứng quyết liệt chuyển dần sang đầu hàng.
- B. Chấp nhận đầu hàng để tránh đổ máu cho nhân dân.
- C. Từ phát động toàn dân kháng chiến đi đến đầu hàng.
- D. Nhu nhược, đầu hàng ngay khi quân Pháp tấn công.

Câu 40: Vì sao triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874)?

- A. Do so sánh lực lượng trên chiến trường không có lợi cho ta.
- B. Triều đình sợ Pháp.
- C. Triều đình sợ phong trào kháng chiến của nhân dân phát triển.
- D. Triều đình mơ hồ ảo tưởng vào con đường thương thuyết.

Câu 41: Trận đánh nào của quân ta có ý nghĩa lớn nhất khi Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất?

- A. Trận đánh của 100 binh sĩ ở Ô Thanh Hà.
- B. Nguyễn Tri Phương lãnh đạo binh lính bảo vệ thành Hà Nội.
- C. Nhân dân các tỉnh Bắc Kỳ chống Pháp quyết liệt.
- D. Trận phục kích Cầu Giấy lần thứ nhất.

Câu 42: Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng nội dung của Hiệp ước Hác Măng 1883?

- A. Việt Nam đặt dưới sự bảo hộ của Pháp.
- B. Đại diện của Pháp ở Huế trực tiếp điều khiển công việc ở Trung Kỳ.
- C. Mọi việc giao thiệp của Việt Nam với nước ngoài đều do Pháp nắm.
- D. Nhà Nguyễn chính thức sáu tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc Pháp.

Câu 43: Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Hiệp ước Hác Măng.
2. Hiệp ước Nhâm Tuất.
3. Hiệp ước Pa tơ nốt.
4. Hiệp ước Giáp Tuất.

- A. 1-2-3-4.
- B. 2-3-1-4.
- C. 3-2-4-1.
- D. 2-4-1-3.

Câu 44: Điểm giống nhau nổi bật về kết quả trong hai chiến thắng tại Cầu Giấy lần thứ nhất và lần thứ hai là

- A. quân Pháp rút khỏi Bắc Kỳ.
- B. nhà Nguyễn giành lại được 6 tỉnh Nam Kỳ.
- C. quân Pháp phải đầu hàng.
- D. đều thắng lợi, làm quân Pháp hoang mang, lo sợ.

Câu 45: Ảnh hưởng của chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất đối với cục diện chiến tranh chống thực dân Pháp của quân dân ta là

- A. làm nức lòng nhân dân cả nước.
- B. làm cho thực dân Pháp hoang mang.
- C. Pháp phải tìm cách thương lượng với ta.
- D. triều đình Huế phải kí hiệp ước.

Câu 46: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX thất bại chủ yếu là do

- A. thực dân Pháp được sự giúp đỡ của nhiều nước tư bản.
- B. nhân dân không đoàn kết với triều đình nhà Nguyễn.
- C. triều đình nhà Nguyễn không đứng lên kháng chiến.
- D. triều đình nhà Nguyễn thiếu quyết tâm kháng chiến.

Câu 47: Sau thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883), thực dân Pháp đã

- A. ngay lập tức rút quân khỏi Bắc Kỳ.
- B. chủ động giảng hoà với triều đình nhà Nguyễn.
- C. quyết tâm xâm lược Việt Nam.
- D. trả lại cho nhà Nguyễn 6 tỉnh Nam Kỳ.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày khái quát đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ 1858 đến 1867.

Câu 2. Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược có điểm gì nổi bật? Đặt Việt Nam trong bối cảnh châu Á và thế giới lúc đó em có suy nghĩ gì?

Câu 3. Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862)? Nêu nội dung cơ bản và nhận xét về Hiệp ước này.

Câu 4. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Đà Nẵng và Gia Định diễn ra như thế nào? Qua đó em có nhận xét gì về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

Câu 5. Có đúng không khi cho rằng phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ tháng 9/1858 đến trước ngày 5/6/1862 đã ảnh hưởng đến quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp?

Câu 6. Thực dân Pháp lấy cớ gì để đưa quân ra xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất? Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất.

Câu 7. Trình bày về chiến thắng Cầu Giấy năm 1873. Phân tích ý nghĩa của chiến thắng này.

Câu 8. Đánh giá trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp.

Câu 9. So sánh điểm giống và khác nhau về nội dung giữa Hiệp ước Hác Măng (1883) và Hiệp ước Patonôt (1884) và nhận xét về các hiệp ước này.

Câu 10. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào?

Đáp án

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - C	2 - A	3 - C	4 - D	5 - B	6 - D	7 - D	8 - B	9 - B	10 - B
11 - C	12 - D	13 - A	14 - C	15 - D	16 - B	17 - A	18 - B	19 - C	20 - D
21 - C	22 - C	23 - D	24 - C	25 - D	26 - A	27 - B	28 - C	29 - B	30 - C
31 - C	32 - D	33 - D	34 - B	35 - B	36 - C	37 - D	38 - B	39 - A	40 - D
41 - D	42 - D	43 - D	44 - C	45 - A	46 - D	47 - C			

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày khái quát đặc điểm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ 1858 đến 1867.

- Diễn ra đồng thời với quá trình xâm lược của thực dân Pháp, Pháp xâm lược đến đâu nhân dân ta đấu tranh đến đó; thể hiện tinh thần chủ động, kịp thời của nhân dân ta.
- Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp trong khi chế độ phong kiến rơi vào thời kì khủng hoảng trầm trọng, nhà Nguyễn đã từng bước bỏ rơi ngọn cờ lãnh đạo, không tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.
- Nhân dân chiến đấu mưu trí, dũng cảm, sáng tạo với nhiều hình thức, phương pháp: khởi nghĩa vũ trang, bất hợp tác với giặc, sáng tác thơ văn yêu nước,...
- Phải đối phó với kẻ thù mới, có sức mạnh quân sự - kinh tế hơn hẳn, chủ nghĩa đế quốc đang hiếu thắng và chiếm ưu thế trong cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
- Xác định đúng kẻ thù của dân tộc, đặt mâu thuẫn dân tộc lên trên mâu thuẫn giai cấp; từng bước kết hợp ngọn cờ chống Pháp xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.

Câu 2. Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược có điểm gì nổi bật? Đặt Việt Nam trong bối cảnh Châu Á và thế giới lúc đó em có suy nghĩ gì?

* *Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX:*

- *Chính trị:* trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền song chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.
 - *Đối ngoại:* nhà nước có những chính sách sai lầm nhất là “cấm đạo”, đuổi giáo sĩ phương Tây. Làm rạn nứt khối đại đoàn kết dân tộc.
 - *Kinh tế:* nông nghiệp sa sút bởi ruộng đất phần lớn rơi vào tay địa chủ, cường hào, hạn hán, mất mùa, đói kém xảy ra thường xuyên; công thương nghiệp đình đốn lạc hậu do chính sách độc quyền về công thương và “bế quan tỏa cảng” của nhà Nguyễn.
 - *Quân sự:* lạc hậu, vũ khí thô sơ.
- * Suy nghĩ: Trong bối cảnh thế giới và khu vực giữa thế kỉ XIX có thể thấy:
- Việc chủ nghĩa thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông là một tất yếu lịch sử.

- Việt Nam và các nước khác trong khu vực châu Á với chế độ phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng đã trở thành “miếng mồi béo bở của chủ nghĩa thực dân”.

- Tuy nhiên, việc mất độc lập của Việt Nam không phải là tất yếu nếu Việt Nam và các dân tộc châu Á biết kịp thời duy tân, cải cách đất nước; chủ động đối phó và có đường lối kháng chiến đúng đắn.

Câu 3. Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862)? Nêu nội dung cơ bản và nhận xét về Hiệp ước này.

** Triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất vì:*

Đề đối phó với sự xâm lược của Pháp ở phía Nam và phong trào khởi nghĩa nông dân ở phía Bắc. Triều Nguyễn đã có chủ trương nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp, của dòng họ, đồng thời có điều kiện rảnh tay để đối phó, đàn áp phong trào khởi nghĩa của nông dân nên đã kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất 5/6/1862.

** Nội dung cơ bản của Hiệp ước:*

- Triều đình nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

- Bồi thường 20 triệu quan (ước tính bằng 280 vạn lạng bạc).

- Triều đình mở 3 cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán.

- Thành Vĩnh Long sẽ được trả lại cho triều đình Huế khi nào triều đình chấm dứt được các hoạt động chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông.

** Nhận xét:* đây là Hiệp ước bất bình đẳng đầu tiên của triều đình Huế kí với thực dân Pháp, thể hiện sự bạc nhược của triều đình Huế, làm mất đi một phần chủ quyền lãnh thổ đất nước, tạo cho Pháp có chỗ đứng chân lâu dài để mở rộng xâm lược nước ta...

Câu 4. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Đà Nẵng và Gia Định diễn ra như thế nào? Qua đó em có nhận xét gì về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

** Cuộc kháng chiến của nhân dân ở Đà Nẵng và Gia Định:*

- Tại Đà Nẵng:

+ Ngay từ khi thực dân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, các đội quân nông dân luôn sát cánh cùng quân đội triều đình đẩy lui các đợt tấn công của địch.

+ Tự tổ chức thành đội ngũ, chủ động tìm địch mà đánh (tám gương của Đốc học Phạm Văn Nghị)

→ Cuộc kháng chiến của nhân dân Đà Nẵng đã làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

- Tại Gia Định: ngay từ đầu các đội dân binh đã chiến đấu dũng cảm, ngày đêm bám sát tiêu diệt địch với tám gương như Trần Thiện Chính, Lê Huy, Dương Bình Tâm, Trương Định... => đẩy thực dân Pháp vào thế “tiến thoái lưỡng nan”, sa lầy tại mặt trận Gia Định.

* *Nhận xét:* thể hiện truyền thống yêu nước của dân tộc, đặc biệt là của nông dân Việt Nam. Khi đất nước có giặc ngoại xâm họ sẵn sàng gác lại quyền lợi giai cấp, vì quyền lợi dân tộc sát cánh cùng triều đình chống xâm lược.

Câu 5. Có đúng không khi cho rằng phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ tháng 9/1858 đến trước ngày 5/6/1862 đã ảnh hưởng đến quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp?

* *Ý kiến trên là đúng.*

* *Lí giải:*

- Góp phần làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp
- + Chiều 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng, đây là vị trí chiến lược quan trọng, nếu chiếm được sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Pháp thực hiện kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”. Sáng 1/9/1858, chúng nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà.
- + Ngay khi giặc xâm lược, quân dân ta anh dũng chống trả, những trận đấu diễn ra ở xã Cẩm Lệ ven biển Hòa Vang, nhưng không cản được giặc.
- + Nhân dân Đà Nẵng phối hợp với quân đội triều đình đắp lũy không cho giặc tiến sâu vào nội địa, thực hiện “vườn không nhà trống” gây cho quân Pháp nhiều khó khăn. Suốt 5 tháng, quân Pháp bị giam chân tại chỗ, lực lượng hao mòn, thực phẩm thiếu thốn. Bị sa lầy ở Đà Nẵng, chúng buộc phải thay đổi kế hoạch...
- Góp phần làm chậm quá trình mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ của thực dân Pháp.
- + Khi Pháp tấn công thành Gia Định, quân triều đình mặc dù đông, vũ khí, lực lượng nhiều nhưng nhanh chóng tan rã, để Pháp chiếm được thành. Tuy nhiên giặc Pháp vẫn vấp phải những khó khăn mới, các nghĩa quân vẫn ngày đêm bám sát, tìm cách tiêu diệt địch. Hoảng sợ, chúng quyết định phá hủy thành Gia Định, rút xuống tàu cố thủ. Pháp phải chuyển sang kế hoạch “chinh phục từng gó nhỏ”.
- + Khi giặc mở rộng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ chúng đã vấp phải cuộc chiến đấu quyết liệt của nhân dân ta. Các toán nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiệu Chính... chiến đấu anh dũng, lập được nhiều chiến công...
- + Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta phát triển khiến Pháp vô cùng bối rối, lo sợ. Pháp vội vàng kí với triều đình nhà Nguyễn Hiệp ước Nhâm Tuất...

Câu 6. Thực dân Pháp lấy cớ gì để đưa quân ra xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất? Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất.

* *Nguyên cớ Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất:* Pháp lấy cớ giúp nhà Nguyễn giải quyết vụ Đuý-puy.

* *Khái quát quá trình Pháp xâm lược Bắc Kỳ:*

- Quân Pháp do đại úy Gácniê bắt đầu từ Sài Gòn tấn công ra Hà Nội.
- Ngày 5/11/1873: quân Pháp đến Hà Nội => giờ trò khiêu khích.
- Ngày 16/11/1873: Pháp mở cửa sông Hồng và áp dụng biểu thuế quan mới.

- Sáng 19/11/1873: Pháp gửi tối hậu thư cho Tổng đốc thành Hà Nội yêu cầu nộp khí giới và giải tán quân đội.

- Sáng 20/11/1873: Quân Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội. Thành Hà Nội bị thất thủ.

- Trong 2 tháng 11,12/1873, Pháp đẩy mạnh chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ.

Câu 7. Trình bày về chiến thắng Cầu Giấy năm 1873. Phân tích ý nghĩa của chiến thắng này.

- *Chiến thắng Cầu Giấy:*

+ Do việc canh phòng ở Hà Nội sơ hở nên quân ta phối hợp với đội quân Cờ Đen từ Sơn Tây kéo về Hà Nội

+ Dưới sự chỉ đạo của Hoàng Tá Viêm và Lưu Vĩnh Phúc, ta đã hình thành trận tuyến bao vây quân địch.

+ Được tin, Gác-ni-ê tức tốc đưa quân từ Nam Định trở về => ngày 21/12/1873, Lưu Vĩnh Phúc kéo quân vào sát thành Hà Nội khiêu chiến.

+ Gác-ni-ê đem quân đuổi theo => quân Pháp rơi vào ổ phục kích của quân ta tại Cầu Giấy.

+ *Kết quả:* Toàn bộ quân Pháp ở Cầu Giấy trong đó có Gác-ni-ê đã tử trận.

- *Ý nghĩa:*

+ Trận Cầu Giấy là chiến thắng lớn nhất của nhân dân Bắc Kỳ trong cuộc kháng chiến chống Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất.

+ Làm nức lòng nhân dân cả nước, cổ vũ tinh thần chống Pháp của nhân dân ta.

+ Khiến cho Pháp hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng, kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ (lần thứ nhất) của Pháp thất bại.

Câu 8. Đánh giá trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp.

- Trong buổi đầu Pháp xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn cũng có quyết tâm trong việc chống giặc: cử Nguyễn Tri Phương ra đốc quân chống giặc ở Đà Nẵng; cử Hoàng Diệu làm tổng đốc Hà Nội để giữ lấy Bắc Kỳ.

- Tuy nhiên:

+ Với tư cách của một triều đại lãnh đạo quản lý đất nước trước nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, đã không có những biện pháp để nâng cao sức mạnh phòng thủ mà còn thi hành những chính sách thiển cận, sai lầm làm cho tiềm lực quốc gia suy kiệt, hao mòn sức dân, không còn khả năng phòng thủ đất nước, tạo điều kiện cho Pháp đẩy mạnh xâm lược.

+ Triều đình không kiên quyết chống giặc, cầm chừng, bỏ lỡ nhiều cơ hội, sợ dân hơn sợ giặc, chủ yếu thiên về thương thuyết, nghị hòa; dần bỏ rơi cuộc kháng chiến của nhân dân.

- Triều đình nhu nhược, đường lối kháng chiến không đúng đắn: nặng về phòng thủ, ít chủ động tấn công, không phát động được cuộc chiến tranh nhân dân.

=> **Kết luận:** triều đình nhà Nguyễn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc để Việt Nam rơi vào tay Pháp.

Câu 9. So sánh điểm giống và khác nhau về nội dung giữa Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Patonôt (1884) và nhận xét về các hiệp ước này.

a. So sánh:

* *Giống nhau:*

- Điều thừa nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp ở Bắc và Trung Kỳ.
- Điều thể hiện thái độ của triều đình nhà Nguyễn: nhân nhượng, đầu hàng hoàn toàn.
- Đánh dấu thực dân Pháp cơ bản hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.

* *Khác nhau*

- Hiệp ước Hác-măng: khu vực cai quản của triều đình nhà Nguyễn bị thu hẹp từ Khánh Hòa đến Đèo Ngang.
- Hiệp ước Pa-tơ-nôt: khu vực cai quản của triều đình nhà Nguyễn được mở rộng đến Bình Thuận và Thanh – Nghệ – Tĩnh. Đây là thủ đoạn của Pháp nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc các phần tử phong kiến đầu hàng.

b. Nhận xét:

- Các Hiệp ước trên đều thể hiện sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn đối với thực dân Pháp.
- Biến Việt Nam từ nước độc lập hoàn toàn trở thành thuộc địa của Pháp, khẳng định quyền thống trị của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Câu 10. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào?

- Khi quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống Pháp:
 - + Ở Hà Nội, dọc sông Hồng: Nhân dân tạo bức tường lửa để làm chậm bước tiến của quân thù.
 - + Những nơi khác: Nhân dân nổi trống, mõ, khoa chiêng cổ vũ quân ta chiến đấu.
- Khi Pháp chiếm được Hà Nội, mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng: đi đến đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu của nhân dân các địa phương.
- Khi Rivie kéo quân đánh Nam Định: Từ phía Sơn Tây và Bắc Ninh, quân dân ta đã áp sát Hà Nội để uy hiếp Pháp.
- Tháng 5/1883, chiến thắng Cầu Giấy lần hai, quân ta lại một lần nữa giáng cho địch đòn nặng nề khiến chỉ huy quân Pháp - Rivie đã tử trận.
- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai đã thể hiện:
 - + Ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt địch của nhân dân ta.
 - + Tuy nhiên triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng bằng con đường thương thuyết.
- Sau thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883), Pháp càng cố gắng dã tâm xâm chiếm Việt Nam do nhận thấy thái độ bạc nhược của triều đình Huế, thế và lực của Việt Nam đã suy kiệt.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

CHỦ ĐỀ 2: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Phân tích được hoàn cảnh bùng nổ phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX.
- + Hiểu được khái niệm lịch sử: phong trào Cần vương.
- + Nêu được diễn biến cơ bản của các cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX.
- + So sánh điểm khác biệt giữa phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế.

❖ Kỹ năng

- + Đọc lược đồ, tường thuật diễn biến trên lược đồ
- + Phân tích, nhận xét, rút ra bài học lịch sử.

I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG (1885 – 1896)

Bối cảnh lịch sử:

- + Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp, tay sai phát triển gay gắt.
- + Nội bộ triều Nguyễn phân hoá thành 2 phe chủ chiến và chủ hoà. Sau hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884), phe chủ chiến vẫn nuôi hi vọng khôi phục chủ quyền.
- + Thực dân Pháp tìm mọi cách tiêu diệt phái chủ chiến.
- + Đêm ngày 4 rạng sáng 5/7/1885, phe chủ chiến tổ chức cuộc phản công ở kinh thành Huế để giành thế chủ động nhưng thất bại.
- + Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu đứng lên giúp vua cứu nước.



Tôn Thất Thuyết

Vua Hàm Nghi

Các giai đoạn phát triển: (2 giai đoạn)

* *Giai đoạn 1885-1888:*

Lãnh đạo: Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và các văn thân, sĩ phu yêu nước.

Lực lượng: Đông đảo nhân dân, dân tộc thiểu số.

Địa bàn: Rộng lớn khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Mai Xuân Thưởng (Bình Định). Đề đốc Tạ Hiện (Thái Bình), Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên).

Kết quả: Năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt và đi đày ở An-giê-ri.

* *Giai đoạn 1885-1888:*

Lãnh đạo: Các văn thân, sĩ phu yêu nước.

Lực lượng: Đông đảo nhân dân, dân tộc thiểu số.

Địa bàn: chuyển trọng tâm lên vùng núi và trung du.

Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa Bãi Sậy, Hùng Lĩnh, Hương Khê...

Kết quả: Năm 1896, khởi nghĩa Hương Khê bị đàn áp đánh dấu sự thất bại của phong trào Cần vương.

Tính chất chung: Phong trào yêu nước chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến.

Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương

* *Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)*

Lãnh đạo: Nguyễn Thiện Thuật, Đốc Tít.

Địa bàn: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

Diễn biến chính:

- 1885 – 1887: nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của quân Pháp.
- Từ năm 1888, Pháp quyết tiêu diệt cuộc đấu tranh.
- Năm 1892, thủ lĩnh cuối cùng bị bắt.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Để lại bài học kinh nghiệm tác chiến ở đồng bằng.

*** Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)**

Lãnh đạo: Phạm Bành, Đinh Công Tráng.

Địa bàn: 3 làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê (Nga Sơn, Thanh Hoá).

Diễn biến chính:

- Nghĩa quân tổ chức chặn đánh các đoàn xe vận tải của Pháp.
- Tháng 12 – 1886, Pháp tập trung tấn công vào Ba Đình nhưng thất bại.
 - Pháp cho bao vây căn cứ.
 - Nghĩa quân phải mở đường máu rút lên Mã Cao, sáp nhập với nghĩa quân Cầm Bá Thước.
- Năm 1887, Đinh Công Tráng bị giết hại.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Cần biết lợi dụng địa hình, địa vật, tránh thủ hiểm một nơi.

*** Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1899)**

Lãnh đạo: Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

Địa bàn: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Diễn biến chính:

- 1885 – 1888: giai đoạn chuẩn bị, xây dựng lực lượng, cơ sở chiến đấu.
- 1888 – 1896: thời kì chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân, giành được một số thắng lợi lớn.
 - Là cuộc khởi nghĩa lớn nhất trong phong trào Cần vương.
- Cuối năm 1896, Phan Đình Phùng hi sinh.

Kết quả: Thất bại.

Bài học kinh nghiệm: Bài học về đường lối, phương pháp tổ chức, lãnh đạo.

Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cần vương:

*** Nguyên nhân thất bại:**

- *Khách quan:*

- + Sự chênh lệch về tương quan lực lượng giữa Việt Nam với Pháp.
- + Sự phản bội của triều đình phong kiến đầu hàng.

- *Chủ quan:*

- + Thiếu một giai cấp lãnh đạo tiên tiến và đường lối đấu tranh đúng đắn.
- + Các cuộc đấu tranh diễn ra lẻ tẻ, chưa có sự liên kết, thống nhất.
- + Chưa kết hợp nhiều hình thức đấu tranh.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.

- Làm chậm quá trình bình định của Pháp.
 - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các phong trào cứu nước sau này.
 - Chứng tỏ con đường cứu nước phong kiến không còn phù hợp.
- Yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.

KHỞI NGHĨA YÊN THẾ (1884 – 1914)

Bối cảnh lịch sử

- Sự sa sút của nông nghiệp thời Nguyễn khiến nhiều nông dân Bắc Kỳ đi phu lưu tán, trong đó một bộ phận lên Yên Thế xây dựng cuộc sống mới.
 - Chủ trương bình định Trung du miền núi Bắc Kỳ trong đó có Yên Thế của Pháp.
- Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh.



Diễn biến:

- 1884 – 1892: Các toán nghĩa quân hoạt động riêng lẻ. Thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Năm. Năm 1892, Đề Năm bị sát hại, Đề Thám lên thay, trở thành thủ lĩnh tối cao.
- 1893 – 1897: Vừa chiến đấu, vừa giảng hoà với thực dân Pháp.
- 1898 – 1908: 10 năm hoà hoãn. Nhiều nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã đến Yên Thế giao tiếp với Đề Thám.
- 1909 – 1913: Pháp mở cuộc tấn công quyết định lên Yên Thế. Đề Thám bị sát hại. Phong trào dần tan rã.

Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử

*** Nguyên nhân thất bại:**

- Thiếu sự lãnh đạo của một lực lượng xã hội tiên tiến.
- Khởi nghĩa mang nặng tính địa phương nhỏ hẹp.
- Tương quan lực lượng quá chênh lệch.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Bồi đắp thêm truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.
- Làm chậm quá trình bình định của Pháp.
- Chứng tỏ khả năng cách mạng của nông dân.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh ở giai đoạn sau.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp bắt đầu

- A. khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
- B. khai thác thuộc địa lần thứ hai.
- C. xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- D. xúc tiến việc lập bộ máy cai trị toàn Việt Nam.

Câu 2: Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp gặp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?

- A. Một số quan lại yêu nước và nhân dân ở các địa phương, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc.
- B. Một số văn thân, sĩ phu yêu nước trong triều đình Huế.
- C. Một số quan lại và nhân dân yêu nước ở Trung Kỳ.
- D. Toàn thể dân tộc Việt Nam.

Câu 3: Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương (lần thứ nhất), kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến vào thời gian nào?

- A. Ngày 20/7/1885.
- B. Ngày 2/7/1885.
- C. Ngày 13/7/1885.
- D. Ngày 17/3/1885.

Câu 4: Trong giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888, phong trào Cần vương được đặt dưới sự chỉ huy của

- A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.
- B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn.
- D. Nguyễn Đức Nhuận và Đào Doãn Địch.

Câu 5: . Phong trào nào là tiêu biểu nhất cho phong trào Cần vương từ Thanh Hóa đến Phú Yên?

- A. Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định.
- B. Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi.
- C. Cuộc nổi dậy của Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận.
- D. Cuộc khởi nghĩa của Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung.

Câu 6: Bộ chỉ huy của phong trào Cần vương đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh

- A. Quảng Ngãi và Bình Định.
- B. Quảng Nam và Quảng Trị.
- C. Quảng Bình và Quảng Trị.
- D. Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Câu 7: Cuối năm 1888, vua Hàm Nghi bị rơi vào tay giặc Pháp do sự phản bội của ai?

- A. Tôn Thất Thuyết.
- B. Nguyễn Quang Ngọc.
- C. Trương Quang Ngọc.
- D. Nguyễn Duy Cung.

Câu 8: Vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp đưa đi đày ở đâu?

- A. Ở Tuy-ni-di.
- B. Ở Nam Phi.
- C. Ở An-giê-ri.
- D. Ở Mê-hi-cô.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh diễn ra ở vùng nào, do ai lãnh đạo?

- A. Ở vùng rừng núi Nghệ An, do Cao Điền và Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.
- B. Ở vùng rừng phía tây tỉnh Thanh Hoá, do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo.
- C. Ở vùng rừng núi Quảng Bình, do Tống Duy Tân và Cao Thắng lãnh đạo.
- D. Ở vùng rừng núi Nghệ An, do Phan Đình Phùng và Tống Duy Tân lãnh đạo.

Câu 10: Cuộc khởi nghĩa Hương Khê do ai lãnh đạo?

- A. Cao Điền và Tống Duy Tân.
- B. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám.
- C. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.
- D. Tống Duy Tân và Cao Thắng.

Câu 11: Chỉ huy khởi nghĩa Ba Đình là

- A. Tống Duy Tân và Hoàng Hoa Thám.
- B. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám.
- C. Phạm Bành và Đinh Công Tráng.
- D. Tống Duy Tân và Cao Thắng.

Câu 12: Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1885 – 1887.
- B. 1887 – 1889.
- C. 1883 – 1892.
- D. 1885 – 1888.

Câu 13: Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do ai lãnh đạo?

- A. Đinh Công Tráng và Phan Đình Phùng. B. Nguyễn Thiện Thuật và Đinh Công Tráng.
C. Phan Đình Phùng và Đinh Giá Quế. D. Đinh Giá Quế và Nguyễn Thiện Thuật.
- Câu 14:** Khởi nghĩa Hương Khê diễn ra trong thời gian nào?
A. 1885 – 1895. B. 1885 – 1890. C. 1884 – 1894. D. 1885 – 1896.
- Câu 15:** Cuộc khởi nghĩa Ba Đình diễn ra trong khoảng thời gian nào?
A. 1886 – 1888. B. 1887 – 1888. C. 1886 – 1887. D. 1886 – 1889.
- Câu 16:** Phong trào nông dân Yên Thế diễn ra trong thời gian nào?
A. 1884 – 1913. B. 1885 – 1913. C. 1885 – 1895. D. 1884 – 1895.
- Câu 17:** Khởi nghĩa nông dân Yên Thế do ai lãnh đạo?
A. Đề Thám và Đinh Công Tráng B. Đề Nắm và Đề Thám.
C. Đề Nắm và Cao Thắng. D. Đề Thám và Nguyễn Thiện Thuật.
- Câu 18:** Lực lượng nào tham gia đông nhất trong khởi nghĩa nông dân Yên Thế?
A. Công nhân. B. Các dân tộc thiểu số.
C. Nông dân. D. Nông dân và công nhân.
- Câu 19:** Đến năm 1891, từ Yên Thế, nghĩa quân mở rộng hoạt động sang vùng nào?
A. Phủ Lạng Thương.
B. Yên Lỗ, Mực Sơn, Nhả nam, Mực Sơn, Hữu Thượng.
C. Tiên Lữ (Hưng Yên).
D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Hưng Yên, Hải Dương.
- Câu 20:** Trong giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1897, ai là lãnh tụ tối cao của khởi nghĩa Yên Thế?
A. Đề Nắm. B. Nguyễn Trung Trực. C. Đề Thám. D. Phan Đình Phùng.
- Câu 21:** Nghĩa quân Yên Thế hòa hoãn lần thứ hai với thực dân Pháp trong thời gian nào?
A. 1898 – 1908. B. 1889 – 1898. C. 1890 – 1913. D. 1909 – 1913.
- Câu 22:** Ai là đại diện tiêu biểu của phái chủ chiến trong triều đình Huế?
A. Nguyễn Trường Tộ và Phan Thanh Giản. B. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.
C. Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi. D. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Đức Nhuận.
- Câu 23:** Thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam khi
A. đánh chiếm toàn bộ Nam Kỳ.
B. đánh chiếm toàn bộ Bắc Kỳ.
C. nhà Nguyễn kí Hiệp ước Hác – măng và Pa-tơ-nôt.
D. các phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta bị thất bại.
- Câu 24:** Cú điểm của khởi nghĩa Ba Đình được xây dựng ở
A. phòng tuyến Tân Sở thuộc tỉnh Quảng Trị.
B. ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê thuộc Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
C. khắp các huyện thuộc tỉnh Thanh Hoá.
D. Thung Voi, Thung Khoai tỉnh Thanh Hoá.
- Câu 25:** Hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Ba Đình là

- A. tấn công vào 500 quân Pháp đang đóng ở Ba Đình.
- B. dùng hoá lực liên tiếp dội vào quân địch.
- C. chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch và các toán lính hành quân qua căn cứ Ba Đình.
- D. tập hợp lực lượng gồm người Kinh, người Thái, người Mường để chống Pháp.

Câu 26: Hoạt động chính của nghĩa quân Hương Khê trong giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888 là gì?

- A. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu.
- B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân.
- C. Tập trung lực lượng đánh thực dân Pháp.
- D. Liên kết với nghĩa quân Yên Thế để cùng chống Pháp.

Câu 27: Trước âm mưu loại phái chủ chiến ra khỏi triều đình của thực dân Pháp, Tôn Thất Thuyết đã

- A. phát động khởi nghĩa Ba Đình.
- B. phát động khởi nghĩa Hương Khê.
- C. tiến hành phản công quân Pháp ở kinh thành Huế.
- D. đầu hàng thực dân Pháp.

Câu 28: So với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương, cuộc khởi nghĩa Yên Thế có đặc điểm nổi bật là

- A. hưởng ứng chiếu Cần vương.
- B. chống thực dân Pháp, chống triều đình nhà Nguyễn.
- C. phong trào nông dân chống Pháp, không thuộc phạm trù phong trào Cần vương.
- D. phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.

Câu 29: Lực lượng nghĩa quân bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Đó là đặc điểm của khởi nghĩa

- A. Bãi Sậy.
- B. Ba Đình.
- C. Hùng Lĩnh.
- D. Hương Khê.

Câu 30: Được Phan Đình Phùng giao nhiệm vụ, Cao Thắng đã tích cực làm những việc gì cho khởi nghĩa Hương Khê?

- A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự.
- B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự, xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa.

Câu 31: Khởi nghĩa Hương Khê được đánh giá là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương vì

- A. phong trào kéo dài trong 20 năm.
- B. giành thắng lợi, buộc Pháp rút quân về nước.
- C. lập được nhiều chiến công, gây cho Pháp tổn thất nặng nề.
- D. làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.

Câu 32: Trong phong trào Cần vương, cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất là

- A. khởi nghĩa Bãi Sậy.
- B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 33: Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân vùng châu thổ Bắc Bộ cuối thế kỷ XIX do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo là

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 34: Cuộc khởi nghĩa nào do Đinh Công Tráng lãnh đạo, có căn cứ thuộc ba làng ở huyện Nga Sơn - Thanh Hóa?

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 35: Cuộc khởi nghĩa nào do Phan Đình Phùng lãnh đạo, nổ ra trong những năm 1885 và 1895?

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Hương Khê.

D. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Câu 36: Lãnh đạo chính của cuộc khởi nghĩa này là Tống Duy Tân và một số thủ lĩnh người Thái, tiêu biểu là Cầm Bá Thước. Đó là cuộc khởi nghĩa nào?

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 37: Sau khi cuộc phản công kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đã làm gì?

A. Đưa vua Hàm Nghi ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị).

B. Đầu hàng thực dân Pháp.

C. Cầu viện nhà Thanh.

D. Đưa vua Hàm Nghi rời khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Ấu Sơn (Hà Tĩnh).

Câu 38: Nội dung chủ yếu của chiếu Cần vương là

A. kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến.

B. kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến.

C. kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội.

D. tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

Câu 39: Phong trào Cần vương diễn ra sôi nổi ở địa phương nào?

A. Trung Kỳ và Nam Kỳ.

B. Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

C. Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

D. Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Câu 40: Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần vương

A. chấm dứt hoạt động.

B. chỉ hoạt động cầm chừng.

C. vẫn tiếp tục nhưng thu hẹp địa bàn ở Nam Trung Bộ.

D. tiếp tục hoạt động, quy tụ dần thành những trung tâm lớn.

Câu 41: Ý nghĩa của phong trào Cần vương là

A. củng cố chế độ phong kiến Việt Nam.

B. buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập.

C. thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cứu nước trong nhân dân.

D. tạo tiền đề cho sự xuất hiện trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX.

Câu 42: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần vương là gì?

A. Triều đình đã đầu hàng thực dân Pháp.

B. Phong trào diễn ra rời rạc, lẻ tẻ.

C. Thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn và sự chỉ huy thống nhất.

D. Thực dân Pháp mạnh và đã củng cố được nền thống trị ở Việt Nam.

Câu 43: Đặc điểm của phong trào Cần vương là

A. phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến.

B. phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

C. phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

D. phong trào yêu nước của các tầng lớp nông dân.

Câu 44: Cao Thắng có vai trò như thế nào trong khởi nghĩa Hương Khê?

A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự.

B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

C. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự, xây dựng căn cứ, nghiên cứu chế tạo thành công súng trường theo mẫu của Pháp.

D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa.

Câu 45: Giai đoạn từ 1885 đến năm 1888, nghĩa quân Hương Khê tập trung thực hiện nhiệm vụ chủ yếu gì?

A. Tập trung lực lượng đánh thực dân Pháp.

B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu.

C. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu.

D. Chặn đánh các đoàn xe vận tải của thực dân Pháp.

Câu 46: Giai đoạn từ 1888 đến năm 1896, nghĩa quân Hương Khê tập trung thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Tập trung lực lượng đánh Pháp.

B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân.

C. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu.

D. Chiến đấu quyết liệt.

Câu 47: Nông dân Yên Thế đứng lên chống Pháp vì

A. Ảnh hưởng ứng chiếu Cần vương

B. chống lại chính sách cướp bóc, bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống.

C. phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.

D. gồm tất cả những nguyên nhân trên.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày diễn biến của phong trào Cần vương từ năm 1888 đến năm 1896.

Câu 2. Tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

Câu 3. Phong trào Cần vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

Câu 4. Diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (tháng 7/1885). Nội dung và tác dụng của Chiếu Cần vương.

Câu 5. Tóm lược diễn biến hai giai đoạn của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX và rút ra đặc điểm của mỗi giai đoạn.

Câu 6. Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Bãi Sậy. Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

Câu 5. Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào? Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình.

Câu 6. Tóm lược các giai đoạn của khởi nghĩa Hương Khê. Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

Câu 7. Tóm lược các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Yên Thế từ năm 1884 đến 1913.

Câu 8. Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương.

Câu 9. Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp?

Câu 10. Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

Câu 11. Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỷ XIX thất bại?

Đáp án

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - C	2 - A	3 - C	4 - B	5 - A	6 - D	7 - C	8 - C	9 - B	10 - C
11 - C	12 - C	13 - D	14 - D	15 - C	16 - A	17 - B	18 - C	19 - A	20 - C
21 - A	22 - C	23 - C	24 - B	25 - C	26 - B	27 - A	28 - C	29 - D	30 - C
31 - C	32 - D	33 - A	34 - B	35 - C	36 - C	37 - A	38 - B	39 - C	40 - D
41 - D	42 - C	43 - A	44 - C	45 - B	46 - D	47 - B			

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày diễn biến của phong trào Cần vương từ năm 1888 đến năm 1896.

- Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

- Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Cao Điển và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

- Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê - Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895 đầu năm 1896, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

Câu 2. Tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

** Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892):*

- Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng “Chiếu Cần vương” phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.

- Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ... nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.

- Sau những trận chống càn quyết liệt, lực lượng nghĩa quân suy giảm và rơi vào thế bị bao vây, cô lập. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

** Cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887):*

- Cự điểm Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng. Nghĩa quân lợi dụng địa hình của các làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê để xây dựng một chiến tuyến phòng thủ kiên cố.

- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12/1886 đến tháng 1/1887 khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ.

- Nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng suốt 34 ngày đêm, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Cuối cùng, để chấm dứt cuộc vây hãm, giặc ra sức phun dầu thiêu trụi các lũy tre, triệt hạ và xóa tên ba làng trên bản đồ hành chính.

Câu 3. Phong trào Cần vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

- Sau hai Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam. Chúng bắt đầu xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ lên phần lãnh thổ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- Phong trào phản đối Hiệp ước 1883 và 1884 diễn ra rất sôi nổi. Nhiều toán nghĩa quân hoạt động mạnh ở các vùng xung quanh Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương...

- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) đã mạnh tay hành động.

- Đêm mùng 4 rạng ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ.

- Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết dưới danh nghĩa Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta, tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài hơn 10 năm.

Câu 4. Diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (tháng 7/1885). Nội dung và tác dụng của Chiếu Cần vương.

- *Diễn biến:*

+ Đêm mùng 4 rạng ngày 5/7/1885, trong khi Toàn quyền tại Việt Nam là Cuốc-xi đang mải mê yến tiệc tại tòa Khâm sứ Pháp ở Huế, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị vội vã, thiếu chu đáo nên sức chiến đấu của quân ta nhanh chóng giảm sút. Sáng 6/7, quân Pháp phản công. Chúng cướp bóc và tàn sát nhân dân ta vô cùng man rợ.

+ Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết dưới danh nghĩa Hàm Nghi xuống Chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- *Nội dung:*

+ Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

+ Lên án sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên.

+ Khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng.

- *Tác dụng của Chiếu Cần vương:*

+ Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta.

+ Tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 10 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

Câu 5. Tóm lược diễn biến hai giai đoạn của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX và rút ra đặc điểm của mỗi giai đoạn.

- *Giai đoạn 1: Từ năm 1885 đến tháng 11/1888.*

+ Phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho tới Khánh Hòa, Phú Yên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định. Cùng nổi dậy còn có Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung...

+ Lúc này, phò tá vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết còn có nhiều văn thân, sĩ phu và các tướng lĩnh khác như: Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp (hai con của Tôn Thất Thuyết), Phạm Tường, Trần Văn Định. Bộ chỉ huy của phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

+ Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã kiên quyết cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đày sang An-giê-ri (Bắc Phi).

+ Đặc điểm: Phong trào đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, quy mô phong trào lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- *Giai đoạn 2: Từ năm 1888 đến năm 1895:*

+ Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

+ Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

+ Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê - Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

+ Đặc điểm: phong trào tiếp tục phát triển dù không còn sự chỉ huy của triều đình; chuyển trung tâm hoạt động lên các vùng trung du và miền núi; quy tụ thành những trung tâm khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn.

Câu 6. Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Bãi Sậy. Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

* *Diễn biến chính:*

- Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng Chiêu Cần vương, phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.

- Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ... nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.

- Khởi nghĩa trải qua hai giai đoạn:

+ Từ năm 1885 đến năm 1887: Nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của Pháp ở cả vùng Văn Giang, Khoái Châu và các vùng ở căn cứ Hai Sông. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

- Từ năm 1885 trở đi: Nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt. Thực dân Pháp tăng viện binh, cho xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc, thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt” để cô lập nghĩa quân. Nghĩa quân đã chiến đấu rất dũng cảm. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

* *Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động:*

- Khởi nghĩa Bãi Sậy dựa vào địa thế thuận lợi. Nghĩa quân đã sử dụng lối đánh du kích độc đáo, lợi hại, phân tán thành nhóm nhỏ, khi ẩn, khi hiện, chủ động phục kích giặc trên đường đi hoặc tập kích các đồn lẻ của chúng.

- Phương thức tổ chức và hoạt động tác chiến của nghĩa quân trên địa hình đồng bằng, đất hẹp, người đông.

- Việc xây dựng căn cứ sáng tạo của nghĩa quân, giúp cuộc khởi nghĩa tồn tại lâu hơn.

Câu 5. Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào? Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình.

** Căn cứ Ba Đình:*

- Căn cứ Ba Đình được xây dựng ở ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

- Cấu trúc căn cứ Ba Đình khá độc đáo:

+ Lợi dụng lũy tre làng dày đặc và vùng đầm lầy để làm chiến tuyến tự nhiên.

+ Xây dựng căn cứ có hệ thống hào rộng, rồi đến lớp thành đất cao, chân thành rộng, trên thành có các lỗ châu mai. Thành có hệ thống giao thông hào để vận động và tiếp tế khi chiến đấu.

+ Xây dựng thêm một số công sự để bảo vệ ruộng đồng, làng mạc.

+ Ngoài Ba Đình, nghĩa quân xây dựng thêm căn cứ khác như Mã Cao (ở phía tây bắc Ba Đình) để làm nhiệm vụ cảnh báo, phòng khi bị tấn công.

** Diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình:*

- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng.

- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12/1886 đến tháng 1/1887 khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ.

+ Tháng 12/1886, thực dân Pháp tập trung 500 quân, mở cuộc tấn công vào căn cứ Ba Đình, nhưng thất bại.

+ Ngày 6/1/1887, Pháp lại huy động khoảng 2.500 quân, dưới sự chỉ huy của Đại tá Brít-xô tấn công vào Ba Đình. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Cả hai bên đều bị thương vong rất nhiều.

+ Trước sức tấn công áp đảo của địch, đêm 20/1/1887, nghĩa quân đã mở đường máu rút lên Mã Cao. Sáng ngày 21/1/1887, khi chiếm được căn cứ, thực dân Pháp điên cuồng đốt phá và sau đó ra lệnh xóa tên ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê.

+ Nghĩa quân phải rút về Mã Cao, cầm cự một thời gian, rồi bị đẩy vào miền tây Thanh Hóa và sáp nhập vào đội quân của Cầm Bá Thước.

Câu 6. Tóm lược các giai đoạn của khởi nghĩa Hương Khê. Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

** Tóm lược:*

-
- *Giai đoạn 1*: Từ năm 1885 - 1888 là giai đoạn chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân. Nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.
 - *Giai đoạn 2*: Từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt, dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Nhiều trận đánh nổi tiếng đã diễn ra, như trận tấn công đồn Trường Lưu (5/1890), trận tập kích thị xã Hà Tĩnh (8/1892), trận tấn công vào công đồn Nu (Thanh Hóa).
 - Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt nhằm bao vây cô lập nghĩa quân, mở nhiều cuộc hành quân tấn công quy mô vào Ngàn Trươi, căn cứ chính của nghĩa quân.
 - Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng mất (28/12/1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

** Nguyên nhân:*

- Địa bàn hoạt động của khởi nghĩa rộng cả 4 tỉnh Bắc Trung Kỳ.
- Khởi nghĩa kéo dài suốt 10 năm (từ năm 1885 đến 1895).
- Lãnh đạo khởi nghĩa là những người có uy tín, tài năng như Phan Đình Phùng, Cao Thắng: chú trọng chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa lâu dài; tổ chức nghĩa quân thành các quân thứ; chế tạo được súng trường theo mẫu của Pháp.
- Lực lượng nghĩa quân tham gia khởi nghĩa đông đảo, chủ yếu là nông dân.
- Chủ động tiến hành nhiều trận đánh lớn như trận phục kích địch ở núi Vụ Quang, tập kích thị xã Hà Tĩnh, trận tấn công đồn Nu,... gây cho Pháp nhiều thiệt hại.

Câu 7. Tóm lược các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Yên Thế từ năm 1884 đến 1913.

- Giai đoạn 1884 - 1892: nghĩa quân hoạt động riêng lẻ, chưa có sự chỉ huy thống nhất, thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Năm. Sau khi Đề Năm mất, Đề Thám trở thành thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa.
- Giai đoạn 1893 - 1897: nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.
 - + Thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giảng hòa.
 - + Sau khi phục kích bắt được tên chủ người Pháp Sét-nay, Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.
 - + Thời gian giảng hòa không bao lâu, thực dân Pháp tiếp tục tấn công trở lại. Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng. Để cứu vãn tình thế, Đề Thám xin giảng hòa lần thứ hai.
- Giai đoạn 1898 - 1908: Tranh thủ thời gian hòa hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.
- Giai đoạn 1909 - 1913: Phát hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công quy mô lên Yên Thế. Lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10/2/1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

Câu 8. Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương.

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Hoạt động nổi bật	Ý nghĩa	Bài học kinh nghiệm
Khởi nghĩa Bãi Sậy	Năm 1883 đến năm 1892	Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật	- Xây dựng nhiều căn cứ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Chia thành nhiều đội nhỏ, đánh du kích. - Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra tại Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...	- Tiêu diệt nhiều sinh lực địch. - Khống chế các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy của địch.	- Để lại bài học kinh nghiệm về chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa cách mạng
Khởi nghĩa Ba Đình	Năm 1886 đến năm 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	- Xây dựng công sự kiên cố, có cấu trúc độc đáo. - Trận đánh nổi tiến nhất diễn ra vào tháng 1/1887.	- Tiêu hao sinh lực địch, làm chậm quá trình bình định vùng Bắc Trung Kỳ của thực dân Pháp	- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức nghĩa quân và xây dựng căn cứ khởi nghĩa.
Khởi nghĩa Hương Khê	Năm 1885 đến năm 1896	Phan Đình Phùng – Cao Thắng	- Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu, căn cứ kháng chiến, huấn luyện quân sự, chế tạo vũ khí. - Trận đánh nổi tiếng ở núi Vụ Quang tháng 10/1894, tiêu diệt hàng chục tên địch.	- Đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.	- Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng căn cứ, về tổ chức khởi nghĩa và chiến thuật tác chiến.

Câu 9. Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp?

- Phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX và cuộc khởi nghĩa Yên Thế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có những điểm chung sau đây:

- + Thể hiện lòng yêu nước và ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp giải phóng dân tộc.
- + Lực lượng tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp là đông đảo quần chúng nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân.
- + Chủ yếu diễn ra dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang, góp phần làm chậm quá trình bình định Việt Nam bằng quân sự của thực dân Pháp.
- + Phong trào cuối cùng bị thất bại vì thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn.
- + Điều xây dựng căn cứ chiến đấu ở những nơi có địa thế hiểm yếu, vận dụng linh hoạt lối đánh du kích.

- Những điểm khác nhau giữa hai phong trào:

- + Về lãnh đạo: Trong phong trào Cần vương, lãnh đạo là quan lại, sĩ phu yêu nước, trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế, lãnh đạo là những người xuất thân từ nông dân.
- + Về địa bàn hoạt động: Trong phong trào Cần vương, diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ ở Bắc và Trung Kỳ. Trong khởi nghĩa Yên Thế, địa bàn chủ yếu ở vùng Yên Thế (Bắc Giang) và những vùng phụ cận.
- + Về hình thức, phương pháp đấu tranh: các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang thô sơ, thủ hiểm. Nghĩa quân Yên Thế có sự kết hợp sách lược hòa hoãn với Pháp trong quá trình tổ chức và tiến hành khởi nghĩa vũ trang.
- + Về thời gian tồn tại: Khởi nghĩa Yên Thế tồn tại lâu hơn bất cứ cuộc khởi nghĩa nào trong phong trào Cần vương.

Câu 10. Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

- Về địa bàn hoạt động: Địa bàn của khởi nghĩa Hương Khê rộng hơn các cuộc khởi nghĩa khác, đó là: địa bàn gồm bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước Lào.
- Người lãnh đạo: Đều do văn thân, sĩ phu lãnh đạo và có các lãnh tụ nông dân khác hỗ trợ.
- Lực lượng: Lực lượng nghĩa quân Hương Khê bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- Trình độ tổ chức: Khởi nghĩa Hương Khê có trình độ tổ chức cao nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.
- Thời gian: Khởi nghĩa Hương Khê kéo dài 10 năm (1885 - 1895), dài nhất trong các cuộc khởi nghĩa Cần vương. Trong 10 năm đó, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong khi giao chiến với kẻ thù.

Như vậy, khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX, kéo dài trong 10 năm, có quy mô rộng lớn, tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công, gây cho địch tổn thất nặng nề.

Câu 11. Những nguyên nhân nào khiến nào cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX thất bại?

- Về chủ quan:

+ Giai cấp lãnh đạo là tầng lớp sĩ phu xuất thân từ nông dân, tầng lớp này không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, không còn đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.

+ Đường lối đấu tranh trong phong trào Cần vương đi theo lối phong kiến cũng trở nên lạc hậu. Những cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương đi theo con đường này diễn ra lẻ tẻ, rời rạc nên dễ bị cô lập và đàn áp.

+ Chiến lược và chiến thuật của phong trào Cần vương còn non yếu, chưa phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp, chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích.

+ Cuộc khởi nghĩa chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, chưa thực hiện chiến tranh nhân dân.

- Về khách quan:

+ Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam chưa chín muồi, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại.

+ Do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp quá chênh lệch: thực dân Pháp đang đẩy mạnh bình định để bắt tay vào khai thác bóc lột, chúng tập trung toàn lực để đàn áp những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, thô sơ, thủ hiểm của nhân dân ta.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

CHỦ ĐỀ 3: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được những chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX; lí giải được nguyên nhân của những chuyển biến đó.
- + Tóm tắt được những điểm nổi bật trong chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX.
- + So sánh được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai xu hướng bạo động và cải cách.
- + Lí giải được nguyên nhân xuất hiện, đánh giá tính chất, ý nghĩa và nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.

❖ Kỹ năng

- + Phân tích, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử
- + Khai thác và sử dụng tranh ảnh, bản đồ, tư liệu... lịch sử.
- + Nhận xét, đánh giá, rút ra đặc điểm của sự kiện, vấn đề lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM (1897 – 1914)

Mục đích:

- Bù đắp thiệt hại cho cuộc chiến tranh xâm lược và bình định quân sự.
- Vơ vét sức người, sức của ở thuộc địa để làm giàu cho chính quốc.

Chính sách khai thác:

Nông nghiệp: Cướp đoạt ruộng đất, ép nhà Nguyễn nhượng quyền “khai khẩn đất hoang”.

Công nghiệp: Tập trung vào khai thác mỏ (than đá, thiếc, kẽm,...)

Thương nghiệp: Pháp nắm độc quyền thương mại, đánh thuế nặng hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam.

Giao thông vận tải: tăng cường hệ thống giao thông (đường sắt, đường bộ...) để phục vụ khai thác và mục đích quân sự.

Tác động:

Kinh tế:

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam.
→ Kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến.
- Phương thức bóc lột phong kiến vẫn được duy trì.
→ Kinh tế Việt Nam vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, cột chặt vào kinh tế Pháp.

Xã hội:

- Cơ cấu xã hội thay đổi, phân hoá xã hội sâu sắc.
- + Giai cấp địa chủ: phân hoá thành đại địa chủ và trung – tiểu địa chủ.
- + Giai cấp nông dân bị bần cùng hoá.
- + Giai cấp công nhân ra đời, còn trong giai đoạn đấu tranh tự phát.
- + Tầng lớp tư sản ra đời nhưng thế lực yếu.
- + Tầng lớp tiểu tư sản ra đời.
- Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.
→ Tạo ra những điều kiện bên trong cho một cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐẦU THẾ KỈ XX

Điều kiện lịch sử:

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX thất bại → đặt ra yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.
- Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam dưới tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
- Tư tưởng dân chủ tư sản từ Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản,.. được truyền bá vào Việt Nam.
→ Tác động đến nhận thức của một số bộ phận sĩ phu yêu nước về con đường giải phóng mới.

Một số đặc điểm:

- * Tính chất, mục tiêu:

- Cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- Gắn cứu nước với thay đổi chế độ xã hội.
- * Lãnh đạo là các sĩ phu yêu nước tiến bộ.
- * Diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc tới Nam, có cả ở hải ngoại (Nhật Bản, Trung Quốc...)
- * Thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là các lực lượng mới (công nhân, tiểu tư sản...)
- * Hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN BỘI CHÂU, PHAN CHÂU TRINH

	PHAN BỘI CHÂU	PHAN CHÂU TRINH
Xu hướng	- Bao động.	- Cải cách.
Chủ trương, phương pháp	- Dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài kết hợp vận động quần chúng từ bên trong để tiến hành bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập.	- Thiết lập dân chủ, dân quyền thông qua con đường cải cách để đi tới độc lập. - Chủ trương dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập.
Hoạt động tiêu biểu	- Lập Duy tân hội (1904) - Tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908); đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang học tập tại các trường của Nhật Bản. - Lập Việt Nam Quang phục hội (1912).	- Mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ: + Lập hội buôn, hội sản xuất. + Mở trường học theo lối mới. + Vận động cải cách phong tục, lối sống... - Cuộc vận động Duy tân đi vào quần chúng → bùng nổ phong trào chống thuế (1908) ở Trung Kỳ.
Kết quả, ý nghĩa	- Làm dấy lên cuộc vận động dân tộc, dân chủ sôi nổi ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Điều bị chính quyền thực dân đàn áp, thất bại.	

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 -1913) ở Việt Nam trong bối cảnh

- A. đã cơ bản hoàn thành quá trình bình định Việt Nam về quân sự.
- B. đã dập tắt toàn bộ các phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam.
- C. vừa hoàn thành quá trình xâm lược toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.
- D. đang tiến hành quá trình xâm lược toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Câu 2: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914), tư bản Pháp ở Việt Nam tập trung đầu tư vào lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp hoá chất.
- B. Đồn điền cao su.
- C. Chế tạo máy.
- D. Khai thác mỏ.

Câu 3: Lĩnh vực mà thực dân Pháp không quan tâm đầu tư trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở nước ta là

- A. chế tạo máy. B. nông nghiệp. C. giao thông vận tải. D. khai thác mỏ.

Câu 4: Những lực lượng xã hội mới nào xuất hiện ở Việt Nam do tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 - 1914)?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản. B. Công nhân, tư sản, tiểu tư sản.
C. Nông dân, địa chủ, bình dân thành thị. D. Tiểu tư sản, địa chủ, công nhân.

Câu 5: Nội dung nào đúng về sự chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam qua cuộc khai thác, bóc lột thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp?

- A. Các yếu tố kinh tế tư bản xuất hiện đan xen cùng yếu tố kinh tế phong kiến.
B. Các yếu tố kinh tế phong kiến mở rộng, bao trùm toàn bộ nền kinh tế.
C. Các yếu tố kinh tế tư bản phát triển độc lập với các yếu tố kinh tế phong kiến.
D. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã được du nhập hoàn chỉnh.

Câu 6: Nhận định nào sau đây **không** đúng về tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất đối với nền kinh tế Việt Nam?

- A. Phương thức bóc lột phong kiến vẫn duy trì trong nhiều lĩnh vực.
B. Kinh tế Việt Nam vẫn đặc trưng bởi nền nông nghiệp lạc hậu.
C. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào nước ta.
D. Bước đầu hình thành nền công nghiệp luyện kim ở nước ta.

Câu 7: Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là mâu thuẫn giữa

- A. toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.
B. công nhân và nông dân với đế quốc và phong kiến tay sai.
C. công nhân với tư bản thực dân.
D. nông dân với địa chủ phong kiến.

Câu 8: Cây cầu lớn được thực dân Pháp xây dựng ở miền Nam nước ta trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là

- A. cầu Long Biên. B. cầu Tràng Tiền. C. cầu Bình Lợi. D. cầu Bến Thủy.

Câu 9: Đội ngũ công nhân Việt Nam có mối quan hệ gắn bó mật thiết nhất với lực lượng xã hội nào?

- A. Thợ thủ công. B. Nông dân. C. Tiểu thương. D. Tiểu tư sản.

Câu 10: Mục đích chủ yếu của thực dân Pháp khi tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở nước ta là

- A. bù đắp cho những thiệt hại của chính quốc sau chiến tranh.
B. du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam.
C. vơ vét sức người, sức của để phục vụ cho chính quốc.
D. bình định quân sự để tạo nền móng để khai thác lâu dài.

Câu 11: Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 -1914) của thực dân Pháp đã

- A. làm cho tầng lớp tư sản Việt Nam trở thành một giai cấp.
B. thúc đẩy phong trào công nhân bước đầu chuyển sang tự giác.
C. làm cho toàn bộ sĩ phu phong kiến chuyển hẳn sang lập trường tư sản.

D. tạo điều kiện cho sự hình thành khuynh hướng cứu nước mới.

Câu 12: Tính chất của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. xã hội dân chủ, tự do.

B. xã hội phong kiến.

C. xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

D. xã hội dân chủ tư sản.

Câu 13: Hội Duy tân do Phan Bội Châu thành lập (1904) chủ trương nào sau đây?

A. Khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế.

B. Thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

C. Thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.

D. Thiết lập chính thể Cộng hòa dân chủ.

Câu 14: Năm 1906, Phan Châu Trinh và một số sĩ phu tiến bộ ở Trung Kỳ

A. lập trường Đông Kinh nghĩa thực.

B. khởi xướng phong trào Đông du.

C. khởi xướng cuộc vận động Duy tân.

D. tổ chức phong trào chống thuế, chống bắt phu.

Câu 15: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1914 có điểm gì mới so với phong trào yêu nước trước đó?

A. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang.

B. Do giai cấp tư sản mới ra đời lãnh đạo.

C. Gắn cứu nước với canh tân đất nước.

D. Do giai cấp công nhân mới ra đời lãnh đạo.

Câu 16: Sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian.

1. Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật Bản.

2. Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục hội.

3. Phan Châu Trinh mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.

4. Phan Châu Trinh bị chính quyền thực dân đưa sang Pháp.

A. 2-1-3-4.

B. 3-1-4-2.

C. 3-1-2-4.

D. 3-2-1-4.

Câu 17: Sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian

1. Khởi nghĩa Hương Khê thất bại.

2. Phan Châu Trinh mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.

3. Nghĩa quân Yên Thế xin giảng hòa lần thứ hai với Pháp.

4. Phan Bội Châu rời Thái Lan sang Trung Quốc.

A. 1-3-2-4.

B. 2-3-1-4.

C. 1-4-2-3.

D. 2-1-3-4.

Câu 18: Nội dung nào đúng về chủ trương, hoạt động của Hội Duy tân do Phan Bội Châu thành lập?

A. Đề cao việc canh tân, chấn hưng thực nghiệm. **B.** Coi bạo động vũ trang là phương pháp duy nhất.

C. Đề ra mục tiêu thiết lập nhà nước cộng hoà. **D.** Chú trọng hoạt động xuất dương, cầu viện.

Câu 19: Sự kiện đánh dấu Phan Bội Châu hoàn toàn đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản là

A. tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908). **B.** rời Nhật Bản sang Xiêm (1909).

C. thành lập Duy tân hội (1904).

D. thành lập Việt Nam Quang phục hội (1912).

Câu 20: Điểm tương đồng trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

A. gắn cứu nước với đấu tranh vũ trang giành độc lập dân tộc.

B. giương cao ngọn cờ dân chủ, hô hào cải cách xã hội.

C. dựa vào Nhật Bản để chống Pháp giành độc lập cho dân tộc.

D. gắn cứu nước với cứu dân, duy tân làm cho đất nước phát triển.

Câu 21: Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX là

- A. chưa sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh.
- B. phong trào còn mang nặng tính tự phát.
- C. thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.
- D. không gắn cứu nước với canh tân đất nước.

Câu 22: Chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh (đầu thế kỉ XX) không có nội dung nào dưới đây?

- A. Đề cao cải cách, duy tân nhằm nâng cao dân trí và dân quyền.
- B. Đánh đuổi giặc Pháp, thành lập Cộng hoà Dân quốc Việt Nam.
- C. Chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển kinh tế.
- D. Dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến lạc hậu.

Câu 23: Hai xu hướng chủ yếu trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX có sự khác nhau về

- A. phương pháp.
- B. khuynh hướng.
- C. mục đích.
- D. lực lượng lãnh đạo.

Câu 24: Sự xuất hiện hai xu hướng bạo động và cải cách ở Việt Nam đầu thế kỉ XX chứng tỏ các sĩ phu tiến bộ

- A. xuất phát từ những truyền thống cứu nước khác nhau.
- B. có những nhận thức khác nhau về kẻ thù của dân tộc.
- C. chịu ảnh hưởng của những hệ tư tưởng khác nhau.
- D. chịu tác động của những bối cảnh thời đại khác nhau.

Câu 25: Xu hướng bạo động và xu hướng cải cách trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX đều

- A. có sự kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
- B. chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng dân chủ tư sản.
- C. không đề cao vai trò của sự giúp đỡ từ bên ngoài.
- D. do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng và lãnh đạo.

Câu 26: Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh có hiện tượng chuyển hóa lẫn nhau trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX vì

- A. đều chủ trương cứu dân để cứu nước.
- B. đều chủ trương cứu nước để cứu dân.
- C. đều dựa vào Nhật Bản để đấu tranh.
- D. đều xuất phát từ lập trường yêu nước.

Câu 27: Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 không chứng tỏ

- A. vai trò của các sĩ phu yêu nước tiến bộ đối với cách mạng nước ta.
- B. tinh thần và khả năng cách mạng to lớn của nông dân Việt Nam.
- C. xu hướng bạo động và xu hướng cải cách đã chuyển hóa lẫn nhau khi đi vào quần chúng.
- D. hệ quả xã hội nặng nề của chính sách thuế khóa, bắt phu của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Câu 28: Nét mới trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX so với phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX là

- A. quy mô rộng lớn, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.
- B. do giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- C. có sự tham gia của các lực lượng xã hội mới.
- D. không còn sử dụng các hình thức đấu tranh truyền thống.

Câu 29: Nhận xét nào đúng về chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX?

- A. Kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh của dân tộc.
- B. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản sâu sắc hơn Phan Châu Trinh.
- C. Kết hợp giải quyết hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp.
- D. Tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ phong kiến.

Câu 30: Một trong những hạn chế trong tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh là

- A. đề cao dân chủ, dân quyền.
- B. chỉ tập trung vào nhiệm vụ dân tộc
- C. dựa vào Pháp để đánh đổ phong kiến.
- D. dựa vào Nhật để đánh đổ Pháp.

Câu 31: Sự thất bại của các khuynh hướng trong phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đặt ra yêu cầu bức thiết là phải

- A. thành lập một chính đảng của giai cấp tiên tiến.
- B. xây dựng một mặt trận thống nhất của dân tộc.
- C. tìm ra con đường cứu nước mới cho dân tộc.
- D. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Câu 32: Điểm khác biệt của giai cấp công nhân Việt Nam so với giai cấp công nhân ở các nước tư bản Âu - Mỹ là

- A. ra đời đồng thời với giai cấp tư sản.
- B. ra đời trước giai cấp tư sản.
- C. ra đời sau giai cấp tư sản.
- D. ra đời sau giai cấp tiểu tư sản.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày những chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Nguyên nhân của những chuyển biến đó?

Câu 2. Lập bảng hệ thống kiến thức về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX. Hai xu hướng bạo động và cải cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm gì giống nhau?

Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
...	...	...

Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
...	...	...

Câu 3. Lập bảng so sánh phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: khuynh hướng; mục đích; lãnh đạo; lực lượng tham gia; hình thức và phương pháp đấu tranh; kết quả.

Câu 4. Lập bảng so sánh chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Khuynh hướng cứu nước		
Chủ trương, phương pháp		
Hoạt động tiêu biểu		
Đóng góp		
Hạn chế		

Câu 5. Trình bày điều kiện lịch sử, biểu hiện và kết cục của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX. Kết cục đó nói lên điều gì?

Câu 6. Từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu yêu nước có những đóng góp gì cho phong trào vận động giải phóng dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam?

Đáp án

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - D	3 - A	4 - B	5 - A	6 - D	7 - A	8 - C	9 - B	10 - C
11 - D	12 - C	13 - C	14 - C	15 - C	16 - B	17 - A	18 - D	19 - D	20 - D
21 - C	22 - B	23 - A	24 - B	25 - B	26 - D	27 - C	28 - C	29 - A	30 - A
31 - C	32 - B								

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày những chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Nguyên nhân của những chuyển biến đó?

* *Chuyển biến:*

- Khuynh hướng cứu nước: dân chủ tư sản.
- Mục tiêu: gắn cứu nước với duy tân đất nước làm cho đất nước phát triển, giải phóng dân tộc gắn với thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.
- Lãnh đạo: do bộ phận sĩ phu yêu nước tiên bộ lãnh đạo...
- Quy mô, phạm vi và lực lượng tham gia: diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc chí Nam, ở cả thành thị và nông thôn; thu hút đông đảo các thành phần xã hội tham gia trong đó có các lực lượng xã hội mới.
- Hình thức, phương pháp đấu tranh: phong phú, đa dạng, mới mẻ chưa từng có trong lịch sử dân tộc (lập tổ chức chính trị, vận động cải cách văn hóa - xã hội, lập hội buôn, hội sản xuất, lập trường học mới, xuất dương cầu viện, bạo động vũ trang...). Có hiện tượng một khuynh hướng cứu nước phân hóa thành hai xu hướng là bạo động và cải cách.

* *Nguyên nhân:*

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến. Sự nảy sinh của các lực lượng xã hội mới tạo ra những điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới.
- Trào lưu tư tưởng tư sản từ Trung Quốc, Nhật Bản xâm nhập vào nước ta, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của một bộ phận sĩ phu yêu nước.

Câu 2. Lập bảng hệ thống kiến thức về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX. Hai xu hướng bạo động và cải cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm gì giống nhau?

* Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Năm 1902	Vào Nam ra Bắc, tìm cách liên kết với những người cùng chí hướng.	
Tháng 5/1904	Thành lập Hội Duy tân ở Quảng Nam	

1905 - 1908	Tổ chức phong trào Đông Du, đưa thanh niên Việt Nam sang học tập tại Nhật Bản.	- Đưa cho 200 du học sinh Việt Nam sang Nhật. - Chính phủ Nhật cầu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam. Phong trào Đông Du tan rã, Hội Duy tân ngừng hoạt động.
Tháng 6/1912	Thành lập Việt Nam Quang phục hội.	Hội tổ chức được một số hoạt động có tác dụng khuấy động dư luận trong và ngoài nước.
Tháng 12/1913	Bị giới quân phiệt bắt giam ở nhà tù Quảng Đông.	

Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh:

Thời gian	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Năm 1904	Từ quan, bắt đầu tiến hành hoạt động cứu nước.	
Năm 1906	Cùng một số sĩ phu tiến bộ Quảng Nam tổ chức cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.	- Nhiều công ty, hội buôn, trường học theo lối mới thành lập, đông đảo quần chúng hưởng ứng... - Cuộc vận động đi sâu vào quần chúng đã làm bùng lên phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.
Năm 1908	Bị bắt, chịu án tù 3 năm ở Côn Đảo	
Năm 1911	Bị chính quyền thực dân đưa sang Pháp.	Vẫn kiên trì đường lối cải cách, kêu gọi thực hiện dân quyền, cải cách dân sinh.

* *Điểm giống nhau giữa hai xu hướng bạo động và cải cách:*

- Đề xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước.
- Đề nhằm mục đích cứu nước, cứu dân.
- Đề đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 3. Lập bảng so sánh phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX theo các tiêu chí sau: khuynh hướng; mục đích; lãnh đạo; lực lượng tham gia; hình thức và phương pháp đấu tranh; kết quả.

Nội dung so sánh	Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX	Phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX
Khuynh hướng	Phong kiến	Dân chủ tư sản

Mục đích	Đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, khôi phục nhà nước phong kiến độc lập.	Cứu nước gắng với duy tân đất nước và thay đổi chế độ xã hội, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
Lãnh đạo	Văn thân, sĩ phu yêu nước; nông dân.	Sĩ phu yêu nước tiến bộ (sĩ phu yêu nước tư sản hoá).
Lực lượng tham gia	Chủ yếu là nông dân.	Nông dân, công nhân và nhiều thành phần xã hội khác.
Hình thức và phương thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang là chủ yếu.	Lập tổ chức chính trị, cầu viện, bạo động vũ trang, cải cách văn hoá – xã hội, lập hội buôn...
Quy mô, phạm vi	Chủ yếu diễn ra ở những nơi có địa thế thuận lợi để xây dựng căn cứ khởi nghĩa	Rộng khắp trên toàn quốc, ở cả nông thôn và thành thị.
Kết quả	Bị đàn áp, thất bại.	Bị đàn áp, thất bại.

Câu 4. Lập bảng so sánh chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
<i>Xu hướng</i>	Bạo động	Cải cách
<i>Chủ trương, phương pháp</i>	Dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài kết hợp vận động quần chúng từ bên ngoài để tiến hành bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập.	Thiết lập dân chủ, dân quyền thông qua con đường cải cách để đi tới độc lập; chủ trương dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập.
<i>Hoạt động tiêu biểu</i>	- Lập Duy tân hội (1904), tổ chức phong trào Đông du (1905 – 1908) - Lập Việt Nam Quang phục hội (1912)	- Mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ, lập hội buôn, hội sản xuất; mở trường học theo lối mới; vận động cải cách phong tục, lối sống... - Cuộc vận động đi vào quần chúng => phong trào chống thuế (1908)
<i>Đóng góp</i>	- Là người đại diện cho xu hướng bạo động cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Làm dấy nên một cuộc vận động cứu nước sôi nổi với những nội dung và hình thức mới, thức tỉnh mạnh mẽ quần chúng nhân dân.	- Là người khởi xướng xu hướng cải cách ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Làm dấy nên cuộc vận động Duy tân sôi nổi ở Trung Kỳ, góp phần thức tỉnh quần chúng và tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu.

<i>Hạn chế</i>	- Tách rời hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp. - Ảo tưởng dựa vào Nhật để chống Pháp. - Chưa nhận thức được khả năng cách mạng của công nhân và nông dân...	- Tách rời hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp, mơ hồ trong việc xác định kẻ thù dân tộc. - Ảo tưởng dựa vào Pháp chống phong kiến. - Chống lại biện pháp vũ trang bạo động.
----------------	---	---

Câu 5. Trình bày điều kiện lịch sử, biểu hiện và kết cục của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX. Kết cục đó nói lên điều gì?

** Điều kiện lịch sử:*

- Phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến (tiêu biểu là phong trào Cần vương) đã thất bại, không còn đáp ứng được yêu cầu lịch sử. Những người yêu nước Việt Nam cần phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

- Cuộc khai thác, bóc lột thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến:

+ Về kinh tế: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào nước ta làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam bước đầu có sự thay đổi. Tuy nhiên sự biến đổi đó còn rất hạn chế, kinh tế Việt Nam vẫn phổ biến trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn và bị cột chặt vào kinh tế Pháp.

+ Về xã hội: những chuyển biến kinh tế kéo theo những chuyển biến về xã hội. Các giai cấp cũ (địa chủ, nông dân) bị phân hóa; các lực lượng xã hội mới ra đời (công nhân, tư sản, tiểu tư sản) là điều kiện bên trong cho cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng mới.

Trong một xã hội phân hóa chưa thành thực, bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ xuất phát từ lập trường yêu nước đã giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp thu và truyền bá hệ tư tưởng cứu nước mới.

- Trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào Việt Nam thông qua các Tân thư, Tân văn từ Trung Quốc. Đồng thời, những thông tin chính trị từ Trung Quốc, Nhật Bản truyền vào Việt Nam đầu thế kỉ XX đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của các sĩ phu yêu nước tiến bộ. Họ mạnh dạn tiếp thu hệ tư tưởng mới và khởi xướng cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

** Biểu hiện:*

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu là những hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

+ Mục tiêu: gắn cứu nước với duy tân đất nước làm cho đất nước phát triển, giải phóng dân tộc gắn với thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.

+ Lãnh đạo: do bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ lãnh đạo...

+ Quy mô, phạm vi và lực lượng tham gia: Diễn ra trên quy mô rộng lớn từ Bắc chí Nam, ở cả thành thị và nông thôn; thu hút đông đảo các thành phần xã hội tham gia trong đó có các lực lượng xã hội mới.

+ Hình thức, phương pháp đấu tranh: phong phú, đa dạng, mới mẻ chưa từng có trong lịch sử dân tộc (lập tổ chức chính trị, vận động cải cách văn hóa-xã hội, lập hội buôn, hội sản xuất, lập trường học mới, xuất

duyên cầu viện, bạo động vũ trang...). Có hiện tượng một khuynh hướng cứu nước phân hóa thành hai xu hướng là bạo động và cải cách.

- Phong trào đấu tranh của nông dân (những năm cuối cùng của khởi nghĩa Yên Thế), nổi dậy của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các phong trào trên dù diễn ra sôi nổi, bền bỉ nhưng cuối cùng đều bị thực dân Pháp đàn áp và thất bại.

** Nhận xét kết cục:*

+ Thể hiện sự bất lực của hệ tư tưởng dân chủ tư sản trước nhiệm vụ giải phóng dân tộc mà lịch sử đặt ra.

+ Chứng tỏ cách mạng Việt Nam tiếp tục rơi vào khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu lịch sử cấp thiết đặt ra là phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

Câu 6. Từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu yêu nước có những đóng góp gì cho phong trào vận động giải phóng dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam?

** Đóng góp đối với cuộc vận động giải phóng dân tộc:*

- Truyền bá một tư tưởng cứu nước mới, làm bùng nổ phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản sôi nổi rầm rộ, với những hình thức phong phú và mới mẻ chưa từng có ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu với sự ra đời của các tổ chức chính trị đánh dấu một bước trưởng thành phong trào yêu nước Việt Nam.

- Thức tỉnh mạnh mẽ tinh thần yêu nước chống Pháp trong nhân dân Việt Nam: cuộc vận động Duy tân của Phan Châu Trinh khi đi sâu vào quần chúng đã phát triển thành phong trào chống đi phu, đòi giảm sưu thuế của nông dân các tỉnh Trung Kỳ (1908).

- Bồi đắp truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào yêu nước về sau...

** Đóng góp đối với sự phát triển kinh tế và xã hội:*

- Thông qua các hoạt động chấn hưng thực nghiệp, lập hội buôn, hội sản xuất, phát triển nghề thủ công... đã góp phần thúc đẩy quan hệ kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Các hoạt động lập trường học mới, vận động cải cách phong tục - lối sống, đề xướng dân quyền... góp phần truyền bá những tư tưởng dân chủ tiến bộ vào nước ta, tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu, thúc đẩy sự phát triển văn hóa - xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

CHỦ ĐỀ 4: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được biến động về kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất và lí giải được nguyên nhân của những biến động đó.
- + Tóm tắt được những phong trào đấu tranh vũ trang tiêu biểu thời kì này và rút ra nhận xét.
- + Trình bày những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 – 1918 và rút ra ý nghĩa.

❖ Kỹ năng

- + Khai thác lược đồ, tranh ảnh lịch sử; lập bảng hệ thống kiến thức.
- + Nhận xét, đánh giá, rút ra đặc điểm của các vấn đề lịch sử.
- + Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chính sách thống trị của thực dân Pháp

- Tăng cường thu thuế, phát hành công trái... để tăng ngân sách.
 - Ráo riết vơ vét lương thực, nông lâm sản, kim loại... đưa về nước.
 - Tăng cường đầu tư khai thác mỏ; buộc phải nói lỏng độc quyền công thương nghiệp.
 - Đầu tư vào các loại cây công nghiệp phục vụ chiến tranh: thầu dầu, lạc.
- Nhằm mục đích: tăng cường vơ vét, bóc lột sức người sức của Đông Dương để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh của chiến tranh đế quốc.

Chuyển biến kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

* *Chuyển biến kinh tế:*

- Công nghiệp thuộc địa phải gánh đỡ thiếu hụt của chính quốc trong chiến tranh.
- Các cơ sở kinh tế của người Việt có điều kiện phát triển hơn.



Đô thị Hà Nội thời Pháp thuộc



Đô thị Sài Gòn thời Pháp thuộc

- Nông nghiệp trồng lúa gặp nhiều khó khăn.



Sản xuất nông nghiệp ở Bắc Kỳ

* *Chuyển biến xã hội*

- Nông dân: khổ cực, bần cùng do nạn bắt lính và chính sách nông nghiệp của Pháp.
- Công nhân lớn lên về số lượng.
- Tiểu tư sản thành thị phát triển rõ rệt về số lượng.
- Tư sản một số ngành thoát khỏi sự kiểm chế của tư bản Pháp: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu..

→ Các lực lượng xã hội mới tiếp tục phát triển.

→ Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.



"Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VŨ TRANG
TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu

Tên cuộc đấu tranh	Lực lượng tham gia	Hoạt động tiêu biểu	Kết quả
Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1914 – 1916)	- Công nhân, viên chức hoá xa tuyến Hải Phòng – Vân Nam, binh lính ...	- Tấn công các đồn binh Pháp ở Cao Bằng, Phú Thọ, Nho Quan, Móng Cái... - Phá nhà ngục Lao Bảo.	Thất bại.
Vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	- Nhân dân và binh lính người Việt ở trong quân đội Pháp (ở Trung Kỳ).	- Có sự ủng hộ của vua Duy Tân. - Dự định phối hợp với binh lính miền Trung nổi dậy khởi nghĩa.	Thất bại.
Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	- Tù chính trị và binh lính người Việt trong quân đội Pháp.	- Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. - Đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, đặt quốc hiệu Đại Hùng, làm chủ tỉnh lỵ trong một tuần lễ.	Thất bại.
Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ (1914 – 1918)	- Chủ yếu là nông dân ở Nam Kỳ.	- Phát triển rầm rộ ở miền Nam. - Tổ chức đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.	Thất bại.
Khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số (đầu thế kỉ XX)	- Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên...	- Khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc. - Khởi nghĩa của người Mông ở Lai Châu. - Khởi nghĩa của đồng bào Mông do N'Trang Long chỉ huy	Thất bại.

Nhận xét:

- Diễn ra sôi nổi, rộng khắp, lôi kéo nhiều thành phần trong xã hội tham gia.
- Thể hiện truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.
- Chứng minh khả năng cách mạng của các lực lượng xã hội khác nhau: nông dân, binh lính, đồng bào dân tộc thiểu số...

- Thất bại của các cuộc đấu tranh đã chứng tỏ phong trào yêu nước Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc.

SỰ XUẤT HIỆN CỦA KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI – KHUYNH HƯỚNG VÔ SẢN

Phong trào công nhân những năm đầu thế kỉ XX

Nông dân bị cướp đoạt ruộng đất, thợ thủ công phá sản nên không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động kiếm sống, trở thành công nhân.

Giai cấp công nhân chịu ba tầng lớp áp bức, bóc lột (đế quốc xâm lược, tư bản trong, ngoài nước và phong kiến tay sai) → công nhân liên tục nổi dậy đấu tranh.

- + Đấu tranh chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế: tăng lương giảm giờ làm...
- + Đấu tranh bằng những hình thức sơ khai: bỏ trốn, bãi công, đốt nhà cai thầu...; hình thức bãi công mới bắt đầu xuất hiện.
- + Tham gia vào một số phong trào đấu tranh yêu nước: khởi nghĩa Thái Nguyên.
- Tuy nhiên các cuộc đấu tranh vẫn còn mang tính tự phát.

Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (1911 – 1918)

- Tác động từ những chuyển biến của thế giới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.
- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước → yêu cầu tìm ra con đường cứu nước mới.
- Kế thừa truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của quê hương (Nghệ An), gia đình.
- + Trí thông minh, ham học hỏi.
- + Quyết tâm giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ.
- + Nhân quan chính trị nhạy bén: nhận thấy những hạn chế trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối,...

→ Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà Rồng, ra đi tìm đường cứu nước.

- 1911 – 1916: Người đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn. → Nhận thức đúng đắn về bạn, thù; bản chất cách mạng tư sản.
- 1917: Người trở lại Pháp hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, bắt đầu tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười Nga.
- Là cơ sở để xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc về sau.



II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nét nổi bật trong chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A.** tập trung phần lớn vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp trồng lúa.
- B.** xóa bỏ độc quyền, tạo điều kiện cho tư bản người Việt được tự do kinh doanh.

C. tăng cường xuất khẩu các loại hàng hóa từ Pháp sang Đông Dương.

D. tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

Câu 2: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp ở Việt Nam

A. nói lỏng độc quyền thương mại.

B. tăng cường đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng.

C. xóa bỏ độc quyền thương mại.

D. tăng cường đầu tư vào các đồn điền trồng lúa.

Câu 3: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp phải nói lỏng độc quyền đối với tư bản người Việt do

A. thực dân Pháp chỉ tập trung vốn đầu tư vào lĩnh vực khai thác mỏ.

B. lượng hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương giảm mạnh.

C. thế và lực của tư sản Việt Nam đã đủ sức cạnh tranh với chính quốc.

D. thực dân Pháp chỉ tập trung vốn đầu tư vào công nghiệp nhẹ.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tình hình xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Các lực lượng xã hội mới đều tăng lên về số lượng.

B. Đời sống của các tầng lớp nhân dân đều chịu những tác động xấu.

C. Tư sản Việt Nam ở một số ngành thoát khỏi sự kiểm chế của Pháp.

D. Đời sống của nông dân ngày càng bần cùng.

Câu 5: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, nguyên nhân trực tiếp làm cho sức sản xuất ở nông thôn Việt Nam giảm sút nghiêm trọng là

A. nạn bắt lính sang chiến trường châu Âu.

B. nạn chiếm đoạt ruộng đất ngày càng tăng.

C. tình trạng sưu cao thuế nặng.

D. lũ lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra.

Câu 6: Nhận định nào sau đây **không** đúng về tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất đối với nền kinh tế Việt Nam?

A. Phương thức bóc lột phong kiến vẫn duy trì trong nhiều lĩnh vực.

B. Kinh tế Việt Nam vẫn đặc trưng bởi nền nông nghiệp lạc hậu.

C. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào nước ta.

D. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập hoàn chỉnh vào nước ta.

Câu 7: Nhà tư sản tiêu biểu nào ở Việt Nam đầu thế kỉ XX được mệnh danh là “vua đường sông Bắc Kỳ”?

A. Trương Văn Bền.

B. Nguyễn Hữu Thu.

C. Bạch Thái Bưởi.

D. Lê Văn Phúc.

Câu 8: Lực lượng chủ yếu trong phong trào yêu nước Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. công nhân.

B. nông dân.

C. tư sản.

D. tiểu tư sản.

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tình hình công nhân Việt Nam đầu thế kỉ XX - hết Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Ra đời trên cơ sở nền công nghiệp thuộc địa mới hình thành.

B. Ra đời sau giai cấp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam.

C. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu là đòi quyền lợi kinh tế.

D. Vừa ra đời đã được tiếp thu tư tưởng cách mạng vô sản.

Câu 10: Đối tượng chính của nạn bắt lính ở Việt Nam đưa sang Pháp trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. công nhân. B. thợ thủ công. C. công nhân. D. dân nghèo thành thị.

Câu 11: Một trong những tờ báo của tư sản Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Diễn đàn bản xứ. B. An Nam trẻ. C. Thực nghiệp dân báo. D. Chuông rền.

Câu 12: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam xuất bản tờ báo nào sau đây?

- A. Đại Việt. B. Đông Pháp thời báo.
C. Diễn đàn Đông Dương. D. Hữu thanh.

Câu 13: Sự tan rã của Việt Nam Quang phục hội gắn với sự kiện nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên thất bại (1917).
B. Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt (1913).
C. Pháp và tay sai tiến hành đợt khủng bố lớn (1916).
D. Thái Phiên và Trần Cao Vân bị bắt (1916).

Câu 14: Hoạt động nổi bật của Việt Nam Quang phục hội trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. tổ chức xuất dương, cầu viện Nhật Bản. B. tổ chức các cuộc bạo động vũ trang.
C. vận động cải cách ở Trung Kỳ. D. lập các hội sản xuất ở Nam Kỳ.

Câu 15: Lực lượng chủ yếu trong phong trào Hội kín ở Nam Kỳ là

- A. tiểu tư sản. B. tư sản. C. nông dân. D. công nhân.

Câu 16: Thất bại của các phong trào đấu tranh vũ trang trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất chứng tỏ

- A. cách mạng Việt Nam khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.
B. phương pháp bạo động vũ trang không còn phù hợp với lịch sử dân tộc.
C. hệ tư tưởng tư sản không còn khả năng tập hợp nhân dân đấu tranh.
D. duy tân cải cách là con đường duy nhất để giành độc lập dân tộc.

Câu 17: Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiền bộ đầu thế kỉ XX là

- A. đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để tìm cách cứu nước.
B. đều chủ trương cầu viện bên ngoài để giành độc lập cho dân tộc.
C. đều chuyển biến từ chủ nghĩa yêu nước sang lập trường tư sản.
D. đều có quá trình khảo sát thực tiễn ở các nước phương Tây.

Câu 18: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước trong bối cảnh

- A. các nước Âu – Mỹ bắt đầu tiến hành cách mạng tư sản.
B. chủ nghĩa tư bản đã chuyển hẳn sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.
C. thực dân Pháp chuẩn bị tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương.
D. hệ tư tưởng dân chủ tư sản không còn khả năng tập hợp nhân dân đấu tranh.

Câu 19: Biểu hiện nào chứng tỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam vào đầu thế kỉ XX - Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Hoạt động ngoại thương xuất hiện. B. Các trung tâm công nghiệp hình thành.
C. Giai cấp tư sản ra đời. D. Giai cấp tiểu tư sản ra đời.

Câu 20: Nhận xét nào đúng về phong trào công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Bãi công là hình thức đấu tranh chủ yếu.
- B. Bước đầu chuyển từ đấu tranh tự phát lên đấu tranh tự giác.
- C. Kết hợp đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế với bạo động vũ trang.
- D. Đã hoàn toàn trở thành một phong trào tự giác.

Câu 21: Hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 có ý nghĩa

- A. chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- B. tạo cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn.
- C. đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.
- D. chấm dứt tình trạng khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam.

Câu 22: Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiền bộ đầu thế kỉ XX là

- A. đều có quá trình khảo sát thực tiễn ở các nước tư bản phương Tây.
- B. đều chủ trương cầu viện bên ngoài để giành độc lập cho dân tộc.
- C. đều chuyển biến từ chủ nghĩa yêu nước sang lập trường tư sản.
- D. đều xuất phát từ động cơ yêu nước, nhằm mục đích cứu nước, cứu dân.

Câu 23: Cuộc vận động khởi nghĩa ở Huế (1916) và khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Do các sĩ phu yêu nước tiền bộ tổ chức và lãnh đạo.
- B. Làm chủ được tỉnh lỵ trong một thời gian ngắn.
- C. Có sự tham gia, ủng hộ của một vị vua yêu nước.
- D. Có sự tham gia của một số công nhân mỏ.

Câu 24: Mở đầu hành trình tìm đường cứu nước (1911), Nguyễn Tất Thành hướng sang

- A. Xiêm.
- B. Pháp.
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu và phân tích những biến động lớn về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2. Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất theo các tiêu chí: phong trào, lực lượng tham gia, hoạt động chủ yếu, kết quả. Nhận xét về kết cục của các cuộc đấu tranh đó.

Câu 3. Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có những điểm gì mới, khác so với các sĩ phu yêu nước tiền bộ đầu thế kỉ XX (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?

Câu 4. Phân tích bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

Câu 5. Tóm tắt những hoạt động cách mạng tiêu biểu của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 và rút ra ý nghĩa của những hoạt động đó.

Đáp án

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - D	2 - A	3 - B	4 - B	5 - A	6 - D	7 - C	8 - B	9 - B	10 - C
11 - A	12 - A	13 - C	14 - B	15 - C	16 - A	17 - A	18 - B	19 - B	20 - C
21 - B	22 - D	23 - A	24 - B						

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu và phân tích những biến động lớn về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Là một đế quốc tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột sức người sức của ở Đông Dương để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Những chính sách của thực dân Pháp trong những năm chiến tranh làm cho nền kinh tế - xã hội nước ta có nhiều biến động.

- Về kinh tế:

+ Nguồn của cải, lương thực, kim loại... trong nhân dân bị thực dân Pháp ra sức vơ vét, cướp bóc.

+ Công nghiệp thuộc địa phải gánh đỡ thiếu hụt, tổn thất của chính quốc trong chiến tranh. Khai thác mỏ được bỏ vốn thêm, nhiều công ty than mới xuất hiện...

+ Nói lỏng độc quyền cho tư bản người Việt kinh doanh. Từ đó, công thương nghiệp và giao thông vận tải phát triển hơn, các cơ sở kinh tế của người Việt có điều kiện phát triển cả về quy mô và số lượng.

+ Nông nghiệp trồng lúa gặp nhiều khó khăn do chính sách chuyển một phần diện tích canh tác sang trồng các loại cây công nghiệp phục vụ chiến tranh của Pháp.

- Về xã hội:

+ Giai cấp nông dân: ngày càng khổ cực, bần cùng do nạn bắt lính và chính sách nông nghiệp của Pháp.

+ Giai cấp công nhân lớn lên về số lượng, đặc biệt là công nhân mỏ và đồn điền.

+ Tư sản một số ngành thoát khỏi sự kiểm chế của tư bản Pháp: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu... Họ bước đầu lập ra cơ quan ngôn luận riêng để bênh vực quyền lợi cho người dân thuộc địa.

+ Tiểu tư sản thành thị phát triển rõ rệt về số lượng.

=> Các lực lượng xã hội mới tiếp tục phát triển, nhưng lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc thời kỳ này vẫn là công nhân và nông dân. Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc.

Câu 2. Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất theo các tiêu chí: phong trào, lực lượng tham gia, hoạt động chủ yếu, kết quả. Nhận xét về kết cục của các cuộc đấu tranh đó.

* Các phong trào đấu tranh vũ trang tiêu biểu:

Phong trào	Lực lượng	Hoạt động chủ yếu	Kết quả
Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1914 – 1916)	Công nhân, viên chức hơ xa tuyến Hải Phòng – Vân Nam, binh lính, tù nhân.	- Tấn công các đồn binh Pháp ở Cao Bằng, Phú Thọ, Nho Quan, Móng Cái...; phá nhà ngục Lao Bảo.	Thất bại.

Vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Nhân dân và binh lính ở Trung Kỳ.	- Có sự ủng hộ của vua Duy Tân. - Dự định phối hợp với binh lính miền Trung nổi dậy khởi nghĩa.	Thất bại.
Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	Tù chính trị và binh lính người Việt.	- Do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. - Đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, đặt quốc hiệu Đại Hùng, làm chủ tỉnh lỵ trong một tuần lễ.	Thất bại.
Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ (1914 – 1918)	Chủ yếu là nông dân ở Nam Kỳ.	Phát triển rầm rộ ở miền Nam; tổ chức đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.	Thất bại.
Khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số (đầu thế kỉ XX)	Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	- Khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc. - Khởi nghĩa của đồng bào người Mông ở Lai Châu. - Khởi nghĩa của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Long chỉ huy	Thất bại.

*** Nhận xét kết cục:**

- Diễn ra lẻ tẻ, thiếu sự thống nhất và đều thất bại; sự thất bại đó chứng tỏ phong trào yêu nước Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu lịch sử cấp thiết đặt ra là phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

- Tuy thất bại nhưng các phong trào trên đã thể hiện truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, chứng minh khả năng cách mạng của các lực lượng xã hội khác nhau: nông dân, binh lính...

Câu 3. Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có những điểm gì mới, khác so với các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)?

- *Hướng đi:* Phan Bội Châu hướng sang Nhật Bản, Trung Quốc - các nước phương Đông “đồng chủng, đồng văn”. Nguyễn Tất Thành sang phương Tây, trước hết là sang Pháp, quê hương của khẩu hiệu “tự do - bình đẳng - bác ái”, nước đế quốc đang thống trị, bóc lột đồng bào mình.

- *Cách đi:* Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh sang Nhật Bản bằng tiền vận động, quyên góp của đồng bào trong nước; Nguyễn Tất Thành ra đi bằng cách “tự vô sản hóa mình”, tự lao động để kiếm sống và học tập, hòa nhập với cuộc sống của nhân dân lao động.

- *Cách tiếp cận các hệ tư tưởng mới:* Nguyễn Tất Thành kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn một cách thận trọng, khách quan để từng bước tích lũy kinh nghiệm, rút ra những kết luận quý báu (bạn, thù; bản chất của chủ nghĩa đế quốc...) làm cơ sở lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

Câu 4. Phân tích bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

- Đất nước mất độc lập, giải phóng dân tộc trở thành yêu cầu cấp thiết.
- + Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, hầu hết các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam đều bị bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị. Độc lập tự do trở thành khát vọng lớn nhất của nhân dân ta.
- + Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Từ đó, nhiệm vụ cứu nước được đặt ra cấp thiết.
- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước đặt ra yêu cầu phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.
- + Cuối thế kỉ XIX, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp diễn ra bần bĩ, quyết liệt (các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương, khởi nghĩa Yên Thế) nhưng lần lượt đều bị đàn áp, dập tắt. Ngọn cờ phong kiến đã tỏ ra bất lực, lỗi thời trước yêu cầu của lịch sử dân tộc.
- + Đầu thế kỉ XX, một cuộc vận động cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi, rầm rộ do các sĩ phu yêu nước tiên bộ khởi xướng (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) nhưng rồi cũng bị dập tắt. Sự nghiệp giải phóng dân tộc đang lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới.
- Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”.
- + Tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương, Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”. Nhận thức được những hạn chế, bế tắc trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối, Người quyết định ra đi tìm một con đường cứu nước mới.
- + Do sớm được tiếp xúc với nền văn minh của nước Pháp, Nguyễn Tất Thành hướng sang phương Tây mà trước hết là nước Pháp để tìm hiểu và từng bước tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.
- + Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

Câu 5. Tóm tắt những hoạt động cách mạng tiêu biểu của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 và rút ra ý nghĩa của những hoạt động đó.

** Hoạt động:*

- Sinh năm 1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An; hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung; sinh ra trong gia đình trí thức yêu nước, lớn lên trên quê hương giàu truyền thống đấu tranh bất khuất. Nguyễn Tất Thành sớm có chí “đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào”. Nhận thức được những hạn chế và bế tắc của các phong trào yêu nước đương thời, Người quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.
- 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng nhà Rồng (Sài Gòn), hướng sang phương Tây “để xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình.
- 1911 -1916: Nguyễn Tất Thành đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn ở các nước. Người rút ra những kết luận đầu tiên hết sức quan trọng:
 - + Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bóc lột dã man.
 - + Không nên theo những cuộc cách mạng tư sản, vì đó là “những cuộc cách mạng chưa đến nơi”.

- 1917: trở lại Pháp hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, bắt đầu tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người có những chuyển biến mạnh mẽ.

* *Ý nghĩa*: Quá trình kết hợp nghiên cứu lí luận với khảo sát thực tiễn trong những năm 1911 - 1918 là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc về sau.